Biểu mẫu 18

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

THÔNG BÁO

Công khai cam kết chất lượng đào tạo của Trường Đại học Văn hóa, Thể Thao và Du lịch Thanh Hóa năm học 2023 - 2024

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại							
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		Cao đẳng		Trung cấp	
				Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học
	Tổng số	7	131	2460	1.132			54	
1	**Khối ngành I**		0	1209	822				
2	**Khối ngành II**		0	76				54	
3	**Khối ngành III**		71	189	67				
4	**Khối ngành IV**								
5	**Khối ngành V**								
6	**Khối ngành VI**								
7	**Khối ngành VII**	7	60	986	243				

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
	Tổng					
1	Khối ngành I					**91,68%**
2	Khối ngành II					**93,33%**
3	Khối ngành III					**66,67%**
4	Khối ngành IV					
5	Khối ngành V					
6	Khối ngành VI					
7	Khối ngành VII					**78,95%**

(*) Tỷ lệ SVTN có việc làm tính theo công thức: ((SL SVTN có việc làm + SL SVTN đang học nâng cao)/tổng số SVTN được khảo sát)* 100

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ		Phương pháp đánh giá sinh viên
			LT	TH	
Bộ môn Lý luận chính trị					

1.	**Triết học Mác - Lê nin**	Học phần cấu trúc gồm những nội dung cơ bản về chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật, chủ nghĩa duy vật lịch sử. Từ những lý luận cơ bản theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác Lênin đòi hỏi phải có sự cập nhật thông tin thường xuyên, liên tục nhằm làm sáng tỏ những luận điểm đã nêu, đồng thời có sự vận dụng sáng tạo trong tình hình cụ thể của đất nước nhằm giúp người học có được định hướng đúng đắn và có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn hiện nay.	3	0	Trắc nghiệm
2.	**Kinh tế chính trị Mác Lê Nin**	Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác – Lênin; về kinh tế hàng hóa; sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, cơ sở khách quan của các chính sách phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; vấn đề công nghiệp hóa – hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam hiện nay. Từ đó, người học vận dụng những vấn đề có tính quy luật của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong hoạt động nhận thức và thực tiễn, hình thành ở người học ý thức tuân thủ theo chủ trương, đường lối của Đảng với thái độ khách quan, trung thực và tin tưởng; đấu tranh chống lại những quan điểm sai trái về chính sách phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.	2	0	Trắc nghiệm
3.	**Chủ nghĩa xã hội khoa học**	Nội dung học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học nhằm làm rõ quá trình hình thành, phát triển	2	0	Trắc nghiệm

		của chủ nghĩa xã hội khoa học; đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học. Từ chương 2 đến chương 7 trình bày những vấn đề lý luận cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học như: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội; nghiên cứu vấn đề dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội; những vấn đề dân tộc và tôn giáo, vấn đề về gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.			
4.	**Tư tưởng Hồ Chí Minh**	Giúp sinh viên những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh. Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất, xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên, qua đó từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành. Từ những lý luận cơ bản theo quan điểm của Hồ Chí Minh đòi hỏi phải có sự cập nhật thông tin thường xuyên và liên tục nhằm làm sáng tỏ những luận điểm đã nêu, đồng thời có sự vận dụng sáng tạo trong tình hình cụ thể của đất nước nhằm giúp sinh viên có được định hướng đúng đắn và có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn hiện nay. Các nội dung trong tư tưởng Hồ Chí Minh được hình thành và phát triển gắn với các thời kì hoạt động của Hồ Chí Minh trong phong trào cách mạng Việt Nam và quốc tế vào đầu và giữa thế kỷ 20. Giáo trình tư tưởng Hồ	2	0	Trắc nghiệm

		Chí Minh nhận định Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự kết tinh của văn hóa dân tộc Việt Nam, tư tưởng cách mạng Pháp, tư tưởng tự do của Hoa Kỳ, lý tưởng cộng sản Mác-Lênin, tư tưởng văn hóa phương Đông, văn hóa phương Tây và phẩm chất cá nhân của Hồ Chí Minh.			
5.	**Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**	Học phần gồm có 4 chương (kể cả chương nhập môn), bao gồm những nội dung cơ bản của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp cho sinh viên hiểu biết một cách có hệ thống và tương đối toàn diện về sự ra đời, về sứ mệnh lịch sử, tổ chức và lãnh đạo cách mạng của Đảng thông qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ từ năm 1945 đến năm 1975 cũng như lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới từ năm 1975 đến nay (bằng Cương lĩnh, chiến lược các định hướng lớn về chính sách chủ trương công tác tuyên truyền, vận động, kiểm tra, tổ chức quần chúng đấu tranh, bằng hành động tiên phong gương mẫu của cán bộ đảng viên...).	2	0	Trắc nghiệm
6.	**Chính trị học đại cương**	Học phần trang bị những vấn đề lý luận chung nhất của lĩnh vực chính trị, từ việc làm rõ khái niệm chính trị, chính trị học, đối tượng, phương pháp nghiên cứu chính trị học, khái lược lịch sử tư tưởng chính trị đến việc làm rõ các phạm trù: quyền lực chính trị, chủ thể quyền lực chính trị, cơ chế thực thi quyền lực chính trị, quan hệ chính trị với kinh tế, văn hoá chính trị và đặc biệt làm rõ xu hướng chính trị của thế giới và định hướng XHCN ở Việt Nam.	3	0	Tự luận

7.	**Logic học**	Học phần cung cấp một số kiến thức logic căn bản như là phương tiện tối thiểu để rèn luyện và nâng cao kỹ năng tư duy cho người học, giúp người học tư duy nhanh, chính xác, lập luận chặt, chứng minh, bác bỏ một cách thuyết phục, trình bày tư tưởng ngắn gọn, khúc chiết, rõ ràng, mạch lạc, biết phát hiện những đúng, sai, tráo trở, ngụy biện trong tư duy, lập luận của người khác.... Cung cấp một số tình huống, đặc biệt là các tình huống liên quan đến pháp luật (lập pháp, hành pháp, tư pháp) và một số tình huống đời thường để người học vận dụng các kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn.	2	0	Tự luận
Bộ môn Giáo dục mầm non					
8.	**Giáo dục học**	Học phần cung cấp cho sinh viên các nội dung cơ bản về giáo dục học như những vấn đề chung về giáo dục học (Đối tượng, nhiệm vụ, khái niệm cơ bản, phương pháp nghiên cứu của Giáo dục học; Sự phát triển nhân cách và các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách; Mục đích, nhiệm vụ giáo dục; Hệ thống giáo dục quốc dân); lý luận dạy học (Quá trình dạy học, nguyên tắc dạy học, nội dung và phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập) và lý luận giáo dục (Quá trình giáo dục, nguyên tắc giáo dục, nội dung và phương pháp giáo dục, môi trường giáo dục). Từ đó, làm cơ sở cho việc rèn luyện tư duy và kỹ năng sư phạm, hình thành, phát triển tình cảm, đạo đức, lý tưởng và kỹ năng nghề nghiệp cơ bản của người giáo viên.	4	0	Vấn đáp

9.	**Quản lí hành chính nhà nước và quản lí ngành giáo dục**	Học phần cung cấp cho người học hệ thống những kiến thức lý luận cơ bản về Nhà nước và quản lý hành chính nhà nước như: Bản chất của Nhà nước CHXHCN Việt Nam, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của nhà nước, cơ cấu bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam, quản lý Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Luật cán bộ, công chức; Các quan điểm của Đảng và Nhà nước về Giáo dục và đào tạo và các giải pháp phát triển Giáo dục & đào tạo trong giai đoạn hiện nay; Luật Giáo dục; Điều lệ trường mầm non, tiểu học, THCS & THPT; Thực tiễn giáo dục ở Việt Nam và nhu cầu phát triển giáo dục & đào tạo trong giai đoạn hiện nay.	3	0	Tự luận
10.	**Tâm lí học lứa tuổi và tâm lí học sư phạm**	Học phần tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo Sư phạm Âm nhạc. Học phần tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản có hệ thống về khoa học tâm lý như: đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, chức năng, bản chất hiện tượng tâm lý người; đặc điểm tâm - sinh lý lứa tuổi học sinh tiểu học, lứa tuổi học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông; đạo đức và hành vi đạo đức, tiêu chuẩn để đánh giá hành vi đạo đức, cấu trúc, nhân cách của hành vi đạo đức; đặc điểm lao động sư phạm, những phẩm chất, năng lực và uy tín của người giáo viên. Người học có nhận thức đúng đắn về ngành nghề đào tạo, có kế hoạch và phương pháp học tập hiệu quả để trở thành người giáo viên đáp ứng yêu cầu phát triển của xã	4	0	Tự luận

		hội.			
11.	**Tâm lý học lứa tuổi mầm non**	Học phần Tâm lý học lứa tuổi mầm non là học phần cơ sở ngành thuộc chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non, gồm các lĩnh vực kiến thức: Lĩnh vực kiến thức về tâm lý học: Bản chất, 1. Chức năng phân loại các hiện tượng tâm lý, hoạt động; giao tiếp và sự hình thành phát triển tâm lý, hoạt động nhận thức (Cảm giác, tri giác, tư duy, tưởng tượng), nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách (khái niệm, cấu trúc nhân cách, các thuộc tính và các phẩm chất của nhân cách, các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển nhân cách).2. Lĩnh vực kiến thức tâm lý học trẻ em lứ tuổi mầm non: Đặc điểm phát triển tâm lý trẻ (phát triển ngôn ngữ, chú ý, phát triển hoạt động nhận thức, phát triển nhân cách); vai trò quyết định của hoạt động chủ đạo trong từng giai đoạn phát triển tâm lý trẻ em từ 0-6 tuổi; bước ngoặt 6 tuổi và sự chuẩn bị tâm lý cho trẻ bước vào lớp 1.	4	0	Vấn đáp
12.	**Giáo dục học mầm non**	Học phần gồm hệ thống những lý luận cơ bản về giáo dục học mầm non: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu giáo dục học mầm non; nguyên tắc và phương pháp giáo dục trẻ mầm non; các nhiệm vụ giáo dục trẻ ở trường mầm non; tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ ở trường mầm non; tổ chức các hoạt động (hoạt động với đồ vật, hoạt động vui chơi, hoạt động học tập) của trẻ ở trường mầm non; tổ chức lễ hội, tham quan ở trường mầm non.	3	0	Vấn đáp

13.	**Sinh lý học trẻ em**	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đặc điểm cấu tạo và chức năng các hệ cơ quan trong cơ thể trẻ em; Các quá trình sinh lí, trao đổi chất, sinh trưởng và phát triển của cơ thể trẻ mầm non, từ đó làm cơ sở cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và đề xuất được các biện pháp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non một các khoa học, phù hợp với lứa tuổi.	3	0	Tự luận
14.	**Âm nhạc cơ bản**	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý thuyết âm nhạc cơ bản. Những khái niệm về âm thanh, âm nhạc. Về cao độ, trường độ, nhịp, quãng, xác định giọng và đọc nhạc. Từ đó ứng dụng vào đọc nhạc, đàn và hát trong chương trình mầm non.	01	02	Thực hành
15.	**Vệ sinh và dinh dưỡng trẻ em**	Học phần Vệ sinh và dinh dưỡng trẻ em là học phần cơ sở ngành thuộc chương trình đào tạo các ngành Giáo dục Mầm non với những kiến thức về dinh dưỡng và vệ sinh cho trẻ em như: Vai trò, nguồn gốc và nhu cầu của các chất dinh dưỡng cần thiết đối với cơ thể trẻ em theo từng độ tuổi để xác định khẩu phần, thực đơn và đánh giá khẩu phần ăn cho trẻ; thực hiên vê sinh ăn uống và vê sinh thực phẩm ở Trường mầm non; nghiên cứu ảnh hưởng vệ sinh môi trường bên ngoài đến sự phát triển của trẻ em từ đó lựa chọn, vận dụng các các kiến thức đã lĩnh hội để có biên pháp chăm sóc sức khỏe, phát triển cơ thể trẻ một cách toàn diện nhất trong việc nuôi dưỡng và chăm sóc giáo dục trẻ mầm non	3	0	Tự luận
16.	**Bệnh học trẻ em**	Học phần Bệnh học trẻ em là học phần chuyên ngành thuộc chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non, gồm	3	0	Tự luận

		các lĩnh vực kiến thức: Những vấn đề chung về chăm sóc sức khỏe trẻ em, Vệ sinh chăm sóc trẻ tại trường mầm non, Phòng chống các bệnh truyền nhiễm gây dịch, một số chương trình y tế triển khai ở trường học, Phòng chống các bệnh thường gặp ở trẻ , Một số cấp cứu ban đầu ở trường học, thuốc dùng cho trẻ em			
17.	**Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non**	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, khoa học, hiện đại về phương pháp dạy nói cho trẻ từ 0-6 tuổi. Giúp người học hiểu và vận dụng được những vấn đề chung về phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non như: Phương pháp phát âm, phương pháp xây dựng vốn từ, dạy trẻ nói đúng ngữ pháp, phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ và dạy trẻ làm quen với chữ cái.	2	01	Tự luận
18.	**Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học**	Học phần Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học cung cấp cho người học những lý luận cơ bản về phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học: - Các nguyên tắc lựa chọn tác phẩm văn học - Các phương pháp cho trẻ làm với tác phẩm văn học. - Các loại bài, loại tiết cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học - Biết cách soạn giáo án cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học. - Biết tổ chức, hình thành kỹ năng cho trẻ làm quen với tác văn phẩm văn học. Giúp người học nắm vững nội dung, kết cấu chương trình của môn cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học hiện nay ở trường mầm non.	2	1	Tự luận

19.	**Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non**	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non như khái niệm, vai trò của giáo dục thể chất, nguyên tắc giáo dục thể chất, phương pháp giáo dục thể chất, văn hoá và môi trường của tổ chức, biên soạn và tổ chức tập luyện… Hình thành kỹ năng giáo dục thể chất, xử lý trong từng tình huống cụ thể.	1	2	Thực hành
20.	**Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non**	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hình thành các biểu tượng toán học cho trẻ mầm non bao gồm những hiểu biết đại cương về phương pháp hình thành biểu tượng toán học cho trẻ. Những kiến thức cơ bản về quy luật, đặc điểm phát triển các biểu tượng toán học như: Đặc điểm phát triển những biểu tượng về số, kích thước, hình dạng, định hướng không gian, định hướng thời gian của trẻ em lứa tuổi mầm non. Môn học còn cung cấp những kiến thức cơ bản về mục đích, nội dung, nguyên tắc và phương pháp hình thành các biểu tượng toán cho trẻ. Trên cơ sở đó hướng dẫn thiết kế giáo án toán, lập kế hoạch cho việc hình thành các biểu tượng toán, kế hoạch chuẩn bị và tiến hành cho từng tiết dạy.	1	2	Thực hành
21.	**Phương pháp cho trẻ khám phá môi trường xung quanh**	Học phần Phương pháp cho trẻ khám phá môi trường xung quanh là học phần chuyên ngành thuộc chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non, gồm các lĩnh vực kiến thức: Những vấn đề chung về phương pháp cho trẻ khám phá môi trường xung quanh(Đối tượng, nhiệm vụ, vị trí, cơ sở khoa học, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu), Các nguyên tắc, nội dung cho trẻ khám	2	1	Tự luận

		phá môi trường xung quanh; Các phương pháp và các hình thức tổ chức cho trẻ khám phá môi trường xung quanh; Phương tiện điều kiện hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh			
22.	**Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non**	Học phần bao gồm các khái niệm cơ bản về hoạt động tạo hình nói chung, khái niệm các phương pháp dạy học tạo hình, chương trình hoạt động tạo hình ở trường mầm non, vai trò của hoạt động tạo hình đối với sự phát triển của trẻ ở các độ tuổi mẫu giáo khác nhau. Từ đó giúp người học có được kiến thức và bước đầu hình thành kỹ năng tổ chức, đánh giá và vận dụng được những kiến thức đã lĩnh hội vào việc tổ chức các hoạt động như: Vẽ, nặn, xé - cắt dán.	1	2	Thực hành
23.	**Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non**	Học phần trang bị cho sinh viên cơ sở lý luận và phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ trong trường mầm non thông qua phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc như: - Hát; Vận động theo nhạc - Nghe nhạc - Trò chơi âm nhạc Từ đó biết thiết kế giáo án và thực hành tập dạy các hoạt động âm nhạc. Ngoài ra còn giúp sinh viên biết xây dựng kế hoạch hoạt động âm nhạc trong các ngày lễ, hội. Góp phần hình thành kỹ năng nghề nghiệp	01	02	Thực hành
24.	**Giáo dục hoà nhập**	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về giáo dục hòa nhập (khái niệm cơ bản của giáo dục hòa nhập; các dạng khuyết tật thường gặp ở trẻ và dấu hiệu nhận diện), đồng thời gợi ý một số yếu tố cơ bản khi tiến	03	0	Vấn đáp

		hành giáo dục hòa nhập trong trường, lớp mầm non có trẻ khuyết tật theo học (Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật ở trường mầm non, Quy trình giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật, Tổ chức hoạt động giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật trong trường mầm non)			
25.	**Nghề giáo viên mầm non**	Học phần Nghề Giáo viên mầm non cung cấp cho người học có những kiến thức về giáo dục mầm non và nghề giáo viên mầm non như: Khái niệm nghề giáo viên mầm non, những phẩm chất, kiến thức, kỹ năng về hoạt động sư phạm của giáo viên mầm non; Kiến thức về chuẩn nghề nghiệp của giáo viên mầm non theo qui định của Bộ GD&ĐT; Qui định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp của GVMN; Các yêu cầu về phẩm chất và năng lực sư phạm của GVMN; Từ đó hình thành ý thức rèn luyện nhân cách đáp ứng chuẩn nghề nghiệp;	03	0	Tự luận
26.	**Làm đồ dùng dạy học và đồ chơi cho trẻ mầm non**	Học phần gồm 7 nội dung, là các kiến thức cơ bản về: - Khái niệm đồ chơi. - Đặc điểm đặc trưng của đồ chơi; Quan hệ giữa đồ chơi và trò chơi; Ý nghĩa giáo dục của đồ chơi đối với trẻ Mầm non; Các nguyên tắc của làm đồ chơi; Phân loại đồ chơi; Nguyên tắc phân bố và bảo quản đồ chơi trong trường mầm non. - Các nguyên liệu và kỹ thuật làm đồ chơi từ các nguyên liệu khác nhau. - Thực hành làm một số loại đồ chơi học tập, đồ chơi mô tả hình tượng, đồ chơi sân khấu âm nhạc, đồ chơi trang trí, đồ chơi xây dựng và một số đồ chơi từ những	0	03	Thực hành

		loại vật liệu dễ tìm kiếm, vật liệu thiên nhiên.			
27.	**Múa và phương pháp biên đạo múa**	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghệ thuật múa và phương pháp biên-dạy các động tác múa cho trẻ mầm non, đồng thời giới thiệu một số chất liệu múa dân gian Việt Nam cơ bản, từ đó hướng dẫn sinh viên thực hành múa và biên - dạy các động tác múa cho trẻ mầm non theo tinh thần của chương trình giáo dục mầm non hiện hành.	0	03	Thực hành
28.	**Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên**	Học phần giúp sinh viên thực hành các phương pháp chăm sóc giáo dục trẻ, xử lý tình huống sư phạm trong quá trình lên lớp, nâng cao tay nghề sư phạm.	0	04	Thực hành
29.	**Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non**	Học phần Ứng dụng Công nghệ thông tin (CNTT) trong giáo dục mầm non (GDMN) là học phần cơ sở ngành thuộc chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non gồm 06 lĩnh vực kiến thức về Tổng quan về ứng dụng CNTT trong dạy học; Giới thiệu về Internet và cách sử dụng một số dịch vụ của Internet như Email,Web, tìm kiếm vào tải thông tin; Tạo trình diễn với Microsoft Powerpoint như các nguyên tắc thiết kế trên PowerPoint, thao tác với slide, thiết lập hiệu ứng cho Slide, kỹ thuật Trigger; Xây dựng bài giảng với phần mềm Violet bao gồm cài đặt phần mềm Violet, tạo bài giảng cơ bản và bổ sung tính năng cho bài giảng; Xử lý âm thanh và phim gồm cài đặt và sử dụng phần mềm xử lý âm thanh, cài đặt và sử dụng phần mềm xử lý phim; và Hướng dẫn sử dụng một số phần mềm ứng dụng trong dạy học ở	0	02	Thực hành

		mầm non như: Kidsmart, Nutrikids, Happy Kid.			
30.	**Mỹ thuật ứng dụng (Cắt dán, xé dán, nặn, gấp giấy)**	Học phần bao gồm các kiến thức lý luận chung về các kiểu chữ cơ bản; nghệ thuật điêu khắc; nghệ thuật xếp, xé, cắt dán tranh minh họa, tranh tĩnh vật, con vật, tranh phong cảnh; các bài tập trang trí giúp SV phát triển các khả năng tư duy sáng tạo, biết vận dụng kiến thức về nghệ thuật tạo hình để ứng dụng vào trang trí, xây dựng môi trường giáo dục ở trường lớp mầm non theo các chủ đề. Cung cấp cho người học có kỹ năng xé, cắt dán để trang trí lớp học có giá trị thẩm mỹ cao, khoa học, phù hợp với thị hiếu thẩm mỹ của trẻ. Biết hướng dẫn các kỹ năng năng nặn, vẽ, xếp dán cho trẻ trong các giờ tổ chức hoạt động tạo hình một cách chính xác, phù hợp và dễ hiểu.	0	02	Thực hành
31.	**Quản lý trường mầm non**	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học quản lý giáo dục như khái niệm, mục tiêu, bản chất, đặc trưng và chức năng của quản lý giáo dục. Ngoài ra còn giúp người học có kiến thức sâu về quản lý giáo dục mầm non như: Những cơ sở phương pháp luận và khái niệm cơ bản về công tác quản lý giáo dục và quản lý trường mầm non; đối tượng, mục đích, chức năng, nguyên tắc, phương pháp và quản lý trường mầm non; vị trí, tính chất và nhiệm vụ của trường mầm non. Từ đó giúp người học có được kiến thức và bước đầu hình thành kỹ năng trong quản lý giáo dục nói chung, quản lý giáo dục mầm non nói riêng như: vận dụng được các kiến thức đã lĩnh hội vào việc lựa chọn và vận dụng có	02	0	Tự luận

		hiệu quả nội dung, hình thức và phương pháp trong quản lý giáo dục mầm non.			
32.	**Giáo dục trẻ tự kỉ**	Học phần Giáo dục trẻ tự kỉ cung cấp cho sinh viên các vấn đề: Khái niệm, đặc điểm trẻ tự kỉ, những khó khăn, nguyên nhân gây tự kỉ, phân loại tự kỉ; Những công cụ hiện đại, thực tế nhằm đánh giá, chẩn đoán tự kỉ; Nguyên tắc, phương pháp và quy trình tiến hành can thiệp trẻ nhằm giúp trẻ cải thiện được tình trạng và hòa nhập với cộng đồng; Đặc điểm và các nhu cầu bảo trợ xã hội của gia đình có trẻ tự kỉ; Ý nghĩa và nội dung của sự phối hợp giữa gia đình và các lực lượng trong việc can thiệp cho trẻ tự kỉ vô cùng quan trọng nhằm phối hợp một cách toàn diện tất cả các lực lượng để tạo nên hiệu quả cao trong quá trình giáo dục và trị liệu cho trẻ tự kỉ.	03	0	Tự luận
33.	**Phương pháp kể truyện cho trẻ mầm non**	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, khoa học về phương pháp kể truyện cho trẻ từ 0-6 tuổi. Giúp người học hiểu và vận dụng được những kỹ thuật cơ bản về luyện thanh, luyện giọng nói, giọng kể truyện, biết phân tích tác phẩm, biết chuyển dịch từ ngôn ngữ văn học thành ngôn ngữ hành động.	0	02	Thực hành
34.	**Giao tiếp sư phạm mầm non**	Học phần Giao tiếp sư phạm mầm non là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo Giáo dục mầm non cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lý luận giao tiếp sư phạm như: khái niệm, chức năng, vai trò, hình thức của giao tiếp sư phạm, nguyên tắc, phong cách giao tiếp, phương tiện và quy trình giao tiếp sư phạm, đặc điểm, kỹ năng giao tiếp	02	01	Vấn đáp

		sư phạm giữa giáo viên với trẻ mầm non… Hình thành kỹ năng xử lý tình huống sư phạm trong hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ mầm non.			
35.	**Lựa chọn và sử dụng tác phẩm âm nhạc trong giáo dục mầm non**	Học phần này trang bị cho người học cơ sở lý luận và phương pháp lựa chọn tác phẩm âm nhạc trong giáo dục âm nhạc cho trẻ trên cơ sở nắm bắt đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi và khả năng hoạt động âm nhạc của trẻ theo nhóm tuổi. Từ đó giúp người học có kiến thức âm nhạc để lựa chọn và sử dụng tác phẩm âm nhạc dưới nhiều hình thức khác nhau, góp phần hoàn thiện kỹ năng nghiệp vụ dạy học âm nhạc cho trẻ mầm non.	0	02	Thực hành
36.	**Giáo dục học đại cương**	Học phần cung cấp cho người học hệ thống những tri thức cơ bản về: Đối tượng, nhiệm vụ, khái niệm cơ bản, phương pháp nghiên cứu của giáo dục học; Sự phát triển nhân cách và các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách; Mục đích, nhiệm vụ giáo dục và nguyên lý giáo dục; Hệ thống giáo dục quốc dân ở nước ta hiện nay; Con đường, nguyên tắc, phương pháp giáo dục; Môi trường giáo dục. Từ đó hình thành, phát triển tình cảm, đạo đức, lý tưởng và kỹ năng nghề nghiệp cơ bản của người giáo viên	03	0	Vấn đáp
37.	**Kiến tập sư phạm**	Học phần giúp người học: - Sinh viên được tham quan, kiến tập ở trường mầm non và tập dượt tổ chức một số hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ mầm non. - Tìm hiểu chương trình thực hiện chương trình giáo dục trẻ mầm non hiện hành.	0	03	Thực hành

		- Sinh viên nắm và lập kế hoạch hoạt động thực hành tập giảng của cá nhân trên cơ sở phân công điều phối chung của giảng viên bộ môn. - Tìm hiểu cách thức tổ chức hoạt động, soạn giáo án chuẩn bị đồ dùng, phương tiên hỗ trợ bài dạy thuộc các lĩnh vực phát triển: phát triển nhận thức, phát triển vận động, phát triển ngôn ngữ, phát triển thẩm mỹ, phát triển tình cảm xã hội cho trẻ mầm non.			
38.	**Thực tập sư phạm**	Sinh viên thực tập tổ chức tất cả các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ ở trường mầm non, có kiến thức thực tiễn chăm sóc giáo dục trẻ, sinh viên có kĩ năng đánh giá và điều chỉnh các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ ở trường mầm non như: + Công tác chủ nhiệm lớp, công tác giáo dục, nâng cao tình cảm, đạo đức nghề nghiệp. + Có thêm những hiểu biết, kiến thức về hoạt động giáo dục ở các lĩnh vực phát triển trẻ lứa tuổi mầm non và vận dụng được kiến thức đó vào thực tiễn tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non các độ tuổi.	0	05	Thực hành
39.	**Báo cáo thực tập**	Báo cáo tốt nghiệp giúp sinh viên hình thành ý tưởng về vấn đề nghiên cứu, biết cách tổng hợp và vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề về giáo dục mầm non trong thực tiễn giáo dục hiện nay. Đây là kết quả của quá trình sinh viên vận dụng những kiến thức chuyên ngành để giải quyết những vấn đề thực tiễn dặt ra, góp phần rèn luyện và nâng cao khả năng nghiên cứu khoa học của sinh viên.	0	05	Báo cáo

Bộ môn Sư phạm Âm nhạc					
40.	**Phân tích tác phẩm âm nhạc**	Phân tích tác phẩm âm nhạc là một trong những môn học cơ bản của âm nhạc, có vai trò quan trọng trong quá trình giáo dục âm nhạc, giúp hình thành khả năng tư duy âm nhạc, hỗ trợ tích cực cho sự phát triển tri thức và trí nhớ âm nhạc cho tất cả các sinh viên thuộc các lĩnh vực: biểu diễn, sáng tác, chỉ huy, nghiên cứu, giảng dạy. Từ thế kỷ 16, 17 đến nay, ở châu Âu đã hình thành môn Phân tích tác phẩm âm nhạc. Hiện nay trên thế giới và Việt Nam môn Phân tích tác phẩm âm nhạc được bố trí dạy ở tất cả các hệ đào tạo từ Trung cấp, Cao đẳng, Đại học thuộc lĩnh vực âm nhạc. Đối với ngành đào tạo Thanh nhạc và Sư phạm âm nhạc trình độ Đại học, học phần Phân tích tác phẩm âm nhạc sẽ giúp sinh viên nắm vững kiến thức về các hình thức âm nhạc (Một đoạn đơn, Hai đoạn đơn, Ba đoạn đơn, Ba đoạn phức, Biến tấu, Rông đô, Xô nát) và một số thể loại Thanh nhạc, Khí nhạc; trong đó trọng tâm đi sâu rèn luyện kỹ năng phân tích các tác phẩm âm nhạc được viết ở hình thức Một đoạn đơn, Hai đoạn đơn và Ba đoạn đơn.	3	0	Tự luận
41.	**Lý thuyết âm nhạc 1**	Học phần Lý thuyết âm nhạc 1 cung cấp những kiến thức âm nhạc cơ bản về âm thanh, tiết tấu, quãng, điệu thức, hợp âm. Thông qua lý thuyết và các bài tập thực hành, sinh viên sẽ nắm vững về các vấn đề cơ bản của âm nhạc.	3	0	Tự luận
42.	**Lý thuyết âm nhạc 2**	Học phần Lý thuyết âm nhạc 2 cung cấp những kiến thức âm nhạc cơ bản về phân loại họ hàng giữa các giọng,	3	0	Tự luận

		Điệu thức và giọng, Một số điệu thức cổ bảy bậc tự nhiên. Điệu thức năm âm; Xác định giọng - Dịch giọng - Chuyển giọng; Giai điệu; Ký hiệu cách diễn tấu - các dạng âm tô điểm. Giới thiệu sơ lược về lý thuyết âm nhạc truyền thống Việt Nam.			
43.	**Hoà âm**	Đây là học phần lý thuyết căn bản then chốt, là cơ sở cho thể loại âm nhạc có điệu tính gồm các nội dung: - Các hợp âm năm chính và hòa âm bốn bè. Các thể đảo của hợp âm năm và hợp âm bảy át - Các hợp âm phụ - Cách viết phần đệm đơn giản cho ca khúc.	3	0	Tự luận
44.	**Nhạc khí phổ thông**	Học phần Nhạc khí phổ thông gồm 2 tín chỉ, tín chỉ thứ nhất tập trung giới thiệu các nhạc khí thuộc dàn nhạc giao hưởng: Bộ dây (Viôlông, Viôla, Viôlôngxen, Côngtơrơbatx). Bộ Gỗ (Fluýt, Ôboa, Clarinét, Pha gốt). Bộ Đồng (Kèn Cor, kèn Trôngpét, kèn Trôngbôn, kèn Tuba). Bộ Gõ (Nhóm có cao độ, nhóm không có cao độ); Tín chỉ thứ hai giới thiệu các nhạc khí trong dàn nhạc dân tộc Việt Nam: Bộ nhạc khí kéo dây (Nhị, Hồ). Bộ nhạc khí gẩy dây (Nguyệt, Đáy, Tỳ bà, Tam, Tứ, Tính tẩu, Bầu, Thập lục). Bộ nhạc khí thổi hơi (Sáo ngang, Tiêu, Sáo Mèo, Khèn, kèn Loa, Klôngpút). Bộ nhạc khí gõ (Đàn Tam thập lục, Đàn Tơrưng, Trống cái, Trống đế, Trống cơm, Phách, Cồng, Chiêng, Sinh tiền). Khi giới thiệu mỗi loại nhạc khí, tập trung giới thiệu khái lược về hình dáng, âm vực, tên dây, màu âm và tính năng sử dụng trong dàn nhạc để từ đó sinh viên có thể áp dụng vào việc học	2	0	Tự luận

		chuyên ngành hoặc giảng dạy phân môn âm nhạc thường thức tại các trường THCS.			
45.	**Ký xướng âm 1**	Ký xướng âm 1 trang bị cho sinh viên kỹ năng xướng âm qua đọc gam-quãng; thực hành đọc các bài giọng trưởng và thứ không có dấu hóa; có 1 dấu thăng. - Luyện tập kỹ năng ghi nhanh cao độ, ghi tiết tấu; nghe, ghi nhạc bằng trí nhớ; ghi giai điệu các loại giọng từ giọng trưởng và thứ không có dấu hóa, 1dấu thăng.	0	3	Thực hành
46.	**Ký xướng âm 2**	Ký xướng âm 2 trang bị cho sinh viên kỹ năng xướng âm qua đọc gam-quãng; thực hành đọc các bài giọng trưởng và thứ có 1 dấu giáng; 2 dấu giáng; 2 dấu thăng. - Luyện tập kỹ năng ghi nhanh cao độ, ghi tiết tấu; nghe, ghi nhạc bằng trí nhớ; ghi giai điệu các loại giọng từ giọng trưởng và thứ không có 1 dấu giáng; 2 dấu giáng; 2 dấu thăng.	0	3	Thực hành
47.	**Ký xướng âm 3**	Ký xướng âm 3 trang bị cho sinh viên kỹ năng xướng âm qua đọc gam-quãng; thực hành đọc các bài giọng trưởng và thứ có 3 dấu giáng; 4 dấu thăng. Luyện tập kỹ năng ghi nhanh cao độ, ghi tiết tấu; nghe, ghi nhạc bằng trí nhớ; ghi tốc ký; ghi 2 bè trên khóa Sol và Pha; ghi giai điệu các loại giọng từ giọng trưởng và thứ 2, 3 dấu giáng; 3, 4 dấu thăng.	0	2	Thực hành
48.	**Ký xướng âm 4**	Ký xướng âm 4 trang bị cho sinh viên kỹ năng xướng âm qua đọc gam-quãng; thực hành đọc các bài giọng trưởng và thứ có 5 dấu giáng; 5 dấu thăng. - Luyện tập kỹ năng ghi nhanh cao độ, ghi tiết tấu; nghe, ghi nhạc bằng trí nhớ; ghi tốc ký; ghi 2 bè trên khóa Sol và	0	2	Thực hành

		Pha; ghi giai điệu các loại giọng từ giọng trưởng và thứ 5 dấu giáng; 5 dấu thăng.			
49.	**Tin học chuyên ngành**	Học phần Tin học chuyên ngành giới thiệu về chương trình, các thanh công cụ và trình đơn có trong chương trình theo thứ tự; Hướng dẫn sử dụng chương trình chép nhạc trên máy tính; Hướng dẫn xử lý kỹ thuật một số trường hợp đơn giản thường gặp trong quá trình chép nhạc. SV thực hành soạn các ca khúc, tác phẩm âm nhạc trên phần mềm chép nhạc Encore 4.5.	0	2	Thực hành
50.	**Lịch sử Âm nhạc Thế giới**	Học phần Lịch sử âm nhạc thế giới là học phần thuộc nhóm kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (Kiến thức cơ sở ngành) áp dụng trong chương trình đào tạo các ngành Thanh nhạc và Sư phạm âm nhạc. Là một trong những học phần đóng vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo cử nhân âm nhạc. Học phần nằm ở kỳ học thứ 3 nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tiến trình hình thành và phát triển nền âm nhạc thế giới (Phương Tây + Phương Đông) và hình thành phong cách cũng như định hướng nghiên cứu cho người học các chuyên ngành âm nhạc khác về các phương diện như: - Khái quát chung về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội. - Đặc điểm âm nhạc điển hình của từng trường phái âm nhạc và từng tác giả sáng tác âm nhạc. - Nội dung tư tưởng, phương pháp nghệ thuật từng thời kỳ, trường phái âm nhạc. - Thành tựu âm nhạc từng thời kỳ, trường phái âm nhạc - Tác giả, tác phẩm âm nhạc tiêu biểu điển hình.	4	0	Tự luận

51.	**Lịch sử Âm nhạc Việt Nam**	Học phần nghiên cứu các vấn đề về âm nhạc Việt Nam từ thời đại Hùng Vương đến nay trong đó có khái quát đại cương về sự hình thành và phát triển của âm nhạc Việt Nam bao gồm: - Âm nhạc dân gian. - Âm nhạc truyền thống Bác học. - Âm nhạc phổ thông, âm nhạc phương Tây ở Việt Nam. - Âm nhạc dân gian, âm nhạc truyền thống. - Các thể loại âm nhạc cơ bản, những đặc trưng cơ bản của âm nhạc.	3	0	Tự luận
52.	**Múa dân gian**	Múa dân gian là học phần thực hành giới thiệu, hướng dẫn người học về những động tác múa của các dân tộc Việt Nam như: Kinh, Tày, Mông, Thái, Các dân tộc Tây Nguyên, Khơme.Từ đó có thể tổ chức tốt các hoạt động văn nghệ trong nhà trường phổ thông và trong hoạt động nghệ thuật.	0	2	Thực hành
53.	**Phương pháp dàn dựng chương trình Ca – Múa – Nhạc**	Học phần Phương pháp dàn dựng chương trình Ca- múa – Nhạc hướng dẫn cho SV các phương pháp dàn dựng các tiết mục đơn ca không có phụ họa, đơn ca có phụ họa; song ca không có phụ họa, song ca có phụ họa; tốp ca không có phụ họa, tốp ca có phụ họa. Riêng tín chỉ 3 tập trung vào hướng dẫn cách biết tập chương trình nghệ thuật, viết lời dẫn cho chương trình nghệ thuật.	0	3	Thực hành
54.	**Nhập môn sáng tác**	Nhập môn sáng tác là một trong những môn học cơ bản của âm nhạc, có vai trò quan trọng trong quá trình giáo dục âm nhạc, giúp hình thành khả năng tư duy âm nhạc,			Thực hành

		hỗ trợ tích cực cho sự phát triển tri thức và trí nhớ âm nhạc cho tất cả các sinh viên thuộc các lĩnh vực: sáng tác,lý luận phê bình, chỉ huy, biểu diễn, sư phạm âm nhạc. Từ thế kỷ XVI-XVII đến nay, ở châu Âu đã hình thành môn Phân tích tác phẩm âm nhạc. Hiện nay trên thế giới và Việt Nam môn Phân tích tác phẩm âm nhạc được bố trí dạy ở tất cả các hệ đào tạo từ Trung cấp, Cao đẳng, Đại học thuộc lĩnh vực âm nhạc; là tiền đề cho sự phát triển của môn học "Nhập môn sáng tác". Học phần "Nhập môn sáng tác" góp phần phát triển năng lực cảm thụ, trí tưởng tượng, sự sáng tạo, chuyển hóa và diễn đạt bằng ngôn ngữ của âm thanh kết hợp với ca từ thành bài hát cụ thể; giúp phát triển kỹ năng thực hành biểu diễn, kỹ năng tổ chức trình bày tác phẩm âm nhạc; sinh viên có khả năng tiếp cận mềm dẻo, năng động và sáng tạo đối với các vấn đề nghệ thuật đương đại trong và ngoài nước.	1	1	
55.	**Phương pháp dạy học âm nhạc**	Thông qua môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Những vấn đề cơ bản của giáo dục âm nhạc trong trường phổ thông; Phương pháp dạy học âm nhạc và thực hành tập giảng các tiết học chuyên đề, phân môn âm nhạc...qua đó làm cơ sở cho việc thực hành nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm nhằm rèn luyện kỹ năng dạy học Âm nhạc cho giáo sinh trong tương lai và đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông mới.	0	4	Thực hành
56.		- Học phần cung cấp cho sinh viên các nội dung về rèn luyện phương pháp tự học và vận dụng kiến thức tâm			Thực hành

	Nghiệp vụ sư phạm (SPAN)	lý học, giáo dục học để giải quyết các tình huống dạy học, giáo dục. Vận dụng kiến thức về tâm lý lứa tuổi học sinh, lí luận dạy học và lí luận giáo dục, các phương pháp dạy học tích cực để thiết kế bài giảng và rèn luyện các kỹ năng dạy học và kỹ năng giáo dục (Kỹ năng đọc, kỹ năng thuyết trình một đề tài, kỹ năng lắng nghe; kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng viết bảng; thực hành kỹ năng tiếp cận giáo dục phổ thông). Vai trò, ý nghĩa, chức năng, nhiệm vụ của người giáo viên chủ nhiệm lớp và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Đồng thời có thể thực hành ứng dụng nhằm rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, kỹ năng công tác giáo viên chủ nhiệm phù hợp yêu cầu thực tiễn, kỹ năng thiết kế và đánh giá kế hoạch bài học môn âm nhạc; kỹ năng thiết kế đồ dùng dạy môn âm nhạc; kỹ năng thi công bài giảng.	0	4	
57.	**Công tác Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh**	Cung cấp cho người học hiểu biết khái quát những nguyên tắc và phương pháp hoạt động của Đội TNTP Hồ Chí Minh. Đồng thời trong học phần cũng đề cập đến nội dung và hình thức hoạt động của Đội TNTP Hồ Chí Minh.	0	3	Thực hành
58.	**Chỉ huy hợp xướng**	- Lý luận chung về vai trò và nhiệm vụ của người chỉ huy dàn hợp xướng - Lý luận chung về hướng chuyển động và đường nhịp cơ bản chỉ huy các loại nhịp từ 2 đến 6 phách. - Hướng dẫn sinh viên chỉ huy tác phẩm hợp xướng từ 2 bè đến 4 bè đơn giản.			Thực hành

		- Lý luận chung về kỹ thuật sử lý sắc thái trong các tác phẩm âm nhạc. - Cách đánh legato, staccto, bortato; Cách sử lý nốt ngân dài, chấm dôi, đảo phách, nghịch phách; Cách xử lý cường độ; Cách xử lý dấu miễn nhịp; Các cách lấy đà, kiệu bè và kết đoạn, kết bài.	0	2	
59.	**Kiến tập sư phạm**	Kiến tập sư phạm là một học phần thuộc chương trình đào tạo, có giá trị giống như các học phần khác, được thực hiện ở kỳ học số VI của khoá học. Điều đáng chú ý là học phần này mang tính chất thực hành sư phạm được thực hiện tại trường THCS với sự chứng kiến, giám sát, đánh giá của tập thể giáo viên và học sinh trường THCS. Chính vì thế, trong khi thực hiện, mỗi giáo sinh sẽ nhận thức được sâu sắc hơn mối quan hệ biện chứng giữa lí luận và thực tiễn trong chương trình đào tạo. Thông qua việc thực hiện các hoạt động trong nội dung thực tập sư phạm, giáo sinh sẽ từng bước có được những kỹ năng nghề nghiệp cần thiết góp phần phát triển năng lực sư phạm của người giáo viên. Vì vậy, càng tích cực tham gia vào các hoạt động thực tập sư phạm bao nhiêu thì giáo sinh càng nhanh chóng hình thành và phát triển tâm lí, ý thức, nhân cách người giáo viên bấy nhiêu.	0	3	Thực hành
60.	**Thực tập sư phạm**	Thực tập sư phạm là một học phần được thực hiện ở kỳ học số VIII của khoá học, là một bộ phận quan trọng trong chức năng đào tạo nghề dạy học cho giáo sinh, là một mắt xích không thể thiếu trong quy trình đào tạo ĐHSP. Có thể nói, kết quả của hoạt động thực tập sư			Thực hành

		phạm sẽ góp phần tạo nên nền móng vững chắc cho giáo sinh thực sự bước vào nghề, có nhiều cống hiến tốt hơn cho xã hội. Thông qua hoạt động thực tiễn trong đợt thực tập sư phạm, giáo sinh sẽ thực sự hiểu rõ lí luận về quy trình công nghệ dạy học, giáo dục của người thầy giáo một cách sâu sắc, tự nhiên, cụ thể và sinh động. Đó cũng là con đường tốt nhất, một phương thức hay nhất để giáo sinh biến lí luận dạy học, lí luận giáo dục thành năng lực thực tiễn của bản thân.	0	5	
61.	**Thực hành Sư phạm Âm nhạc tổng hợp**	- Phương pháp dạy học âm nhạc Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về cơ sở lí luận, về phương pháp dạy học và giáo dục âm nhạc hoạt động dạy học âm nhạc ở trường phổ thông. Tiếp thu Chương trình Giáo dục phổ thông môn âm nhạc năm 2018... - Xướng âm (Nhóm 10 bài quy định trong chương trình tốt nghiệp) Xác định giọng, nhịp; Đọc lên xuống các loại quãng từ đơn giản đến phức tạp; đọc, gõ các mẫu câu tiết tấu trong bài; đọc tiết tấu riêng, cao độ riêng, sử lý phần sắc thái của từng câu, sau đó cho ghép hoàn chỉnh bài. - Phân tích tác phẩm (Nhóm 10 bài quy định trong chương trình tốt nghiệp) Phân tích tác phẩm âm nhạc được viết ở hình thức một đoạn đơn, hai đoạn đơn, ba đoạn đơn (Hoặc ở một số hình thức âm nhạc khác) thông qua bản nhạc, qua nghe âm thanh, từ đó áp dụng vào việc thể hiện các tác phẩm	0	8	Thực hành

		một cách chính xác hoặc có khả năng trong việc phê bình âm nhạc. Nâng cao phương pháp phân tích ca khúc có cùng chủ đề; Các ca khúc của cùng tác giả. - Thanh nhạc (Nhóm 10 bài quy định trong chương trình tốt nghiệp) Vận dụng các kỹ thuật thanh nhạc vào các bài luyện thanh (Vocalise), các tác phẩm thanh nhạc trong chương trình tốt nghiệp. - Nhạc cụ (Nhóm 10 bài quy định trong chương trình tốt nghiệp) Rèn luyện kỹ năng luyện ngón; Kỹ năng nghe tiết tấu, lấy âm sắc; Kỹ năng đệm và trình diễn các tác phẩm thanh nhạc trong chương trình tốt nghiệp.			
Bộ môn Sư phạm Mỹ thuật					
62.	**Nghệ thuật học đại cương**	Học phần "Nghệ thuật học đại cương", chúng ta được nâng cao năng lực làm việc cá nhân cũng như hợp tác cùng mọi người. Những "năng lực" này bao gồm khả năng đối thoại đa văn hóa, đánh giá các sự kiện phức tạp cũng như khả năng lập luận và phát triển các quan điểm mang tính nghệ thuật, hoàn mỹ, đạo đức… trong tư duy của sinh viên.	2	0	Tự luận
63.	**Trang trí ứng dụng**	- Học phần Trang trí ứng dụng1 cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về trang trí và dạy học trang trí. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức và kỹ năng về trang trí ứng dụng từ đơn giản đến phức tạp. Gồm có 4 bài tập: Trang			Thực hành

		trí Bìa sách; Tranh Phong cảnh trang trí; Tranh Cổ động; Trang trí Hội trường. - Học phần đóng vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo đó là xây dựng một trong những kỹ năng trang trí ứng dụng, được phát triển từ học phần trang trí cơ bản và làm nền tảng cho vận dụng vào quá trình dạy học của ngành Sư phạm Mỹ thuật. - Thông qua học phần Trang trí ứng dụng 1 sinh viên hiểu và thực hiện thuần thục các bài tập về trang trí ứng dụng, cũng như triển khai và đánh được các bài tập ứng dụng, để từ dó vận dụng vào quá trình dạy học Mỹ thuật ở trường phổ thông.	0	4	
64.	**Lịch sử mỹ thuật**	Tín chỉ 1 và 2 giới thiệu cho sinh viên về mĩ thuật thế giới từ thời cổ đại Ai Cập, Hy Lạp, La Mã, mĩ thuật của thời kỳ Phục Hưng, Phương Tây cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20 với nhiều phong cách, trường phái như Ấn tượng, Dã thú, Lập thể. Khái quát về một số nền mĩ thuật Châu Á. Tín chỉ 3 và 4 giới thiệu cho sinh viên về mĩ thuật Việt Nam qua các thời kỳ. Mĩ thuật gian Việt Nam; Tìm hiểu sơ lược về mĩ thuật các dân tộc ít người ở Việt Nam. Mĩ thuật đương đại Việt Nam, các trào lưu mĩ thuật mới ở Việt Nam.	4	0	Tự luận
65.	**Mỹ thuật cơ bản (GDMN)**	Học phần Mỹ thuật cơ bản gồm 3 nội dung, bao gồm kiến thức về những bài hình họa vẽ khối cơ bản, trang trí họa tiết cơ bản và tranh bố cục chủ đề màm non, kiến thức về màu sắc, cách pha và tô màu; kiến thức và kỹ năng cơ bản	0	2	Thực hành

		về vẽ hình hoạ; vẽ trang trí; vẽ tranh bố cục. Đây là những kiến thức, kỹ năng cơ bản, góp phần hình thành thị hiếu thẩm mỹ, hình thành một số kỹ năng cơ bản làm cơ sở để người học tiếp thu các kiến thức Mỹ thuật, vận dụng vào việc làm đồ dùng dạy học, đồ chơi và tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non.			
66.	**Giải phẫu tạo hình**	Tín chỉ 1 sinh viên tìm hiểu các lý thuyết về cấu trúc tỷ lệ xương và cơ toàn thân người gồm: Cấu trúc xương và cơ đầu người, Cấu trúc xương và cơ thân người, Cấu trúc xương và cơ chi trên, Cấu trúc xương và cơ chi dưới. Tín chỉ 2 sinh viên thực hành các bài vẽ về Cấu trúc xương và cơ đầu người trưởng thành, Cấu trúc xương và cơ thân người, Cấu trúc xương và cơ chi trên, Cấu trúc xương và cơ chi dưới	1	1	Thực hành
67.	**Luật xa gần**	- Môn Luật xa gần được hình thành từ thời Hy Lạp (Thế kỷ V trước Công nguyên)..Môn học còn có tên gọi là "Không gian thấu thị" hay "Không gian Phục Hưng". Việc ứng dụng môn học này trong học tập và trong sáng tác mỹ thuật, được xem như một bước tiến nhảy vọt trong nghệ thuật tạo hình. Nhờ vậy, các họa sĩ và các nhà điêu khắc đã xây dựng được nhiều hình ảnh đẹp và sinh động về không gian, về con người trong các tác phẩm hội họa và điêu khắc. - Môn học giúp sinh viên hiểu biết một cách hệ thống, cơ bản về quy luật của tự nhiên, về sự xuất hiện hình ảnh xa, gần, mầu sắc, ánh sáng, của các vật thể trong không gian ba chiều. Thông qua những hiểu biết về không	1	1	Thực hành

		gian, sinh viên có điều kiện ứng dụng tốt hơn trong học tập chuyên ngành và trong sáng tác mỹ thuật.			
68.	**Hình họa 1: Tượng chân dung và tượng bán thân nam, nữ (Chất liệu chì đen)**	Học phần Hình họa 1 Trang bị cho sinh viên kiến thức để nghiên cứu nhóm bài tượng chân dung và tượng bán thân bằng chất liệu chì đen trên giấy Croqui. Sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ thuật nắm bắt hình, bố cục và thể hiện chất liệu. Trọng tâm của học phần này là kỹ năng sử dụng chất liệu chì đen trên giấy Croqui. Kiến thức cốt lõi cần đạt được Sinh viên được trang bị những kiến thức lý luận, thực hành như: - Kiến thức cơ bản về luật xa gần, sơ lược tỷ lệ người để vận dụng vào hình hoạ - Kiến thức cơ bản về vẽ hình họa nghiên cứu tượng chân dung và tượng bán thân	0	2	Thực hành
69.	**Hình họa 2: Chân dung và bán thân nam, nữ (Chất liệu chì đen)**	Học phần Hình họa 2 Trang bị cho sinh viên kiến thức để nghiên cứu nhóm bài dung và bán thân nam nữ bằng chất liệu chì đen trên giấy Croqui. Sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ thuật nắm bắt hình, bố cục và thể hiện chất liệu. Trọng tâm của học phần này là kỹ năng sử dụng chất liệu chì đen trên giấy Croqui. Kiến thức cốt lõi cần đạt được Sinh viên được trang bị những kiến thức lý luận, thực hành như: - Kiến thức cơ bản về luật xa gần, sơ lược tỷ lệ người để vận dụng vào hình hoạ	0	2	Thực hành

		- Kiến thức cơ bản về vẽ hình họa nghiên cứu chân dung và bán thân nam nữ			
70.	**Hình họa 3: Toàn thân nam, nữ khỏ (Chất liệu than vẽ)**	Học phần Hình họa 3 Trang bị cho sinh viên kiến thức để nghiên cứu nhóm bài toàn thân nam, nữ khỏa thân bằng chất liệu than vẽ trên giấy Croqui. Sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ thuật nắm bắt hình, bố cục và thể hiện chất liệu. Trọng tâm của học phần này là kỹ năng sử dụng chất liệu chì đen trên giấy Croqui.	0	2	Thực hành
71.	**Hình họa 4: Tĩnh vật phức hợp và bán thân bán thân nam, nữ (Chất liệu sơn dầu)**	Học phần Hình họa 3 Trang bị cho sinh viên kiến thức để nghiên cứu nhóm bài Tĩnh vật phức hợp và bán thân bán thân nam, nữ bằng chất liệu sơn dầu trên toan. Sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ thuật nắm bắt hình, bố cục và thể hiện chất liệu. Trọng tâm của học phần này là kỹ năng sử dụng chất liệu sơn dầu trên toan.	0	3	Thực hành
72.	**Hình họa 5: Toàn thân nam nữ khỏa thân 2 (Chất liệu than, sơn dầu)**	Học phần Hình họa 3 Trang bị cho sinh viên kiến thức để nghiên cứu nhóm bài Toàn thân nam, nữ khỏa thân, nữ bằng chất liệu sơn dầu trên toan. Sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ thuật nắm bắt hình, bố cục và thể hiện chất liệu. Trọng tâm của học phần này là kỹ năng sử dụng chất liệu than vẽ, sơn dầu. Kiến thức cốt lõi cần đạt được Sinh viên được trang bị những kiến thức lý luận, thực hành như: - Kiến thức cơ bản về luật xa gần, sơ lược tỷ lệ người để vận dụng vào hình hoạ - Kiến thức cơ bản về vẽ hình họa nghiên cứu Tĩnh vật phức hợp và Toàn thân nam, nữ khỏa thân	0	3	Thực hành

73.	**Bố cục 1: Chủ đề thiếu nhi và lao động (chất liệu Bột mầu)**	Học phần Bố cục 1 Giúp sinh viên thực hành các bài tập sáng tác các tác phẩm Nghệ thuật tạo hình bằng ngôn ngữ Hội hoạ với chất liệu bột mầu. Sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ thuật thể hiện chất liệu, vẽ được tranh bố cục có chủ đề bằng chất liệu bột màu. Hỗ trợ kỹ năng thị phạm trong quá trình rèn luyện các học phần chuyên ngành Sư phạm Mỹ thuật. Hỗ trợ khả năng định hướng phong cách sáng tạo Hội họa, Đồ họa.	0	2	Thực hành
74.	**Bố cục 2: Chủ đề sinh hoạt và lễ hội (chất liệu Sơn dầu)**	Học phần Bố cục 2 giúp sinh viên thực hành các bài tập sáng tác các tác phẩm Nghệ thuật tạo hình bằng ngôn ngữ Hội họa với chất liệu sơn dầu. Sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ thuật thể hiện chất liệu, vẽ được tranh bố cục có chủ đề bằng chất liệu sơn dầu. Hỗ trợ kỹ năng thị phạm trong quá trình rèn luyện các học phần chuyên ngành Sư phạm Mỹ thuật. Hỗ trợ khả năng định hướng phong cách sáng tạo Hội họa, Đồ họa.	0	2	Thực hành
75.	**Bố cục 3: Chủ đề phong cảnh và tự chọn 1 (chất liệu Lụa)**	Học phần Bố cục 3 giúp sinh viên thực hành các bài tập sáng tác các tác phẩm Nghệ thuật tạo hình bằng ngôn ngữ Hội họa với chất liệu lụa. Sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ thuật thể hiện chất liệu, vẽ được tranh phong cảnh và tranh bố cục chủ đề tự chọn bằng chất liệu lụa. Hỗ trợ kỹ năng thị phạm trong quá trình rèn luyện các học phần chuyên ngành Sư phạm Mỹ thuật. Hỗ trợ khả năng định hướng phong cách sáng tạo Hội họa.	0	2	Thực hành
76.	**Bố cục 4: Chủ đề phong cảnh và tự chọn (2**	Học phần này sinh viên thực hành các bài tập sáng tác các tác phẩm Nghệ thuật tạo hình bằng ngôn ngữ Đồ họa với chất liệu khắc gỗ. Sinh viên được trang bị kiến thức	0	3	Thực hành

	chất liệu Khắc gỗ)	và kỹ thuật thể hiện chất liệu, sáng tác được tranh phong cảnh và tranh bố cục chủ đề tự chọn bằng chất liệu khắc gỗ. Hỗ trợ kỹ năng thị phạm trong quá trình rèn luyện các học phần chuyên ngành Sư phạm Mỹ thuật. Hỗ trợ khả năng định hướng phong cách sáng tạo Đồ họa.			
77.	**Bố cục 5: Chủ đề chép tranh dân gian và tự chọn (chất liệu Sơn mài)**	Học phần này giúp sinh viên thực hành các bài tập sáng tác các tác phẩm Nghệ thuật tạo hình bằng ngôn ngữ Hội họa với chất liệu sơn mài. Sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ thuật thể hiện chất liệu, chép được tranh dân gian và sáng tác được tranh bố cục chủ đề tự chọn bằng chất liệu sơn mài. Hỗ trợ kỹ năng thị phạm trong quá trình rèn luyện các học phần chuyên ngành Sư phạm Mỹ thuật. Hỗ trợ khả năng định hướng phong cách sáng tạo Hội họa.	0	3	Thực hành
78.	**Phương pháp dạy học mỹ thuật**	- Học phần trang bị cho sinh viên cơ sở lý luận và phương pháp dạy học Mỹ thuật. Thông qua phương pháp dạy học Mỹ thuật, hình thức dạy học Mỹ thuật, xây dựng kế hoạch và đánh giá việc quá trình dạy học Mỹ thuật ở trường phổ thông. - Học phần Phương pháp dạy học Mỹ thuật cung cấp cho sinh viên kiến thức về cơ sở lí luận, phương pháp dạy học và dạy học Mỹ thuật, các kỹ năng xây dựng kế hoạch dạy học Mỹ thuật, kỹ năng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn mĩ thuật và kỹ năng thiết kế đồ dùng dạy học cũng như các kỹ năn thực hành dạy học Mỹ thuật ở trường phổ thông. Học phần đóng vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo đó là xây dựng một trong những kỹ	0	4	Thực hành

		năng nghề cho sinh viên ngành Sư phạm Mỹ thuật			
79.	**Nghiên cứu mỹ thuật truyền thống Việt Nam**	Học phần giúp SV nghiên cứu các công trình mỹ thuật truyền thống Việt Nam trong các tư liệu lý luận và kết hợp tác nghiệp ghi chép thực tiễn tại công trình để lấy tư liệu bổ sung cho các học phần khác như lịch sử mỹ thuật hay học phần trang trí vì vậy cần phải được tổ chức tốt cả hai khâu nghiên cứu trên tư liệu và nghiên cứu trên thực tiễn: Nghiên cứu khái quát lý luận mỹ thuật của các thời kỳ qua sách báo, tạp chí và các thư tịch cổ; Nghiên cứu ghi chép hiện vật, cổ vật ở các công trình, di tích truyền thống.	1	1	Thực hành
80.	**Vẽ phong cảnh ngoài trời**	- Học phần Vẽ tranh Phong Cảnh ngoài trời cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về vẽ tranh phong cảnh. Học phần đóng vai trò nền tảng, làm cơ sở hỗ trợ cho các học phần vẽ bố cục, vẽ hình họa và vẽ trang trí. nội dung của học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về cắt cảnh, quan sát cảnh vật và mầu sắc làm nền tảng cho việc vận dụng thực hành các bài tập chuyên ngành chuyên sâu và phục vụ cho dạy học sau này của sinh viên ngành Sư phạm Mỹ thuật. - Học phần gồm 2 nội dung, là các kiến thức cơ bản về nghiên cứu và tập sáng tạo tranh phong cảnh ngoài trời bằng ngôn ngữ Hội hoạ với các chất liệu Chì đen, Chì than, Mực nho, Màu nước, Bột màu, Sơn dầu. Sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ thuật thể hiện chất liệu, vẽ được tranh phong cảnh ngoài trời bằng ngôn ngữ Hội hoạ với các chất liệu Chì đen, Chì than, Mực nho, Màu	0	2	Thực hành

		nước, Bột màu, Sơn dầu. Trọng tâm của học phần là kỹ năng sử dụng chất liệu.			
81.	**Nghệ thuật sắp đặt**	Nghệ thuật Sắp đặt là một sáng tạo trong không gian gian ba chiều và một trong những đặc điểm của nó là đòi hỏi phải có tính tổng thể, phải có mối liên hệ với thế giới. Có lẽ được nhìn thấy một cách dễ dàng nhất trong nghệ thuật sắp đặt là địa điểm đặc trưng. Địa điểm và tác phẩm là không thể tách rời.	0	2	Thực hành
82.	**Phân tích tác phẩm mỹ thuật**	Tín chỉ 1 sinh viên tìm hiểu về các tác phẩm mĩ thuật thế giới từ thời cổ đại Ai Cập, Hy Lạp, La Mã, phân tích các tác phẩm mĩ thuật của thời kỳ Phục Hưng cực thịnh; nghiên cứu các tác phẩm tiêu biểu của mỹ thuật Phương Tây cuối thế kỷ 19 dầu thế kỷ 20 với nhiều phong cách, trường phái như Ấn tượng, Dã thú, Lập thể. Cuối tín chỉ 1, SV học khái quát về một số nền mĩ thuật Châu Á. Tín chỉ 2 sinh viên nghiên cứu sơ lược về mĩ thuật Việt Nam thời cổ đại đến thời Nguyễn qua các tác phẩm tiêu biểu. Tiếp theo SV tập phân tích một số tranh dân gian Việt Nam; các hình chạm khắc gỗ đình làng tiêu biểu và tìm hiểu sơ lược về mĩ thuật các dân tộc ít người ở Việt Nam. SV tìm hiểu về mỹ thuật Hiện đại Việt Nam từ cuối thế kỷ 19 đến năm 1975 nghiên cứu và phân tích để SV hiểu thêm sau khi trải nghiệm nhiều phong cách tạo hình của các nghệ sỹ.	2	0	Tự luận
83.	**Mỹ thuật đa phương tiện**	Học phần Mỹ thuật đa phương tiện giúp SV biết được những kỹ thuật chụp ảnh cơ bản và các loại như: máy ảnh cơ, máy ảnh bán tự động, máy ảnh kỹ thuật số đến những	0	2	Thực hành

		yếu tố, dụng cụ, linh kiện phục vụ tốt cho ngành nhiếp ảnh, Kỹ thuật chụp ảnh, Kỹ thuật chụp ảnh ngoài trời và trong phòng, Kỹ thuật chụp ảnh chân dung phục vụ cho chuyên ngành hướng dẫn viên du lịch; Ngoài ra Sinh viên có khả năng: – Nhận biết được đặc điểm của thể loại nhiếp ảnh. – Biết sử dụng phương tiện sẵn có để thực hành, sáng tạo. Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ: – Thực hiện được thao tác với phương tiện sẵn có để chụp và xử lí ảnh. – Xác định được đối tượng, khuôn hình và nguồn sáng. – Thể hiện được ý tưởng nội dung chủ đề. Phân tích và đánh giá thẩm mĩ: – Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá sản phẩm nhiếp ảnh. – Nhận định được vai trò của nhiếp ảnh trong đời sống thực tiễn.			
84.	**Điêu khắc**	Điêu khắc là một trong những môn học cơ bản của nghệ thuật tạo hình. Với yêu cầu của nghệ thuật, việc nghiên cứu không đi sâu vào phần sinh lí mà chủ yếu chú trọng vào hình thái, tỉ lệ, cấu trúc các bộ phận của cơ thể để vận dụng diễn tả con người trong việc học tập và sáng tác nghệ thuật tạo hình Với nghệ thuật tạo hình, việc nghiên cứu cơ thể người giúp cho sinh viên có thể thể hiện chính xác những hoạt động của nhân vật, những dáng đi, dáng đứng, dáng ngồi để diễn tả lên tác phẩm của mình	0	2	Thực hành

		Trên cơ sở đó không những trang bị kiến thức để giải quyết trực tiếp cho bộ môn hình họa mà còn giúp người học có những hiểu biết căn bản trong việc xây dựng hình tượng con người ở các môn học khác như kí họa, bố cục, trang trí Điêu khắc là một loại hình của ngành Mỹ thuật. mang đặc trưng ngôn ngữ, hình thức phản ánh riêng, bởi giá trị của hình, khối, đường, nét. Đối với các chuyên ngành Hội họa, Đồ họa, Sư phạm mỹ thuật thì điêu khắc xem như một môn cơ sở ngành, cung cấp phương pháp, kỹ thuật thực hành điêu khắc cơ bản thông qua các bài tập từ dễ đến khó. Rèn luyên kỹ năng xây dựng hình và diễn tả sinh động các hình khối của các vật thể. Có được sự nhận thức về giá trị nghệ thuật của các tác phẩm điêu khắc trong không gian kiến trúc và trong môi trường. Giúp sinh viên học tốt hơn các môn hình họa, bố cục, vẽ tranh đề tài...Bồi dưỡng tình cảm, thẩm mỹ, cảm quan nghệ thuật, định hướng trong học tập và sáng tạo trong tương lai.			
85.	**Trang trí cơ bản**	Trang trí cơ bản là phương pháp sắp xếp các yếu tố trang trí như đường nét, hình mảng, màu sắc, theo các nguyên tắc trang trí để tạo nên một bố cục hợp lý, thống nhất về mọi mặt, trong một hình cơ bản có giới hạn và diện tích cụ thể Kiến thức cốt lõi cần đạt được - Cung cấp kiến thức từ cơ bản đến nâng cao trong nghiên cứu các thể kiểu chữ bằng ngôn ngữ của đường nét, mảng, khối.	0	2	Thực hành

		- Giúp sinh viên hiểu và ứng dụng các kỹ thuật, các phương pháp và kỹ năng nghiên cứu trong môn học trang trí, mô tả được các mẫu cấu trúc hình dáng chữ ở tư thế tĩnh và động. Qua đó hiểu về cấu trúc tỷ lệ để ứng dụng trong các bài tập.			
86.	**Nghiệp vụ sư phạm (SPMT)**	- Học phần trang bị cho sinh viên cơ sở lý luận để ứng dụng, rèn luyện, thực hành, hình thành các kỹ năng cơ bản của người giáo viên: đọc, nói, kỹ năng giao tiếp; kỹ năng tìm hiểu học sinh; kỹ năng xử lý tình huống sư phạm. + Rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo các chủ điểm và chủ đề cho học sinh ở trường phổ thông. + Rèn luyện kỹ năng công tác giáo viên chủ nhiệm thuần thục: Biết tổ chức các buổi sinh hoạt lớp cuối tuần; các buổi họp phụ huynh; tìm hiểu, phân loại học sinh và thực hiện các công tác giáo dục khác. - Thông qua học phần sinh viên thực hành ứng dụng nhằm hình thành hệ thống kỹ năng cơ bản về hoạt động dạy học nói chung và hoạt động dạy học môn Mỹ thuật nói riêng ở trường cơ sở, gồm: Thiết kế kế hoạch bài học; Đánh giá kế hoạch bài học; Thiết kế đồ dùng dạy học môn Mỹ thuật ; Thi công bài học môn Mỹ thuật ở mức độ cơ bản.	1	3	Thực hành
87.	**Kiến tập sư phạm**	- Học phần trang bị cho sinh viên đầy đủ, chi tiết, hiểu biết toàn diện, sâu sắc về tất cả nội dung, chương trình kiến tập sư phạm ở trường phổ thông. - Qua đợt kiến tập sư phạm, giáo sinh phải có được những	0	3	Thực hành

		tiến bộ rõ rệt trong nhận thức chức năng: "dạy chữ, dạy nghề, dạy người" trong đào tạo ĐHSP và chức năng, nhiệm vụ của trường phổ thông, của người giáo viên phổ thông. - Thực hiện xong học phần kiến tập sư phạm, giáo sinh phải hình thành được những kỹ năng nghề nghiệp cơ bản trong dạy học, giáo dục, nghiên cứu khoa học, tạo tiền đề cho sự phát triển năng lực sư phạm của người giáo viên tương lai. - Cùng với hệ thống kĩ năng, kĩ xảo nghề nghiệp, giáo sinh cần tập luyện để có một số kĩ năng quan trọng trong việc tổ chức cuộc sống hàng ngày.			
88.	**Thực tập sư phạm**	- Học phần Thực tập sư phạm là một học phần được thực hiện ở kỳ học số VIII của khoá học, là một bộ phận quan trọng trong chức năng đào tạo nghề dạy học cho giáo sinh, là một mắt xích không thể thiếu trong quy trình đào tạo ĐHSP. Có thể nói, kết quả của hoạt động thực tập sư phạm sẽ góp phần tạo nên nền móng vững chắc cho giáo sinh thực sự bước vào nghề, có nhiều cống hiến tốt hơn cho xã hội. Thông qua hoạt động thực tiễn trong đợt thực tập sư phạm 2, giáo sinh sẽ thực sự hiểu rõ lí luận về quy trình công nghệ dạy học, giáo dục của người thầy giáo một cách sâu sắc, tự nhiên, cụ thể và sinh động. Đó cũng là con đường tốt nhất, một phương thức hay nhất để giáo sinh biến lí luận dạy học, lí luận giáo dục thành năng lực thực tiễn của bản thân.	0	5	Thực hành

89.	**Thực tế chuyên ngành**	Học phần gồm 2 nội dung, là các kiến thức cơ bản về nghiên cứu và tập sáng tạo tranh phong cảnh ngoài trời, tranh bố cục, ký họa bằng ngôn ngữ Hội hoạ với các chất liệu Chì đen, Chì than, Mực nho, Màu nước, Bột màu, Sơn dầu. Sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ thuật thể hiện chất liệu, vẽ được tranh phong cảnh ngoài trời, bố cục, ký họa bằng ngôn ngữ Hội hoạ với các chất liệu Chì đen, Chì than, Mực nho, Màu nước, Bột màu, Sơn dầu. Trọng tâm của học phần là kỹ năng sử dụng chất liệu.	0	2	Thực hành
90.	**Thực hành sư phạm mỹ thuật tổng hợp**	Học phần này sinh viên nghiên cứu làm bài luận, thực hành các bài tập sáng tác các tác phẩm Nghệ thuật tạo hình bằng ngôn ngữ Hội họa, Đồ họa với đề tài tự chọn và chất liệu tự chọn. Sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ thuật thể hiện chất liệu, sáng tác được các tranh bố cục chủ đề tự chọn bằng chất liệu tự chọn. Hỗ trợ kỹ năng thị phạm trong quá trình rèn luyện các học phần chuyên ngành Sư phạm Mỹ thuật. Hỗ trợ khả năng định hướng phong cách sáng tạo Hội họa, Đồ họa.. kỹ năng viết bài luận và kỹ năng thuyết trình ý tưởng của đề tài.	2	6	Tự luận + Thực hành
Bộ môn Thanh nhạc – Nhạc cụ					
91.	**Thanh nhạc 1 (TN)**	Thông qua học phần giúp người học nắm được các kiến thức cơ bản về kỹ thuật thanh nhạc gồm: Khái quát chung về kỹ thuật thanh nhạc, Bộ máy phát âm - Chức năng và phương pháp bảo vệ chúng. Tư thế trong ca hát, khẩu hình và cách mở khẩu hình, hơi thở trong thanh nhạc, phương pháp rèn luyện hơi thở trong ca hát.	0	2	Thực hành

		Chức năng khoảng vang - Vị trí âm thanh. Luyện tập hơi thở kết hợp khẩu hình áp dụng trong ca khúc Việt Nam. Khẩu hình, sự kết hợp hơi thở và khẩu hình. Luyện tập vị trí âm thanh kết hợp hơi thở và khẩu hình áp dụng trong ca khúc Việt Nam hoặc dân ca Việt Nam. Vị trí âm thanh cộng minh, vị trí âm thanh cộng minh, giới thiệu chế độ luyện tập bảo vệ cổ họng, bảo vệ giọng hát, chế độ luyện tập bảo vệ cổ họng, bảo vệ giọng hát. Kỹ thuật hát liền giọng, kỹ thuật hát chuyển giọng, kỹ thuật hát nảy			
92.	**Thanh nhạc 2 (TN)**	Học phần 2 cung cấp cho người học những kỹ thuật cơ bản gồm: Ngôn ngữ trong ca hát, cách xử lý ngôn ngữ, cộng minh - Sự thống nhất vị trí âm thanh, âm sắc với các nguyên âm khác nhau. Kỹ thuật hát bật âm thanh (actaca), kỹ thuật hát lướt (passage). Luyện tập mở rộng âm vực tự nhiên của giọng hát, chuyển giọng, sử lý sắc thái to, nhỏ. Áp dụng kỹ thuật vào tác phẩm thanh nhạc.	0	2	Thực hành
93.	**Thanh nhạc 3 (TN)**	Thông qua học phần giúp người học nắm được các kiến thức cơ bản về kỹ thuật thanh nhạc gồm: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Giới thiệu sự hình thành và phát triển của Ca khúc Việt Nam. Đặc điểm giọng hát trẻ em lứa tuổi phổ thông. Phương pháp giữ gìn và phát triển giọng hát của trẻ. Giới thiệu năng khiếu ca hát của lứa tuổi phổ thông.Cách phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu. Âm khu của giọng hát. Âm khu của giọng nam , âm khu của giọng nữ. Luyện tập kỹ thuật mở âm thanh , đóng âm thanh, chuyển giọng. Phát triển kỹ thuật hát	0	2	Thực hành

		Legato kết hợp với sự thống nhất của âm thanh và hơi thở. Luyện tập các kỹ thuật đã học áp dụng trong các tác phẩm thanh nhạc. Sơ lược Lịch sử Thanh nhạc tiêu biểu Thế giới. Phương pháp phát âm tiếng nước ngoài. Thực hành các phương pháp hát các ca khúc nghệ thuật với dòng nhạc thính phòng trên cơ sở các kỹ thuật Thanh nhạc đã học. Thực hành các phương pháp hát các ca khúc nghệ thuật với dòng nhạc âm hưởng dân gian trên cơ sở các kỹ thuật Thanh nhạc đã học. Thực hành các phương pháp hát các ca khúc nghệ thuật với dòng nhạc nhẹ trên cơ sở các kỹ thuật Thanh nhạc đã học. Kỹ thuật hát có sự thay đổi về sắc thái, tốc độ. Luyện tập các kỹ thuật đã học áp dụng trong các tác phẩm thanh nhạc			
94.	**Thanh nhạc 4 (TN)**	Thông qua học phần giúp cho người học nắm được những kiến thức cơ bản về kỹ thuật thanh nhạc bao gồm phương pháp hát các nốt chuyển giọng, thống nhất vị trí âm thanh, âm sắc với các nguyên âm khác nhau. Được áp dụng kỹ thuật vào các tác phẩm thanh nhạc với yêu cầu thuần thục, linh hoạt và hiệu quả cao.	0	2	Thực hành
95.	**Hát hợp xướng 1**	Môn Hợp xướng được kết hợp kiến thức của các môn học khác như: nhạc lý, xướng âm, hòa âm, thanh nhạc... và rất gần với môn Phương pháp dàn dựng chương trình ca – múa – nhạc tổng hợp, nhưng nó không đi vào dàn dựng các động tác phụ trợ cho phần biểu diễn mà chủ yếu học kỹ thuật hòa giọng trong các bè của tác phẩm. Thông qua hát hợp xướng, người học củng cố thêm các kiến thức cơ bản về nâng cao kỹ thuật hơi thở, khẩu hình	0	2	Thực hành

		và vị trí âm thanh. Những vấn đề cơ bản về hơi thở, kiểu thở trong thanh nhạc, hình dáng của khẩu hình chuẩn, các hoạt động của hàm, các vị trí cộng minh của âm thanh (cộng minh đầu, cộng minh ngực, các khoang cộng minh). Biết kết hợp giữa hơi thở với khẩu hình và vị trí âm thanh.			
96.	**Hát hợp xướng 2**	Học phần hát Hợp xướng được kết hợp kiến thức của các môn học khác như: nhạc lý, xướng âm, hòa âm, thanh nhạc... và rất gần với môn Phương pháp dàn dựng chương trình ca – múa – nhạc tổng hợp, nhưng nó không đi vào dàn dựng các động tác phụ trợ cho phần biểu diễn mà chủ yếu học kỹ thuật hòa giọng trong các bè của tác phẩm. Hát hợp xướng là một phần học bổ trợ cho bộ môn thanh nhạc. Thông qua hát hợp xướng, người học củng cố thêm các kiến thức cơ bản về nâng cao kỹ thuật hơi thở, khẩu hình và vị trí âm thanh. Những vấn đề cơ bản về hơi thở, kiểu thở trong thanh nhạc, hình dáng của khẩu hình chuẩn, các hoạt động của hàm, các vị trí cộng minh của âm thanh (cộng minh đầu, cộng minh ngực, các khoang cộng minh). Biết kết hợp giữa hơi thở với khẩu hình và vị trí âm thanh để áp dụng vào các bài luyện thanh.	0	2	Thực hành
97.	**Hát hợp xướng (SPAN)**	Môn Hợp xướng được kết hợp kiến thức của các môn học khác như: nhạc lý, xướng âm, hòa âm, thanh nhạc... và rất gần với môn Phương pháp dàn dựng chương trình ca – múa – nhạc tổng hợp, nhưng nó không đi vào dàn	0	2	Thực hành

		dựng các động tác phụ trợ cho phần biểu diễn mà chủ yếu học kỹ thuật hòa giọng trong các bè của tác phẩm. Thông qua hát hợp xướng, người học củng cố thêm các kiến thức cơ bản về nâng cao kỹ thuật hơi thở, khẩu hình và vị trí âm thanh. Những vấn đề cơ bản về hơi thở, kiểu thở trong thanh nhạc, hình dáng của khẩu hình chuẩn, các hoạt động của hàm, các vị trí cộng minh của âm thanh (cộng minh đầu, cộng minh ngực, các khoang cộng minh). Biết kết hợp giữa hơi thở với khẩu hình và vị trí âm thanh.			
98.	**Kỹ thuật diễn viên**	Sinh viên biểu diễn thanh nhạc, nhạc kịch muốn có được sự tự tin trên sân khấu, trước hết phải học hệ thống các bài tập về tâm lý và hình thể, biết tập trung chú ý cao độ trên sân khấu, cải biến thái độ trước một hiện tượng – sự biến trong kịch, biết tưởng tượng sáng tạo, giao lưu và thích ứng tốt trên sân khấu, vận dụng kỹ thuật diễn viên đã học vào biểu diễn thanh nhạc. Luyện tập cho sinh viên những bài tập về kỹ thuật cơ bản về thể nghiệm tâm lý và tạo hình (hình thể) trên sân khấu thông qua những tình huống kịch và biểu diễn thanh nhạc: Romance; Opera; Ca khúc Việt Nam.	0	3	Thực hành
99.	**Phương pháp sư phạm Thanh nhạc**	Môn Phương pháp sư phạm Thanh nhạc cung cấp một cách có hệ thống những cơ sở lí luận về phương pháp dạy học thanh nhạc, phương pháp học hát trên cơ sở giải thích một cách khoa học và tương đối toàn diện nhiều vấn đề về kỹ thuật Thanh nhạc của các trường phái Thanh nhạc thế giới để vận dụng một cách phù hợp,có kết quả	0	3	Vấn đáp

		vào việc giảng dạy và học tập Thanh nhạc. Thông qua học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về lý luận phương pháp dạy học thanh nhạc, bao gồm; Hơi thở, khẩu hình, phân loại giọng, vị trí âm thanh; tiêu chuẩn âm thanh sau vị trí âm thanh.phương pháp biên soạn giáo án giảng dạy; phương pháp tiếp cận từng đối tượng sinh viên và cách gải quyết cho từng trường hợp trong quá trình thực hiện giáo án; Phương pháp đánh giá sinh viên trong quá trình giảng dạy. Phương pháp sư phạm âm nhạc nói chung và phương pháp sư phạm Thanh nhạc nói riêng là hết sức đa dạng. Vì vậy, để giảng dạy môn học tốt, giảng viên phải thường xuyên cập nhật thông tin, rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ, bổ sung, hoàn thiện nội dung dạy học nhằm đảm bảo trang bị cho người học hệ thống tri thức khoa học, phù hợp, cập nhật, hiện đại, tiên tiến.			
100.	**Lịch sử Nghệ thuật Thanh nhạc**	Lịch sử nghệ thuật Thanh nhạc được hình thành và phát triển dựa trên cơ sở của sự ra đời các trường phái âm nhạc chuyên nghiệp trên thế giới nhằm đúc kết, rút kinh nghiệm cũng như định hướng phát triển của nền âm nhạc của từng quốc gia, từng dân tộc cụ thể. Lịch sử Nghệ thuật Thanh nhạc trang bị cho sinh viên những kiến thức về: Lịch sử Nghệ thuật Thanh nhạc từ thời Trung cổ (giữa thế kỷ V-VI), thời kỳ Phục Hưng (thế kỷ XIV – XVI), thời kỳ Baroque (đầu thế kỷ XVII - cuối thế kỷ XVIII); thanh nhạc trào lưu cổ điển (giữa thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX); thanh nhạc thời kỳ cận	0	2	Tự luận

		đại (cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX)			
101.	**Phát âm tiếng Ý - Đức- Nga**	Đây là môn học rất cần thiết cho cả giảng viên và Sinh viên học chuyên ngành Thanh nhạc. Trong suốt quá trình học tập, những ca khúc, romance hay aria được trích trong các vở nhạc kịch của Ý, Đức, Nga không thể thiếu trong giáo trình dạy và học Thanh nhạc. Ngoài tính hấp dẫn của các giai điệu đẹp, thì cách phát âm với nhiều âm tiết của tiếng Ý, hay Đức, Nga tạo ra những thuận lợi để ca sĩ phát huy được tối đa khả năng giọng hát của mình. Môn học phát âm tiếng Ý, Đức, Nga là môn học rèn luyện cho Sinh viên về kỹ năng phát âm cơ bản của tiếng Ý, Đức, Nga: phát âm nguyên âm, phụ âm; Cách nhấn trọng âm, diễn đạt ngữ điệu trong các loại câu: tràn thuật, cảm thán, câu hỏi, câu nghi vấn,…	0	2	Thực hành
102.	**Hát dân ca**	Nội dung môn học gồm 2 phần: 1/ Kiến thức cơ bản về dân ca Việt Nam; 2/ Kĩ năng hát và biểu diễn dân ca các vùng miền. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức lí luận chung về dân ca Việt Nam như: Khái niệm về dân ca, cách phân loại, chức năng, bảo tồn và phát huy lối hát cổ truyền của dân ca Việt Nam. Giới thiệu các thể loại dân ca, kĩ thuật hát đặc trưng của các vùng, miền. Học hát một số một số bài/ làn điệu dân ca tiêu biểu vùng miền núi phía Bắc, đồng bằng trung du Bắc Bộ, Trung Bộ & Tây Nguyên, Nam Bộ.	0	2	Thực hành

103.	**Biểu diễn với dàn nhạc tổng hợp**	Biểu diễn với dàn nhạc tổng hợp là môn học tự chọn đối với sinh viên thanh nhạc. Môn học giúp cho sinh viên có khả năng đón bắt được ý đồ của dàn nhạc đệm hát ở cả ba dòng nhạc: Thính phòng, dân gian và nhạc nhẹ. Giúp cho sinh viên có tâm lý thoải mái, tự tin trong quá trình biểu diễn, thể hiện rõ nội dung tác phẩm và hình tượng nghệ thuật của tác phẩm.	0	2	Thực hành
104.	**Hát**	Thông qua học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kỹ thuật hát và dạy những bài hát trong chương trình bậc Mầm non và hoàn thiện năng lực chuyên môn nghề nghiệp trong tương lai	0	2	Thực hành
105.	**Đàn Organ**	Thông qua học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cấu tạo, cách sử dụng, trình tấu đàn organ các bài hát trong chương trình bậc Mầm non và hoàn thiện năng lực chuyên môn nghề nghiệp trong tương lai.	0	2	Thực hành
106.	**Hát tập thể**	Hoạt động múa hát tập thể cho thiếu nhi nhằm thu hút đông đảo các em học sinh tham gia vào sinh hoạt cộng đồng, sinh hoạt tập thể lớp, tập thể Đội. Qua đó gắn các em với môi trường học tập, tăng cường tình đoàn kết thân ái, góp phần giáo dục toàn diện cho các em học sinh.			Thực hành
107.	**Piano**	Thông qua học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các kỹ thuật chơi đàn và dạy những bài Gam, bài kỹ thuật, tác phẩm cũng như các bài đệm hát trong chương trình bậc Đại học Thanh nhạc và hoàn thiện năng lực chuyên môn nghề nghiệp trong thời gian học cũng như trong tương lai. trình đào tạo, đóng vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo đó là	0	2	Thực hành

		cung cấp cho người học những kiến thức về các kỹ thuật chơi đàn, sử dụng thành thạo những bài Gam, bài kỹ thuật, tác phẩm trong chương trình bậc Đại học Thanh nhạc. - Học phần trang bị cho sinh viên hoàn thiện năng lực chuyên môn nghề nghiệp trong thời gian học cũng như trong tương lai.cho sinh viên ngành Thanh nhạc.			
108.	**Thanh nhạc 1 (SPAN)**	Thông qua học phần giúp người học nắm được các kiến thức cơ bản về kỹ thuật thanh nhạc gồm: Khái quát chung về kỹ thuật thanh nhạc, Bộ máy phát âm - Chức năng và phương pháp bảo vệ chúng. Tư thế trong ca hát, khẩu hình và cách mở khẩu hình, hơi thở trong thanh nhạc, phương pháp rèn luyện hơi thở trong ca hát. Chức năng khoảng vang - Vị trí âm thanh. Luyện tập hơi thở kết hợp khẩu hình áp dụng trong ca khúc Việt Nam. Khẩu hình, sự kết hợp hơi thở và khẩu hình. Luyện tập vị trí âm thanh kết hợp hơi thở và khẩu hình áp dụng trong ca khúc Việt Nam hoặc dân ca Việt Nam. Vị trí âm thanh cộng minh, vị trí âm thanh cộng minh, giới thiệu chế độ luyện tập bảo vệ cổ họng, bảo vệ giọng hát, chế độ luyện tập bảo vệ cổ họng, bảo vệ giọng hát. Kỹ thuật hát liền giọng, kỹ thuật hát chuyển giọng, kỹ thuật hát nảy.	0	1	Thực hành
109.	**Thanh nhạc 2 (SPAN)**	Học phần 2 cung cấp cho người học những kỹ thuật cơ bản gồm: Ngôn ngữ trong ca hát, cách xử lý ngôn ngữ, cộng minh - Sự thống nhất vị trí âm thanh, âm sắc với các nguyên âm khác nhau. Kỹ thuật hát bật âm thanh (actaca), kỹ thuật hát lướt (passage).	0	2	Thực hành

		Luyện tập mở rộng âm vực tự nhiên của giọng hát, chuyển giọng, sử lý sắc thái to, nhỏ. Áp dụng kỹ thuật vào tác phẩm thanh nhạc.			
110.	**Thanh nhạc 3 (SPAN)**	Thông qua học phần giúp người học nắm được các kiến thức cơ bản về kỹ thuật thanh nhạc gồm: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Giới thiệu sự hình thành và phát triển của Ca khúc Việt Nam. Đặc điểm giọng hát trẻ em lứa tuổi phổ thông. Phương pháp giữ gìn và phát triển giọng hát của trẻ. Giới thiệu năng khiếu ca hát của lứa tuổi phổ thông.Cách phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu. Âm khu của giọng hát. Âm khu của giọng nam , âm khu của giọng nữ. Luyện tập kỹ thuật mở âm thanh , đóng âm thanh, chuyển giọng. Phát triển kỹ thuật hát Legato kết hợp với sự thống nhất của âm thanh và hơi thở. Luyện tập các kỹ thuật đã học áp dụng trong các tác phẩm thanh nhạc. Sơ lược Lịch sử Thanh nhạc tiêu biểu Thế giới. Phương pháp phát âm tiếng nước ngoài. Thực hành các phương pháp hát các ca khúc nghệ thuật với dòng nhạc thính phòng trên cơ sở các kỹ thuật Thanh nhạc đã học. Thực hành các phương pháp hát các ca khúc nghệ thuật với dòng nhạc âm hưởng dân gian trên cơ sở các kỹ thuật Thanh nhạc đã học. Thực hành các phương pháp hát các ca khúc nghệ thuật với dòng nhạc nhẹ trên cơ sở các kỹ thuật Thanh nhạc đã học. Kỹ thuật hát có sự thay đổi về sắc thái, tốc độ. Luyện tập các kỹ thuật đã học áp dụng trong các tác phẩm thanh nhạc	0	2	Thực hành

111.	**Đàn phím điện tử 1 (Sư phạm)**	Học phần Đàn phím điện tử 1 là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo Sư phạm Âm nhạc. Học phần Đàn phím điện tử 1 cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tính năng nhạc cụ của đàn Organ, Phương pháp luyện tập thực hành và biểu diễn của nhạc cụ này. Bên cạnh đó cũng có thể tìm hiểu thêm về cấu trúc âm nhạc của bài hát; phân biệt được tiết tấu của các loại nhịp ; thực hành các bài tập Gam, các bài tập luyện ngón, các bài tác phẩm để ứng dụng vào thực hành và đệm được những bài hát trong chương trình giáo dục phổ thông. Hình thành ở người học năng lực diễn tấu bài Đàn và hoàn thiện năng lực chuyên môn nghề nghiệp trong tương lai.	0	1	Thực hành
112.	**Đàn phím điện tử 2 (Sư phạm)**	Học phần Đàn phím điện tử 2 trang bị cho sinh viên một số kỹ năng cũng như kiến thức cơ bản về đàn phím điện tử. Giúp cho sinh viên có thể vận dụng kiến thức để đệm và tự soạn đệm được cho ca khúc, đồng thời có thể độc tấu và hòa tấu được một số tác phẩm âm nhạc được nâng cao về kỹ thuật diễn tấu.	0	2	Thực hành
113.	**Đàn phím điện tử 3 (Sư phạm)**	Thông qua học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các kỹ thuật chơi đàn và dạy những bài Gam, bài kỹ thuật, tác phẩm cũng như các bài đệm hát trên đàn phím điện tử trong chương trình bậc Đại học Sư phạm âm nhạc và hoàn thiện năng lực chuyên môn nghề nghiệp trong thời gian học cũng như trong tương lai.	0	2	Thực hành
114.	**Đệm đàn**	Đệm đàn cho Thanh nhạc là môn học tự chọn đối với sinh viên thanh nhạc. Môn học giúp cho sinh viên có	0	2	Thực hành

		khả năng đón bắt được ý đồ của nhạc cụ Piano đệm cho hát ở các dòng nhạc: Thính phòng, dân gian, nhạc nhẹ và nước ngoài. Giúp cho sinh viên có tâm lý thoải mái, tự tin trong quá trình biểu diễn, thể hiện rõ nội dung tác phẩm và hình tượng nghệ thuật của tác phẩm			
115.	**Thực tập nghề nghiệp 1(Thực hành nghề nghiệp thường xuyên trong trường)**	Thực hành nghề nghiệp thường xuyên đối với sinh viên Thanh nhạc là thực hành tổng hợp các nội dung đào tạo của chuyên ngành. Sinh viên được dịp tổng hợp kiến thức và kỹ năng để thực hành biểu diễn dưới các hình thức đơn ca, tốp ca,trích đoạn, hợp xướng qua các tác phẩm Việt Nam, các Romance, Aria nước ngoàiđược trích trong các nhạc kịch (opera), ca kịch (operette) trong các chương trình biểu diễn thường xuyên tại trường.	0	6	Thực hành
116.	**Thực tập nghề nghiệp 2 (Thực tập nghề nghiệp ngoài trường)**	Thực tập nghề nghiệp ngoài trường đối với sinh viên Thanh nhạc là thực hành tổng hợp các nội dung đào tạo của chuyên ngành. Sinh viên được dịp tổng hợp kiến thức và kỹ năng để thực tập thực hành biểu diễn dưới các hình thức đơn ca, tốp ca, tổ hợp trích đoạn, hợp xướng trong các chương trình biểu diễn tại các đoàn ca múa nhạc chuyên nghiệp.	0	4	Thực hành
117.	**Chương trình biểu diễn Báo cáo Tốt nghiệp**	Đây là chương trình học ôn tập nâng cao hướng dẫn sinh viên hoàn thiện các tác phẩm Thanh nhạc nằm trong chương trình biểu diễn cuối khóa, giúp các em hoàn thiện các kỹ thuật Thanh nhạc, thể hiện các tác phẩm cùng với nhạc đệm một cách nhuần nhuyễn và chuyên nghiệp, đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành học. Chương trình báo cáo tốt nghiệp cuối khóa gồm 8 tác phẩm	0	8	Thực hành

		- 4 tác phẩm nước ngoài: 2 Aria; 2 Romance - 4 tác phẩm Việt Nam: 3 ca khúc nghệ thuật Việt Nam; 1 Dân ca Việt Nam			
Bộ môn Thiết kế Thời trang					
118.	**Lịch sử thời trang**	Học phần cung cấp cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát về quá trình phát triển trang phục thế giới và trang phục Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử, sinh viên nhận biết được sự ảnh hưởng của các trào lưu nghệ thuật tới phong cách và thị hiếu thẩm mỹ thời trang qua các giai đoạn phát triển xã hội của nhân loại cũng như ở Việt Nam. Sinh viên nhận thức được quá trình hình thành phát triển và vẻ đẹp của trang phục qua các thời kỳ lịch sử phát triển của nghệ thuật làm cơ sở sáng tạo trong quá trình thực hiện ý tưởng và thiết kế thời trang.	2	0	Tự luận
119.	**Vật liệu may mặc**	Học phần Vật liệu may mặc nghiên cứu chung về những nguyên vật liệu sản xuất ra trang phục giới thiệu tổng quan về kỹ thuật công nghệ trong sản xuất sản phẩm thời trang, lựa chọn vật liệu may mặc; phân loại tính chất nguyên liệu dệt; tính chất lý, hóa của sợi dệt và vải; phụ liệu may mặc và ứng dụng trong gia công hàng may mặc. Môn học Vật liệu may mặc tổng hợp những kiến thức từ cuộc sống cũng như kỹ thuật, kỹ năng trong ngành dệt một cách có hệ thống và đầy đủ. Những vấn đề cốt lõi về kiến thức, kỹ thuật, kỹ năng mà môn học đặt ra.	0	2	Thực hành
120.	**Nhân trắc học-Cỡ số may mặc**	Nhân trắc học – cỡ số may mặc được coi là một môn khoa học mang tính thực tiễn cao. Học phần cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về Nhân trắc học, Nhân	1	1	Thực hành

		trắc học Ergonomic, giới thiệu tổng quan về cấu trúc cơ thể người, nghiên cứu hệ thống tỷ lệ cơ thể người ở các lứa tuổi. Cấu tạo của xương, cơ đầu và thân người từ toàn bộ, từng bộ phận riêng biệt cho đến những chi tiết nhỏ nhất, để biết rõ hình thái và cấu trúc cơ thể người, ứng dụng trong việc trắc đạc thông số, thống kê kích thước cơ thể người Việt Nam nói riêng và người Châu Âu nói chung. Học phần có ý nghĩa về khoa học, giúp sinh viên nắm vững được phương pháp, kỹ năng đo các kích thước trên cơ thể người, hình thành cho sinh viên có cái nhìn toàn diện, đúng đắn và khoa học về cỡ số may mặc trong sản xuất hàng may công nghiệp, đồng thời giúp sinh viên nhìn nhận về ưu, nhược điểm trên các dạng cơ thể người từ đó đưa ra các phương án thiết kế khả quan, thẩm mĩ nhất dành cho người mặc.			
121.	**Nguyên lý thiết kế trang phục**	Học phần cung cấp hệ thống kiến thức cơ bản về thiết kế mỹ thuật ứng dụng và sáng tác thiết kế mỹ thuật thời trang; các nguyên lý cơ bản, các mối quan hệ về thẩm mỹ được hình thành trong quá trình từ nghiên cứu ý tưởng đến bố cục sáng tác mẫu trang phục. Nằm vững được những kiến thức cơ bản về nghệ thuật trang trí để phát huy và nâng cao dần năng lực sáng tạo, óc thẩm mỹ vốn có ở mỗi người và định hướng thị hiếu. Cung cấp cho sinh viên những nội dung nghiên về khái niệm và ý nghĩa của thiết kế thời trang. Hệ thống lý luận cơ bản về sáng tác mỹ thuật ứng dụng nói chung và trong lĩnh vực thiết kế	1	2	Thực hành

		thời trang nói riêng. Đặc biệt là các khái niệm, quan hệ tạo hình, chất liệu, bản chất của cái đẹp trong thiết kế thời trang Giúp sinh viên phương pháp tiếp cận, nghiên cứu các hiện tượng thời trang trong đời sống xã hội.			
122.	**Thiết kế hoạ tiết trang trí vải và sản phẩm thời trang**	Thiết kế Họa tiết Trang trí vải và Sản phẩm Thời trang là môn học giúp sinh viên nắm bắt được các kiến thức cơ bản về cách bố trí họa tiết trang trí trên một tấm vải dài và xây dựng bố cục trang trí phù hợp với các sản phẩm thời trang. Đó là những khái niệm rất cần thiết liên quan tới chuyên ngành thời trang. Giúp sinh viên vận dụng được những nguyên vật liệu có sẵn một cách phù hợp nhất vào trong thiết kế của bản thân. Bên cạnh đó cũng là nền tảng cho sinh viên sáng tạo, tìm tòi ra những nguyên vật liệu, bề mặt mới đáp ứng được nhu cầu thiết kế thời trang. Môn học giới thiệu những kiến thức về nguyên lý cơ bản của nghệ thuật tạo hình, phong cách, phương pháp cách điệu, sáng tạo họa tiết, xây dựng bố cục trang trí trên các chủng loại vải phù hợp với các sản phẩm thời trang. Trang trí họa tiết vải dài giúp sinh viên nghiên cứu và rèn luyện khả năng bố cục với các thành tố tạo hình cơ bản như: điểm, đường (nét), hình (mảng), khối, không gian (nền), hiểu và biết vận dụng các nguyên lý trong bố cục như: hài hòa, sức căng, độ nhấn, tương phản, biến tấu, chuyển động, nhịp điệu, lặp lại… Trong phần đầu sinh viên chỉ dừng lại nghiên cứu với 2 sắc độ đen và trắng. Đồng thời nghiên cứu tính chất và khả năng tạo hình của 3 hình cơ bản nhất: tròn, vuông, tam giác đều.	0	3	Thực hành

123.	**Đồ hoạ thời trang - Phương pháp phác thảo mẫu đơn chiếc**	Đây là học phần thuộc kiến thức bắt buộc trong chương trình đào tạo của hệ đại học theo quy định chung của Bộ giáo dục và Đào tạo. Học phần Đồ họa thời trang – tạo bước đầu cho hoạt động thiết kế, desgin,…	0	3	Thực hành
124.	**Đồ hoạ thời trang - Phương pháp phác thảo nhóm mẫu**	Đây là học phần thuộc kiến thức bắt buộc trong chương trình đào tạo của hệ đại học theo quy định chung của Bộ giáo dục và Đào tạo. Học phần Đồ họa thời trang – Phương pháp phác thảo nhóm mẫu là một học phần gồm 03 tín chỉ, học phần không chỉ là tiền đề mà còn là định hướng cho sinh viên phát huy được khả năng sáng tác, hỗ trợ cho công việc thiết kế của các bạn sinh viên sau khi ra trường. Môn học mang lại cho sinh viên kỹ năng thể hiện nhóm mẫu phác thảo dựa trên nguồn cảm hứng từ thiên nhiên: động vật, hoa lá, phong cảnh,… thể hiện nhóm mẫu cho bộ sưu tập thời trang. Qua việc tìm hiểu đặc điểm, tâm sinh lý của từng lứa tuổi để từ đó tìm ra đặc điểm trang phục và tìm kiếm ý tưởng sáng tác phù hợp. Ngoài ra, học phần có ý nghĩa về khoa học và triển khai thành sản phẩm thật, góp phần hệ thống, bổ sung những vấn đề về lý thuyết và kỹ năng cần có đối với một nhà thiết kế thời trang.	0	3	Thực hành
125.	**Nguyên lý tạo dáng trang phục 2D**	Đây là học phần thuộc kiến thức bắt buộc trong chương trình đào tạo của hệ đại học theo quy định chung của Bộ giáo dục và Đào tạo. Học phần nguyên lý tạo dáng trang phục 2D không chỉ đưa ra phương pháp xây dựng và phát triển cấu trúc cơ bản của trang phục mà còn mang lại cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về thiết kế thời	0	3	Thực hành

		trang, thúc đẩy và phát triển tư duy thiết kế thời trang từ đó có thể định hình phong cách thiết kế. Học phần đưa ra các khái niệm về hình dáng, cấu trúc trang phục, các khái niệm thẩm mỹ về trang phục, mối quan hệ giữa hình dáng cấu trúc cơ thể người với cấu trúc trang phục, từ đó giúp sinh viên nắm vững các kiến thức cơ bản về thiết kế thời trang. Xây dựng và phát triển các mẫu thiết kế dựa trên những kiến thức, công thức, kỹ thuật cắt may cơ bản trên bề mặt phẳng.			
126.	**Nguyên lý tạo dáng trang phục 3D**	Đây là học phần thuộc kiến thức bắt buộc trong chương trình đào tạo của hệ đại học theo quy định chung của Bộ giáo dục và Đào tạo. Học phần nguyên lý tạo dáng trang phục 3D là một học phần gồm 03 tín chỉ, học phần không chỉ đưa ra phương pháp xây dựng và phát triển cấu trúc cơ bản của trang phục trên không gian 3 chiều, mà học phần còn giới thiệu cho sinh viên kiến thức chung về ma nơ canh từ đó giúp sinh viên hiểu rõ kết cấu, ứng dụng của từng loại ma nơ canh để có sự lựa chọn ma nơ canh phù hợp cho quy trình thiết kế. Hình thành cho sinh viên kỹ năng phát triển thiết kế từ mặt phẳng lên bố cục khối không gian 3 chiều; học phần giúp sinh viên nắm vững kết cấu khối biểu tượng trang phục trong tương quan với cấu trúc cơ thể người; cấu trúc cơ bản của cơ thể con người, vùng cử động của cơ thể và sự biến đổi của cấu trúc phù hợp; kỹ năng thiết kế trang phục từ cơ bản đến trang phục nghệ thuật theo từng chủ đề.	0	3	Thực hành

127.	**Thiết kế Thời trang cho hình ảnh cá nhân**	Trang bị cho sinh viên phương pháp nghiên cứu đánh giá mục tiêu thiết kế là một nhân vật cụ thể, phân tích đặc điểm nhân trắc học, cá tính, môi trường sinh hoạt, môi trường lao động, phong cách mặc, môi trường sử dụng sản phẩm của nhân vật qua chức năng thông tin trang phục.Thực hiện sản phẩm thiết kế thời trang dành cho nhân vật đã nghiên cứu. kỹ năng thể hiện đồ họa và gia công mẫu riêng biệt cho một hình ảnh cá nhân trên đồ án với một đối tượng cụ thể Xây dựng biểu tượng, nghiên cứu xu hướng mốt, xây dựng cấu trúc trang phục khả thi, thiết kế các phương án và lựa chọn chất liệu phù hợp với đối tượng đang nghiên cứu. Thực hiện sản phẩm thiết kế thời trang dành cho nhân vật đã nghiên cứu	1	2	Thực hành
128.	**Thiết kế Thời trang trẻ em**	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về sáng tác thiết kế trang phục trẻ em ngoài ra còn nghiên cứu đặc điểm cấu trúc trẻ em, hiểu rõ tâm lý lứa tuổi thanh thiếu niên để có thể tạo hình cho trang phục để phù hợp với các lứa tuổi cho trẻ em Nắm vững phương pháp nghiên cứu ý tưởng từ thiên nhiên từ thực vật, động vật, các chủ đề liên quan đến trẻ em , triển khai mẫu phác thảo, postor và thực hiện cắt may sản phẩm mẫu Rèn luyện kỹ năng sáng tác và quy trình thiết kế bộ đồng bộ trang phục theo chủ đề xác định.sinh viên nắm bắt được phương pháp nghiên cứu tâm sinh lý, đặc điểm hình thể trẻ em các lứa tuổi; phương pháp nghiên cứu thiên nhiên	1	2	Thực hành

		tìm các yếu tố tạo hình (cấu trúc, màu sắc, phom dáng,...) cho quá trình tạo dáng trang phục trẻ em; kỹ thuật cắt may quần áo trẻ em			
129.	**Thiết kế bộ và đồng bộ trang phục công sở**	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về sáng tác thiết kế trang phục sử dụng làm việc trong các công sở và các trang phục theo ngành nghề có yêu cầu đặc biệt; đặc điểm của trang phục công sở và những tiêu chí thiết kế; quá trình phát triển bộ trang phục công sở riêng rẽ thành đồng bộ trong các hoàn cảnh sử dụng khác nhau; xác định xu hướng thị trường mục tiêu và ảnh hưởng của xu hướng mốt trong thời trang công sở Nắm vững phương pháp nghiên cứu ý tưởng từ thiên nhiên, triển khai mẫu phác thảo, postor và thực hiện cắt may sản phẩm mẫu Rèn luyện kỹ năng sáng tác và quy trình thiết kế bộ đồng bộ trang phục theo chủ đề xác định.	1	2	Thực hành
130.	**Thiết kế bộ và đồng bộ trang phục dạ hội**	Học phần giới thiệu cho sinh viên nắm vững về đặc điểm, yêu cầu riêng biệt của sản phẩm may mặc; xu hướng mốt; bộ và đồng bộ trang phục dạ hội và đồ án sáng tác.Trang bị cho sinh viên khái niệm về thiết kế bộ và đồng bộ của trang phục dạ hội. Chức năng sử dụng của trang phục dạ hội so với các bộ trang phục khác. Cách nhận diện trang phục dạ hội trong hệ thống các bộ sưu tập trang phục khác để đưa ra được cách thức và tiêu chí thiết kế cho trang phục như: Giá trị sử dụng, không gian sử dụng, đối tượng sử dụng, kiểu dáng, màu sắc, chất liệu , trang trí, để phù hợp với đối tượng thiết kế	1	2	Thực hành

		và xu hướng thời trang hiện tại và tương lai. Các bước tiến hành quy trình của một sản phẩm từ mẫu thiết kế dựng lên thành mẫu thật.			
131.	**Thiết kế thời trang với nghệ thuật thủ công truyền thống**	Học phần giúp sinh viên nghiên cứu và ứng dụng giá trị nghệ thuật thủ công của các làng nghề thủ công truyền thống vào thiết kế mẫu theo điều kiện sản xuất và gia công sản phẩm thời trang. Khi chúng ta nghiên cứu về sự phát triển của trang phục chúng ta sẽ hiểu được sự hình thành của một sản phẩm với những chất liệu truyền thống và kỹ thuật truyền thống của mỗi người dân, mỗi dân tộc. Xây dựng biểu tượng, nghiên cứu xu hướng mốt, xây dựng cấu trúc trang phục khả thi, thiết kế các phương án và lựa chọn chất liệu phù hợp với đối tượng đang nghiên cứu.	1	2	Thực hành
132.	**Công nghệ sản xuất sản phẩm may công nghiệp**	Học phần Công nghệ sản xuất sản phẩm may công nghiệp được thiết kế theo modun bao gồm hai phần lý thuyết và thực hành. Phần lý thuyết cung cấp kiến thức về phương pháp xây dựng tài liệu chuẩn bị sản xuất. Phần thực hành hướng dẫn ôn luyện kỹ năng vẽ thiết kế các dạng trang phục; chuyển cỡ vóc sản phẩm; giác sơ đồ sản phẩm; tính tiêu hao nguyên liệu. Sinh viên nắm vững phương pháp xây dựng tài liệu chuẩn bị sản xuất cho mã hàng sản phẩm may công nghiệp. Sinh viên thành thạo kỹ năng thiết kế kỹ thuật các dạng trang phục; chuyển cỡ vóc sản phẩm; giác sơ đồ sản phẩm; tính tiêu hao nguyên liệu.	0	2	Thực hành

133.	**Công nghệ cắt may sơ mi nam nữ**	Học phần cắt may áo sơ mi nam, nữ được thiết kế theo modun cung cấp kiến thức và phương pháp thiết kế sơ mi, phương pháp phát triển mẫu dựa trên mẫu cơ bản, các kỹ năng vẽ mẫu trên mẫu, trên vải, vận hành trang thiết bị may mặc, cắt may các chi tiết chủ yếu và may hoàn thiện áo sơ mi, kiểm tra chất lượng sản phẩm và tính tiêu hao nguyên vật liệu Cung cấp phương pháp thiết kế áo sơ mi Phương pháp phát triển mẫu dựa trên mẫu cơ bản Quy trình lắp ráp áo sơ mi nam nữ. Kiểm tra chất lượng sản phẩm Tính tiêu hao nguyên vật liệu.	0	3	Thực hành
134.	**Công nghệ cắt may quần âu nam nữ**	Học phần cắt may quần âu nam nữ được thiết kế theo modun bao gồm hai phần lý thuyết và thực hành. Phần lý thuyết cung cấp kiến thức về phương pháp thiết kế quần âu, phương pháp phát triển mẫu dựa trên mẫu cơ bản và quy trình lắp ráp quần âu nam nữ. Phần thực hành hướng dẫn các kỹ năng vẽ mẫu trên mẫu, trên vải, cắt may các chi tiết chủ yếu và may hoàn thiện quần âu nam nữ. Ngoài ra còn rèn luyện các kỹ năng sử dụng thiết bị ngành may, kỹ năng là sản phẩm, kiểm tra chất lượng sản phẩm và tính tiêu hao nguyên vật liệu.	0	3	Thực hành
135.	**Công nghệ cắt may váy-áo dài**	Học phần công nghệ cắt may váy và áo dài được thiết kế theo modun bao gồm hai phần lý thuyết và thực hành. Phần lý thuyết cung cấp kiến thức về phương pháp thiết kế váy và áo dài, phương pháp phát triển mẫu dựa trên mẫu cơ bản và quy trình lắp ráp váy và áo dài. Phần thực hành	0	3	Thực hành

		hướng dẫn các kỹ năng vẽ mẫu trên mẫu, trên vải, cắt may các chi tiết chủ yếu và may hoàn thiện váy và áo dài. Ngoài ra còn rèn luyện các kỹ năng sử dụng thiết bị ngành may, kỹ năng là sản phẩm, kiểm tra chất lượng sản phẩm và tính tiêu hao nguyên vật liệu.			
136.	**Công nghệ cắt may áo khoác ngoài nam nữ**	Học phần cắt may áo khoác ngoài được thiết kế theo modun bao gồm hai phần lý thuyết và thực hành. Phần lý thuyết cung cấp kiến thức về phương pháp thiết kế áo khoác ngoài, phương pháp phát triển mẫu dựa trên mẫu cơ bản và quy trình lắp ráp áo khoác ngoài. Phần thực hành hướng dẫn các kỹ năng vẽ mẫu trên mẫu, trên vải, cắt may các chi tiết chủ yếu và may hoàn thiện áo khoác ngoài. Ngoài ra còn rèn luyện các kỹ năng sử dụng thiết bị ngành may, kỹ năng là sản phẩm, kiểm tra chất lượng sản phẩm và tính tiêu hao nguyên vật liệu.	0	3	Thực hành
137.	**Công nghệ cắt may áo cưới**	Học phần cắt may váy cưới được thiết kế theo modun cung cấp kiến thức và phương pháp thiết kế váy cưới, phương pháp phát triển mẫu dựa trên mẫu cơ bản, các kỹ năng vẽ mẫu trên mẫu, trên vải, vận hành trang thiết bị may mặc, cắt may các chi tiết chủ yếu và may hoàn thiện váy cưới, kiểm tra chất lượng sản phẩm và tính tiêu hao nguyên vật liệuCung cấp phương pháp thiết kế váy cưới. Phương pháp phát triển mẫu dựa trên mẫu cơ bản. Quy trình lắp ráp váy cưới Kiểm tra chất lượng sản phẩm Tính tiêu hao nguyên vật liệu..	0	3	Thực hành
138.	**Thiết kế thời trang cơ bản**	Thiết kế thời trang nhằm đào tạo ra những cử nhân có đầy đủ các kiến thức chuyên ngành TKTT để thiết kế và phát	0	2	Thực hành

		triển sản phẩm thời trang, có kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm, có thái độ nghề nghiệp phù hợp đáp ứng được các yêu cầu phát triển của các danh nghiệp may mặc thời trang và xã hội			
139.	**Lụa**	Học phần này giúp sinh viên thực hành các bài tập sáng tác các tác phẩm Nghệ thuật tạo hình bằng ngôn ngữ Hội họa với chất liệu lụa. Sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ thuật thể hiện chất liệu, vẽ được tranh phong cảnh và tranh bố cục chủ đề tự chọn bằng chất liệu lụa, hỗ trợ khả năng định hướng phong cách sáng tạo Hội họa vận dụng vào thiết kế thời trang.	0	2	Thực hành
140.	**Kinh doanh thời trang**	Học phần Kinh doanh Thời trang là học phần kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Thiết kế thời trang. Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về hoạt động Kinh doanh thời trang, phương pháp nghiên cứu thị trường, lựa chọn sản phẩm mới quyết định chính sách sản phẩm, chính sách giá cả, chính sách phân phối sản phẩm, nghệ thuật bán hàng, trên cơ sở đó có thể đẩy nhanh tốc độ tiêu thụ sản phẩm trên thị trường của doanh nghiệp thời trang. Những vấn đề cơ bản về kinh doanh sản phẩm thời trang; Nghiên cứu thị trường, chính sách giá cả, chính sách phân phối; Ứng dụng liền mạch vào quá trình thiết kế - sản xuất – kinh doanh sản phẩm thời trang;	2	0	Tiểu luận

141.	**Thực tế nghề nghiệp**	Tổ chức cho người học thâm nhập thực tế nhằm nâng cao chuyên môn nghề nghiệp thuốc lĩnh vực may – thiết kế thời trang Qua đợt thực tập, người học được thu thập, tích lũy thêm tư liệu, kinh nghiệm, kỹ năng trong lĩnh vực may – thiết kế thời trang Củng cố hệ thống kiến thức chuyên ngành, kỹ năng nghề nghiệp đã được học trong chương trình đào tạo.	0	4	Thực hành
142.	**Thực tập cuối khóa**	Học phần giúp người học tìm hiểu, năm vững đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách của nhà nước, bước đầu làm quen với quy trình hoạt động của bộ máy quản lý hành chính và chuyên môn tại các cơ quan, doanh nghiệp ngành may – thiết kế thời trang. Bước đầu hình thành kỹ năng nghề nghiệp cho người học, đáp ứng nhu cầu xã hội. Thông qua học phần sinh viên được trực tiếp tiếp cận, tìm hiểu, khám phá quy trình thiết kế từ việc nghiên cứu xu hướng thị trường thời trang, tới phát triển sản phẩm phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng từ đó đưa ra các chính sách phù hợp với sản phẩm và xúc tiến thương mại thời trang, thực hiện kinh doanh tiếp thị - marketing thời trang nhằm đạt hiệu quả cao nhất. Học phần mang lại cho sinh viên kiến thức tổng quát về công nghệ thời trang hiện đại, làm rõ vai trò, nhiệm vụ và tiến trình hoạch định tiếp thị cho các sản phẩm thời trang.	0	4	Thực hành
143.	**Đồ án thiết kế thời trang tổng**	Thông qua học phần sinh viên được trực tiếp tiếp cận, tìm hiểu, khámphá quy trình thiết kế từ việc nghiên cứu	0	4	Đồ án

	hợp	xu hướng thị trường thời trang, tới phát triển sản phẩm phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng từ đó đưa ra các chính sách phù hợp với sản phẩm và xúc tiến thương mại thời trang, thực hiện kinh doanh tiếp thị - marketing thời trang nhằm đạt hiệu quả cao nhất.Học phần mang lại cho sinh viên kiến thức tổng quát về công nghệ thời trang hiện đại, làm rõ vai trò, nhiệm vụ và tiến trình hoạch định tiếp thị cho các sản phẩm thời trang.			
Bộ môn Đồ họa					
144.	**Nghiên cứu thiên nhiên**	Đây là học phần thuộc kiến thức bắt buộc trong chương trình đào tạo của hệ đại học theo quy định chung của Bộ giáo dục và Đào tạo. Học phần NGHIÊN CỨU THIÊN NHIÊN, giới thiệu về thế gới xung quanh sự đa dạng của muôn hình, muôn vẻ của thiên nhiên. Từ hình dáng, cấu trúc, màu sắc, nhịp điệu .... đều mang những sắc thái riêng biệt. Ở mỗi sự vật (thực vật hay động vật, côn trùng) nó đều có linh hồn riêng, hòa hợp và kết lại thành một tổng thể tự nhiên tuyệt đẹp. Đây là lý do để chúng ta cần được bảo vệ, giữ gìn khai thác và nghiên cứu thiên nhiên thông qua phương pháp ghi chép thực tế và cô đọng thành biểu tượng, biểu trưng,… là nguồn dữ liệu phong phú hỗ trợ cho các học phần sáng tác đồ họa ứng dụng cũng như là tư liệu cho sáng tác tranh nói chung. Qua các bài học trang trí, sinh viên hiểu về cái đẹp của các mảng hình, đường nét và màu sắc phối hợp với nhau để tạo thành một tổng thể thống nhất trên một bề mặt không	0	3	Thực hành

		gian nhất định. Giúp SV thấy được thiên nhiên luôn là hình mẫu lý tưởng,là người thầy vĩ đại, trong đó ẩn chứa các khuynh hướng: thẩm mỹ - công năng,..có thể khai thác làm tư liệu để đưa vào nghệ thuật. Tìm hiểu và khai thác chọn lọc những đặc trưng nhất vẻ đẹp của thiên nhiên về màu sắc và cấu trúc hình thể đưa vào sáng tạo mỹ thuật, đặc biệt mỹ thuật ứng dụng.			
145.	**Cơ sở tạo hình 1 Nghiên cứu cơ sở**	Học phần Cơ sở tạo hình 1 là học phần kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học khối ngành Đồ họa, mỹ thuật ứng dụng. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các thành phần cơ bản để tạo hình nằm trong hệ thống nguyên lý nhận biết thị giác từ nhỏ nhất đến lớn nhất của những yếu tố: Điểm, Đường nét, hình khối, màu sắc, không gian…được kết hợp với nhau,theo những quy luật, trật tư lôgíc, hài hoà trong một tổng thể bố cục. Đó chính là những cơ sở cơ bản hay còn gọi là những yếu tố gốc để xây dựng nên một tác phẩm nghệ thuật, hoặc trong quá trình thiết kế một sản phẩm Đồ họa, mỹ thuật ứng dụng.	0	2	Thực hành
146.	**Cơ sở tạo hình 2 Bố cục tạo hình cơ bản**	Học phần Cơ sở tạo hình 2 là học phần kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học khối ngành Đồ họa, mỹ thuật ứng dụng. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các thành phần cơ bản để tạo hình nằm trong hệ thống nguyên lý nhận biết thị giác từ nhỏ nhất đến lớn nhất của những yếu tố: Điểm, Đường nét, hình khối, màu sắc, không gian…được kết hợp với nhau,theo những quy luật, trật tư lôgíc, hài hoà	0	2	Thực hành

		trong một tổng thể bố cục. Đó chính là những cơ sở cơ bản hay còn gọi là những yếu tố gốc để xây dựng nên một tác phẩm nghệ thuật, hoặc trong quá trình thiết kế một sản phẩm Đồ họa, mỹ thuật ứng dụng.			
147.	**Cơ sở tạo hình 3 Bố cục hình khối**	Học phần Cơ sở tạo hình 3 là học phần kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học khối ngành Đồ họa, mỹ thuật ứng dụng. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các thành phần cơ bản để tạo hình nằm trong hệ thống nguyên lý nhận biết thị giác từ nhỏ nhất đến lớn nhất của những yếu tố: Điểm, Đường nét, hình khối, màu sắc, không gian…được kết hợp với nhau,theo những quy luật, trật tư lôgíc, hài hoà trong một tổng thể bố cục. Đó chính là những cơ sở cơ bản hay còn gọi là những yếu	0	2	Thực hành
148.	**Sáng tác Thiết kế 1 - Tranh khắc**	Học phần Cung cấp kiến thức cơ bản về cách làm tranh khắc gỗ thể loại đen trắng, màu. Giúp sinh viên nắm bắt sơ lược lịch sử, đặc điểm, ngôn ngữ tạo hình, phương pháp sáng tác loại hình tranh khắc. Cung cấp kiến thức và kỹ năng sử dụng nét, mảng trong thể loại tranh đồ họa. Giúp cho sinh viên kỹ năng xử lý bố cục về mảng, nét nhằm ứng dụng trong thiết kế đồ họa. Nâng cao khả năng tư duy sáng tạo thẩm mỹ trong thiết kế.	0	3	Thực hành
149.	**Sáng tác Thiết kế 2 - Bìa sách, Minh hoạ,**	Học phần Bìa sách, Minh hoạ, Thiết kế tạp chí, dàn trang là sự kết hợp khả năng tư duy sáng tạo của sinh viên để phát triển ý tưởng trong từng sản phẩm thiết kế đồ hoạ ứng dụng như: Thiết kế bìa sách, thiết kế đầu báo, thiết kế	0	3	Thực hành

	Thiết kế tạp chí, dàn tranh	minh họa,.. - Là môn chuyên ngành có thể vận dụng kiến thức của các môn học khác như cơ sở tạo hình 1,2,3, trang trí, nghệ thuật chữ., tranh đồ hoạ,…để kết hợp trong sáng tác thiết kế thành các sản phẩm đồ hoạ ứng dụng. - Học phần này giúp cho sinh viên nắm được những yêu cầu cơ bản trong việc thiết kế sách, từ thiết kế bìa sách đến trình bày sách. Ngoài ra, sinh viên còn có khả năng phân biệt các thể loại sách hiện có trên thế giới.. - Học phần được xây dựng trong chương trình giảng dạy ngành Đồ họa, thuộc các trường có đào tạo ngành Mỹ thuật ứng dụng, nhiều trường đã có bề dày đào tạo đến 40, 50 năm ở Việt Nam như Đại học Mỹ thuật Công nghiệp Hà Nội.			
150.	**Sáng tác Thiết kế 3** **- Lịch**	Đây là học phần thuộc kiến thức bắt buộc trong chương trình đào tạo của hệ đại học theo quy định chung của Bộ giáo dục và Đào tạo. Học phần Sáng tác thiết kế 3 – Lịch là một học phần gồm 03 tín chỉ, học phần không chỉ là tiền đề mà còn là định hướng cho sinh viên phát huy được khả năng sáng tác, hỗ trợ cho công việc thiết kế của các bạn sinh viên sau khi ra trường. Môn học nhằm giúp sinh viên nắm vững sơ bộ kiến thức về quá trình hình thành và phát triển của lịch ngày nay. Các thông tin về thiết kế lịch như: Công dụng của thiết kế lịch; các loại lịch; kích thước thông dụng; các hình thức layout của lịch; các hình thức quảng cáo của lịch (lịch treo tường, lịch để bản, bao bì và túi xách,...). Chức năng sử dụng, các	0	3	Thực hành

		yếu tố tạo hình, các giải pháp thẩm mỹ sáng tác thiết kế lịch tết. Qua việc tìm nhu cầu thực tiễn của người tiêu dùng theo từng đặc thù công việc và mục đích sử dụng,…đưa ra phương án thiết kế phù hợp nhất. Ngoài ra, học phần có ý nghĩa về khoa học và triển khai thành sản phẩm thật, góp phần hệ thống, bổ sung những vấn đề về lý thuyết và kỹ năng cần có đối với một thiết kế đồ họa.			
151.	**Sáng tác Thiết kế 4** **- Logo**	- Giới thiệu môn học, lịch sử ra đời của Logo - Giới thiệu chung về logo, Phân loại logo - Vai trò và vị trí của Logo - Những vấn đề liên quan đến Thiết Logo	0	3	Thực hành
152.	**Sáng tác Thiết kế 5** **- Bao bì**	Trang bị những kiến thức khái quát, cơ bản về thiết kế bao bì. Sinh viên rèn luyện những kỹ thuật cơ bản để thực hiện ý tưởng thiết kế trên máy vi tính thông qua các phần mềm đồ họa. Giúp sinh viên nắm được các kỹ thuật cơ bản trong sáng tác thiết kế bao bì và các hình thái của bao bì Quy cách và tiêu chuẩn cho từng hình thái bao bì. Hình thành, rèn luyện phương pháp xử lý các công việc theo nhóm và cách làm việc độc lập	0	3	Thực hành
153.	**Sáng tác Thiết kế 6** **- Tranh cổ động, Poster**	Sáng tác Tranh cổ động, áp phích quảng cáo được đưa vào hệ thống học tập trong nhà trường nhằm đáp ứng mục tiêu, Giúp sinh viên khả năng tư duy sáng tạo, bảo đảm đào tạo gắn liền với thực tiễn xã hội. Trang bị những kiến thức khái quát, ngôn ngữ sử dụng trang trí căn bản như: Các kỹ năng sử dụng bút vật liệu, khiếu quan sát thực tế	0	3	Thực hành

		ứng dụng vào sáng tác tranh cổ động. Trang bị những kiến thức cơ bản về thiết kế hệ thống ápphic quảng cáo thương mại nguyễn tắc cơ bản trong tạo hình đồ họa , các giải pháp thẩm mỹ sáng tác thiết kế đồng bộ nội dung và hình thức của hệ thống ápphic quảng cáo.			
154.	**Sáng tác Thiết kế 7** **- Brochure, Catalogue**	- Khái quát chung về thiết kế đồ họa tờ rơi, catalogue,... - Phân loại - Những vấn đề liên quan đến thiết kế đồ họa tờ rơi, catalogue,...	0	3	Thực hành
155.	**Sáng tác Thiết kế 8** **- Thiết kế đồng bộ sản phẩm**	Nghiên cứu về phương pháp thiết kế bộ sản phẩm đồ họa thông qua ngôn ngữ nghệ thuật, các yếu tố tạo hình, xây dựng ý tưởng và áp dụng nghệ thuật cho đối tượng thiết kế. Trang bị những kiến thức cơ bản về thiết kế hệ thống đồ họa văn phòng: profile, card visit, letter head, giấy tờ giao dịch văn phòng; những đặc điểm cơ bản và yêu cầu thiết kế mỗi sản phẩm có tính độc lập và đồng bộ của các sản phẩm đồ họa văn phòng Môn học giúp SV phân biệt được chức năng và thẩm mỹ của từng loại thiết kế đồ họa có giải pháp chuyển tải thông tin một cách hữu hiệu, nhưng vẫn đảm bảo tính đồng bộ. Môn học giúp sinh viên nắm bắt được hệ thống bộ nhận diện thương hiệu của công ty Trang bị những kiến thức cơ bản về xây dựng ý tưởng và thiết lập các giải pháp thiết kế cho các sản phẩm cụm	0	2	Thực hành

		bài quảng cáo đồ hoạ thương mại. Giúp sinh viên xây dựng ý tưởng thiết kế cho đơn vị thương mại. Thể hiện sáng tác đầy đủ bộ quảng cáo từ: Logo, bộ văn phòng, bao bì, Catalogue, Brochue,. Áp phích,…. Là học phần tổng hợp kiến thức chuyên ngành thiết kế đồ hoạ để xây dựng và thiết kế các sản phẩm cần thiết cho đơn vị được chọn.			
156.	**Phát triển ý tưởng**	Xây dựng ý tưởng Thiết kế trang trí Làm rõ các quá trình phát triển liên kết các ý tưởng , tính đồng bộ của thiết kế , giá trị thẩm mỹ trong liên kết của hệ thống quảng bá sản phẩm, thương hiệu sản phẩm. Hướng phát triển ban đầu, viết thuyết minh phần xây dựng ý tưởng Diễn giải các giai đoạn phát triển của ý tưởng kèm theo minh hoạ Hướng dẫn quá trình chuyển đổi từ tư duy ngôn ngữ , sang tư duy hình thể Xây dựng ý tưởng, Thiết kế hệ thống trang trí đồng bộ cho một sản phẩm: - Nhãn hiệu - Bao bì - Tờ rơi , - Áp phich quảng cáo Xây dựng , hoàn thiện, phát triển, ý tưởng bộ nhận diện thương hiệu cho sản phẩm (hoàn thiện tiểu luận)	0	3	Thực hành

157.	**Vẽ kỹ thuật**	Học phần vẽ kỹ thuật là học phần kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học khối ngành kỹ thuật, mỹ thuật ứng dụng. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: các tiêu chuẩn Việt Nam về bản vẽ kỹ thuật, đồ thức, bản vẽ hình chiếu trục đo, bản vẽ chi tiết, những quy ước biểu diễn các chi tiết thiết kế tiêu chuẩn, đọc, hiểu và vẽ bóc tách các chi tiết từ một số bản vẽ thông dụng.	0	2	Thực hành
158.	**Đồ họa vi tính (SPMT)**	Môn học Đồ họa vi tính cung cấp cho sinh viên kiến thức về kỹ thuật xử lý phần mềm đồ họa vi tính Corel Draw, Photoshop, Ilustrator – phương tiện bổ trợ tạo hình cho thiết kế đồ họa chuyên nghiệp. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng xác định mục tiêu, lựa chọn phương pháp, giải pháp tối ưu trong ứng dụng Corel Draw, Photoshop, Ilustrator trong thiết kế in ấn, thiết kế đồ họa đa phương tiện và các đồ họa trực tuyến…thông qua các bài tập ở lớp và thực hành. Hướng dẫn sinh viên tham khảo, ý thức tìm hiểu nâng cao khả năng sử dụng phần mềm.	0	3	Thực hành
159.	**Đồ họa vi tính 1 (Photoshop, Corel, Ilustrator)**	Môn học Đồ họa vi tính cung cấp cho sinh viên kiến thức về kỹ thuật xử lý phần mềm đồ họa vi tính Corel Draw, Photoshop, Ilustrator - phương tiện bổ trợ tạo hình cho thiết kế đồ họa chuyên nghiệp. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng xác định mục tiêu, lựa chọn phương pháp, giải pháp tối ưu trong ứng dụng Corel Draw, Photoshop, Ilustrator trong thiết kế in ấn, thiết kế đồ họa đa phương tiện và các đồ họa trực tuyến…thông qua các bài tập ở lớp và thực hành. Hướng dẫn sinh viên tham khảo, ý	0	3	Thực hành

		thức tìm hiểu nâng cao khả năng sử dụng phần mềm.			
160.	**Nghệ thuật chữ**	Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về lý luận thiết kế tạo dáng các kiểu chữ, nghệ thuật sử dụng chữ. Phương pháp luyện nét, luyện mảng, sử dụng mầu, xử lý đậm nhạt, xử lý không gian. Phương pháp phân tách mảng, cách điệu chữ. Học phần này giúp cho Sinh viên hiểu và nắm bắt được sự ra đời và phát triển của các dạng chữ cơ bản và ứng dụng chữ La tinh vào các lĩnh vực của đời sống xã hội và các môn chuyên ngành mỹ thuật ứng dụng. Nâng cao sự hiểu biết, góp phần tạo dựng những nền tảng hiểu biết cơ bản của nghệ thuật chữ, giáo dục thẩm mỹ cho cộng đồng xã hội. Nắm được sự hình thành và phát triển của ngôn ngữ và chữ viết. Nắm được cấu trúc của hai kiểu chữ cơ bản nhất và sự biến hoá của chữ viết để từ đó ứng dụng một cách linh hoạt, sáng tạo trong những mô hình, kích thước, công việc cụ thể của trang trí đồ hoạ... Cung cấp cho sinh viên một số phương pháp nghiên cứu, tìm hiểu về những điểm đặc trưng cơ bản của môn học. Trên cơ sở Trang bị kiến thức cho Sinh viên: Kết hợp các kiến thức về mầu sắc nhằm sử dụng sáng tạo, linh hoạt các kiến thức này trong công việc sáng tác, thiết kế được tốt, đảm bảo được các yêu cầu về thẩm mỹ tạo hình	0	3	Thực hành
161.	**Đồ họa ảnh**	Môn học giúp sinh viên hiểu được các kỹ thuật chụp ảnh cơ bản, phương pháp tạo hình cho người mẫu, cách lấy	0	2	Thực hành

		sắc độ, ánh sáng, xử lý ảnh... phục vụ cho việc chụp ảnh theo các chủ đề khác nhau như: cuộc sống đời thường, Studio, ảnh nghệ thuật, sáng tac…và thực hiện bộ ảnh trình bày các mẫu trang phục. Đây là môn học giúp người học phát triển kỹ năng bổ trợ cho việc thực hiện tư liệu sáng tác, tư liệu giảng dạy.. - Giúp sinh viên nắm vững qui luật về bố cục, màu sắc, và các nguyên lý cơ bản về màu. Kỹ thuật xử lý trên máy ảnh, trên phân mềm đồ họa - Dựa trên hệ thống nhận thức các nguyên lý của hệ thống lý thuyết, học viên sẽ thể hiện những bài tập về sáng tác ảnh nghệ thuật năng sử dụng phần mềm.			
162.	**Thiết kế giao diện Website**	- Giúp sinh viên nắm vững những kiến thức cơ bản về Internetvà Thiết kế mỹ thuật giao diện Website. - Môn học giới thiệu cho sinh viên một số công cụ được sử dụng trong quá trình thiết kế Website, tạo điều kiện cho sinh mở rộng nhận thức, nâng cao thẩm mỹ. Có thái độ tích cực trong việc vận dụng kiến thức trong thiết kế đồ họa. Hứng thú, say mê trong sáng tạo nghệ thuật.	0	2	Thực hành
163.	**Ký hoạ**	Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức để nghiên cứu ký họa bằng chất liệu Chì đen. Sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ thuật nắm bắt hình, bố cục và thể hiện chất liệu, Trọng tâm của tín chỉ này là kỹ năng vẽ ký họa phong cảnh và nhóm người bằng chất liệu Chì đen	0	2	Thực hành
164.	**Thiết kế gian hàng, triển lãm**	- Học phần đề cập tới các vấn đề: Tư duy, suy luận hình khối và yếu tố đồ họa sử dụng trong thiết kế triển lãm.	0	2	Thực hành

	hội chợ	Thiết kế của màu sắc và đồ họa ứng dụng cho công năng của triển lãm . - Mục tiêu cần đạt được về kiến thức và kỹ năng sau khi kết thúc học phần: Sau khi hoàn thành tốt học phần này sinh viên có khả năng suy luận và tư duy sáng tạo cho thiết kế các ứng dụng của chuyên ngành mình học. Thực hiện xử lý các phát sinh nảy sinh từ công việc. Hình thành, rèn luyện phương pháp xử lý các công việc theo nhóm và cách làm việc độc lập. Bồi dưỡng năng lực tư duy về cách xây dựng ý tưởng thiết kế, rèn luyện tính linh hoạt cho sinh viên, tạo tiền đề cho sự phát triển sáng tạo.			
165.	**Đồ họa vi tính 2 (AutoCad 3D)**	Học phần Đồ họa vi tính 2 là học phần kiến thức ngành của chương trình đào tạo đại học khối ngành Đồ họa, mỹ thuật ứng dụng. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các phần mềm dựng mô hình 3D như Autocad, Sketchup… Đây là những phần mềm chuyên để dựng hình, mô phỏng các mô hình 3D… sinh viên có thể sử dụng phần mềm SketchUp để thiết kế các mô hình 2D, 3D và tạo các khối hình học đa dạng từ cơ bản đến phức tạp.	0	3	Thực hành
166.	**Sáng tác Tranh trổ giấy**	Học phần SÁNG TÁC TRANH TRỔ GIẤY, cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản nhất về sáng tác Tranh trổ giấy (Nghệ thuật cắt giấy đa số được sử dụng phục vụ cho các hoạt động tín ngưỡng như đuổi tà ma, thờ cúng. Trong các dịp lễ tết, thờ cũng tổ tiên, chúc thọ, đám cưới dùng các hình vẽ giấy cắt như phượng,	0	2	Thực hành

		rồng, chữ song hỉ, uyên ương…sẽ mang lại may mắn, bình an. Bên cạnh đó nghệ thuật trổ giấy còn được sử dụng như vật trang trí mang tính độc đáo). Đề tài của tranh trổ giấy thường là hoa lá, cỏ cây, muông thú, côn trùng… được cô đọng và giản lược để điển hình hóa qua nét trổ. Thông qua thực hành, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng: khéo léo sử dụng dụng cụ cắt, trổ giấy. Ngoài ra trong chương trình học cũng lồng ghép kỹ năng ứng dụng các sản phẩm sáng tạo vào nhu cầu thực tiễn sản phẩm tiêu dùng và trang trí làm đẹp không gian nội ngoại thất			
167.	**Sơn mài**	Sơn mài là một chất liệu của độc đáo hội họa Việt Nam. Sơn mài lộng lẫy vàng son, tinh tế, sâu lắng phù hợp với cách nghĩ, với điều kiện, môi tr ường sống của người Việt nên kể từ khi ra đời, phát triển đã và đang ngày càng có vị thế đặc biệt trong hội họa Việt Nam. Nhằm học tập và phát huymột chất liệu mang đầy bản sắc, môn Bố cục - Kỹ thuật, Chất liệu Sơn mài đã đư ợc đưa vào giảng dạy, là môn học cơ bản trong chương trình đào tạo Mỹ thuật ở Việt Nam. Môn học này giúp người học nắm vững kiến thức và kỹ năng về chất liệu sơn mài, từ đó có thể chủ động sử dụng chất liệu để thể hiện những ý tưởng nghệ thuật. Đối với sinh viên sư phạm mỹ thuật việc hiểu rõ về sơn mài còn giúp cho những bài giảng về các tác phẩm hội họa Việt Nam thêm sâu sắc hơn.	0	2	Thực hành
168.	**Bố cục Lụa**	Học phần Bố cục lụa giúp sinh viên thực hành các bài tập sáng tác các tác phẩm Nghệ thuật tạo hình bằng ngôn ngữ Hội họa với chất liệu lụa. Sinh viên được trang bị kiến			Thực hành

		thức và kỹ thuật thể hiện chất liệu, vẽ được tranh phong cảnh và tranh bố cục chủ đề tự chọn bằng chất liệu lụa. Hỗ trợ kỹ năng thị phạm trong quá trình rèn luyện các học phần chuyên ngành Sư phạm Mỹ thuật. Hỗ trợ khả năng định hướng phong cách sáng tạo Hội họa.	0	2	
169.	**Tranh đồ hoạ ấn loát**	Đây là học phần thuộc kiến thức bắt buộc trong chương trình đào tạo của hệ đại học theo quy định chung của Bộ giáo dục và Đào tạo. Học phần TRANH ĐỒ HỌA ẤN LOÁT, giới thiệu khai quát về tranh in đồ họa nói chung và tranh in độc bản nói riêng. Những thuật ngữ và lịch sử phát triển tranh in độc bản trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Hướng dẫn sinh viên hệ thống lý thuyết và thực hành về phương pháp, kỹ thuật và chất liệu của thể loại Tranh đồ họa ấn loát Giới thiệu một số quy chuẩn chung về cách trình bày và lưu giữ, bảo quản tác phẩm cũng như lưu ý về đảm bảo vệ sinh, an toàn lao động trong không gian, địa điểm thực hành.	0	2	Thực hành
170.	**Thiết kế công nghiệp cơ bản**	Học phần Thiết kế công nghiệp là một môn học nghiên cứu về sáng tác thiết kế mô hình đồ chơi, được ra đời trên nhu cầu thực tế của sinh viên ngành sư phạm nghệ thuật, nhằm phục vụ cho việc giảng dạy của sinh viên sau khi ra trường. Bằng sự sáng tạo của nghệ thuật tạo hình, ứng dụng vào các thiết kế mô hình đồ chơi giúp cho sinh viên được rèn luyện về thể chất và trí tuệ, kỹ năng… Ngoài ra thiết kế	0	2	Thực hành

		mô hình đồ chơi còn mang tính giáo dục nhân cách của con người - nhất là trẻ em trước những vấn đề ứng xử trong cuộc sống, giúp cho tập thể có được bầu không khí vui vẻ, thân ái, chia sẻ, đoàn kết... - Bồi dưỡng sinh viên khả năng vận dụng những kiến thức về Nghệ thuật tạo hình vào việc lựa chọn, thiết kế, chế tạo và sử dụng đồ chơi - đồ dùng dạy học, tích cực và sáng tạo trong việc tìm kiếm các vật liệu đa dạng, chế tạo đồ chơi - đồ dùng dạy học đơn giản mang tính nghệ thuật, phù hợp với nội dung giáo dục, tạo môi trường giáo dục, phát huy tính tích cực cho trẻ em.			
171.	**Kiến trúc cơ bản**	Học phần Kiến trúc cơ bản là một môn học nghiên cứu về không gian kết hợp hài hoà và cân bằng giữa hai yếu tố mỹ thuật và kỹ thuật, được ra đời trên cơ sở tổng hợp những quy tắc về sự nhìn, nhằm phục vụ cho việc biểu đạt sắp xếp, bố trí không gian cho phù hợp với mục đích sử dụng và mang tính thẩm mỹ cao phục vụ nhu cầu đời sống xã hội Kiến trúc nhập môn cũng cung cấp cho sinh viên các khái niệm kiến thức về kiến trúc, các yếu tố tạo thành công trình kiến trúc, những lý thuyết cơ bản về không gian, kích thước, tỷ lệ… và cơ sở tạo hình kiến trúc. Giới thiệu qui trình làm việc, phương pháp nghiên cứu và tư duy sáng tạo của người kiến trúc sư, qua đó, giúp sinh viên hiểu, có kế hoạch học tập và định hướng được ngành nghề, có thêm kiến thức căn bản để tiếp tục học các môn học chuyên sâu	0	2	Thực hành

172.	**Thực tế nghề nghiệp**	Thực tập nghề nghiệp hướng dẫn sinh viên phương pháp ghi chép, thu thập tư liệu trên tinh thần xây dựng cụm bài tốt nghiệp. Sinh viên sử dụng các thủ pháp như: ký họa chì, than, bút sắt, bột màu, màu nước,.qua khảo sát thực tế, lấy tư liệu. Thực tập nghề nghiệp hỗ trợ cho sinh viên rất nhiều trong quá trình xây dựng tài liệu thực tế bổ trợ cho những HP sau. Sinh viên có vốn tư liệu để thực hiện tác phẩm và khóa luận tốt nghiệp. Học phần thực tập tốt nghiệp phục vụ đắc lực trong môn sáng tác, mục tiêu là ghi chép thực tế để nhằm có nguồn tư liệu cho bài chuyên khoa cuối khóa.	0	4	Thực hành
173.	**Thực tập cuối khóa**	Thực tập cuối khóa hướng dẫn sinh viên phương pháp ghi chép, thu thập tư liệu trên tinh thần xây dựng cụm bài tốt nghiệp. Sinh viên sử dụng các thủ pháp như: ký họa chì, than, bút sắt, bột màu, màu nước,.qua khảo sát thực tế, lấy tư liệu. Thực tập cuối khóa hỗ trợ cho sinh viên rất nhiều trong quá trình xây dựng tài liệu thực tế bổ trợ cho những HP sau. Sinh viên có vốn tư liệu để thực hiện tác phẩm và khóa luận tốt nghiệp. Học phần thực tập cuối khóa phục vụ đắc lực trong môn sáng tác, mục tiêu là ghi chép thực tế để nhằm có nguồn tư liệu cho bài chuyên khoa cuối khóa.	0	4	Thực hành
174.		- Học phần Đồ án Tổng hợp là HP mang tính tổng hợp suốt quá trình học các HP chuyên ngành từ thiết kế, ý tưởng, phương pháp thể hiện các sản phẩm. Triển khai			Thực hành

	Đồ án tổng hợp	thực hành thực tập, thể nghiệm, xây dựng và hoàn thành đồ án tốt nghiệp, SV có thể lựa chọn các sản phẩm thuộc chuyên ngành để xây dụng bào tập đồ án như: + Thiết kế đồ họa cho một nhóm sản phẩm, Xây dựng Bộ nhận diện thương hiệu cho sản phẩm trên 3 ấn phẩm: Logo, Bao bì, …..và quảng cáo; Sáng tác bộ Lịch, Bìa sách; minh họa, tranh khắc… + Giúp sinh viên trình bày các ý tưởng và bảo vệ các ý tưởng sáng tác của mình.	0	4	
Bộ môn Du lịch					
175.	**Tổng quan du lịch**	Học phần cung cấp các nội dung kiến thức về du lịch: lịch sử hình thành phát triển du lịch, các quan niệm, khái niệm về du lịch, các điều kiện phát triển du lịch, các yếu tố cấu thành ngành công nghiệp du lịch cũng như nhu cầu, động cơ loại hình, sản phẩm và tình mùa vụ trong du lịch, những đặc điểm trong lao động ngành du lịch cũng như tác động của du lịch đến các lĩnh vực trong xã hội. Đây là những nội dung cơ bản giúp sinh viên hiểu và nắm vững những hiểu biết căn bản về du lịch cũng như ngành du lịch. Mặt khác, học phần cũng giúp sinh viên hiểu và có định hướng rõ hơn trong học tập của bản thân để đạt được yêu cầu sau tốt nghiệp.	3	0	Trắc nghiệm
176.	**Văn hóa Du lịch**	Học phần cung cấp các nội dung kiến thức về văn hóa du lịch, bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa trong phát triển du lịch; những nguyên tắc tổ chức, quản lý và khai thác các giá trị văn hóa trong phát triển du lịch trong bối cảnh hiện nay. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên những	3	0	Tự luận

		cách thức, công cụ khai thác các giá trị văn hóa trong phát triển du lịch theo hướng bền vững.			
177.	**Địa lý du lịch Việt Nam**	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cốt lõi của Địa lí du lịch Việt Nam, đó là: tổ chức không gian lãnh thổ du lịch (các vùng du lịch ở Việt Nam), phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển du lịch (các yếu tố tài nguyên du lịch, các nhân tố kinh tế xã hội và chính trị, cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kĩ thuật); các quan điểm về tổ chức lãnh thổ du lịch, hệ thống phân vị trong phân vùng du lịch, nghiên cứu các chỉ tiêu phát triển du lịch.	3	0	Tự luận
178.	**Di tích và danh thắng Việt Nam**	Học phần cung cấp các nội dung kiến thức về Di tích lịch sử -văn hóa và danh lam thắng cảnh ở Việt Nam; vấn đề khai thác giá trị của các di tích – danh thắng phục vụ cho hoạt động du lịch; phương pháp viết bài thuyết minh và trình bày bài thuyết minh về di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh ở Việt Nam. Học phần Di tích và danh thắng Việt Nam góp phần tạo nên kiến thức nền tảng trong khoa học nghiên cứu về di sản ở Việt Nam cũng như phục vụ thiết thực cho hoạt động du lịch của người học sau khi tốt nghiệp.	2	1	Tự luận
179.	**Tuyến điểm**	Tuyến điểm du lịch là học phần chuyên ngành quan trọng đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị Du lịch, Hướng dẫn du lịch du lịch và Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành. Học phần cung cấp những kiến thức về phương pháp tiếp cận, nghiên cứu lý thuyết về tuyến, điểm du lịch; những kiến			Thực hành

	du lịch Việt Nam	thức về địa lý, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh của các điểm, tuyến điểm,vùng du lịch Việt Nam. Trên cơ sở đó,sinh viên có thể áp dụng các kiến thức và kỹ năng vào thực tế trong nghề hướng dẫn viên du lịch cũng như bổ trợ cho môn nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, thiết kế chương trình tour du lịch và xây dựng tuyến điểm du lịch.	1	2	
180.	**Tâm lý khách du lịch**	Tâm lý học du lịch là một khoa học ứng dụng kiến thức tâm lý học vào lĩnh vực kinh doanh du lịch. Học phần này hệ thống hóa những kiến thức cơ bản, phổ biến về tâm lý khách du lịch, những hiện tượng tâm lý xã hội ảnh hưởng đến khách du lịch, những đặc điểm tâm lý của du khách trong tiêu dùng du lịch về nhu cầu, sở thích, tâm trạng, động cơ, hứng thú, hành vi tiêu dùng du lịch. Nghiên cứu đặc trưng trong tâm lý khi đi du lịch của du khách ở các châu lục, quốc gia, vùng lãnh thổ.... Trên cơ sở những hiểu biết tâm lý du khách, học phần góp phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nghệ thuật giao tiếp cho phù hợp với đặc điểm tâm lý từng loại du khách.	3	0	Trắc nghiệm
181.	**Kỹ năng hoạt náo trong du lịch**	Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về các hoạt động hoạt náo trong du lịch trong đó tập trung xây dựng kiến thức về hoạt động hoạt náo trên phương tiện vận chuyển, tổ chức teambuilding, gala. Học phần cũng cung cấp cho người học các kỹ năng cơ bản trong việc tổ chức hoạt náo trên xe, tổ chức các hoạt động teambuilding trong nhà và ngoài trời.	1	2	Thực hành

182.	**Văn hóa ẩm thực**	Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về văn hóa ẩm thực nói chung trên thế giới; văn hóa ẩm thực Việt Nam nói riêng; một số nền văn hóa ẩm thực quan trọng đối với du lịch Việt Nam; ẩm thực và tôn giáo. Từ đó người học có được khả năng tìm hiểu, nghiên cứu về ẩm thực, văn hóa ẩ thực và đề xuất ý kiến thỏa đáng trong việc nâng cao giá trị ẩm thực, văn hóa ẩm thực; sáng tạo cách chế biến tạo ra sản phẩm ẩm thực có giá trị.	3	0	Trắc nghiệm
183.	**Du lịch bền vững**	Học phần Du lịch bền vững được cấu trúc thành những nội dung chính như sau: - Tổng quan về Du lịch bền vững: khái niệm, nguyên tắc, chính sách... của du lịch bền vững, các biện pháp nhằm "xanh hóa" hoạt động du lịch thương mại theo hướng bền vững và các phương pháp đánh giá Du lịch bền vững - Các công thức tính sự phát triển du lịch bền vững như: vòng đời của điểm du lịch, sức chứa, các phương pháp tăng tính hấp dẫn của điểm du lịch - Các loại hình, mô hình Du lịch bền vững và việc lập kế hoạch phát triển du lịch bền vững.	2	0	Trắc nghiệm
184.	**Du lịch văn hóa**	Học cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về khái niệm, vị trí, vai trò, đặc điểm, nhiệm vụ; cũng như các nguyên tắc xây dựng du lịch văn hóa. Đồng thời hiểu được các điều kiện phần Du lịch văn hoá để phát triển du lịch văn hóa. Bên cạnh đó nhận biết được các giá trị của văn hoá trong du lịch, các giá trị văn hoá bản địa	3	0	T ự l u ậ

		và nhân loại để có được các sản phẩm du lịch văn hoá có sức hấp dẫn cao. Từ đó khai thác các sản phẩm du lịch văn hoá theo các chương trình du lịch, vận dung các kiến thức về văn hoá du lịch vào trong quá trình hoạt động du lịch văn hoá ở các địa phương gắn với phát triển du lịch bền vững.			n
185.	**Ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch**	Học phần Ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch là học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở ngành du lịch, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về xây dựng văn bản, cách tổ chức, phân tích tổng hợp dữ liệu, cách sử sụng một số phần mềm ứng dụng trong hoạt động du lịch, lữ hành. Sinh viên có thể sử dụng các công cụ trên Internet cho các nghiệp vụ du lịch và lữ hành: Tìm tour, so sánh các tour, tìm kiếm địa điểm, đường đi...	1	1	Thực hành
186.	**Lễ tân ngoại giao**	Học phần Lễ tân ngoại giao thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo bậc đại học ngành Du lịch (Chuyên ngành Hướng dẫn du lịch). Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về các nghi thức ngoại giao,lễ tân nhà nước (đối nội và đối ngoại), lễ tân ngoại giao trong hoạt động đối ngoại. Trên cơ sở đó đi sâu vào việc nghiên cứu các nghiệp vụ chủ yếu trong lễ tân ngoại giao như: nghiệp vụ như đón tiếp đoàn khách nước ngoài, Tổ chức sự kiện ngoại giao, Tiệc chiêu đãi ngoại giao. Giúp người học có thể tự nghiên cứu và ứng dụng dụng vào lĩnh vực du lịch - ngành đặc biệt liên quan nhiều đến công tác đối ngoại/có	2	0	T ự l u ậ n

		yếu tố nước ngoài, định hướng và phát triển nghề nghiệp chuyên môn.			
187.	**Văn hóa giao tiếp**	Học phần văn hóa giao tiếp giới thiệu cho sinh viên những vấn đề chung về giao tiếp và văn hóa giao tiếp, ứng xử. Các kỹ năng giao tiếp như: Kỹ năng lắng nghe, kỹ năng nói, kỹ năng viết, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng giao tiếp qua điện thoại, cách sử dụng ngôn ngữ trong thuyết minh tại điểm du lịch và trong các hoạt động du lịch. Những đặc trưng trong văn hóa giao tiếp của người Việt; vai trò của giao tiếp, ứng xử đối với người làm du lịch; những nguyên tắc và phương thức giao tiếp, ứng xử giữa nhân viên ngành du lịch với du khách.Trên cơ sở đó sinh viên thực hành các kỹ năng giao tiếp qua đó hình thành những kỹ năng giao tiếp phù hợp với nghề nghiệp trong tương lai.	1	2	Thực hành
188.	**Kinh doanh du lịch trực tuyến**	Học phần Kinh doanh Du lịch trực tuyến được cấu trúc thành những nội dung chính như sau: - Tổng quan về Kinh doanh du lịch trực tuyến: khái niệm, đặc điểm, các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh du lịch trực tuyến, xu hướng của hoạt động kinh doanh du lịch trực tuyến hiện nay… - Môi trường vĩ mô trong kinh doanh du lịch trực tuyến: môi trường kinh tế, môi trường chính trị, môi trường văn hoá, môi trường xã hội, môi trường kỹ thuật công nghệ - Môi trường vi mô trong kinh doanh du lịch trực tuyến: đối thủ cạnh tranh, các nhà cung cấp, khách hàng, sản	2	0	Tự luận

		phẩm - Môi trường kinh doanh nội bộ: tài chính, nhân sự, uy tín, thương hiệu			
189.	**Du lịch cộng đồng**	Học phần Du lịch cộng đồng (DLCĐ) nghiên cứu những kiến thức cơ bản về Du lịch cộng dồng và homestay như khái niệm Du lịch cộng đồng, các hình thức, nguyên tắc hoạt động và những tác động của phát triển DLCĐ đến kinh tế, xã hội và môi trường. Mối quan hệ giữa phát triển DLCĐ và homestay. Đặc biệt, học phần giúp cho sinh viên rèn luyện kỹ năng tổ chức quy trình phát triển mô hình DLCĐ, tổ chức kinh doanh du lịch hiệu quả. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nghiên cứu những bài học kinh nghiệm thực tiễn phát triển DLCĐ tại một số quốc gia trên thế giới và Việt Nam.	3	0	Tự luận
190.	**Nghiệp vụ thuyết minh tại điểm**	Học phần cung cấp các nội dung kiến thức về nghiệp vụ thuyết minh du lịch và thuyết minh viên du lịch: khái niệm, quy trình làm việc, yêu cầu cơ bản cung như những kiến thức cần có của thuyết minh viên du lịch. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cần có của thuyết minh viên du lịch: những kỹ năng thuyết minh du lịch, kỹ năng và phương pháp thuyết minh tại điểm, kỹ năng ứng xử đúng mực trong quá trình tác nghiệp, kỹ năng xử lý tình huống trong thuyết minh.	1	2	Thực hành
191.	**Nghiệp vụ hướng dẫn du**	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ kỹ năng nghề nghiệp cũng như quy trình tổ chức hướng dẫn khách du lịch theo hình thức tổ chức			Thực hành

	lịch	chuyến đi, phương pháp dẫn tuyến, phương pháp trả lời câu hỏi, đối thoại với khách, phương pháp xử lý tình huống, phong cách hướng dẫn. Học phần cũng trang bị những kỹ năng nghề nghiệp như quy trình tổ chức hướng dẫn khách du lịch theo hình thức tổ chức chuyến đi	1	2	
192.	**Quản lý Nhà nước về du lịch**	Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề liên quan đến việc quản lý nhà nước trong lịch vực du lịch, trong đó tập trung vào một số vấn đề: vấn đề quản lý hành chính nhà nước về du lịch, bộ máy quản lý nhà nước về du lịch và những nội dung quản lý nhà nước về du lịch, nhất là quản lý nhà nước về du lịch trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.	2	0	Trắc nghiệm
193.	**Tổ chức hoạt động hoạt náo**	Học phần cung cấp cho người học hệ thống tổng quan kiến thức về hoạt náo tập thể. Học phần cũng cung cấp cho người học các kỹ năng cơ bản trong việc tổ chức tổ chức các hoạt động hoạt náo trong nhà và ngoài trời và cách giải quyết các tình huống khi tổ chức hoạt động tập thể cho trẻ hay kỹ năng sống cho trẻ	0	2	Thực hành
194.	**Thực tế nghề nghiệp 1 (Thực tế miền Bắc)**	Học phần thực tế nghề nghiệp 1 giúp sinh viên thâm nhập thực tế, giới thiệu cho sinh viên cách xây dựng bài thuyết minh, quy trình thực hiện chuyến tham quan của hướng dẫn viên, hướng dẫn du khách khi di chuyển bằng phương tiện hay tại điểm du lịch, rèn luyện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng quản lý đoàn khách và thái độ phục vụ chuyên nghiệp	0	2	Thực hành

195.	**Thực tế nghề nghiệp 2 (Thực tế miền Nam)**	Học phần thực tế nghề nghiệp 2 giúp sinh viên thâm nhập thực tế các vùng du lịch phía Nam, sinh viên được thực hành các kỹ năng nghề nghiệp: cách xây dựng bài thuyết minh và thuyết minh các điểm du lịch, tuyến du lịch, hướng dẫn khách du lịch trên xe, kỹ năng hoạt náo, kỹ năng thiết kế chương trình du lịch.	0	2	Thực hành
196.	**Thực tế nghề nghiệp**		0	2	Thực hành
197.	**Thực tập doanh nghiệp 1**	Học phần thực tế doanh nghiệp 1 là học phần giúp sinh viên thực tập nhận thức nghề nghiệp, thâm nhập thực tế tại đơn vị kinh doanh dịch vụ du lịch, bước đầu tìm hiểu các kiến thức cơ bản: Tìm hiểu về ngành Du lịch và cơ hội việc làm trong ngành; cách thức tổ chức hoạt của các bộ phận tại doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành; tham gia các chương trình du lịch trọn gói của doanh nghiệp.	0	2	Thực hành
198.	**Thực tập doanh nghiệp 2**	Học phần thực tế doanh nghiệp 2 là học phần giúp sinh viên tham gia thực tập tại doanh nghiệp du lịch lữ hành, hiểu rõ cách thức tổ chức hoạt động của các bộ phận tại doanh nghiệp Du lịch; tham gia các chương trình du lịch trọn gói của doanh nghiệp; nâng cao nhận thức về ngành Du lịch và cơ hội việc làm trong ngành	0	2	Thực hành
199.	**Thực tập tốt nghiệp**	Học phần thực tập tốt nghiệp giúp sinh viên được tham gia thực tập tại doanh nghiệp du lịch lữ hành, tiếp cận nghề nghiệp nhằm tiếp cận được các kiến thức cơ bản: Nắm vững cách thức tổ chức hoạt động của các bộ phận tại doanh nghiệp Du lịch; tham gia tổ chức các chương	0	7	Thực hành

		trình du lịch trọn gói của doanh nghiệp.			
200.	**Báo cáo tốt nghiệp**	Học phần giúp cho người học củng cố hệ thống kiến thức chuyên ngành, kỹ năng nghề nghiệp đã được học để viết báo cáo và thực hiện báo cáo những kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng trong quản trị du lịch, hướng dẫn du lịch	0	3	Báo cáo
	Bộ môn Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành				
201.	**Quản trị học**	Học phần Quản trị học là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Quản trị Khách sạn, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị cũng như việc vận dụng thực tiễn của nó như: khái niệm và bản chất của quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị, các chức năng quản trị (hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát). Học phần cũng cập nhật một số vấn đề mới về quản trị học hiện đại như quản trị thông tin và ra quyết định, quản trị sự thay đổi, quản trị xung đột của tổ chức	3	0	Tự luận
202.	**Marketing Du lịch**	Marketing du lịch là học phần cung cấp những kiến thức căn bản nhất về. Marketing, vai trò của Marketing trong doanh nghiệp kinh doanh du lịch, xu hướng của hoạt động marketing trong xu thế toàn cầu hóa. Học phần marketing du lịch cung cấp cho người học kiến thức tổng quan về môi trường hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, nghiên cứu và phân tích về hành vi mua sắm - tiêu dùng sản phẩm hàng hóa dịch vụ; có được kiến thức về hoạt động phân đoạn thị trường, xác định thị trường mục	3	0	Trắc nghiệm

		tiêu và định vị hàng hóa trên thị trường, phân tích các đặc tính và hành vi của khách hàng đồng thời giúp người học nắm bắt được các phối thức trong hoạch định, tổ chức và thực hiện một chiến lược marketing.			
203.	**Kinh tế du lịch**	Kinh tế du lịch là một môn học thuộc khối cơ sở ngành trong chương trình dào tạo đại học ngành Quản trị Khách sạn, Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành, Du lịch. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về hoạt động du lịch dưới góc độ kinh tế như: Tổng quan về ngành kinh tế du lịch; Cung cầu và thị trường du lịch; Điều kiện phát triển du lịch; Tính thời vụ trong Du lịch, Lao động du lịch, Cơ sở vật chất kỹ thuật Du lịch; Chất lượng dịch vụ du lịch và Hiệu quả kinh tế trong du lịch. Trên cơ sở đó sinh viên có thể hiểu rõ bản chất và rút ra được các quy luật hoặc tính quy luật vận động của các hiện tượng và các quan hệ kinh tế trong phạm vi ngành, có cái nhìn tổng thể về ngành du lịch của một quốc gia dưới góc độ kinh tế. Từ đó đi sâu nghiên cứu ngành du lịch với tính chất của một hệ thống mở, hệ thống du lịch dưới góc độ kinh tế bao gồm nhiều yế tố cấu thành, có mối liên hệ bên trong cũng như bên ngoài hệ thống với các yếu tố môi trường. Giúp người học có được tư duy và năng lực đánh giá, hoạch định các vấn đề kinh tế mang tính chiến lược trong phạm vi ngành.	3	0	Tự luận
204.	**Quản trị dịch vụ**	Học phần Quản trị dịch vụ là học phần thuộc khối chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Khái quát về quản trị dịch vụ, quản trị	3	0	Tự luận

		các nguồn lực dịch vụ, quản trị cầu dịch vụ, quản trị quá trình cung ứng dịch vụ, quản trị quan hệ khách hàng, chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch vụ toàn cầu.			
205.	**Quản trị chất lượng dịch vụ**	Học phần QTCLDV là học phần thuộc khối chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về QTCLDV; thiết kế, đánh giá và quản trị lỗ hổng CLDV; hệ thống phân phát dịch vụ; nhân tố con người trong QTCLDV và sự tin cậy của dịch vụ; đảm bảo và cải tiến CLDV và tiêu chuẩn hệ thống quản trị chất lượng trong tổ chức, doanh nghiệp.	3	0	Tự luận
206.	**Quản trị nhân lực du lịch**	Học phần Quản trị nhân lực là học phần thuộc khối chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Nội dung học phần bao gồm: 7 chương. Chương đầu tiên giới thiệu khái quát về quản trị nguồn nhân lực, các chương còn lại tương ứng với ba nhóm chức năng quan trọng nhất của quản trị nguồn nhân lực trong các tổ chức: thu hút, đào tạo và phát triển và duy trì nguồn nhân lực.	3	0	Tự luận
207.	**Quản trị kinh doanh lữ hành**	Học phần Quản trị kinh doanh lữ hành là học phần thuộc khối chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Khái quát về quản trị kinh doanh lữ hành, nội dung cơ bản của kinh doanh lữ hành, cơ cấu tổ chức và quản trị nhân lực của doanh nghiệp lữ hành, quan hệ giữa nhà cung			Tự luận

		cấp với doanh nghiệp lữ hành, tổ chức kinh doanh của đại lý lữ hành, xây dựng chương trình du lịch, tổ chức xúc tiến hỗn hợp, bán và thực hiện chương trình du lịch, hiệu quả kinh doanh chương trình du lịch; môi trường kinh doanh và chiến lược, chính sách kinh doanh của doanh nghiệp lữ hành	3	0	
208.	**Thiết kế và điều hành chương trình du lịch**	Học phần cung cấp cho người học kiến thức về xây dựng lịch trình chi tiết cho các tour du lịch; xây dựng phương án vận chuyển, lưu trú, ăn uống cho tour du lịch; xây dựng giá thành và giá bán của tour du lịch; giới thiệu các bước để điều hành, tổ chức, thực hiện tour du lịch; tổ chức đặt các yêu cầu về dịch vụ của tour du lịch; theo dõi cập nhật thông tin và xử lý tình huống trong quá trình tour du lịch diễn ra.	1	2	Thực hành
209.	**Quản trị thương hiệu**	Học phần QTTH là học phần thuộc khối chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Nội dung học phần bao gồm: Cung cấp những vấn đề như khái niệm về thương hiệu, vai trò chức năng của thương hiệu, các mô hình, chiến lược thương hiệu; thiết kế và bảo vệ thương hiệu; quảng bá và khai thác thương hiệu, xử lý những tình huống thương hiệu.Kiến thức cốt lõi cần đạt được	3	0	Tự luận
210.	**Quản trị điểm đến du lịch**	Học phần Quản trị điểm đến du lịch là học phần cung cấp kiến thức: khái quát về điểm đến du lịch, tổ chức quản trị điểm đến du lịch và các nội dung quản trị điểm			Tự luận

		đến du lịch, chiến lược và quy hoạch phát triển điểm đến du lịch, marketing điểm đến du lịch và chất lượng điểm đến du lịch.	3	0	
211.	**Thực tế nghề nghiệp 1**	Học phần giúp người học bước đầu làm quen, tìm hiểu quy trình quản trị, điều hành và thực hiện chương trình du lịch, quy trình hoạt động của bộ máy quản lý và chuyên môn tại các cơ quan, doanh nghiệp du lịch – khách sạn, trung tâm du lịch - dịch vụ sự kiện. Làm quen với các kỹ năng thiết kế và điều hành chương trình du lịch, hướng dẫn du lịch, thuyết minh du lịch, hoạt náo viên… giúp định hình được kỹ năng nghề nghiệp cho người học.	0	2	Thực hành
212.	**Thực tế nghề nghiệp 2**	Học phần giúp người học tìm hiểu, nắm vững quy trình quản trị và điều hành chương trình du lịch, quy trình hoạt động của bộ máy quản lý và chuyên môn tại các cơ quan, doanh nghiệp du lịch – khách sạn, trung tâm du lịch - dịch vụ sự kiện. Thực hành các kỹ năng thiết kế và điều hành chương trình du lịch, hướng dẫn du lịch, thuyết minh du lịch, hoạt náo viên…trong môi trường thực tế nhằm hình thành kỹ năng nghề nghiệp cho người học, đáp ứng nhu cầu xã hội.	0	2	Thực hành
213.	**Thực tế chuyên ngành**		0	2	Thực hành
214.	**Thực tập Doanh nghiệp 1**	Học phần giúp người học tìm hiểu, nắm vững quy trình quản trị và điều hành chương trình du lịch, quy trình hoạt động của bộ máy quản lý và chuyên môn tại các	0	2	Thực hành

		cơ quan, doanh nghiệp du lịch – khách sạn, trung tâm du lịch - dịch vụ sự kiện. Thực hành các kỹ năng thiết kế và điều hành chương trình du lịch, hướng dẫn du lịch, thuyết minh du lịch, hoạt náo viên, Tổ chức, quản lý, điều hành chương trình du lịch…trong môi trường thực tế nhằm hình thành kỹ năng nghề nghiệp cho người học, đáp ứng nhu cầu xã hội.			
215.	**Thực tập Doanh nghiệp 2**	Học phần giúp người học tìm hiểu, nắm vững quy trình quản trị và điều hành chương trình du lịch, quy trình hoạt động của bộ máy quản lý và chuyên môn tại các cơ quan, doanh nghiệp du lịch – khách sạn, trung tâm du lịch - dịch vụ sự kiện. Thực hành các kỹ năng thiết kế và điều hành chương trình du lịch, hướng dẫn du lịch, thuyết minh du lịch, hoạt náo viên, Tổ chức, quản lý, điều hành chương trình du lịch…trong môi trường thực tế nhằm hình thành kỹ năng nghề nghiệp cho người học, đáp ứng nhu cầu xã hội.	0	2	Thực hành
216.	**Thực tập tốt nghiệp**	- Tổ chức cho người học thâm nhập thực tế nhằm nâng cao chuyên môn nghề nghiệp thuốc lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - Qua đợt thực tập, người học được thu thập, tích lũy thêm tư liệu, kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng trong lĩnh vực quản lý và điều hành chương trình du lịch. - Củng cố hệ thống kiến thức chuyên ngành, kỹ năng nghề nghiệp đã được học trong chương trình đào tạo.	0	6	Thực hành
217.	**Báo cáo tốt nghiệp**	- Học phần cung cấp cho người học khả năng củng cố hệ thống kiến thức chuyên ngành, kỹ năng nghề nghiệp đã	0	3	Thực hành

		được học để viết báo cáo và thực hiện báo cáo những kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng trong lĩnh vực quản lý và điều hành chương trình du lịch.			
Bộ môn Quản trị khách sạn					
218.	**Kinh tế vi mô**	Học phần Kinh tế vi mô cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản về nền kinh tế thị trường: Cung – Cầu và sự tương tác giữa Cung – Cầu trên thị trường, Giá cả hàng hóa, dịch vụ và sự điều tiết của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường; đi sâu phân tích hành vi người tiêu dùng, hành vi nhà sản xuất; thị trường cạnh tranh và độc quyền; và nghiên cứu về thị trường các yếu tố sản xuất.	3	0	Trắc nghiệm
219.	**Nguyên lý kế toán**	Học phần Nguyên lý kế toán là nền tảng, cơ sở quan trọng của khoa học kế toán nói riêng và khoa học quản lý kinh tế nói chung. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận chung về kế toán; vai trò của kế toán trong việc thu thập, xử lý, tổng hợp và cung cấp các thông tin cho các nhà quản lý trong và ngoài doanh nghiệp; các phương pháp quản lý tài sản, nguồn vốn cũng như theo dõi sự biến động của tài sản trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp; quy trình tính giá thành sản phẩm, doanh thu và lợi nhuận.	2	0	Tự luận
220.	**Thương mại điện tử căn bản**	Học phần Giao dịch và đàm phán trong kinh là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Nội dung của học phần bao gồm những khái niệm cơ bản, kết cấu hạ tầng, phương thức thực hiện thương mại điện tử, các thành phần cấu thành	3	0	Trắc nghiệm

		của hoạt động thương mại điện tử. Phân loại các mô hình thương mại điện tử, các hoạt động giao dịch, các rủi ro khi trong thương mại điện tử. Các ứng dụng của thương mại điện tử cho doanh nghiệp. Xây dựng kế hoạch kinh doanh điện tử, và thực hiện hiện kế hoạch kinh doanh TMĐT. Marketing thông qua TMĐT và các ứng dụng khác của TMĐT			
221.	**Thanh toán quốc tế trong du lịch**	Học phần Thanh toán quốc tế trong du lịch cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Tiền tệ thế giới, tỷ giá hối đoái và cách chuyển đổi tiền tệ giữa các quốc gia trong hoạt động ngoại thương nói chung và kinh doanh du lịch quốc tế nói riêng; Cách phát hành và lưu thông các phương tiện thanh toán quốc tế trong hoạt động du lịch như: séc du lich, thẻ thanh toán, phiếu du lịch; các phương thức thanh toán quốc tế trong du lịch như: phương thức chuyển tiền, phương thức ghi sổ, phương thức nhờ thu	2	1	Trắc nghiệm
222.	**Tổng quan khách sạn**	Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về hệ thống cơ sở lưu trú trong hoạt động du lịch như: khái niệm, nguồn gốc, lịch sử hình thành và phát triển, chức năng – nhiệm vụ, vai trò của hệ thống cơ sở lưu trú;phân loại các hoạt động cơ bản, cơ sở vật chất kỹ thuật của các cơ sở lưu trú..Học phần cũng cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của hoạt động khách sạn: cơ cấu, mô hình, sản phẩm	3	0	Tự luận
223.	**Giao dịch và đàm phán kinh**	Học phần Giao dịch và đàm phán trong kinh là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch	2	1	Tự luận

	doanh	vụ du lịch và lữ hành. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về giao dịch và đàm phán trong kinh doanh. Khái quát chung về những vấn đề cơ bản trong giao dịch kinh doanh. Nghiên cứu các kỹ năng trong giao dịch kinh doanh. Khát quát chung về đàm phán và giao dịch trong kinh doanh. Nghiên cứu các việc tổ chức đàm phán và giao dịch trong kinh doanh. Nghiên cứu và vận dụng kỹ năng để giải quyết thế găng trong đàm phán giao dịch			
224.	**Quản trị kinh doanh khách sạn**	Học phần bao gồm cơ sở lý luận về kinh doanh khách sạn, các thành phần cấu thành của hoạt động kinh doanh khách sạn, các chức năng quản trị kinh doanh của khách sạn. Nội dung của công tác tổ chức hoạt động kinh doanh các dịch vụ cơ bản của khách sạn được đề cập khá rõ nét, giúp các nhà quản lý hiểu rõ và vận hành khách sạn một cách hiệu quả. Lịch sử hình thành và phát triển của hoạt động kinh doanh khách sạn và các xu huống phát triển của hoạt động kinh doanh khách sạn trên thế giới cùng với những ý nghĩa to lớn của hoạt động kinh doanh khách sạn về kinh tế và xã hội.	3	0	Tự luận
225.	**Quản trị lễ tân khách sạn**	Học phần Quản trị lễ tân khách sạn là học phần thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo Ngành Quản trị khách sạn. Nội dung học phần bao gồm: Trang bị cho người học các kiến thức: Tổng quan về bộ phận lễ tân khách sạn, Quản trị đặt buồng khách sạn, Quản trị đăng ký khách sạn, Quản trị cung ứng dịch vụ khách sạn trong thời gian khách lưu trú tại Khách sạn, Quản trị thanh toán cho khách trả buồng rời khách sạn, Thực hành	1	2	Thực hành

		các kỹ năng thao tác nghiệp vụ của nhân viên lễ tân khách sạn như: Kỹ năng đặt buồng, kỹ năng làm thủ tục đăng ký khách sạn, Kỹ năng cung ứng dịch vụ trong thời gian khách lưu trú tại khách sạn, Kỹ năng làm thanh toán và tiễn khách.			
226.	**Quản trị buồng khách sạn**	Với mục tiêu theo hướng có thể cập nhật những thông tin và kỹ thuật quản lý khách sạn hiện đại, tập bài giảng tập trung vào những kiến thức quản trị bộ phận buồng, các nghiệp vụ, quy trình, biểu mẫu, tình huống trong bộ phận buồng.	1	2	Thực hành
227.	**Quản trị chế biến món ăn**	Học phần Quản trị chế biến món ăn trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ chế biến món ăn trong khách sạn, trên cơ sở đó nghiên cứu sâu về công tác quản trị nhân sự trong bộ phận chế biến món ăn, kiến thức trong xây dựng thực đơn, kiến thức quản trị cơ sở vật chất; các kiến thức trong lựa chọn nguyên liệu thực phẩm trong chế biến món ăn, các phương pháp chế biến món ăn và thực hành món ăn Á, Âu.	1	2	Thực hành
228.	**Quản trị nhà hàng**	Học phần Quản trị Nhà hàng là học phần thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo Ngành Quản trị khách sạn. Nội dung học phần bao gồm: Tổng quan về kinh doanh nhà hàng; Sức khỏe, vệ sinh an toàn tại nơi làm việc; Quản trị kỹ năng bán hàng trong nhà hàng; Quản trị các hoạt động phục vụ tại nhà hàng ; Quản trị các hoạt động khác tại nhà hàng; Tính chi phí thực phẩm và giá bán; Thực hành các kỹ năng thao tác nghiệp vụ Nhà hàng như: Kỹ năng chuẩn bị trước cho	1	2	Thực hành

		một ca làm việc, Kỹ năng kê xếp bàn ghế, trải khăn bàn, gấp khăn ăn trang trí bàn tiệc, Kỷ năng sét up bàn ăn Á, Âu, Kỹ năng chào đón khách giới thiệu thực đơn và lấy yêu cầu, Kỹ năng bưng đưa gắp rót phục vụ khách, Kỹ năng làm thanh toán, tiễn khách và thu dọn dụng cụ.			
229.	**An ninh khách sạn**	Nội dung học phần bao gồm: tổ chức hoạt động của bộ phận an ninh khách sạn; nghiệp vụ tuần tra, xử lý các tình huống của bộ phận an ninh; nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy và đối phó với hỏa hoạn trong khách sạn; nghiệp vụ kiểm soát vào ra, kiểm soát chìa khóa, nhà kho và rác thải khách sạn.	2	0	Tự luận
230.	**Quản trị khu Resort**	Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về khu resort trong hoạt động du lịch như: khái niệm, nguồn gốc, lịch sử hình thành và phát triển, chức năng – nhiệm vụ, vai trò của hệ thống cơ sở lưu trú; các hoạt động cơ bản, cơ sở vật chất kỹ thuật của các cơ sở lưu trú... Học phần cũng cung cấp cho sinh viên những kiến thức và thực hành trong quản lý các hoạt động của các bộ phận tiền sảnh, bộ phận buồng, nhà hàng.. và các hoạt động của dịch vụ bổ sung.	1	1	Tự luận
231.	**Quản trị Bar và đồ uống**	Quản trị nhà hàng - Bar: Sinh viên theo học chuyên ngành này sẽ được đào tạo các kiến thức, kỹ năng về quản lý nhà hàng, dịch vụ ăn uống, xây dựng thực đơn, tổ chức hội nghị, yến tiệc, đảm bảo chất lượng trong quầy bar - xây dựng các tiêu chuẩn nguyên vật liệu, hàng hoá đầu vào, tiêu chuẩn các đồ uống hay kiểm soát các Bartender thực hiện đúng tiêu	1	2	Thực hành

		chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm cũng như đảm bảo chất lượng và trình bày đẹp mắt sản phẩm đồ ăn, thức uống,... Bạn còn được học cách hoạch định chiến lược, kế hoạch kinh doanh, chuyên nghiệp hóa cung cách phục vụ khách hàng trong và ngoài nước.			
232.	**Quản trị du lịch MICE**	Học phần "Quản trị MICE" là một trong những môn bắt buộc thuộc hệ thống kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành Quản trị Lữ hành. Với thời lượng là 45 tiết, học phần sẽ đề cập tới những nội dung cơ bản sau: •Các khái niệm cơ bản của quản trị MICE và các bước xây dựng một sự kiện nói chung và một hội nghị, hội thảo nói riêng •Những yếu tố ảnh hưởng tới việc tổ chức và quản lý, vận hành một hội nghị, hội thảo thành công •Chương trình sự kiện, cách thức tiến hành kế hoạch marketing và bán dịch vụ MICE •Áp dụng công nghệ thông tin trong quản trị MICE trong các khâu	2	0	Tự luận
233.	**Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị khách sạn**	Học phần ứng dụng tin học trong quản trị khách sạn là học phần tự chọn trong khối kiến thức liên ngành, trong du lịch cung cấp cho sinh viên một số phần mềm trong quản lý khách sạn. Sinh viên có thể sử dụng các công cụ trên Internet, sử dụng ứng dụng phần mềm cho các nghiệp vụ quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh khách sạn.	0	2	Tự luận
234.	**Thực tế nghề**	Học phần giúp người học bước đầu làm quen, tìm hiểu hoạt động kinh doanh khách sạn, các bộ phận cấu thành			Trắc nghiệm

	nghiệp 1	hoạt động kinh doanh khách sạn. Làm quen với các kỹ năng nghiệp vụ trong hoạt động kinh doanh khách sạn… giúp định hình được kỹ năng nghề nghiệp cho người học.	0	2	
235.	**Thực tế nghề nghiệp 2**	Học phần giúp người học tìm hiểu, nắm vững quy trình quản trị và điều hành hoạt động kinh doanh khách sạn. Thực hành các kỹ năng nghiệp vụ và quản lý các hoạt động nghiệp vụ…trong môi trường thực tế nhằm hình thành kỹ năng nghề nghiệp cho người học, đáp ứng nhu cầu xã hội.	0	2	Thực hành
236.	**Thực tập doanh nghiệp**	Học phần giúp người học tìm hiểu, nắm vững quy trình quản trị và điều hành các nghiệp vụ trong quản trị khách sạn. Thực hành các kỹ năng nghiệp vụ, Tổ chức, quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh khách sạn…trong môi trường thực tế nhằm hình thành kỹ năng nghề nghiệp cho người học, đáp ứng nhu cầu xã hội.	0	4	Thực hành
237.	**Thực tập tốt nghiệp**	- Tổ chức cho người học thực hiện công việc và nghiệp vụ thực tế nhằm nâng cao chuyên môn nghề nghiệp thuốc lĩnh vực quản trị khách sạn. - Qua đợt thực tập, người học được thu thập, tích lũy thêm tư liệu, kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng trong lĩnh vực quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh khách sạn - Củng cố hệ thống kiến thức chuyên ngành, kỹ năng nghề nghiệp đã được học trong chương trình đào tạo.	0	6	Thực hành
238.	**Báo cáo tốt nghiệp**	- Học phần cung cấp cho người học khả năng củng cố hệ thống kiến thức chuyên ngành, kỹ năng nghề nghiệp đã được học để viết báo cáo và thực hiện báo cáo những kiến	0	2	Thực hành

		thức, kinh nghiệm, kỹ năng trong lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ và quản trị khách sạn			
Bộ môn Giáo dục thể chất					
239.	**Giáo dục thể chất**	Môn học Giáo dục thể chất thực hiện mục tiêu giáo dục phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh sinh viên, trang bị cho học sinh kiến thức và kĩ năng chăm sóc sức khoẻ; kiến thức và kĩ năng vận động; hình thành thói quen tập luyện, khả năng lựa chọn môn thể thao phù hợp để luyện tập nâng cao sức khoẻ, phát triển thể lực và tố chất vận động; trên cơ sở đó giúp học sinh có ý thức, trách nhiệm đối với sức khoẻ của bản thân, gia đình và cộng đồng, thích ứng với các điều kiện sống, hoà đồng với mọi người.	0	5	Thực hành
240.	**Lý luận và phương pháp GDTC**	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học Thể dục thể thao như khái niệm, vai trò của thể dục thể thao, các phương pháp và hình thức tổ chức tập luyện, nguyên tắc trong giảng dạy, cấu trúc quá trình giảng dạy … Hình thành kỹ năng xây dựng và phân tích tập luyện trong thể dục thể thao	3	0	Tự luận
241.	**Quản lý Thể dục thể thao**	Quản lý thể dục thể thao là môn học cơ sở, chủ yếu trong chương trình đào tạo cử nhân ngành giáo dục thể chất. Môn học cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản bản về hệ thống quản lý nhà nước và quản lý xã hội ở Việt Nam; quản lý thể dục thể thao; Phương pháp quản lý; hoạt động quản lý; chiến lược phát triển thể dục thể	2	0	Tự luận

		thao Việt Nam và quản lý công tác TDTT trong trường học. trên cơ sở đó đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn quản lý công tác TDTT trong trường học các cấp.			
242.	**Điền kinh 1 (Chạy trung bình, ngắn, tiếp sức, nhảy xa) và phương pháp giảng dạy**	Phương pháp giảng dạy Điền kinh 1 thuộc thể thao chuyên ngành trong chương trình đào tạo, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú, các bài tập điền kinh (chạy cự ly trung bình, chạy ngắn, nhảy xa) có vị trí chủ yếu trong số bài tập nhằm phát triển thể lực. Môn điền kinh trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số nội dung chính của môn điền kinh như: chạy cự ly trunh bình, chạy ngắn, nhảy xa và nhiều môn phối hợp; đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài của môn điền kinh.	0	4	Thực hành
243.	**Điền kinh 2 (Nhảy cao, ném bóng, đẩy tạ) và phương pháp giảng dạy**	Phương pháp giảng dạy Điền kinh 2 là môn thể thao trong chương trình đào tạo, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú, các bài tập điền kinh có vị trí chủ yếu trong số bài tập nhằm phát triển thể lực chung. Môn điền kinh 2 trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số nội dung chính của môn điền kinh như: Nhảy cao, ném bóng, đẩy tạ và nhiều môn phối hợp; đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài một số nội dung chính của môn điền kinh.	0	4	Thực hành
244.		Học phần phương pháp giảng dạy công tác Đoàn – Đội là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo, có nội	0	3	Thực hành

	Công tác Đoàn – Đội và Trò chơi vận động	dung rất đa dạng và phong phú, các bài tập có vị trí chủ yếu trong số bài tập nhằm hỗ trợ phát triển thân thể. Học phần trang bị cho người học những kiến thức và các kỹ năng cơ bản về Công tác Đoàn – Đội như: Lịch sử hình thành và phát triển, mục đích, tính chất và nhiệm vụ, hệ thống tổ chức; các nghi thức, đội hình đội ngũ; Những hoạt động nghiệp vụ của Đoàn - Đội; Hoạt động ngoài giờ lên lớp; nguồn gốc trò chơi vận động, đặc điểm, tác dụng, vai trò của trò chơi vận động trong hệ thống giáo dục; Biết tổ chức, sáng tác trò chơi vận động.			
245.	**Thể dục và phương pháp giảng dạy**	Phương pháp giảng dạy Thể dục là môn học bắt buộc dành cho sinh viên chuyên GDTC của chương trình đào tạo hệ đại học. Nội dung gồm lý thuyết môn Thể dục, Bài tập đội hình đội ngũ, bài tập phát triển chung tay không, bài tập phát triển chung với dụng cụ. Môn học trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản môn Thể dục, phương pháp tập luyện, phương pháp tổ chức giảng dạy, kiểm tra đánh giá kết quả môn học. Mở rộng nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực tự học, vận dụng trong tập luyện, rèn luyện sức khoẻ hàng ngày. Môn học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tư thế, tác phong... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập các môn thể thao khác.	0	3	Thực hành
246.	**Bóng đá và phương pháp giảng dạy**	Học phần này cung cấp cho sinh viển kiến thức cơ bản về lý thuyết: lịch sử, tính chất, đặc điểm, vai trò của môn bóng đá và những nguyên lý thực hiện kỹ thuật; về phương pháp giảng dạy. Hiểu được những kiến thức cơ	0	3	Thực hành

		bản về Luật bóng đá và phương pháp trọng tài. Về thực hành: các kỹ thuật động tác cơ bản, thể lực môn bóng đá; Hình thành năng lực sư phạm, khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình tổ chức hướng dẫn luyện tập môn bóng đá. Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá.			
247.	**Bóng chuyền và phương pháp giảng dạy**	Bóng chuyền là một môn thể thao cơ bản có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất, quản lý thể dục thể thao và huấn luyện thể thao ở nước ta. Nội dung môn học được chia làm 3 tín chỉ, mỗi tín chỉ chia làm 2 phần lý thuyết và thực hành. Tín chỉ 1 giới thiệu lịch sử phát triển môn bóng chuyền, phương pháp giảng dạy kỹ thuật cơ bản như các bước di chuyển, chuyền bóng cao tay, chuyền bóng thấp tay, ngã nghiêng chuyền bóng; Tín chỉ 2 rèn luyện kỹ năng phát bóng thấp tay, phát bóng cao tay và nhảy phát. Thông qua môn học đồng thời trang bị cho người học những kỹ năng và nghiệp vụ chuyên môn cơ bản phục vụ cho công tác giảng dạy, tổ chức thi đâu và huấn luyện trong trường học các cấp, rèn luyện cho người học ý thức tự giác, tích cực, ý chí, nghị lực khắc phục khó khăn tự vươn lên. Tín chỉ 3 giới thiệu vai trò tác dụng của môn bóng chuyền, sự phát triển điền kinh ở Việt Nam và thực hành rèn luyện kỹ năng đập bóng.	0	3	Thực hành
248.	**Bóng bàn và phương pháp giảng dạy**	Trang bị cho sinh viên những kiến thức lịch sử môn học, vị trí và tác dụng của môn bóng bàn trong hệ thống giáo dục thể chất, nguyên lý chung về đánh bóng bàn, đồng thời biết cách biên soạn tài liệu môn học,	0	3	Thực hành

		phương pháp giảng dạy và huấn luyện, cách thức tổ chức giải bóng bàn, phương pháp trọng tài và luật thi đấu. Trang bị cho sinh viên những kỹ thuật, chiến thuật; các bài tập phát triển thể lực chung, phương pháp tổ chức giảng dạy và huấn luyện bóng bàn, phương pháp trọng tài và tổ chức thi đấu. Ngoài ra, học phần còn giáo dục, giáo dưỡng cho sinh viên những phẩm chất đạo đức tốt; nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, tập thể, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.			
249.	**Bóng rổ và phương pháp giảng dạy**	Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về: Lịch sử phát triển môn bóng rổ; một số điều luật và các kỹ thuật, chiến thuật thi đấu; phương pháp trọng tài. Thực hành các kỹ thuật: các bước di chuyển trong bóng rổ; dẫn bóng; kỹ thuật chuyền và bắt bóng bằng hai tay trước ngực; kỹ thuật tại chỗ ném rổ một tay trên cao; kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ một tay trên cao; kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ một tay dưới thấp; kỹ thuật tại chỗ cầm bóng qua người; chiến thuật tấn công nhanh; chiến thuật phòng thủ khu vực; phương pháp lên lớp; phương pháp thi đấu và thực hành trọng tài.	0	3	Thực hành
250.	**Cầu lông và phương pháp giảng dạy**	Cầu lông thuộc môn thể thao chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành GDTC, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú, các bài tập trang bị nhằm phát triển thể lực và thể chất cho người tập. Môn Cầu lông trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản, các nguyên tắc giảng dạy,	0	3	Thực hành

		phương pháp giảng dạy, giảng dạy các kỹ chiến thuật cầu lông, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn cầu lông.			
251.	**Võ thuật và phương pháp giảng dạy**	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý luận chuyênmôn, phương pháp giảng dạy và kỹ năng thực hành kỹ thuật võ thuật. Chương trình huấn luyện của môn võ thuật là nhấn mạnh vào tinh thần đoàn kết, tính mạnh mẽ và kiên cường, Tuy nhiên điểm then chốt của môn võ thuật là sự triển khai tính đạo đức và giúp người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, phát triển toàn diện tố chất thể lực.	0	3	Thực hành
252.	**Aerobic và phương pháp giảng dạy**	Aerobic là môn học bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành GDTC của chương trình đào tạo hệ đại học. Nội dung môn học bao gồm: Lý thuyết Aeroic; bảy bước cơ bản của Aerobic; Các tư thế cơ bản Aerobic; các nhóm động tác độ khó Aerobic; Bài Aerobic. Ngoài kiến thức cơ bản, môn học còn trang bị cho sinh viên phương pháp tập luyện, phương pháp tổ chức giảng dạy, kiểm tra đánh giá kết quả môn học, phát triển năng lực tự học, tự rèn luyện, góp phần giáo dục phẩm chất đạo đức, tinh thần tập thể, rèn luyện ý chí, tư thế, tác phong... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập các môn thể thao khác.	0	2	Thực hành

253.	**Đá cầu và phương pháp giảng dạy**	Đá cầu được hình thành và phát triển từ những trò chơi dân gian dưới nhiều hình thức khác nhau mà mỗi địa phương, vùng dân cư trên đất nước ViệtNam có những hình thức, màu sắc đặc trưng riêng... Đá cầu có một quá trìnhphát triển theo lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Có thời kỳ phát triểnrất rực rỡ, từ vua quan trong triều đến các tầng lớp nhân dân lao động, từ thànhthị đến nông thôn, miền xuôi đến miền ngược ... ở đâu môn đá cầu cũng được uachuộng. Đá cầu thuộc môn thể thao chuyên ngành trong chương trình đào tạongành GDTC, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú,các bài tập trang bị nhằm phát triển thể lực và thể chất cho người tập. Môn Đá cầu trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản, các nguyên tắc giảng dạy, phương pháp giảng dạy, giảng dạy các kỹ chiến thuật cầu lông, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn Đá cầu.	0	2	Thực hành
254.	**Bơi lội và phương pháp giảng dạy**	Bơi lặn là môn thể thao cơ bản trong chương trình GDTC nhằm trang bị cho Sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về các kỹ thuật của môn bơi lặn như: phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu, phương pháp trọng tài cách phòng chống đuối nước ,Giới thiệu nguồn gốc, lịch sử, xu hướng phát triển của môn Bơi lặn và tác dụng của nó đến người hoc, thông qua môn học rèn luyện sức khỏe, phát triển tố chất thể lực, tầm vóc và phẩm chất , tâm lý tốt nhất cho người học.	0	2	Thực hành

		hình thành cho người học những phẩm chất: kiên trì, tự tin, vượt khó, tính kỹ luật, yêu thích vận động, có lòng yêu thương và hợp tác với nhau.			
255.	**Khiêu vũ TT và phương pháp giảng dạy**	Môn học cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất của vũ điệu Chachacha nổi tiếng – Đặc trưng của đất nước Brazil và vũ điệu Chachacha sôi động vui nhộn với nhiều vũ hình quay, đổi tay, kéo và lăng bạn nhảy, hiện đang rất phổ biến trong các sinh hoạt vũ hội. Người học sẽ được trang bị các kỹ thuật cơ bản của vũ điệu Chachacha hiểu được đặc trưng tiết tấu, giai điệu nhạc sôi động. Sau khi học xong môn học này, người học có thể tự tin tham gia các sinh hoạt văn hóa văn nghệ của Sinh viên, đồng thời có vốn kỹ năng phong phú khi tham gia các Câu lạc bộ khiêu vũ ngoài trường…	0	2	Thực hành
256.	**Cờ vua và phương pháp giảng dạy**	Cờ vua thuộc môn thể thao chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành GDTC, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú,các bài tập trang bị nhằm phát triển tư duy logic,luyện trí thông minh, giáo dục những phẩm chất tốt đẹp như tính tổ chức kỷ luật, kiên cường bình tĩnh, luyện mưu trí, óc sáng tạo, luyện cách nhìn xa trông rộng biết phân tích, tổng hợp tình hình một cách khách quan khoa học, rèn luyện cách làm việc có kế hoạch, tính quyết đoán và táo bạo trong sử lý tình huốngcho người tập. Môn Cờ vua trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản, các nguyên tắc giảng dạy, phương pháp giảng dạy, giảng	0	2	Thực hành

		dạy các kỹ chiến thuật cờ vua, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài của môn Cờ vua.			
257.	**Thể thao chuyên sâu Bóng đá 1**	Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lý thuyết: lịch sử, tính chất, đặc điểm, vai trò của môn bóng đá và những nguyên lý thực hiện kỹ thuật; về phương pháp giảng dạy. Hiểu được những kiến thức cơ bản về Luật bóng đá và phương pháp trọng tài. Về thực hành: các kỹ thuật động tác cơ bản, thể lực môn bóng đá; Hình thành năng lực sư phạm, khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình tổ chức hướng dẫn luyện tập môn bóng đá. Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá.	0	3	Thực hành
258.	**Thể thao chuyên sâu Bóng đá 2**	Học phần này trang bị cho sinh viên hiểu, củng cố và nắm bắt một số nguyên lý kỹ chiến thuật thực hành cơ bản. Về lý thuyết, củng cố lại phương pháp trọng tài, hiểu và biết phân tích các kỹ thuật bóng đá cơ bản và phương pháp giảng dạy, công tác tổ chức thi đấu một giải bóng đá. Củng cố và cập nhật những kiến thức cơ bản về Luật bóng đá và phương pháp trọng tài. Về thực hành: củng cố	0	3	Thực hành

		các kỹ thuật động tác cơ bản, thể lực môn bóng đá. Hình thành năng lực sư phạm, khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình tổ chức hướng dẫn luyện tập môn bóng đá. Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá			
259.	**Thể thao chuyên sâu Bóng đá 3**	Học phần này trang bị cho sinh viên và Củng cố và HT, Củng cố và HT, nắm bắt một số nguyên lý kỹ-chiến thuật thực hành cơ bản. Về lý thuyết: hiểu được khái niệm, nguyên lý chiến thuật và biết phân tích chiến thuật. Nhằm nâng cao khả năng tư duy, nhận thức về môn học và cập nhật những kiến thức về sự thay đổi của Luật bóng đá và phương pháp trọng tài. Về thực hành: Củng cố và HT và Củng cố và HT các kỹ thuật động tác cơ bản, thể lực môn bóng đá. Hình thành năng lực sư phạm, khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình tổ chức hướng dẫn luyện tập môn bóng đá. Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá.	0	3	Thực hành
260.	**Thể thao chuyên sâu Bóng đá 4**	Học phần này trang bị cho sinh viên hoàn thiện và củng cố về các kỹ- chiến thuật thực hành từ cơ bản đến nâng cao. Về lý thuyết: người học sẽ nắm được về cách lập tiến trình giảng dạy, kế hoạch huấn luyện, biên soạn giáo án và công tác nghiên cứu khoa học trong môn bóng đá. Nhằm nâng cao khả năng tư duy, nhận thức về môn học và cập nhật những kiến thức về sự thay đổi của Luật bóng đá. Về thực hành: Củng cố và hoàn thiện các kỹ thuật động tác cơ bản, thể lực môn bóng đá. Hình thành năng lực sư phạm, khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình tổ chức hướng dẫn luyện tập môn bóng đá. Thực	0	3	Thực hành

		hiện đúng các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá.			
261.	**Thể thao chuyên sâu Bóng chuyền 1**	Bóng chuyền thuộc môn thể thao chuyên sâu trong chương trình đào tạo ngành GDTC, là một học phần tự chọn có nội dung rất đa dạng và phong phú, nhằm trang bị cho người học nắm vững các kiến thức, các kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyền. Bóng chuyền trang bị nhằm phát triển thể lực và thể chất cho người tập. Bóng chuyền chuyên sâu 1 trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số nội dung chính của các bài tập Bóng chuyền như: Kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật phát bóng, Chuyền bóng thấp tay, chuyền bóng cao tay; đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài của môn Bóng chuyền.	0	3	Thực hành
262.	**Thể thao chuyên sâu Bóng chuyền 2**	Bóng chuyền thuộc môn thể thao chuyên sâu trong chương trình đào tạo ngành GDTC, là một học phần tự chọn có nội dung rất đa dạng và phong phú, nhằm trang bị cho người học nắm vững các kiến thức, các kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyền. Bóng chuyền trang bị nhằm phát triển thể lực và thể chất cho người tập. Bóng chuyền chuyên sâu 2 trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số nội dung chính của các bài tập Bóng chuyền như: Kỹ thuật đập bóng ở vị trí số 2, kỹ thuật đập bóng ở vị trí số3, kỹ thuật đập bóng ở vị trí số 4 và kỹ thuật đập bống ở sau vạch 3 mét; đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài của môn Bóng chuyền.	0	3	Thực hành

263.	**Thể thao chuyên sâu Bóng chuyền 3**	Bóng chuyền thuộc môn thể thao chuyên sâu trong chương trình đào tạo ngành GDTC, là một học phần tự chọn có nội dung rất đa dạng và phong phú, nhằm trang bị cho người học nắm vững các kiến thức, các kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyền. Bóng chuyền trang bị nhằm phát triển thể lực và thể chất cho người tập. Bóng chuyền chuyên sâu 2 trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số nội dung chính của các bài tập Bóng chuyền như: Kỹ thuật phòng thủ 6 tiến, kỹ thuật phòng thủ 6 lùi và kỹ thuật chắn bóng ; đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài của môn Bóng chuyền.	0	3	Thực hành
264.	**Thể thao chuyên sâu Bóng chuyền 4**	Bóng chuyền thuộc môn thể thao chuyên sâu trong chương trình đào tạo ngành GDTC, là một học phần tự chọn có nội dung rất đa dạng và phong phú, nhằm trang bị cho người học nắm vững các kiến thức, các kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyền. Bóng chuyền trang bị nhằm phát triển thể lực và thể chất cho người tập. Bóng chuyền chuyên sâu 2 trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số nội dung chính của các bài tập Bóng chuyền như: Kỹ thuật chắn bóng, kỹ thuật chắn bóng đơn, kỹ thuật chắn bóng 2,3 người và chiến thuật trong thi đấu ; đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài của môn Bóng chuyền.	0	3	Thực hành
265.	**Thể thao chuyên sâu**	Thể thao chuyên sâu bóng rổ 1 là môn thể thao trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất, là một	0	3	Thực hành

	Bóng rổ 1	học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú. Môn Thể thao chuyên sâu bóng rổ 1 trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về: Lịch sử phát triển môn bóng rổ; các nguyên lý kỹ thuật; một số điều luật và phương pháp trọng tài môn bóng rổ.			
266.	**Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 2**	Thể thao chuyên sâu bóng rổ 2 là môn thể thao trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú. Môn Thể thao chuyên sâu bóng rổ 2 trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về: Nguyên lý kỹ thuật bóng rổ; chiến thuật bóng rổ, phương pháp tổ chức thi đấu; một số điều luật và phương pháp trọng tài môn bóng rổ.	0	3	Thực hành
267.	**Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 3**	- Học phần Thể thao chuyên sâu bóng chuyền cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý luận và chuyên môn, phương pháp giảng dạy và kỹ năng thực hành kỹ thuật Bóng chuyền. - Học phần trang bị kiến thức về kỹ thuật, chiến thuật và kỹ năng tập luyện và luật thi đấu bóng chuyền. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học giáo dục thể chất cho đối tượng học sinh.	0	3	Thực hành
268.	**Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 4**	Thể thao chuyên sâu bóng rổ 4 là môn thể thao trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú. Môn Thể thao chuyên sâu bóng rổ 4 trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về:	0	3	Thực hành

		Nguyên lý kỹ thuật bóng rổ; chiến thuật bóng rổ, phương pháp tổ chức thi đấu; phương pháp giảng dạy, một số điều luật và phương pháp trọng tài môn bóng rổ.			
269.	**Thể thao chuyên sâu Bóng bàn 1**	Bóng bàn thuộc môn Thể thao chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành GDTC, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú. Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguồn gốc, sự phát triển, đặc điểm và ý nghĩa tác dụng của môn Bóng bàn. phương pháp giảng dạy, nguyên lý chung về đánh bóng, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài bóng bàn và thực hiện được các kỹ thuật một cách thành thạo. Đồng thời chuẩn bị thể lực chung cho sinh viên trong quá trình học tập.	0	3	Thực hành
270.	**Thể thao chuyên sâu Bóng bàn 2**	Học phần trang bị cho sinh viên các nền tảng kiến thức về cơ sở lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng bàn những kiến thức cơ bản về kỹ thuật, một số chiến thuật đơn giản, phương pháp giảng dạy, luật Bóng bàn, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Trang bị cho sinh viên các kỹ năng thực hiện, giảng dạy các động tác kỹ thuật trong môn bóng bàn và tổ chức thi đấu bóng bàn.	0	3	Thực hành
271.	**Thể thao chuyên sâu Bóng bàn 3**	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản và chuyên sâu về cơ sở lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng bn (phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài). Trang bị cho sinh viên các kỹ năng thực hiện, giảng dạy các động tác kỹ thuật trong bóng bàn và tổ chức thi đấu bóng bàn. Ngoài ra còn chuẩn bị một nền tảng thể lực vững chắc, đáp ứng yêu cầu học tập	0	3	Thực hành

		và giảng dạy giáo dục thể chất cho đối tượng học sinh sau này.			
272.	**Thể thao chuyên sâu Bóng bàn 4**	Học phần trang bị cho sinh viên các nền tảng kiến thức về cơ sở lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng bàn những kiến thức cơ bản về kỹ thuật, một số chiến thuật đơn giản, phương pháp giảng dạy, luật Bóng bàn, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Trang bị cho sinh viên các kỹ năng thực hiện, giảng dạy các động tác kỹ thuật trong môn bóng bàn và tổ chức thi đấu bóng bàn.	0	3	Thực hành
273.	**Thể thao chuyên sâu Cầu lông 1**	Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản, các nguyên tắc giảng dạy cầu lông, phương pháp giảng dạy, giảng dạy các kỹ chiến thuật cầu lông, nguyên lý chung về đánh cầu, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, thực hiện kỹ thuật một cách thành thạo đồng thời chuẩn bị các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn cho sinh viên trong quá trình học tập.	0	3	Thực hành
274.	**Thể thao chuyên sâu Cầu lông 2**	Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản, các nguyên tắc giảng dạy cầu lông, phương pháp giảng dạy, giảng dạy các kỹ chiến thuật cầu lông, nguyên lý chung về đánh cầu, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, thực hiện kỹ thuật một cách thành thạo đồng thời chuẩn bị các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn cho sinh viên trong quá trình học tập.	0	3	Thực hành
275.	**Thể thao chuyên sâu**	Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản, các nguyên tắc giảng	0	3	Thực hành

	Cầu lông 3	dạy cầu lông, phương pháp giảng dạy, giảng dạy các kỹ chiến thuật cầu lông, nguyên lý chung về đánh cầu, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, thực hiện kỹ thuật một cách thành thạo đồng thời chuẩn bị các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn cho sinh viên trong quá trình học tập.			
276.	**Thể thao chuyên sâu Cầu lông 4**	Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản, các nguyên tắc giảng dạy cầu lông, phương pháp giảng dạy, giảng dạy các kỹ chiến thuật cầu lông, nguyên lý chung về đánh cầu, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, thực hiện kỹ thuật một cách thành thạo đồng thời chuẩn bị các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn cho sinh viên trong quá trình học tập.	0	3	Thực hành
277.	**Thể thao chuyên sâu Võ thuật 1**	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý luận chuyên môn, phương pháp giảng dạy và kỹ năng thực hành kỹ thuật võ thuật có nhiều giá trị giáo dục, văn hóa thể chất, nhân văn thượng võ. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học và giáo dục thể chất bằng tinh thần thượng võ của võ thuật và cho phép giảng dạy cho đối tượng học sinh.	0	3	Thực hành
278.	**Thể thao chuyên sâu Võ thuật 2**	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý luận chuyên môn, phương pháp giảng dạy và kỹ năng thực hành kỹ thuật môn võ thuật. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học và giáo	0	3	Thực hành

		dục bằng võ thuật cho các đối tượng học sinh.			
279.	**Thể thao chuyên sâu Võ thuật 3**	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý luận chuyên môn, phương pháp giảng dạy và kỹ năng thực hành kỹ thuật võ thuật mang giá trị giáo dục đạo đức, văn hóa, nhân văn, thượng võ. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học giáo dục thể chất cho các đối tượng học sinh.	0	3	Thực hành
280.	**Thể thao chuyên sâu Võ thuật 4**	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý luận chuyên môn, phương pháp giảng dạy và kỹ năng thực hành kỹ thuật võ thuật mang giá trị giáo dục đạo đức, văn hóa, nhân văn, thượng võ. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học giáo dục thể chất cho các đối tượng học sinh.	0	3	Thực hành
281.	**Aerobic dành cho trẻ mầm non**	Thể dục Aerobic là môn học tự chọn cho sinh viên chuyên GDMN của chương trình đào tạo hệ đại học. Nội dung gồm lý thuyết Aerobic, 7 bước cơ bản, các nhóm động tác độ khó của Aerobic, bài Aerobic.	0	2	Thực hành
282.	**Kiến tập sư phạm**		0	3	Thực hành
283.	**Thực tập sư phạm**		0	4	Thực hành
284.	**Báo cáo tốt nghiệp**		0	3	Báo cáo

Bộ môn Quản lý Thể dục thể thao					
285.	**Tâm lý Thể dục thể thao**	Học phần tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo Giáo dục thể chất. Học phần tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản có hệ thống về khoa học tâm lý như: đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, chức năng, bản chất hiện tượng tâm lý người; đặc điểm tâm - sinh lý lứa tuổi học sinh tiểu học, lứa tuổi học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông; đạo đức và hành vi đạo đức, tiêu chuẩn để đánh giá hành vi đạo đức, cấu trúc, nhân cách của hành vi đạo đức; đặc điểm lao động sư phạm, những phẩm chất, năng lực và uy tín của người giáo viên. Người học có nhận thức đúng đắn về ngành nghề đào tạo, có kế hoạch và phương pháp học tập hiệu quả để trở thành người giáo viên đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội.	2	0	Trắc nghiệm
286.	**Giải phẫu học Thể dục thể thao**	Học phần giải phẫu sinh lý người và thể dục thể thao trang bị những kiến thức cơ bản về cấu tạo các cơ quan, các cơ chế, các quá trình sinh lý diễn ra ở các mức độ từ tế bào đến cơ thể của người. mặt khác học phần còn cung cấp vai trò và hệ thống thần kinh và sự phát triển của các hệ cơ, xương, khớp trong cơ thể cũng như ảnh hưởng của các bài tập thể dục thể thao đến chức năng sinh lý trong cơ thể, để đảm bảo sự thống nhất trong nội bộ cơ thể như giữa cơ thể với môi trường và tác động của	3	0	Vấn đáp

		hoạt động thể dục thể thao lên cơ thể.			
287.	**Thống kê và đo lường Thể dục thể thao**	Thống kê và đo lường thể dục thể thao là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của ngành Giáo dục thể chất và Quản lý Thể dục thể thao. Môn học trang bị và bổ sung cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản liên quan đến phương pháp thống kê trong TDTT: cách trình bày số liệu; lý luận cơ bản về thống kê mô tả, các tham số đặc trưng, ước lượng các giá trị trung bình, so sánh các tham số đặc trưng hay kiểm định, so sánh hai hay nhiều phương pháp huấn luyện, phương pháp giảng dạy; Phân tích tương quan, hồi quy giữa các đặc tính. Môn học còn cung cấp Kiến thức cơ bản về xử lý số liệu của phép đo; Đo lường trong Thể dục thể thao; Cơ sở lý thuyết của TEST và lý thuyết đánh giá vận động viên, các cách đánh giá, thang độ và đơn vị sử dụng trong đo lường, phương pháp đo; áp dụng khi đo thực tế các chỉ tiêu đánh giá thể chất của vận động viên, của nhân dân; Xác định tiêu chuẩn tuyển chọn vận động viên cũng như đánh giá thành tích thể thao trong tuyển chọn, huấn luyện, thi đấu, các hoạt động giáo dục thể chất và thể thao quần chúng;	3	0	Tự luận
288.	**Lý luận và phương pháp Thể dục thể thao**	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học Thể dục thể thao như khái niệm, vai trò của thể dục thể thao, các phương pháp và hình thức tổ chức tập luyện, nguyên tắc trong giảng dạy, cấu trúc quá trình giảng dạy … Hình thành kỹ năng xây dựng và phân tích tập luyện trong thể dục thể thao.	3	0	Tự luận

289.	**Sinh lý học Thể dục thể thao**	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chức năng và cơ chế hoạt động của các cơ quan trong cơ thể người ở điều kiện bình thường và những biến đổi ở các cơ quan dưới tác động của các hoạt động TDTT, từ đó làm cơ sở cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và ứng dụng các kiến thức về sinh lý học TDTT vào thực tiễn hoạt động giảng dạy, tập luyện thể thao sau này để nâng cao trình độ thể lực và thành tích thi đấu.	3	0	Tự luận
290.	**Sinh hoá Thể dục thể thao**	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cấu tạo, tính chất và sự chuyển hóa các phân tử trong cơ thể sống; Diễn biến các quá trình sinh hoá xảy ra trong cơ thể người khi thực hiện các bài tập thể dục thể thao. Từ đó góp phần nâng cao hiệu quả trong tập luyện và thi đấu TDTT nói riêng và công tác GDTC và TDTT nói chung	3	0	Tự luận
291.	**Vệ sinh Thể dục thể thao**	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp vệ sinh cá nhân, vệ sinh dinh dưỡng, vệ sinh môi trường và vệ sinh trong luyện tập thể dục thể thaoấu tạo, tính chất và sự chuyển hóa các phân tử trong cơ thể sống; Nguyên tắc vệ sinh tập luyện và thi đấu một số môn thể thao. Từ đó góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác GDTC và tập luyện TDTT.	2	0	Tự luận
292.	**Điền kinh**	Điền kinh là một môn trong chương trình đào tạo ngành Quản lý TDTT, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú, các bài tập điền kinh có vị trí chủ yếu trong số bài tập nhằm phát triển thể lực. Môn điền	0	3	Thực hành

		kinh trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số nội dung chính của môn điền kinh như: chạy cự ly trunh bình, chạy ngắn, nhảy xa, nhảy cao ... và nhiều môn phối hợp; đồng thời bồi dưỡng phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài của môn điền kinh.			
293.	**Thể dục**	Thể dục là môn học bắt buộc dành cho sinh viên chuyên Quản lý TDTT của chương trình đào tạo hệ đại học. Nội dung gồm lý thuyết môn Thể dục, Bài tập đội hình đội ngũ, bài tập phát triển chung tay không, bài tập phát triển chung với dụng cụ. Môn học trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản môn Thể dục, phương pháp tập luyện, triển khai các nội dung có liên quan đến thể dục trong quá trình tổ chức các hoạt động thể dục thể thao . Mở rộng nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực tự học, vận dụng trong tập luyện, rèn luyện sức khoẻ hàng ngày. Môn học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tư thế, tác phong... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập các môn thể thao khác.	0	3	Thực hành
294.	**Bóng đá**	Học phần này cung cấp cho sinh viển kiến thức cơ bản về lý thuyết: lịch sử, tính chất, đặc điểm, vai trò của môn bóng đá và những nguyên lý thực hiện kỹ thuật; về phương pháp giảng dạy. Hiểu được những kiến thức cơ bản về Luật bóng đá và phương pháp trọng tài. Về thực hành: các kỹ thuật động tác cơ bản, thể lực môn bóng đá; Hình thành năng lực sư phạm, khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình tổ chức hướng dẫn luyện tập	0	3	Thực hành

		môn bóng đá. Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá.			
295.	**Bóng chuyền**	Bóng chuyền là một môn thể thao cơ bản có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất, quản lý thể dục thể thao và huấn luyện thể thao ở nước ta. Nội dung môn học được chia làm 3 tín chỉ, mỗi tín chỉ chia làm 2 phần lý thuyết và thực hành. Tín chỉ 1 giới thiệu lịch sử phát triển môn bóng chuyền, phương pháp giảng dạy kỹ thuật cơ bản như các bước di chuyển, chuyền bóng cao tay, chuyền bóng thấp tay, ngã nghiêng chuyền bóng; Tín chỉ 2 rèn luyện kỹ năng phát bóng thấp tay, phát bóng cao tay và nhảy phát. Thông qua môn học đồng thời trang bị cho người học những kỹ năng và nghiệp vụ chuyên môn cơ bản phục vụ cho công tác giảng dạy, tổ chức thi đâu và huấn luyện trong trường học các cấp, rèn luyện cho người học ý thức tự giác, tích cực, ý chí, nghị lực khắc phục khó khăn tự vươn lên. Tín chỉ 3 giới thiệu vai trò tác dụng của môn bóng chuyền, sự phát triển điền kinh ở Việt Nam và thực hành rèn luyện kỹ năng đập bóng.	0	3	Thực hành
296.	**Đá cầu**	Đá cầu được hình thành và phát triển từ những trò chơi dân gian dưới nhiều hình thức khác nhau mà mỗi địa phương, vùng dân cư trên đất nước Việt Nam có những hình thức, màu sắc đặc trưng riêng... Đá cầu có một quá trình phát triển theo lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Có thời kỳ phát triển rất rực rỡ, từ vua quan trong triều đến các tầng lớp nhân dân lao động, từ thành thị đến nông thôn, miền xuôi đến miền ngược ... ở đâu môn đá cầu	0	3	Thực hành

		cũng được ưa chuộng. Đá cầu thuộc môn thể thao chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành GDTC, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú, các bài tập trang bị nhằm phát triển thể lực và thể chất cho người tập. Môn Đá cầu trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản, các nguyên tắc giảng dạy, phương pháp giảng dạy, giảng dạy các kỹ chiến thuật cầu lông, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn Đá cầu.			
297.	**Bóng rổ**	Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về: Lịch sử phát triển môn bóng rổ; một số điều luật và các kỹ thuật, chiến thuật thi đấu; phương pháp trọng tài. Thực hành các kỹ thuật: các bước di chuyển trong bóng rổ; dẫn bóng; kỹ thuật chuyền và bắt bóng bằng hai tay trước ngực; kỹ thuật tại chỗ ném rổ một tay trên cao; kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ một tay trên cao; kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ một tay dưới thấp; kỹ thuật tại chỗ cầm bóng qua người; chiến thuật tấn công nhanh; chiến thuật phòng thủ khu vực; phương pháp lên lớp; phương pháp thi đấu và thực hành trọng tài.	0	3	Thực hành
298.	**Cầu lông**	Cầu lông thuộc môn thể thao chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành GDTC, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú, các bài tập trang bị nhằm phát triển thể lực và thể chất cho người tập. Môn Cầu lông trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản, các nguyên tắc giảng dạy,	0	3	Thực hành

		phương pháp giảng dạy, giảng dạy các kỹ chiến thuật cầu lông, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn cầu lông.			
299.	**Bóng bàn**	Trang bị cho sinh viên những kiến thức lịch sử môn học, vị trí và tác dụng của môn bóng bàn trong hệ thống giáo dục thể chất, nguyên lý chung về đánh bóng bàn, đồng thời biết cách biên soạn tài liệu môn học, phương pháp giảng dạy và huấn luyện, cách thức tổ chức giải bóng bàn, phương pháp trọng tài và luật thi đấu. Trang bị cho sinh viên những kỹ thuật, chiến thuật; các bài tập phát triển thể lực chung, phương pháp tổ chức giảng dạy và huấn luyện bóng bàn, phương pháp trọng tài và tổ chức thi đấu. Ngoài ra, học phần còn giáo dục, giáo dưỡng cho sinh viên những phẩm chất đạo đức tốt; nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, tập thể, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.	0	3	Thực hành
300.	**Võ thuật**	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý luận chuyên môn, phương pháp giảng dạy và kỹ năng thực hành kỹ thuật võ thuật. Chương trình huấn luyện của môn võ thuật là nhấn mạnh vào tinh thần đoàn kết, tính mạnh mẽ và kiên cường, Tuy nhiên điểm then chốt của môn võ thuật là sự triển khai tính đạo đức và giúp người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, phát triển toàn diện tố chất thể lực.	0	3	Thực hành
301.	**Aerobic**	Aerobic là môn học bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành GDTC của chương trình đào tạo hệ đại học. Nội	0	3	Thực hành

		dung môn học bao gồm: Lý thuyết Aeroic; bảy bước cơ bản của Aerobic; Các tư thế cơ bản Aerobic; các nhóm động tác độ khó Aerobic; Bài Aerobic. Ngoài kiến thức cơ bản, môn học còn trang bị cho sinh viên phương pháp tập luyện, phương pháp tổ chức giảng dạy, kiểm tra đánh giá kết quả môn học, phát triển năng lực tự học, tự rèn luyện, góp phần giáo dục phẩm chất đạo đức, tinh thần tập thể, rèn luyện ý chí, tư thế, tác phong... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập các môn thể thao khác.			
302.	**Khiêu vũ thể thao**	Môn học cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất của vũ điệu Chachacha nổi tiếng – Đặc trưng của đất nước Brazil và vũ điệu Chachacha sôi động vui nhộn với nhiều vũ hình quay, đổi tay, kéo và lăng bạn nhảy, hiện đang rất phổ biến trong các sinh hoạt vũ hội. Người học sẽ được trang bị các kỹ thuật cơ bản của vũ điệu Chachacha hiểu được đặc trưng tiết tấu, giai điệu nhạc sôi động. Sau khi học xong môn học này, người học có thể tự tin tham gia các sinh hoạt văn hóa văn nghệ của Sinh viên, đồng thời có vốn kỹ năng phong phú khi tham gia các Câu lạc bộ khiêu vũ ngoài trường…	0	2	Thực hành
303.	**Quản lý thể thao quần chúng và thành tích cao**	Môn học Quản lý TDTT quần chúng và thành tích cao mục đích là cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về phương pháp tổ chức và quản lý Thể dục thể thao quần chúng với những vấn đề cốt lõi, với đối tượng và địa bàn đặc trưng. Riêng đối với lực lượng vũ trang thuộc quản lý của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an .	3	0	Tự luận

		Đồng thời giới thiệu cho sinh viên nắm và hiểu được cách thức tổ chức và tiến hành một giải thể thao phong trào là như thế nào. Môn học này mục nhằm cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản lý thể thao quần chúng, vai trò của hoạt động thể dục thể thao quần chúng trong đời sống xã hội nói chung và lĩnh vực TDTT nói riêng và khả năng vận dụng lý thuyết và thực tiễn để phục vụ cho công tác sau này.			
304.	**Quản lý báo chí và truyền thông thể dục thể thao**	Môn học Báo chí thể thao giới thiệu khái quát về tin tức báo chí TDTT như : Khái niệm đặc điểm, ý nghĩa của tin tức báo chí và cách viết tin. Đồng thời giới thiệu cho sinh viên nắm và hiểu được cách thức tổ chức và tiến hành cuộc phỏng vấn báo chí. Môn học này mục nhằm cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về báo chí truyền thông thể thao, vai trò của hoạt động báo chí trong đời sống xã hội nói chung và lĩnh vực TDTT nói riêng và khả năng vận dụng lý thuyết và thực tiễn để tác nghiệp truyền thông thể thao trong thực tiễn.	3	0	Tự luận
305.	**Quản lý sân bãi, công trình và kinh doanh thể dục thể thao**	Môn học Quản lý sân bãi và công trình thể thao trang bị kiến thức về công tác quản lý, khai thác sử dụng công trình thể thao. Kiến thức về Quản lý đầu tư phát triển hệ thống CSVC kỹ thuật thể thao và Chiến lược đầu tư phát triển hệ thống CSVC - KT thể thao và phạm vi cách thức hoạt động kinh doanh thể dục thể thao hiện nay.	3	0	Tự luận
306.	**Kế hoạch hóa Thể dục thể thao**	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: cơ sở lý luận của công tác kế hoạch thể dục thể thao, cụ thể là mục đích, nguyên tắc, phương pháp, chế	3	0	Tự luận

		độ, phân cấp, nội dung, chỉ tiêu, trình tự và quy trình lập kế hoạch; Những vấn đề cơ bản của kế hoạch chiến lược, dự án, đề án… nhằm phát triển phong trào thể dục thể thao.			
307.	**Cờ vua**	Cờ vua thuộc môn thể thao chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành GDTC, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú, các bài tập trang bị nhằm phát triển tư duy logic,luyện trí thông minh, giáo dục những phẩm chất tốt đẹp như tính tổ chức kỷ luật, kiên cường bình tĩnh, luyện mưu trí, óc sáng tạo, luyện cách nhìn xa trông rộng biết phân tích, tổng hợp tình hình một cách khách quan khoa học, rèn luyện cách làm việc có kế hoạch, tính quyết đoán và táo bạo trong sử lý tình huốngcho người tập. Môn Cờ vua trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản, các nguyên tắc giảng dạy, phương pháp giảng dạy, giảng dạy các kỹ chiến thuật cờ vua, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài của môn Cờ vua.	0	3	Thực hành
308.	**Trò chơi vận động**	Trang bị cho người học những kiến thức và các kỹ năng cơ bản về nguồn gốc môn trò chơi vận động, đặc điểm, tác dụng, vai trò của môn trò chơi vận động trong hệ thống giáo dục thể chất; Biết biên soạn, sáng tác trò chơi vận động. Ngoài ra, còn trang bị cho sinh viên về phương pháp tổ chức thi đấu, phương pháp trọng tài. Hình thành các kỹ năng nhận xét, đánh giá và phân loại trò chơi vận động.	0	2	Thực hành

309.	**Phương pháp tổ chức các hoạt động thi đấu thể dục thể thao**	- Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác tổ chức và quản lý thi đấu thể dục thể thao, để sinh viên có thể vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn khi làm việc. - Đào tạo sinh viên khi ra trường trở thành những cán bộ Thể dục thể thao biết thực hành kỹ thuật tổ chức thi đấu, trọng tài các giải thi đấu các cấp. - Có năng lực tổ chức cho mọi đối tượng tập luyện trong trường học các cấp và làm cán bộ chuyên môn ở các sở TDTT, tỉnh, thành ngành và trong hệ thống giáo dục thể chất ở các trường học.	0	4	Thực hành
310.	**Bơi lội**	Bơi lặn là môn thể thao cơ bản trong chương trình GDTC nhằm trang bị cho Sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về các kỹ thuật của môn bơi lặn như: phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu, phương pháp trọng tài cách phòng chống đuối nước ,Giới thiệu nguồn gốc, lịch sử, xu hướng phát triển của môn Bơi lặn và tác dụng của nó đến người hoc, thông qua môn học rèn luyện sức khỏe, phát triển tố chất thể lực, tầm vóc và phẩm chất , tâm lý tốt nhất cho người học. hình thành cho người học những phẩm chất: kiên trì, tự tin, vượt khó, tính kỹ luật, yêu thích vận động, có lòng yêu thương và hợp tác với nhau.	0	2	Thực hành
311.	**Nghiệp vụ sư phạm Thể dục thể thao**	Học phần này gồm các nội dung cơ bản là rèn luyện phương pháp tự học và vận dụng kiến thức tâm lý học, giáo dục học để giải quyết các tình huống dạy học, giáo dục. kiến thức về vai trò, ý nghĩa, chức năng, nhiệm vụ	0	2	Thực hành

		của người giáo viên chủ nhiệm lớp và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Đồng thời có thể thực hành ứng dụng nhằm rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, kỹ năng công tác giáo viên chủ nhiệm phù hợp yêu cầu thực tiễn. Vận dụng kiến thức về tâm lý lứa tuổi học sinh, lí luận dạy học và lí luận giáo dục, các phương pháp dạy học tích cực để thiết kế bài giảng và rèn luyện các kỹ năng dạy học và kỹ năng giáo dục (Kỹ năng đọc, kỹ năng thuyết trình một đề tài, kỹ năng lắng nghe; kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng viết bảng; thực hành kỹ năng tiếp cận giáo dục phổ thông).			
312.	**Quần vợt**	Quần vợt là một môn trong chương trình đào tạo ngành Quản lý TDTT, là một học phần tự chọn nội dung các bài tập rất đa dạng và phong phú, nhằm phát triển thể lực cho sinh viên. Môn quần vợt trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số nội dung chính của môn quần vợt như: phát bóng, đỡ bóng, đập bóng, di chuyển ngang, di chuyển dọc ... và các bài tập thể lực; đồng thời bồi dưỡng phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài của môn quần vợt.	0	2	Thực hành
313.	**Thể thao trường học và lịch sử TDTT**	Phần lịch sử TDTT trang bị cho sinh viên những kiến thức khái quát về nguồn gốc và lịch sử phát triển TDTT trên thế giới và ở Việt Nam. Trên cơ sở đó sinh viên có nhận thức đúng đắn về vai trò và vị trí to lớn của TDTT trong đời sống xã hội loài người Phần thể thao trường học cung cấp cho người học những	3	0	Tự luận

		kiến thức cơ bản về khoa học giáo dục thể chất như khái niệm, vai trò của Giáo dục thể chất, các phương pháp và hình thức tỏ chức tập luyện, nguyên tắc trong giảng dạy, cấu trúc quá trình giảng dạy … Hình thành kỹ năng xây dựng và phân tích tập luyện trong Giáo dục thể chất.			
314.	**Khiêu vũ (QLVH)**	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, vai trò, nguyên tắc tập luyện, phương pháp giáo tập luyện và tổ chức tập luyện khiêu vũ, văn hoá và môi trường của tổ chức, biên soạn và tổ chức tập luyện… Hình thành kỹ thuật động tác cơ bản và thuần thuộc nâng cao, xử lý trong từng tình huống cụ thể	0	2	Thực hành
315.	**Thực tế chuyên ngành**		0	3	Thực hành
316.	**Thực tập cuối khóa**		0	5	Thực hành
317.	**Báo cáo tốt nghiệp**		0	4	Báo cáo
Bộ môn Ngoại ngữ					
318.	**Tiếng Anh 1**	Học phần Tiếng Anh 1 bao gồm 3 tín chỉ, là chương trình dành cho đối tượng bắt đầu học tiếng Anh như một ngoại ngữ. Chương trình cung cấp cho người học những kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng cơ bản và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) ở dạng làm quen ban đầu	3	0	Trắc nghiệm

		và những chủ điểm quen thuộc như gia đình, giải trí, học tập, nghỉ lễ, ăn uống, công việc tương lai, v.v.			
319.	**Tiếng Anh 2**	Học phần Tiếng Anh 2 bao gồm 3 tín chỉ. Học phần cho người học những kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng thông thường và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) ở dạng ban đầu và những chủ điểm quen thuộc như các hoạt động hàng ngày, sức khỏe, kỷ niệm về một kỳ nghỉ trong quá khứ v.v.	3	0	Trắc nghiệm
320.	**Tiếng Anh 3**	Học phần Tiếng Anh 3 gồm 3 tín chỉ. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ trong tiếng Anh bao gồm: + Những kiến thức nâng cao về Ngữ pháp, Ngữ âm và Từ vựng. + Phát triển các kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ như Nghe, Nói, Đọc, Viết trên cơ sở nắm chắc lý thuyết và thực hành thành thạo. Từ những kiến thức nâng cao, này sinh viên có thể vận dụng để thực hành giao tiếp, làm bài tập tình huống, phát triển các kỹ năng (Nghe, Nói, Đọc, Viết) Tiếng Anh giao tiếp trong môi trường có yếu tố quốc tế	3	0	Trắc nghiệm
321.	**Tiếng Trung Quốc 1**	Học phần Tiếng Trung Quốc 1 bao gồm 3 tín chỉ, là chương trình dành cho đối tượng bắt đầu học tiếng Trung Quốc như một ngoại ngữ. Chương trình cung cấp cho người học những kiến thức về ngữ âm, quy tắc biến âm, quy tắc biến đổi thanh điệu, quy tắc viết chữ Hán, từ vựng cơ bản và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói,	3	0	Vấn đáp

		đọc, viết) ở dạng làm quen ban đầu về các chủ điểm quen thuộc như: Chào hỏi, tạm biệt, xin lỗi, cảm ơn, họ tên, tuổi tác, gia đình, sức khoẻ, sở thích, mua sắm, nghề nghiệp, quốc tịch, số đếm, số thứ tự, giới thiệu người và đồ vật ...			
322.	**Tiếng Trung Quốc 2**	Học phần Tiếng Trung Quốc 2 bao gồm 3 tín chỉ. Học phần cho người học những kiến thức về từ vựng, cấu trúc câu, ngữ pháp, thông thường và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) ở dạng mẫu câu cơ bản và những chủ điểm quen thuộc như các hoạt động hàng ngày, học tập, vui chơi, mua sắm, thời gian, thời tiết, tham gia và tổ chức sinh nhật, động tác biểu thị quá khứ, tương lai, hiện tại, phương vị từ v.v.	3	0	Vấn đáp
323.	**Tiếng Trung Quốc 3**	Học phần Tiếng Trung Quốc 3 gồm 3 tín chỉ. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ trong tiếng Trung bao gồm: + Những kiến thức nâng cao về Ngữ pháp, Ngữ âm và Từ vựng. + Phát triển các kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ như Nghe, Nói, Đọc, Viết trên cơ sở nắm chắc lý thuyết và thực hành thành thạo. Từ những kiến thức nâng cao, này sinh viên có thể vận dụng để thực hành giao tiếp, làm bài tập tình huống, phát triển các kỹ năng giao tiếp (Nghe, Nói, Đọc, Viết) tiếng Trung Quốc trong môi trường có yếu tố quốc tế.	3	0	Vấn đáp

324.	**Ngữ pháp tiếng Anh**	Học phần Ngữ pháp tiếng Anh thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc trong chương trình đào tạo đại học ngôn ngữ Anh. Học phần có 4 tín chỉ, cung cấp cho sinh viên các vấn đề liên quan đến ngữ pháp tiếng Anh, bao gồm: khái niệm, phân loại và cách sử dụng các từ loại trong tiếng Anh như danh từ, động từ, tính từ, trạng từ...; khái niệm câu và các thành phần chính của câu; các loại câu đơn, câu ghép, câu phức....	4	0	Tự luận
325.	**Ngữ nghĩa Tiếng Anh**	Học phần Ngữ nghiã tiếng Anh giải quyết khái niệm ngữ nghĩa và các vấn đề liên quan của ngữ nghĩa học, hệ thống hóa kiến thức về các cấp độ ngữ nghĩa tiếng Anh (từ, cụm từ, thành ngữ, câu, đoạn văn), tìm hiểu về các khái niệm căn bản về ngữ nghĩa (semantic triangle, semantic properties, referring expressions, referent, sense, …) và hình thái tu từ (figures of speech). Trong phần này người học cũng phải nắm được nghĩa từ vựng, quan hệ nghĩa và nghĩa của câu.	3	0	Tự luận
326.	**Văn học Anh-Mỹ**	Học phần Văn học Anh-Mỹ là học phần cơ sở ngành thuộc chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần Văn học Anh – Mỹ được bố cục thành 03 chương, mỗi chương nói về lịch sử phát triển của văn học Anh-Mỹ qua các giai đoạn như các trào lưu, thể loại, nội dung (chủ điểm) và một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu. Trong mỗi giai đoạn những đều giới thiệu những sự kiện quan trọng có ảnh hưởng đáng kể đến đất nước và con người	3	0	Tự luận

		Anh-Mỹ nói chung, đặc biệt là đến sự phát triển của nền văn học Anh-Mỹ và việc chúng được phản ánh như thế nào qua các tác phẩm văn học			
327.	**Đất nước học Anh– Mỹ**	Học phần Đất nước học Anh- Mỹ gồm 3 tín chỉ. Học phần giới thiệu sự hình thành và phát triển của Vương Quốc Anh, và Hợp chủng quốc Hoa Kỳ về các vấn đề như: Hệ thống chính trị, giáo dục, đời sống văn hóa, phong tục tập quán, v.v….	3	0	Tự luận
328.	**Ngữ âm – Âm vị học tiếng Anh**	Học phần Ngữ âm – âm vị học tiếng Anh gồm hai phần chính: Ngữ âm và âm vị. Phần thứ nhất giải quyết các vấn đề miêu tả và phân loại âm, bao gồm nguyên âm và phụ âm, dựa vào các đặc điểm phát âm và phương thức hoạt động của cơ quan phát âm. Phần hai bàn về các nguyên lý về qui tắc phát âm và biến âm. Nhiệm vụ của phần này là làm rõ các cơ chế chi phối qui tắc trọng âm, ngữ điệu, hiện tượng đồng hoá âm, lướt âm, nối âm, v.v. Ngoài ra một số phương pháp và kỹ thuật dạy môn ngữ âm tiếng Anh cũng được thảo luận..	3	0	Tự luận
329.	**Nghe cơ sở 1**	Học phần Nghe cơ sở 1 gồm 3 tín chỉ là học phần đầu tiên trong chương trình rèn luyện kỹ năng nghe hiểu dành cho sinh viên hệ chính quy ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần được thiết kế nhằm mục đích chủ yếu giúp sinh viên làm quen và từng bước rèn luyện kỹ năng nghe hiểu cơ bản. Chương trình gồm có 10 bài bao gồm một số chủ điểm, tình huống liên quan đến cuộc sống thường ngày như: names, work, long distance, positive thinking, vocation time, laughter, music, honesty, life changes, fear.	0	3	Thực hành

		Từ những kiến thức và kỹ năng nghe nền tảng này sinh viên có thể vận dụng để phát triển các kỹ năng khác (Nói, Đọc, Viết) và thực hành giao tiếp Tiếng Anh trong môi trường có yếu tố quốc tế.			
330.	**Nói cơ sở 1**	Học phần Nói cơ sở 1 gồm 3 tín chỉ là học phần đầu tiên trong chương trình rèn luyện kỹ năng nói dành cho sinh viên hệ chính quy ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần được thiết kế nhằm mục đích chủ yếu giúp sinh viên làm quen và từng bước rèn luyện kỹ năng nói cơ bản. Chương trình gồm có 10 bài bao gồm một số chủ điểm, tình huống liên quan đến cuộc sống thường ngày như: names, work, long distance, positive thinking, vocation time, laughter, music, honesty, life changes, fear…..	0	3	Thực hành
331.	**Đọc cơ sở 1**	Học phần Đọc cơ sở 1 gồm 3 tín chỉ, là học phần bắt buộc tiên quyết đối với sinh viên hệ chính quy ngành Cử nhân Ngôn ngữ Anh được thực hiện sau khi sinh viên đã hoàn thành chương trình tiếng Anh ở bậc trung học phổ thông, tương đương với trình độ tiếng Anh sơ cấp (Pre-Intermediate). Nội dung học phần này gồm 10 bài đề cập đến các vấn đề cuộc sống, sự vật, hiện tượng xung quanh cuộc sống con người, khoảng cách, công việc, âm nhạc, giải trí, du lịch …	0	3	Thực hành
332.	**Viết cơ sở 1**	Học phần Viết cơ sở 1 là một trong 4 kỹ năng thực hành tiếng Anh được thực hiện vào học kỳ 1 năm thứ nhất của chương trình trình độ đại học hệ chính quy ngành Cử nhân ngôn ngữ Anh. Học phần gồm 3 tín chỉ thực hành, được soạn thảo dựa trên cơ sở người học đã học xong	0	3	Thực hành

		chương trình tiếng Anh ở bậc THPT, tương đương với trình độ tiếng Anh sơ cấp (Pre-Intermediate). Học phần này gồm có cách viết về câu, các loại câu, đoạn văn, viết thư sắp xếp ý tưởng cho đoạn văn.			
333.	**Nghe cơ sở 2**	Học phần Nghe cơ sở 2 gồm 3 tín chỉ là học phần kế tiếp học phần Nghe cơ sở 1 trong chương trình rèn luyện kỹ năng nghe hiểu dành cho sinh viên hệ chính quy ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần được thiết kế nhằm mục đích chủ yếu giúp sinh viên làm quen và từng bước rèn luyện kỹ năng nghe hiểu cơ bản. Chương trình gồm có 10 bài bao gồm một số chủ điểm, tình huống liên quan đến cuộc sống thường ngày như: trends, color, courtesy, games, family ties, self-reliance, use and reuse, story telling, number, global health....Từ những kiến thức và kỹ năng nghe nền tảng này sinh viên có thể vận dụng để phát triển các kỹ năng khác (Nói, Đọc, Viết) và thực hành giao tiếp Tiếng Anh trong môi trường có yếu tố quốc tế..	0	3	Thực hành
334.	**Nói cơ sở 2**	Học phần Nói cơ sở 2 gồm 3 tín chỉ là học phần kế tiếp học phần Nói cơ sở 1 trong chương trình rèn luyện kỹ năng nói dành cho sinh viên hệ chính quy ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần được thiết kế nhằm mục đích chủ yếu giúp sinh viên làm quen và từng bước rèn luyện kỹ năng nói cơ bản. Chương trình gồm có 10 bài bao gồm một số chủ điểm, tình huống liên quan đến cuộc sống thường ngày như: trends, color, courtesy, games, family ties, self-reliance, use and reuse, story telling, number,	0	3	Thực hành

		global health.....			
335.	**Đọc cơ sở 2**	Học phần Đọc cơ sở 2 là học phần bắt buộc đối với sinh viên hệ chính qui ngành Cử nhân Ngôn ngữ Anh. Nội dung học phần này gồm 10 bài đề cập đến các vấn đề cuộc sống, sự vật, hiện tượng xung quanh cuộc sống con người, thái độ, hành vi, quan điểm của con người trước các vấn đề, hiện tượng xã hội …	0	3	Thực hành
336.	**Viết cơ sở 2**	Viết là một trong 4 kỹ năng thực hành tiếng Anh được thực hiện vào học kỳ 2 năm thứ nhất của chương trình trình độ đại học hệ chính quy ngành Cử nhân ngôn ngữ Anh. Học phần Viết cơ sở 2 gồm 3 tín chỉ thực hành, được soạn thảo dựa trên cơ sở người học đã học xong chương trình Viết cơ sở 1. Học phần này bao gồm cách viết dàn ý, bố cục của một đoạn văn, các loại đoạn văn như so sánh, nguyên nhân và kết quả.	0	3	Thực hành
337.	**Nghe nâng cao 1**	Học phần Nghe nâng cao 1 gồm 3 tín chỉ là học phần kế tiếp học phần Nghe cơ sở 2 trong chương trình rèn luyện kỹ năng nghe hiểu dành cho sinh viên hệ chính qui ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần được thiết kế nhằm mục đích chủ yếu giúp sinh rèn luyện kỹ nâng cao kỹ năng năng nghe hiểu. Chương trình gồm có 10 bài bao gồm một số chủ điểm, tình huống liên quan đến cuộc sống thường ngày như: first impression, food and taste, success, new perspectives, responsibility, advertising, risk, cities, money, keeping in touch....Từ những kiến thức và kỹ năng nghe nền tảng này sinh viên có thể vận dụng để	0	3	Thực hành

		phát triển các kỹ năng khác (Nói, Đọc, Viết) và thực hành giao tiếp tiếng Anh trong môi trường có yếu tố quốc tế.			
338.	**Nói nâng cao 1**	Học phần Nói nâng cao 1 gồm 3 tín chỉ là học phần kế tiếp học phần Nói cơ sở 2 trong chương trình rèn luyện kỹ năng nói dành cho sinh viên hệ chính quy ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần được thiết kế nhằm mục đích chủ yếu giúp sinh rèn luyện kỹ nâng cao kỹ năng năng nghe hiểu. Chương trình gồm có 10 bài bao gồm một số chủ điểm, tình huống liên quan đến cuộc sống thường ngày như: first impression, food and taste, success, new perspectives, responsibility, advertising, risk, cities, money, keeping in touch....	0	3	Thực hành
339.	**Đọc nâng cao 1**	Học phần Đọc nâng cao 1 là học phần bắt buộc đối với sinh viên hệ chính qui ngành Cử nhân Ngôn ngữ Anh. Nội dung học phần này gồm 10 bài đề cập đến các vấn đề cuộc sống, sự vật, hiện tượng xung quanh cuộc sống con người, thái độ, hành vi, quan điểm của con người trước các vấn đề, hiện tượng xã hội …	0	3	Thực hành
340.	**Viết nâng cao 1**	Viết là một trong 4 kỹ năng thực hành tiếng Anh được thực hiện sau khi sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh đã học xong các học phần Viết cơ sở 1,2. Học phần Viết nâng cao 1 gồm 3 tín chỉ thực hành, trong đó sinh viên dựa trên việc ôn luyện kỹ năng viết các loại đoạn văn khác nhau để bắt đầu làm quen với cấu trúc và quy trình viết bài luận tiếng Anh và thực hành viết các thể loại bài luận	0	3	Thực hành

		cơ bản.			
341.	**Nghe nâng cao 2**	Học phần Nghe nâng cao 2 gồm 3 tín chỉ là học phần kế tiếp học phần nghe nâng cao 1 trong chương trình rèn luyện kỹ năng nghe hiểu dành cho sinh viên hệ chính quy ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần được thiết kế nhằm mục đích chủ yếu giúp sinh rèn luyện kỹ nâng cao kỹ năng năng nghe hiểu. Chương trình gồm có 10 bài bao gồm một số chủ điểm, tình huống liên quan đến cuộc sống như: power and responsibility, appearances, growing up, health care, art today, the science of food, from school to work, discovery, humans and nature, child's day....Từ những kiến thức và kỹ năng nghe nền tảng này sinh viên có thể vận dụng để phát triển các kỹ năng khác (Nói, Đọc, Viết) và thực hành giao tiếp tiếng Anh trong môi trường có yếu tố quốc tế.	0	3	Thực hành
342.	**Nói nâng cao 2**	Học phần Nói nâng cao 2 gồm 3 tín chỉ là học phần kế tiếp học phần Nói nâng cao 1 trong chương trình rèn luyện kỹ năng nói dành cho sinh viên hệ chính quy ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần được thiết kế nhằm mục đích chủ yếu giúp sinh rèn luyện kỹ nâng cao kỹ năng năng nói. Chương trình gồm có 10 bài bao gồm một số chủ điểm, tình huống liên quan đến cuộc sống như: power and responsibility, appearances, growing up, health care, art today, the science of food, from school to work, discovery, humans and nature, child's day....	0	3	Thực hành

343.	**Đọc nâng cao 2**	Học phần Đọc nâng cao 2 là học phần bắt buộc đối với sinh viên hệ chính qui ngành Cử nhân Ngôn ngữ Anh được thực hiện sau khi sinh viên đã hoàn thành chương trình đọc cơ sở 1, 2 và đọc nâng cao 1 tương đương với trình độ tiếng Anh trung cấp (Intermediate). Nội dung học phần này gồm 10 bài đề cập đến các vấn đề cuộc sống, sự vật, hiện tượng xung quanh cuộc sống con người, thái độ, hành vi, quan điểm của con người trước các vấn đê,hiện tượng xã hội …	0	3	Thực hành
344.	**Viết nâng cao 2**	Viết là một trong 4 kỹ năng thực hành tiếng Anh được thực hiện sau khi sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh đã học xong các học phần Viết cơ sở 1,2 và Viết nâng cao 1. Học phần Viết nâng cao 2 gồm 3 tín chỉ thực hành, trong đó sinh viên thực hành viết các kiểu bài luận khác nhau dựa theo kiến thức về cấu trúc và quy trình viết bài luận đã học ở các học phần trước đó.	0	3	Thực hành
345.	**Biên dịch**	Học phần Biên dịch được thực hiện với mục tiêu giúp sinh viên có kiến thức cbản về biên dich từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại. Qua đó sinh viên nắm được cấu trúc câu đặc trưng và vốn từ vựng phong phú của cả hai ngôn ngữ để biên dịch chính xác nội dung. Các bài học được lựa chọn nhằm giúp sinh viên hình thành thói quen đọc đoán ý chính, ý phụ, cũng như thảo luận đưa ra phương án dịch phù hợp.	0	3	Thực hành
346.		Môn học Phiên dịch bao gồm 03 tín chỉ thực hành. Học phần nhằm rèn luyện kỹ năng dịch đoạn và dịch đuổi ở cấp độ câu và đoạn văn ngắn thông qua các bài hội thoại,			Thực hành

	Phiên dịch	phỏng vấn, các bài diễn thuyết hoặc các bản tin thuộc các chủ đề đất nước, con người, phong tục tập quán, dân số, kinh tế, thời sự, giáo dục, y tế… kết hợp lồng ghép với các bài tập rèn luyện các kỹ năng phiên dịch riêng lẻ.	0	3	
347.	**Giao tiếp giao văn hóa**	Học phần Giao tiếp giao văn hóa gồm 2 tín chỉ thuộc khối kiến thức Chuyên ngành nhằm trang bị, cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng giao tiếp giao văn hóa bao gồm: - Giới thiệu về văn hóa các nước trên thế giới và các nước nói tiếng Anh - Kiến thức về giao tiếp: chào hỏi, cảm ơn, cách phàn nàn, xin lỗi, mời, yêu cầu...; - Kiến thức về giao thoa văn hóa: Giao tiếp trực tiếp và gián tiếp, giao tiếp phi lời nói, ngôn ngữ cơ thể, cử chỉ, sốc văn hóa...	2	0	Tự luận
348.	**Ngôn ngữ học đối chiếu**	Học phần Ngôn ngữ học đối chiếu thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, gồm 2 tín chỉ, cung cấp những nội dung chính sau: Lịch sử phát triển của ngôn ngữ học đối chiếu; đối tượng, phạm vi của ngôn ngữ học đối chiếu; Cơ sở, nguyên tắc, và phương pháp đối chiếu; Việc đối chiếu ngôn ngữ qua các bình diện: ngữ âm-âm vị học, ngữ pháp học, và từ vựng-ngữ nghĩa;	2	0	Tự luận
349.	**Tiếng Anh Văn phòng**	Học phần Tiếng Anh văn phòng chủ yếu nhằm vào việc phát triển vốn thuật ngữ chuyên ngành. Học phần gồm 2 tín chỉ, có 8 bài về các chủ đề chính như giao tiếp trong	2	0	Vấn đáp

		văn phòng với quản lý, đồng nghiệp, cách thức gọi, trả lời điện thoại sắp xếp cuộc hẹn, cuộc họp, ….			
350.	**Tiếng Anh Du lịch**	Học phần Tiếng Anh du lịch gồm 2 tín chỉ, thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp vốn kiến thức về Lễ hội truyền thống tại Việt Nam; Làng nghề truyền thống tại Việt Nam; Di tích lịch sử tại Việt Nam; Thắng cảnh nổi tiếng tại Việt Nam. Người học vận dụng kiến thức chuyên ngành du lịch, kiến thức về ngôn ngữ Anh (ngữ pháp, từ vựng, thuật ngữ…) và kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ (Nghe, Nói, Đọc, Viết) để thực hiện thuyết minh, hướng dẫn du lịch bằng tiếng Anh tại các tuyến, điểm du lịch.	2	0	Vấn đáp
351.	**Tiếng Anh Luật**	Học phần Tiếng Anh Luật gồm 2 tín chỉ. Học phần nhằm phát triển vốn từ vựng, các khái niệm và thuật ngữ chuyên ngành. Tiếng Anh Luật gồm 10 chương bao gồm nhiều lĩnh vực luật khác nhau như luật nhà nước, luật hành chính, luật hình sự, luật dân sự, luật sỡ hữ trí tuệ, luật thương mại,..	2	0	Tự luận
352.	**Tiếng Anh Thương mại**	Học phần Tiếng Anh thương mại thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, gồm 6 chương được thực hiện với 30 giờ tín chỉ trong 15 tuần. Các chương đề cập đến các vấn đề: Hoạt động thương mại, tiếp thị và mại vụ, dịch vụ khách hàng, quản lý và lãnh đạo nhân lực, đầu tư và Tổ chức thương mại thế giới.	2	0	Tự luận
353.		Học phần Phân tích diễn ngôn trang bị cho sinh viên kiến thức về kết cấu văn bản và cấu trúc hội thoại tiếng	2	0	Tự luận

	Phân tích diễn ngôn	Anh dưới sự ảnh hưởng của yếu tố văn hoá và hệ tư tưởng. Học phần nhấn mạnh yếu tố liên kết và mạch lạc trong ngôn ngữ, cũng như vai trò và mối quan hệ giữa những người tham thoại ảnh hưởng như thế nào đến cấu trúc thông tin và sự lựa chọn ngôn ngữ trong giao tiếp. Lý thuyết chính: Chủ yếu sử dụng lý thuyết Ngữ pháp chức năng của Halliday. Hướng nghiên cứu và triển vọng môn học: Phân tích diễn ngôn phê bình (Critical Discourse Analysis).			
354.	**Ngữ dụng học**	Học phần Ngữ dụng học tập trung nghiên cứu việc hành chức của ngôn ngữ trong thực tế sử dụng. Ngữ dụng học được ra đời trên cơ sở của việc ứng dụng các lí thuyết Ngôn ngữ học hiện đại. Môn học này giúp sinh viên hình thành kĩ năng phân tích văn bản, diễn giải nghĩa của phát ngôn trong ngữ cảnh cụ thể, nhằm đạt hiệu quả cao trong giao tiếp.	2	0	Tự luận
355.	**Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 1**	Học phần Tiếng Anh chuyên ngành 1 bao gồm 2 phần chính (10 bài học): Phần I- Tiếng Anh trong khách sạn (English for Hotel staff) gồm 05 bài học tương ứng với 05 chủ đề trong lĩnh vực dịch vụ khách sạn: Đặt phòng, làm thủ tục nhận phòng, phục vụ phòng, giải quyết những lời phàn nàn của khách và làm thủ tục trả phòng; Phần II – Tiếng Anh trong nhà hàng (English for Restaurant Staff) gồm 04 bài học tương ứng với 04 chủ đề trong lĩnh vực dịch vụ nhà hàng: Đặt bàn ăn, đón khách, giải quyết những lời phàn nàn của khách và làm	3	0	Vấn đáp

		thủ tục thanh toán hóa đơn			
356.	**Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 2**	Học phần Tiếng Anh chuyên ngành 2 bao gồm 3 phần chính: Phần I - Các lễ hội truyền thống tại Việt Nam (Traditional festivals in Vietnam); Phần II- Các làng nghề truyền thống tại Việt Nam (Traditional working villages in Vietnam); Phần III - Các di tích lịch sử tại Việt Nam (Historical relics in Vietnam).	3	0	Vấn đáp
357.	**Thực tế chuyên ngành**	Học phần Thực tế chuyên ngành hướng dẫn sinh viên học tập kinh nghiệm và đi thực tế ngoài trường 2 tuần. Trong thời gian này sinh viên sẽ có kiến thức thực tiễn về những nơi đến thực địa; quan sát và đối chiếu kiến thức đã học vào hiện thực công việc, sau đó hoàn thành báo cáo bằng tiếng Anh Thông qua đợt thực tế này, sinh viên sẽ được học hỏi và rèn luyện thêm về các kỹ năng cũng như củng cố lại kiến thức ngành ngôn ngữ Anh. Bên cạnh đó, sinh viên có ý thức hơn về tác phong và thái độ trong môi trường làm việc thực tế và cơ hội đối chiếu và diễn đạt sự hiểu biết của mình trong môi trường thực tế.	0	3	Thực hành
358.	**Thực tập nghề cuối khoá**	Thực tập cuối khóa hướng dẫn người học phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ Anh bằng cách cho người học được tham gia các hoạt động chuyên môn tại các đơn vị công tác có sử dụng tiếng Anh để từ đó hình thành năng lực tư duy cũng như năng lực sử dụng ngôn ngữ đạt hiệu quả. Thực tập cuối khóa hỗ trợ cho người học hoàn thiện các kỹ năng về	0	5	Thực hành

		ngôn ngữ Anh, yêu cầu về mặt lý thuyết và thực tiễn ngành, đặc biệt cho đối tượng người học có nhu cầu làm bài khóa luận tốt nghiệp.			
359.	**Báo cáo tốt nghiệp**			8	Báo cáo
Bộ môn Luật					
360.	**Pháp luật đại cương**	Học phần Pháp luật đại cương là môn khoa học pháp lý cơ bản giới thiệu những vấn đề chung nhất về Nhà nước và pháp luật; về vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, về pháp chế xã hội chủ nghĩa; đồng thời giới thiệu tổng quan về hệ thống chính trị, tìm hiểu những vấn đề cơ bản về các hệ thống cơ quan trong bộ máy Nhà nước ta hiện nay và tìm hiểu những nội dung cơ bản của những ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật nước ta và pháp luật chuyên ngành. Nghiên cứu đồng thời mối quan hệ biện chứng giữa nhà nước và pháp luật trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Phương pháp tiếp cận pháp luật Việt Nam. Qua đó thể hiện ý thức công dân, tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống và làm việc theo pháp luật; biết lựa chọn hành vi và khẳng định sự tự chủ của mình trong các quan hệ xã hội, trong lao động, trong cuộc sống hàng ngày.	3	0	Tự luận
361.	**Lịch sử nhà nước và pháp**	Lý luận nhà nước và pháp luật là học phần khoa học pháp lý nghiên cứu những quy luật chung nhất của quá trình phát sinh, phát triển, tồn tại và tiêu vong của các kiểu nhà nước và pháp luật. Học phần nghiên cứu các vấn đề cơ bản như nguồn gốc của	3	0	Tự luận

	luật Việt Nam	nhà nước và pháp luật; bản chất, chức năng, hình thức, kiểu nhà nước và pháp luật; bộ máy nhà nước; hệ thống pháp luật, quan hệ pháp luật, quy phạm pháp luật; thực hiện và áp dụng pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý, pháp chế xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền; ý thức pháp luật và văn hoá pháp lý. Lý luận nhà nước và pháp luật nghiên cứu tất cả các kiểu nhà nước và pháp luật.			
362.	**Luật hành chính**	Luật hành chính là một ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam bao gồm tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình tổ chức và thực hiện hoạt động chấp hành - điều hành của các CQHC nhà nước. QPPLHC là các quy tắc xử sự chung do cơ quan Nhà nước, các cán bộ nhà nước có thẩm quyền ban hành, chủ yếu điều chỉnh những quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước (hay còn gọi là hoạt động chấp hành - điều hành của Nhà nước) có hiệu lực bắt buộc thi hành đối với những đối tượng có liên quan. Quan hệ PLHC là quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình quản lý HCNN, được điều chỉnh bởi các quy phạm PLHC giữa các cơ quan, tổ chức, các nhân mang quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo quy định của PLHC.Hình thức QLHCNN là hoạt động biểu hiện ra bên ngoài của chủ thể quản lý nhằm thực hiện tác động quản lý. Cơ quan hành chính nhà nước là bộ phận cấu thành của bộ máy nhà nước, trực thuộc trực tiếp hoặc gián tiếp cơ	4	0	Tự luận

		quan quyền lực nhà nước cùng cấp, có phương diện hoạt động chủ yếu là hoạt động chấp hành - điều hành, có cơ cấu tổ chức và phạm vi thẩm quyền do pháp luật quy định. Quy định quyền và nghĩa vụ cơ bản của Cán bộ, Công chức trong lĩnh vực hành chính. Quy chế pháp lý hành chính của tổ chức xã hội, công dân, Người nước ngoài, Người không quốc tịch. Quy định VPHC và TNHC đối với các tổ chức, cá nhân. Bảo đảm pháp chế là tổng thể các biện pháp, phương tiện tổ chức-pháp lí do các cơ quan NN, tổ chức xã hội và công dân áp dụng nhằm thực hiện chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của các cơ quan NN và các tổ chức ấy cũng như việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân. Công dân có quyền khiếu nại, tố cáo với CQNN có thẩm quyền về những việc làm trái PL của CQNN, tổ chức kinh tế, xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân hoặc bất cứ cá nhân nào;			
363.	**Luật tố tụng hành chính**	Luật Tố tụng hành chính Việt Nam là môn khoa học pháp lí chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về tài phán hành chính; ngành luật tố tụng hành chính; quyền và nghĩa vụ pháp lí tố tụng hành chính của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; thẩm quyền, thủ tục giải quyết các vụ án hành chính và thi hành án hành chính. Những kiến thức này cần thiết cho việc xây dựng, tổ chức thực hiện và hoàn thiện pháp luật tố tụng hành chính; bảo đảm giải quyết hiệu quả các vụ án hành chính và bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trước sự xâm phạm	3	0	Tự luận

		trái pháp luật của việc thực thi quyền hành pháp.			
364.	**Luật Tố tụng hình sự**	Học phần có 03 tín chỉ với 11 chương, bao gồm các nội dung cơ bản sau: Chương 1. Khái niệm luật TTHS; nhiệm vụ và các nguyên tắc cơ bản của TTHS; Chương 2. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; Người tham gia tố tụng, bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự; Chương 3. Chứng cứ và chứng minh; Chương 4. Biện pháp ngăn chặn và các biện pháp cưỡng chế khác; Chương 5. Khởi tố vụ án hình sự; Chương 6. Điều tra vụ án hình sự; Chương 7. Truy tố Chương 8. Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự; Chương 9. Xét xử phúc thẩm vụ án hình sự Chương 10. Thi hành bản án, quyết định của toà án;Chương 11. Thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của toà án.	3	0	Tự luận
365.	**Luật Tố tụng dân sự**	Luật tố tụng dân sự là môn học cơ bản của chương trình đào tạo cử nhân luật, cung cấp cho người học những kiến thức pháp lí về trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan và tổ chức tại toà án. Đối tượng nghiên cứu của môn học là những vấn đề lí luận về luật tố tụng dân sự, nội dung các quy định của pháp luật tố tụng dân sự và thực tiễn thực hiện chúng tại các cơ quan tư pháp, bao gồm: Khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự; thẩm quyền dân sự của toà án nhân dân; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố	3	0	Tự luận

		tụng; quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng; chứng minh và chứng cứ trong tố tụng dân sự; biện pháp khẩn cấp tạm thời; cấp, tống đạt và thông báo các văn bản tố tụng; trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự tại toà án cấp sơ thẩm, phúc thẩm và thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của toà án...			
366.	**Luật hôn nhân và gia đình**	Học phần có 03 tín chỉ với 09 Chương I: Khái niệm và những nguyên tắc cơ bản của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; Chương II: Quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình, sự phát triển của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam từ cách mạng tháng tám năm 1945 đến nay; Chương III: Kết hôn và hủy việc kết hôn trái pháp luật theo Luật hôn nhân và gia đình; Chương IV: Nghĩa vụ và quyền của vợ chồng theo Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; Chương V: Nghĩa vụ và quyền của cha mẹ và con theo Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; Chương VI: Quyền và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình; Chương VII: Chấm dứt hôn nhân; Chương VIII: Giám hộ giữa các thành viên trong gia đìnhChương IX: Quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.	3	0	Tự luận
367.	**Luật lao động**	Học phần cung cấp cho người học các vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng, ban hành, thực thi các định chế về quan hệ lao động và các vấn đề thuộc lĩnh vực lao động - xã hội. Bên cạnh các vấn đề lý luận chung, các nội dung pháp luật được nghiên cứu chủ yếu bao gồm: Khái quát chung về pháp luật Lao động Việt Nam; Các quan hệ	3	0	Tự luận

		pháp luật lao động; Cơ chế ba bên; Việc làm; Hợp đồng lao động; Thỏa ước lao động tập thể; Thời giờ làm việc - Thời giờ nghỉ ngơi; Tiền lương; Bảo hộ lao động; Kỷ luật lao động -Trách nhiệm vật chất; Giải quyết tranh chấp lao động và đình công.			
368.	**Luật Tài chính**	Học phần có 04 tín chỉ với 12 chương, học phần gồm các nội dung chính sau: Chương 1: Những vấn đề lý luận về pháp luật ngân sách nhà nước và tổ chức hệ thống ngân sách nhà nước; Chương 2: Lập dự toán ngân sách nhà nước; Chương 3: Chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước; Chương 4: Quản lý quỹ ngân sách nhà nước ; Chương 5: Xử lý vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước; Chương 6: Những vấn đề cơ bản về pháp luật thuế; Chương 7: Pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Chương 8: Pháp luật thuế tiêu thụ đặc biệt; Chương 9: Pháp luật thuế giá trị gia tăng; Chương 10: Pháp luật thuế thu nhập; Chương 11: Pháp luật về các loại thuế khác; Chương 12: Pháp luật về xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực thuế.	3	0	Tự luận
369.	**Luật học so sánh**	Học phần có 02 tín chỉ với 06 chương, bao gồm các nội dung cơ bản sau: Chương 1: Khái quát chung về hành chính so sánh; Chương 2: Các mô hình tổ chức hành chính nhà nước trên thế giới; Chương 3: Hành chính công ở các nước phát triển; Chương 4: Hành chính công ở các nước đang phát triển	2	0	Tự luận

		Chương 5: Hành chính công ở các nước phát triển ở các nước Xã hội chủ nghĩa; Chương 6: Hành chính so sánh và cải cách hành chính ở Việt Nam.			
370.	**Luật sở hữu trí tuệ**	Học phần có 02 tín chỉ với 05 chương bao gồm những nội dung sau: tìm hiểu tổng quan về các Khái niệm Luật sở hữu trí tuệ; Quyền tác giả và quyền liên quan; Quyền sở hữu công nghiệp; Quyền đối với giống cây trồng; Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.	2	0	Tự luận, trắc nghiệm
371.	**Xây dựng văn bản pháp luật**	Xây dựng VBPL là môn khoa học pháp lí ứng dụng, cung cấp những kiến thức cơ bản về VBPL và xây dựng VBPL đặc biệt là kĩ năng soạn thảo VBPL. Học phần được chia thành hai phần: - Phần lí thuyết: Tập trung giới thiệu những vấn đề xây dựng văn bản pháp luật theo từng loại văn bản với những nội dung sau: + Khái quát về VBPL; + Quy trình xây dựng VBPL; + Quy tắc sử dụng ngôn ngữ trong VBPL; + Cách thức trình bày hình thức và nội dung của VBPL; + Soạn thảo một số VBPL điển hình; + Cách thức kiểm tra, rà soát và xử lí VBPL. - Phần thực hành: Trên cơ sở lí thuyết, học phần giúp sinh viên vận dụng giải quyết BT tình huống cụ thể để soạn thảo VBPL.	3	0	Tự luận
372.	**Lý luận về Nhà nước pháp**	Học phần Lịch sử nhà nước và pháp luật giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản của nhà nước và pháp luật thế			Tự luận

	quyền	giới và nhà nước và pháp luật phong kiến Việt Nam qua các thời kỳ như: Thời kỳ Hùng Vương, thời kỳ Bắc thuộc, thời kỳ Ngô – Đinh – Tiền Lê, thời kỳ Lý – Trần – Hồ, Thời kỳ Lê sơ, Thời kỳ nội chiến phân liệt, thời kỳ nhà Nguyễn. Trong đó học phần sẽ chú trọng phân tích hai thời kỳ mà nhà nước và pháp luật Việt Nam rất phát triển và có nhiều ảnh hưởng đến nhà nước, pháp luật và xã hội Việt Nam hiện nay. Đó là bộ máy nhà nước thời kỳ Lê sơ và bộ luật Hồng Đức; bộ máy nhà nước thời kỳ nhà Nguyễn và bộ luật Gia Long.	3	0	
373.	**Luật hành chính so sánh**		3	0	Tự luận
374.	**Luật an sinh xã hội**	Luật an sinh xã hội là học phần nghiên cứu các vấn đề lí luận và thực tiễn trong việc xây dựng, ban hành, thực thi các quy định về an sinh xã hội. Bên cạnh các vấn đề lí luận chung cho hệ thống chính sách xã hội nhiều cấp độ để tất cả các	2	0	Tự luận

		thành viên trong xã hội đều được tương trợ, giúp đỡ ở mức độ hợp lí khi bị giảm, mất thu nhập hoặc gặp các rủi ro, khó khăn trong cuộc sống. Trên cơ sở đó, các nội dung pháp luật được nghiên cứu chủ yếu bao gồm: BHXH, ưu đãi xã hội, trợ giúp xã hội (bảo trợ xã hội), giải quyết tranh chấp an sinh xã hội. Song song với việc nghiên cứu các vấn đề pháp lí của Việt Nam, học phần Luật an sinh xã hội còn nghiên cứu ở một mức độ nhất định quan điểm, quy định của Tổ chức lao động quốc tế (ILO) về an sinh xã hội.			
375.	**Luật đầu tư**	Học phần có 02 tín chỉ với 06 chương, bao gồm những nội dungc hính sau: Chương 1. Vấn đề chung về Đầu tư và Luật đầu tư Chương 2. Quy trình, thủ tục đầu tư và triển khai dự án đầu tư; Chương 3. Pháp luật về các biện pháp bảo đảm, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư; Chương 4. Các loại hình thức đầu tư Chương 5. Quy chế pháp lý về các khu kinh tế đặc biệt; Chương 6. Đầu tư ra nước ngoài	3	0	Tự luận
376.		Môn học Luật THADS là môn học cơ bản của chương trình đào tạo đại học luật, cung cấp cho người học những kiến thức pháp lí cơ bản về trình tự, thủ tục thi hành các bản án, quyết định dân sự của toà án và các bản án, quyết định khác theo quy định của pháp luật. Đối tượng nghiên cứu của môn học là những vấn đề lí luận về Luật THADS, nội dung các quy định của pháp luật THADS và thực tiễn thực hiện chúng tại các cơ quan thi			Tự luận

	Thi hành án dân sự	hành án bao gồm: Khái niệm chung về Luật THADS; xã hội hoá THADS, thời hiệu, thẩm quyền và các nguyên tắc cơ bản của Luật THADS; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức THADS, chấp hành viên và thủ trưởng cơ quan thi hành án; quyền, nghĩa vụ của đương sự và các cá nhân, cơ quan, tổ chức khác trong thi hành án; trình tự, thủ tục THADS; các biện pháp bảo đảm và cưỡng chế THADS; miễn giảm, hỗ trợ tài chính trong THADS, phí và chi phí cưỡng chế THADS; khiếu nại, tố cáo, kháng nghị và xử lí vi phạm trong THADS.	3	0	
377.	**Thi hành án hình sự**	Trang bị kiến thức cơ bản về lý luận, pháp lý và thực tiễn của quá trình thi hành các loại hình phạt và biện pháp tư pháp theo quy định của pháp luật THAHS Việt Nam. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm, viết bài luận, tranh luận và thuyết trình trước lớp. Rèn luyện cho sinh viên khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu các khoa học pháp lý chuyên ngành tiếp theo trong chương trình đào tạo; khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào công việc thực tiễn.	3	0	Tự luận
378.	**Luật Đất đai**	Học phần có 03 tín chỉ với 04 chương: Chương 1: Lý luận chung về Luật đất đai Chương 2: Quản lý Nhà nước về đất đai; Chương 3: Địa vị pháp lý của người sử dụng đất; Chương 4: Xử lý hành vi vi phạm pháp luật đất đai; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai.	3	0	Tự luận
379.	**Công pháp quốc tế**	Học phần có 03 tín chỉ với 07 chương với các nội dung			Tự luận

		sau: tìm hiểu về khái niệm, lịch sử phát triển và nguồn của luật quốc tế; các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế; chủ thể luật quốc tế; luật điều ước quốc tế; Dân cư trong luật quốc tế; luật quốc tế về quyền con người; Lãnh thổ trong luật quốc tế; luật biển quốc tế; luật quốc tế nhân đạo; Luật tổ chức quốc tế; luật ngoại giao và lãnh sự; Giữ gìn hòa bình và an ninh quốc tế; giải quyết hòa bình các tranh chấp quốc tế; các cơ quan tài phán quốc tế; Luật quốc tế về hợp tác đấu tranh phòng, chống tội phạm; trách nhiệm pháp lý quốc tế; Luật hàng không quốc tế, luật môi trường quốc tế, luật kinh tế quốc tế.	3	0	
380.	**Tư pháp quốc tế**	Học phần có 02 tín chỉ với 06 chương bao gồm các nội dung sau: tìm hiểu về tổng quan về tư pháp quốc tế; xung đột pháp luật.; Chủ thể của tư pháp quốc tế; tố tụng dân sự quốc tế; trọng tài quốc tế; Quyền sở hữu tài sản; quyền tác giả và quyền liên quan; quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với cây trồng trong tư pháp quốc tế; Thừa kế; hôn nhân và gia đình trong tư pháp quốc tế; Hợp đồng; Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong tư pháp quốc tế; Lao động trong tư pháp quốc tế	3	0	Tự luận
381.	**Khoa học điều tra tội phạm**	Học phần có 02 tín chỉ với 08 chương, bao gồm các nội dung chính sau: Chương 1. Đối tượng, nhiệm vụ, hệ thống, phương pháp và quá trình phát triển của khoa học điều tra hình sự; Chương 2. Dấu vết hình sự; Chương 3. Bảo vệ và khám nghiệm hiện trường; Chương 4. Hỏi cung			Tự luận, trắc nghiệm

		bị can; lấy lời khai người làm chứng; Chương 5. Khám xét. Chương 6. Thực nghiệm điều tra; Chương 7. Trưng cầu giám định; Chương 8. Tổ chức điều tra vụ án hình sự.	3	0	
382.	**Luật sư, Công chứng, chứng thực**	Môn học Pháp luật về công chứng, chứng thực (PL về CC&CT) là môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành (tự chọn) của ngành Luật học; được thiết kế gồm hai tín chỉ lý thuyết. Môn học này cung cấp cho người học các kiến thức pháp luật về công chứng và chứng thực như: tổ chức hành nghề công chứng; các quy chuẩn của pháp luật về công chứng viên; hoạt động công chứng, chứng thực; quản lý nhà nước về công chứng, chứng thực; thủ tục chung về công chứng, chứng thực hợp đồng, giao dịch và xử lý vi phạm trong quá trình thực hiện công chứng, chứng thực. 2 Sau khi học xong, người học có thể vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các tình huống phát sinh thực tế trong đời sống. Đồng thời môn học này cũng gắn liền với thực tiễn, là một nghề nghiệp trong tương lai, cho nên người học có thể sử dụng kiến thức đã học để làm việc trong các tổ chức hành nghề công chứng và cơ quan liên quan.	2	0	Tự luận
383.	**Tâm lý học tội phạm**	Tâm lý học tội phạm là khoa học nghiên cứu những hiện tượng tâm lý nảy sinh trong quá trình hoạt động phạm tội của các tội phạm để nhằm phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh chống tội phạm, góp phần bảo vệ an ninh quốc gia, an toàn xã hội.	2	0	Tự luận

384.	**Luật Hình sự 1**	Học phần có 03 tín chỉ với 08 chương: Những vấn đề lý luận chung về Luật hình sự Việt Nam, bao gồm những nội dung sau: tìm hiểu về Tội phạm; Các yếu tố của tội phạm; Các giai đoạn thực hiện tội phạm; Đồng phạm; Các căn cứ hợp pháp của hành vi gây thiệt hại; Trách nhiệm hình sự và hình phạt; Trách nhiệm hình sự của người dưới 18 tuổi phạm tội	3	0	Tự luận
385.	**Luật Hình sự 2**	Học phần có 03 tín chỉ với 07 chương: bao gồm các nội dung về các danh, cụ thể: tội xâm phạm an ninh quốc gia; Các tội phạm xâm phạm tính mạng, Các tội phạm xâm phạm sức khoẻ,Các tội phạm xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người; Các tội phạm xâm phạm Sở hữu; Các tội phạm về ma túy; Các tội phạm về chức vụ và Các tội phạm khác.	3	0	Tự luận
386.	**Luật Dân sự 1**	Môn học Luật dân sự bao gồm các quy phạm pháp luật điều chỉnh quan hệ tài sản dưới hình thức hàng hoá - tiền tệ, quyền tài sản và một số quan hệ nhân thân gắn với tài sản, quan hệ nhân thân phi tài sản, quyền sở hữu, quyền thừa kế trong quan hệ dân sự. Cụ thể, môn học gồm có 06 nội dung cơ bản, tập trung vào 06 chương: Chương 1. Khái quát về luật dân sự Việt Nam Chương 2. Quan hệ pháp luật dân sự Chương 3. Giao dịch dân sự, đại diện, thời hạn và thời hiệu Chương 4. Quyền sở hữu và các quyền khác với tài sản Chương 5. Quyền thừa kế Chương 6. Nghĩa vụ dân sự	3	0	Tự luận

387.	**Luật Dân sự 2**	Môn học Luật dân sự bao gồm các quy phạm pháp luật điều chỉnh một số chế định cơ bản của luật dân sự như: các loại hình hợp đồng liên quan đến tài sản, quyền sở hữu tài sản, trách nhiệm phát sinh, bồi thường ngoài hợp đồng, trách nhiệm bồi thường thiệt hại do con người và tài sản gây ra. Cụ thể, môn học gồm có 10 nội dung cơ bản, tập trung vào 10 chương: Chương 1. Các hợp đồng dan sự thông dụng Chương 2. Thực hiện công việc không có ủy quyền, nghĩa vụ hoàn trả do chiếm hữu, sử dụng tài sản, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp lý Chương 3. Nghĩa vụ phát sinh ngoài hợp đồng Chương 4. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng Chương 5. Bồi thường thiệt hại do hành vi của con người và tài sản gây ra	3	0	Tự luận
388.	**Luật Thương mại 1**	Học phần có 03 tín chỉ với 04 chương, bao gồm các nội dung cơ bản như những vấn đề chung về Luật Thương mại Việt Nam; Địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh trong nền kinh tế; Quy chế pháp lý về thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã; Quy chế pháp lý về tổ chức lại, giải thể, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.	3	0	Tự luận
389.	**Luật Thương mại 2**	Học phần có 03 tín chỉ với 04 chương, bao gồm các nội dung cơ bản sau: Pháp luật về mua bán hàng hóa trong thương mại; Pháp luật về trung gian thương mại; Pháp luật về xúc tiến thương mại của thương nhân; Pháp luật			Tự luận

		về các hoạt động thương mại khác; Chế tài thương mại và Giải quyết tranh chấp trong thương mại.	3	0	
390.	**Luật Hiến pháp**	Học phần cung cấp những kiến thức về khoa học luật Hiến pháp, ngành luật Hiến pháp, chế định về chế độ chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học công nghệ, an ninh quốc phòng, chính sách đối ngoại, quan hệ cơ bản giữa nhà nước và công dân, những vấn đề cơ bản trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam trong lịch sử lập hiến Việt Nam và pháp luật hiện hành, tạo nền tảng kiến thức chung cho người học trong nghiên cứu các môn khoa học pháp lý tiếp theo.	4	0	Tự luận
391.	**Thực tập cuối khóa**	Học phần giúp người học tìm hiểu, nắm vững đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách của nhà nước, trên cơ sở kiến thức ngành luật đã học bước đầu làm quen với quy trình hoạt động của bộ máy quản lý hành chính và chuyên môn tại các cơ quan, doanh nghiệp, cơ quan tư pháp. Bước đầu hình thành kỹ năng nghề nghiệp cho người học, đáp ứng nhu cầu xã hội. Tổng hợp các kiến thức cơ sở và chuyên ngành để hoàn thành một công việc được giao mang tính định hướng nghề nghiệp. Sinh viên trực tiếp thực hiện một số thao tác nghề nghiệp dưới sự hướng dẫn của cán bộ tại cơ sở thực tập.	0	5	Tiểu luận
392.	**Báo cáo tốt nghiệp**	Sau khi học xong các học phần quy định trong chương trình đào tạo, sinh viên sẽ thực hiện quá trình thực tập cuối khóa, được tổ chức vào học kỳ cuối của khóa học. Thực tập cuối khóa là cơ hội để sinh viên tiếp cận và làm	0	6	Báo cáo

		việc thực tế tại các cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp. Qua đó, sinh viên có thể vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học vào công việc thực tế, giải quyết các vấn đề cụ thể của pháp luật đã học vào hoạt động thực tế của đơn vị thực tập. Đồng thời, sinh viên phải hoành thành Báo cáo tốt nghiệp thể hiện nội dung đã thực tập tại đơn vị thực tập về các vấn đề thuộc ngành Luật; thể hiện sự hiểu biết và kiến thức của mình đối với hoạt động thực tập tại đơn vị thực tập. Khoa tổ chức Hội đồng đánh giá báo cáo tốt nghiệp sau khi sinh viên kết thúc thực tập và hoàn thiện báo cáo tốt nghiệp nhằ đánh giá chất lượng thực tập và nắm vững kiến thức chuyên ngành của sinh viên.			
Bộ môn Quản lý Nhà nước					
393.	**Lịch sử hành chính nhà nước Việt Nam**	Học phần trang bị cho người học kiến thức về nền hành chính Việt Nam từ thời đại dựng nước cho đến naycụ thể: Sự hình thành và phân chia các đơn vị hành chính Nhà nước qua các thời kỳ; Tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước của các thời kỳ lịch sử; Cách thức điều hành và quản lý hành chính Nhà nước qua các thời kỳ; Chế độ đào tạo và sử dụng nhân sự hành chính; Đặc trưng cơ bản của hành chính Nhà nước qua các thời kỳ lịch sử; Các tư tưởng cải cách trong lịch sử hành sử hành chính Nhà nước của các thời kỳ.	3	0	Tự luận
394.	**Công vụ - Công chức**	Học phần nêu những vấn đề chung, khái quát về công vụ, công chức như: Khái niệm công vụ, công chức;	4	0	Tự luận

		những đặc điểm và nguyên tắc trong hoạt động công vụ; các quy định của pháp luật về công vụ, công chức; nghĩa vụ và quyền của công chức; các quy định pháp luật về sử dụng và quản lý công chức; xu hướng cải cách công vụ ở một số nước trên thế giới; định hướng cải cách chế độ công vụ, công chức ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.			
395.	**Lý luận về Nhà nước và Pháp luật**	Lý luận nhà nước và pháp luật là học phần khoa học pháp lý nghiên cứu những quy luật chung nhất của quá trình phát sinh, phát triển, tồn tại và tiêu vong của các kiểu nhà nước và pháp luật. Học phần nghiên cứu các vấn đề cơ bản như nguồn gốc của nhà nước và pháp luật; bản chất, chức năng, hình thức, kiểu nhà nước và pháp luật; bộ máy nhà nước; hệ thống pháp luật, quan hệ pháp luật, quy phạm pháp luật; thực hiện và áp dụng pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý, pháp chế xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền; ý thức pháp luật và văn hoá pháp lý. Lý luận nhà nước và pháp luật nghiên cứu tất cả các kiểu nhà nước và pháp luật.	3	0	Tự luận
396.	**Hành chính công**	Học phần cung cấp những kiến thức về khoa học hành chính, các quan niệm về hành chính; thể chế hành chính bao gồm các quy định về tổ chức và cách thức hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước; Phương pháp hành chính; Quyết định hành chính nhà nước; Kiểm soát đối với hành chính nhà nước.	3	0	Tự luận

397.	**Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**	Học phần Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước cung cấp những kiến thức mang tính lý luận chung về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; cách thức thực thi quyền lực nhà nước trong bộ máy nhà nước; .Trên cơ sở đó, trình bày các cách thức tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, trong đó có cách thức tổ chức nên bộ máy hành chính nhà nước Việt Nam; các mô hình tổ chức bộ máy hành chính nhà nước trên thế giới cả về tổ chức ở trung ương và tổ chức ở địa phương; Vấn đề quản lý chất lượng trong tổ chức và hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước; Thiết kế, phân tích và phát triển các tổ chức trong bộ máy hành chính nhà nước.	3	0	Tự luận
398.	**Nhân sự hành chính nhà nước**	Học phần Nhân sự hành chính nhà nước cung cấp những kiến thức mang tính lý luận về nguồn nhân lực và nhân sự hành chính nhà nước; cách thức tổ chức nhân sự theo các mô hình tiêu biểu; những vấn đề chung về quản lý nguồn nhân lực, nhân sự hành chính nhà nước; kỹ năng phân tích và mô tả công việc; tuyển dụng, sử dụng nhân sự chính nhà nước; nội dung chính của công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực hành chính nhà nước; đánh giá thực thi công việc trong hành chính nhà nước.	3	0	Tự luận
399.	**Kỹ thuật điều hành công sở**	Học phần trang bị những vấn đề cơ bản về công sở và điều hành công sở; nhận diện được mục đích của điều hành công sở, bối cảnh và thách thức trong điều hành công sở hiện nay; đánh giá các xu hướng đổi mới hoạt động điều hành công sở theo yêu cầu của công cuộc cải	3	0	Tự luận

		cách hành chính và hội nhập quốc tế, tổng hợp được các kỹ thuật điều hành công sở cơ bản.			
400.	**Quản lý nhà nước về kinh tế**	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức tổng quan về quản lý nhà nước về kinh tế; quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp; quản lý nhà nước về kinh tế đối ngoại; quản lý nhà nước về dự án đầu tư.	3	0	Tự luận
401.	**Quản lý nguồn nhân lực xã hội**	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cần thiết, có tính chất nền tảng cho việc tham gia hoạt động quản lý và hoạch định chính sách nhân lực Quốc gia- một lĩnh vực trọng tâm của quản lý nhà nước. Nội dung học phần bao gồm: Cơ sở hình thành tự nhiên nguồn nhân lực xã hội; những đặc điểm chủ yếu của nguồn nhân lực xã hội Việt Nam; Phát triển nguồn nhân lực xã hội phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Tổ chức tiền lương và bảo hiểm xã hội trong nền kinh tế quốc dân; Phân bố dân cư và nguồn nhân lực xã hội;	3	0	Tự luận
402.	**Quản lý nhà nước về Hành chính – Tư pháp**	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực hành chính tư pháp;quản lý nhà nước trên lĩnh vực tư pháp của chính quyền các cấp như: quản lý công tác thi hành án; quản lý nhà nước về công chứng, chứng thực; quản lý về giám định tư pháp; quản lý luật sư và việc hành nghề luật sư; quản lý nhà nước đối với công tác hộ tịch, hộ khẩu, quốc tịch; quản lý hòa giải cơ sở.	3	0	Tự luận
403.	**Thủ tục hành chính**	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về thủ tục hành chính bao gồm: Quan niệm chung về thủ tục hành chính; Nguyên tắc xây dựng và yêu	3	0	Tự luận

		cầu, nghĩa vụ thực hiện thủ tục hành chính; Thủ tục hành chính của một số lĩnh vực cụ thể; Cải cách thủ tục hành chính.			
404.	**Hoạch định và phân tích chính sách công**	Học phần cung cấp những kiến thức mang tính lý luận và thực tiễn về chính sách công; hoạch định chính sách công; tổ chức thực thi chính sách công; những vấn đề cơ bản về phân tích chính sách, nội dung phân tích chính sách; các phương pháp, tiêu chí phân tích chính sách; tổ chức công tác phân tích chính sách; tình huống thực tiễn về các quyết định chính sách.	3	0	Tự luận
405.	**Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý**	Học phần cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về ứng dụng tin học trong hoạt động quản lý; Cài đặt thêm ứng dụng phàn mềm quản lý MS Access 2010; Xây dựng Cơ sở dữ liệu có quy mô nhỏ và vừa ứng dụng cơ sở dữ liệu qua phần mềm Microsoft Acces2010.	3	0	Tự luận
406.	**Thanh tra hành chính**	Học phần trang bị cho người học kiến thức về nền hành chính Việt Nam từ thời đại dựng nước cho đến naycụ thể: Sự hình thành và phân chia các đơn vị hành chính Nhà nước qua các thời kỳ; Tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước của các thời kỳ lịch sử; Cách thức điều hành và quản lý hành chính Nhà nước qua các thời kỳ; Chế độ đào tạo và sử dụng nhân sự hành chính; Đặc trưng cơ bản của hành chính Nhà nước qua các thời kỳ lịch sử; Các tư tưởng cải cách trong lịch sử hành sử hành chính Nhà nước của các thời kỳ.	2	0	Tự luận
407.	**Quản lý nhà nước về Dân tộc**	Học phần Quản lý nhà nước về Dân tộc và Tôn giáo cung cấp kiến thức cơ bản về: Những vấn đề chung về tôn	2	0	Tự luận

	và Tôn giáo	giáo; Những vấn đề cơ bản về tôn giáo ở nước ta; Nội dung quản lý nhà nước về tôn giáo; Những vấn đề chung về dân tộc; Những vấn đề cơ bản về dân tộc thiểu số ở nước ta; Nội dung quản lý nhà nước về dân tộc và tôn giáo.			
408.	**Quản lý nhà nước về Đô thị - Nông thôn**	Học phần bao gồm các nội dung: Một số khái niệm liên quan. Vai trò của phát triển nông nghiệp và nông thôn đối với phát triển kinh tế - xã hội.Đặc điểm nông nghiệp, nông thôn.Quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam. Khái quát nội dung quản lý nhà nước đối với nông thôn. Quan điểm, mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam, Định hướng phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam. Chính sách về phát triển nông nghiệp, nông thôn.Một số khái niệm liên quan và nguồn gốc đô thị. Các giai đoạn phát triển của đô thị. Chức năng của đô thị. Một số mô hình phát triển đô thị. Đô thị hoá. Quản lý đô thị. Những vấn đề chủ yếu của quản lý nhà nước về nông thôn và đô thị.	3	0	Tự luận
409.	**Thẩm quyền hành chính**	Học phần Thẩm quyền hành chính cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về thẩm quyền hành chính, những nội dung cơ bản của thẩm quyền lập quy, thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo và cưỡng chế hành chính và những quy định của pháp luật có liên quan. Đồng thời môn học hình thành cho người học những kỹ năng cơ bản về thực hiện thẩm quyền trong giải quyết các vấn đề, tình huống trong quản lý hành chính nhà nước.	2	0	Tự luận

410.	**Hành chính học so sánh**	Học phần Hành chính học so sánh cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đặc điểm, môi trường phát triển và những bộ phận cấu thành của các nền hành chính khác nhau, nội dung các quy luật vận động chung cũng như các điểm khác biệt giữa các nền hành chính. Học phần cũng đưa ra những khái quát chung về lý thuyết khoa học quản lý nhà nước. Đồng thời môn học hình thành cho người học những kỹ năng so sánh, phân tích, đánh giá, đúc rút được các yếu tố tiến bộ cần vận dụng vào thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý hành chính nhà nước của Việt Nam.	2	0	Tự luận
411.	**Tâm lý học quản lý**	Học phần Tâm lý học quản lý cung cấp cho học viên những kiến thức về đặc điểm tâm lý của người quản lý như những phẩm chất, năng lực cần có của người cán bộ quản lý, nghiên cứu về vấn đề quyền lực trong quản lý, uy tín của người quản lý. Đồng thời học phần này cũng nghiên cứu đặc điểm tâm lý của người lao động như: nhu cầu, động cơ lao động, hứng thú, tính cách của người lao động... Từ đó giúp nhà quản lý có thể hiểu được đặc điểm tâm lý của đối tượng mà mình quản lý. Giúp cho người quản lý tuyển dụng và sử dụng lao động đạt hiệu quả cao nhất.	3	0	Tự luận
412.	**Thực tế nghề nghiệp**		0	3	Thực hành
413.	**Thực tập cuối khóa**		0	5	Thực hành

414.	**Báo cáo tốt nghiệp**		0	5	Báo cáo
Bộ môn Quản lý Văn hóa					
415.	**Cơ sở văn hóa Việt Nam**	Học phần cung cấp những kiến thức gồm: Những vấn đề cơ bản về văn hóa và văn hóa Việt Nam: văn hóa và và văn hóa học; môi trường văn hóa; tiếp xúc và giao lưu văn hóa; những thành tố cơ bản của văn hóa Việt Nam; Diễn trình lịch sử văn hóa Việt Nam: văn hóa Việt Nam thời tiền - sơ sử; văn hoá Việt Nam thiên niên kỷ đầu công nguyên; văn hoá Việt Nam thời tự chủ; Văn hoá Việt Nam từ 1858 đến nay; Không gian và các vùng văn hóa Việt Nam: vùng văn hóa phía Bắc; vùng văn hóa Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ	3	0	Trắc nghiệm
416.	**Tiếng Việt thực hành**	Học phần Tiếng Việt thực hành là học phần cơ sở ngành thuộc chương trình đào tạo của các ngành sư phạm gồm: GDMN, Thể dục Thể thao. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về đặc điểm của tiếng Việt và văn bản tiếng Việt gồm kiến thức và kỹ năng sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp đặc biệt là giao tiếp bằng văn bản như: xây dựng văn bản viết của tiếng Việt, xây dựng đoạn văn, dùng từ, đặt câu và viết chính tả đúng quy định của tiếng Việt.	2	0	Trắc nghiệm
417.	**Phương pháp nghiên cứu khoa học**	Nội dung học phần gồm: Nhập môn phương pháp nghiên cứu khoa học; vấn đề nghiên cứu, xây dựng và kiểm chứng giả thuyết nghiên cứu; phương pháp luận nghiên cứu khoa học; phương pháp và phân loại phương pháp nghiên cứu; một số phương pháp nghiên cứu khoa học đề	2	0	Tự luận

		tài nghiên cứu khoa học: Căn cứ lựa chọn đề tài khoa học; xây dựng cơ sở lý thuyết cho một đề tài khoa học; xây dựng đề cương nghiên cứu một đề tài khoa học.			
418.	**Dân tộc học**	Học phần trang bị cho người học những vấn đề cơ bản của dân tộc học: Định nghĩa, đối tượng, phương pháp nghiên cứu; Lịch sử phát triển của ngành dân tộc học; các vấn đề về chủng tộc, nguồn gốc loài người, ngôn ngữ, tôn giáo, về tộc người và cộng đồng tộc người, kinh tế, tôn giáo, thân tộc, hôn nhân và gia đình...tạo tiền đề cho người học nghiên cứu các học phần về văn hoá tiếp theo.	2	0	Tự luận
419.	**Văn hóa các dân tộc ít người ở Việt Nam**	Văn hóa các dân tộc ít người ở Việt Nam là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo đại học ngành Quản lý Văn hóa. Học phần trang bị cho người học hệ thống kiến thức về tộc người, văn hóa tộc người, phân tích rõ đặc trưng văn hóa các dân tộc ít người và sự giao lưu văn hóa giữa các tộc người ở Việt Nam. Trên cơ sở đó người học có được cái nhìn tổng quan về Việt Nam là một quốc gia đa tộc người, thống nhất trong đa dạng về mặt lịch sử, địa lý và văn hóa - xã hội, hiểu được những đặc trưng cơ bản của các dân tộc ít người ở các vùng miền khác nhau trên lãnh thổ Việt Nam.	3	0	Trắc nghiệm
420.	**Tín ngưỡng và tôn giáo Việt Nam**	Tín ngưỡng tôn giáo là một lĩnh vực rất đặc thù của văn hoá, biểu hiện cho "ý thức xã hội", mang nhiều ý nghĩa tư tưởng, triết học, nhân văn rất sâu sắc. Ở Việt Nam, các vấn đề thuộc nội dung tôn giáo và tín ngưỡng được nghiên cứu dưới nhiều góc độ và nhiều công trình chuyên biệt như Thờ	2	0	Tự luận

		Mẫu, thờ cúng thành hoàng, thờ tổ tiên; các công trình chuyên luận về Phật giáo, Ki tô giáo; Hồi giáo; Cao đài và Hòa Hảo… Học phần Tín ngưỡng và tôn giáo Việt Nam được giảng dạy cho người học chuyên ngành Quản lý văn hóa và Văn hóa du lịch chú trọng khái quát giá trị của tín ngưỡng tôn giáo trong đời sống xã hội ở Việt Nam cũng như hiện trạng sinh hoạt và quan điểm, chính sách của nhà nước ta về công tác tôn giáo.			
421.	**Văn hóa dân gian Việt Nam**	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về văn hoá dân gian Việt Nam bao gồm: khái niệm, những đặc trưng cơ bản, giá trị, phương pháp tiếp cận, các thành tố, thuộc tính của văn hoá dân gian nói chung và văn hoá Việt Nam nói riêng. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên những cách thức, công cụ sưu tầm và nghiên cứu văn hóa dân gian, góp phần vào việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá dân gian trong đời sống xã hội hiện đại.	2	0	Tự luận
422.	**Làng xã cổ truyền của người Việt**	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, toàn diện về nguồn gốc và quá trình phát triển của làng, xã cổ truyền Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử; về cơ cấu kinh tế bao gồm các loại: kinh tế nông nghiệp, tiểu thương nghiệp, thủ công nghiệp diễn ra tại làng xã Việt Nam. Những kiến thức về kết cấu xã hội diễn ra trong khuôn khổ của một làng theo các cấp độ khác nhau từ gia đình dòng tộc cho đến xóm làng, phường hội... Những hình thức đó có những ràng buộc, quy định định chặt chẽ với nhau bởi hệ thống hương ước và các quy định	3	0	Trắc nghiệm

		luật, lệ khác. Bên cạnh đó, học phần cũng làm rõ đời sống tinh thần của người dân ở làng xã thông qua việc thực hành các hình thức tín ngưỡng, phong tục, tập quán khác nhau.			
423.	**Khu vực học**	Học phần cấu trúc gồm các nội dung: -Lý thuyết Khu vực học: Đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu của Khu vực học; tình hình nghiên cứu và phát triển của Khu vực học trên thế giới, khu vực và Việt Nam; những khái niệm cơ bản, vai trò và tính ứng dụng của Khu vực học trong xu thế phát triển của khoa học liên ngành và Hội nhập hiện nay; lý thuyết và phương nghiên cứu đặc trưng văn hóa khu vực; đối tượng, giới hạn và phạm vi nghiên cứu của Khu vực học; - Những kiến thức cơ bản về quốc gia, dân tộc trong thời kỳ toàn cầu hóa. Nhận diện các tiêu chí và tìm hiểu một số khu vực tiêu biểu trên thế giới. Tìm hiểu về Việt Nam học dưới góc nhìn khu vực; -Phương pháp tiếp cận và những thao tác của nghiên cứu Khu vực học để áp dụng vào thực tiễn, phuc vụ các chương trình phát triển cũng như tổ chức các đề tài và chương trình nghiên cứu liên ngành.	2	0	Tự luận
424.	**Khoa học quản lý**	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học quản lý như khái niệm, vai trò của quản lý, các chức năng quản lý cơ bản, nguyên tắc quản lý, phương pháp quản lý, văn hoá và môi trường của tổ chức, quyết định quản lý… Hình thành kỹ năng quản lý,	3	0	Trắc nghiệm

		xử lý trong từng tình huống cụ thể.			
425.	**Văn hóa học**	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, toàn diện về đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của văn hóa học; các đặc trưng, cấu trúc và tính chất của văn hóa; hệ thống quy luật của sự phát triển văn hóa; văn hóa đối với phát triển kinh tế-xã hội và con người; bản sắc văn hóa dân tộc và vấn đề phát triển bản sắc dân tộc của nền văn hóa Việt Nam; những định hướng và giải pháp phát triển bản sắc dân tộc của nền văn hoá Việt Nam hiện nay.	2	0	Tự luận
426.	**Tiến trình lịch sử Việt Nam**	Nội dung học phần "Tiến trình lịch sử Việt Nam" trình bày những quan điểm chính thống về lịch sử Việt Nam từ thời nguyên thủy cho đến ngày nay với các nội dung về chính trị-quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội của từng thời kỳ. Qua đó, sinh viên nắm được toàn bộ tiến trình lịch sử của dân tộc, vận dụng kiến thức đã học đối chiếu lịch sử Việt Nam với thế giới, cũng như phục vụ việc nghiên cứu các môn học khác.	2	0	Trắc nghiệm
427.	**Quản lý nhà nước về Văn hóa, Thể thao và Du lịch**	Học phần cấu trúc gồm các nội dung: -Những vấn đề lý luận chung quản lý nhà nước về văn hóa; Quản lý nhà nước về văn hóa. -Những vấn đề lý luận chung về thể thao; Quản lý nhà nước về thể thao; Hướng dẫn tổ chức giải thi đấu thể thao phong trào. -Một số vấn đề chung về du lịch; Các nội dung cơ bản của quản lý nhà nước về du lịch.	3	0	Tự luận
428.	**Quản lý Nhà**	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ	3	0	Tự luận

	nước về Văn hóa	bản như khái niệm, chức năng, phương thức, đặc điểm, nội dung quản lý nhà nước về văn hoá trên các lĩnh vực: điện ảnh, mỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn, nhiếp ảnh, triển lãm, xuất bản báo chí, quảng cáo, di sản văn hoá, bản quyền tác giả, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá, công tác thanh tra, kiểm tra… Các nội dung trên được trình bày dựa trên các văn bản quy phạm trong lĩnh vực văn hoá nghệ thuật do các cơ quan quản lý nhà nước ban hành.			
429.	**Kinh tế học văn hóa**	Tất cả các nội dung nghiên cứu của Học phần nhằm mục đích khai thác, phát huy, sử dụng hợp lý và hiệu quả nhất các nguồn lực sẵn có trong và ngoài nước cho việc phát triển quá trình sản xuất, sáng tạo các hoạt động văn hóa nghệ thuật. Học phần giúp người đọc có cái nhìn tổng quan về các vấn đề kinh tế trong hoạt động văn hoá, có khả năng tư duy và năng lực đánh giá, hoạch định được các vấn đề kinh tế mang tính chiến lược trong lĩnh vực văn hoá. Nhận định rõ mối quan hệ tác động qua lại giữa kinh tế và văn hóa trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.	2	0	Tự luận
430.	**Chính sách văn hóa Việt Nam**	Học phần trình bày những những kiến thức cơ bản về chính sách văn hóa: Khái niệm, vai trò, đặc tính và cấu trúc của chính sách văn hóa và những vấn đề cốt yếu trong chính sách văn hóa Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử, đặc biệt là thời kỳ đổi mới. Một số vấn đề về xây dựng chính sách văn hóa Việt Nam hiện nay như các yếu tố tác động tới chính sách văn hóa, mục tiêu xây dựng chính sách văn hóa và các phương hướng, giải pháp để hoàn	3	0	Tự luận

		thiện chính sách văn hóa trong thời kỳ mới.			
431.	**Công nghiệp văn hóa**	Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về các ngành công nghiệp văn hóa trên phạm vi thế giới đã và đang thích ứng với các công nghệ kỹ thuật số tân tiến, hiện đại và với các chính sách quốc gia, vùng miền và của các nhà lãnh đạo quốc tế. Những nhân tố này thay đổi hoàn toàn phạm vi mà các thương phẩm văn hóa, dịch vụ và vốn đầu tư dịch chuyển giữa các quốc gia, và do đó những ngành công nghiệp này đã và đang trải qua một quá trình quốc tế hóa và tập trung phát triển không ngừng, dẫn đến sự hình thành của một vài tập đoàn lớn: một sự độc quyền thiểu số bán toàn cầu mới.	3	0	Tự luận
432.	**Maketing văn hóa nghệ thuật**	Marketing là học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về Marketing, vai trò của Marketing trong doanh nghiệp kinh doanh du lịch, xu hướng của hoạt động bán hàng trong xu thế toàn cầu hóa, học phần marketing cung cấp cho người học kiến thức tổng quan về môi trường hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, nghiên cứu và phân tích về hành vi mua sắm - tiêu dùng sản phẩm hàng hóa dịch vụ, có được kiến thức về hoạt động phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị hàng hóa trên thị trường, phân tích các đặc tính và hành vi của khách hàng.	3	0	Tự luận
433.	**Quản lý thiết chế văn hóa**	Quản lý các thiết chế văn hóa được chính thức đưa vào giảng dạy cho chuyên ngành Đại học quản lý Văn hóa sau nghị quyết 04NQ/HNTW ban hành ngày14-1-1993, Nghị quyết đã định hướng cụ thể cho một số nhiệm vụ văn			Tự luận

		hóa văn nghệ trong giai đoạn mới, trong đó có công tác tổ chức các hoạt động văn hóa và quản lý các thiết chế văn hóa nhằm mục đích căn bản là góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Học phần cung cấp hệ thống các kiến thức cơ bản về tổ chức, quản lý hoạt động cũng như định hướng phát triển của các thiết chế văn hóa. Do vậy, môn học được thiết kế nội dung chương trình theo trục dọc về mặt tổ chức, quản lý của các thiết chế và trục ngang theo hoạt động của các thiết chế văn hóa.			
434.	**Quản lý di sản văn hóa**	Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về di sản văn hóa, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; những quan điểm về quản lý, khai thác di sản văn hóa ở nước ta và trên thế giới hiện nay. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên những cách thức, công cụ bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa về mặt khoa học, về mặt kỹ thuật, phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển bền vững.			Vấn đáp
435.	**Tổ chức sự kiện**	Học phần tổ chức sự kiện cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự kiện và tổ chức sự kiện: Khái niệm, phân loại, các thành phần tham gia vào sự kiện, những yếu tố ảnh hưởng đến sự kiện và tác động của sự kiện đến một số lĩnh vực của đời sống xã hội. Nhằm trang bị cho sinh viên hiểu thế nào là sự kiện và những vấn đề liên quan. Bên cạnh đó, môn học còn hướng dẫn cho sinh viên biết cách xác định chủ đề sự kiện, xây dựng các loại kế hoạch chi sự kiện, dự toán ngân sách sự kiện. Giúp sinh			Thực hành

		viên nắm được quy trình trong việc tổ chức một sự kiện. Từ đó hình thành tư duy, sáng tạo trong việc thiết kế ý tưởng và kịch bản sự kiện. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên biết cách thống kê, xác định và thực hành các công tác chuẩn bị cho tổ chức sự kiện, điều hành diễn biến của sự kiện, kết thúc sự kiện. Sinh viên sau khi ra trường có thể vận dụng những kiến thức và kỹ năng đã học để thực hành tổ chức và đạo diễn các sự kiện tại cơ sở hoặc tại các cơ quan, đơn vị công tác.			
436.	**Quản lý nguồn nhân lực văn hóa**	Nội dung học phần "Quản lý nguồn nhân lực văn hóa" tập trung vào cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về quản lý nguồn nhân lực, nguồn nhân lực văn hoá nghệ thuật, các đặc trưng của tổ chức văn hoá nghệ thuật, quản lý nguồn nhân lực, vai trò mục đích và nguyên tắc quản lý nguồn nhân lực, tuyển chọn, sử dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.	4	0	Tự luận
437.	**Quản lý hoạt động biểu diễn nghệ thuật**	Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản lý các hoạt động nghệ thuật biểu diễn như hoạt động biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và văn học; một số văn bản quản lý nhà nước về Nghệ thuật biểu diễn; kỹ năng điều hành và quản lý các hoạt động biểu diễn nghệ thuật theo đặc thù của từng loại hình nghệ thuật.	4	0	Tự luận
438.	**Xây dựng kế hoạch, dự án văn hóa**	Học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản lý mỹ thuật như các văn bản pháp quy trong lĩnh vực mỹ thuật, các hoạt động mỹ thuật hiện hành như	4	0	Tự luận

		gallery thương mại, gallery phi thương mại, dịch vụ mỹ thuật, bảo tàng mỹ thuật... các kỹ năng xây dựng kế hoạch, thực hành được quy trình của một dự án mỹ thuật ở mức độ đơn giản.			
439.	**Xây dựng văn hóa cộng đồng**	- Lý thuyết về xây dựng văn hóa cộng đồng (khái niệm, nguyên tắc, mục tiêu, nội dung cơ bản). - Xây dựng văn hóa cộng đồng ở Việt Nam - Xây dựng và tổ chức phát triển hoạt động văn hóa cộng đồng	2	0	Tự luận
440.	**Dàn dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp**	Học phần Dàn dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp thuộc khối kiến thức chuyên ngành của ngành Quản lý văn nhóa. Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng tổng hợp của người đạo diễn, chỉ đạo tổ chức sản xuất các chương trình nghệ thuật quần chúng. Sinh viên được tăng cường khả năng thực hành biểu diễn nghệ thuật các môn năng khiếu như: múa, thanh nhạc, diễn kịch, bên cạnh đó thể hiện được khả năng tổ chức sắp xếp mọi công việc để hoàn thành một chương trình biểu diễn nghệ thuật.	0	4	Thực hành
441.	**Quản lý dịch vụ văn hóa**	Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức thiết kế gồm 3 chuyên đề, cung cấp cho sinh viên các kiến thức nâng cao về thị trường văn hóa, quản lý thị trường văn hóa trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay. Nắm vững những vấn đề lý luận cơ bản về thị trường, thị trường văn hóa; quản lý thị trường văn hóa trong phát triển kinh tế xã hội hiện nay. Định hướng được những yếu tố tác động và xu thế phát triển của thị trường văn hóa trong tương			Tự luận

		lai. Phân tích rõ mối quan hệ tác động giữa văn hóa và kinh tế trong phát triển để thấy vai trò của thị trường văn hóa trong việc điều chỉnh các quan hệ kinh tế.	2	0	
442.	**Văn hóa Đông Nam Á**	Học phần này cung cấp các nội dung kiến thức căn bản về Khu vực địa lý và đặc trưng văn hoá Đông Nam Á, hướng đến các nội dung chính là: khái quát khu vực Đông Nam Á, quá trình nhận biết khu vực Đông Nam Á, đặc điểm địa lý tự nhiên ảnh hưởng đến khu vực Đông Nam Á; Tổ chức sản xuất và đời sống cư dân nông nghiệp, tổ chức gia đình và xã hội, nhận thức trí tuệ và đời sống tâm linh; Đặctrưngvăn hóa một số nước Đông Nam Á như Phi li pin, Brunei, Inđonexia, Malaixia, Thái Lan, Lào.	2	0	Tự luận
443.	**Xây dựng kịch bản sự kiện**	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên một bộ công cụ cơ bản về kịch bản sự kiện gồm: quy trình tổ chức sự kiện và những nguyên tắc xây dựng kịch bản tổ chức sự kiện, các loại kịch bản sự kiện và các cột mốc trong kịch bản. Ngoài ra học phần còn cung cấp cho sinh viên những phương pháp và kỹ năng thực hành thiết kế, sáng tạo, xây dựng một số kịch bản sự kiện cụ thể phù hợp với từng loại sự kiện khác nhau nhằm giúp sinh viên vận dụng được vào thực tiễn công việc tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong và ngoài nhà nước.	1	2	Thực hành
444.	**Kỹ năng**	Môn học Kỹ năng dẫn chương trình là một trong số các môn học thực hành giúp cho sinh viên có được những kiến thức, kỹ năng của một người dẫn chương trình ở			Thực hành

	dẫn chương trình	các sự kiện khác nhau. Học phần cơ bản trang bị cho sinh viên ngành Quản lí văn hóa một nền tảng tốt về kỹ năng, phương pháp dẫn chương trình. Đồng thời, cũng giúp sinh viên nắm được những kiến thức về viết kịch bản lời dẫn chương trình, trang điểm và trang phục phù hợp với nội dung, tính chất, quy mô của từng sự kiện. Sinh viên sau khi ra trường có thể vận dụng những kiến thức đó để thực hành dẫn chương trình tại cơ sở hoặc tại các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, doanh nghiệp..	0	2	
445.	**Xã hội học văn hóa**	Học phần giúp cho người học hiểu đối tượng của xã hội học văn hóa là nghiên cứu sự phát triển, tiếp biến của văn hóa trong một không gian, thời gian và một thực trạng. Diễn biến của những định hướng giá trị đối với các tác phẩm văn hóa, khuôn mẫu văn hóa và thể chế văn hóa hiện diện trong xã hội đương đại. Khi nghiên cứu cần xác định: không gian, thời gian, nhóm xã hội, các vùng văn hóa…	2	0	Tự luận
446.	**Quản lý nhà nước về gia đình**	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức lí luận chung trong quản lý nhà nước về gia đình, giúp sinh viên có khả năng nhận diện những nét cơ bản trong gia đình Việt Nam truyền thống; thực trạng, xu hướng biến đổi, những cơ hội và thách của gia đình Việt Nam trong bối cảnh đương đại. Đồng thời nêu lên những vấn đề đặt ra trong công tác quản lý, xây dựng gia đình Việt Nam trong bối cảnh đương đại và những cơ sở pháp lý để thực	4	0	Tự luận

		hiện.			
447.	**Kỹ năng giao tiếp**	Học phần kỹ năng giao tiếp giới thiệu cho sinh viên những vấn đề chung về giao tiếp, ứng xử. Trên cơ sở những kiến thức về giao tiếp hình thành các kỹ năng giao tiếp như: Kỹ năng lắng nghe, kỹ năng nói, kỹ năng viết, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng giao tiếp qua điện thoại, cách sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp. Những đặc trưng trong giao tiếp của người Việt; vai trò của giao tiếp, ứng xử đối với các cán bộ làm công tác văn hóa xã hội. Đặc biệt, sinh viên được thực hành các kỹ năng giao tiếp qua đó hình thành những kỹ năng giao tiếp phù hợp với nghề nghiệp trong tương lai.	1	1	Thực hành
448.	**Kỹ năng thuyết trình**	Học phần giúp sinh viên hiểu biết và vận dụng chuyên sâu, chuyên nghiệp các hình thức trình bày dưới dạng văn bản; Sử dụng thành thạo kỹ thuật trình bày hiện đại và với phong cách tự tin, thuyết phục; Tạo được sự ảnh hưởng, thuyết phục và tin tưởng đến khách hàng, đối tác, nhân viên, lãnh đạo và tổ chức; Sử dụng các kỹ năng và kỹ thuật hiện đại để vượt qua "nỗi sợ hãi" và kiểm soát "người nghe" khi trình bày.	1	1	Thực hành
449.	**Chính sách văn hóa trên thế giới**	Học phần Chính sách văn hóa thế giới là một học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành Quản lý văn hóa, nội dung học phần cung cấp cho người học những kiến thức về hệ thống chính sách văn hóa trên thế giới, từ lịch sử hình thành chính sách văn hóa trên thế giới qua các giai đoạn lịch sử từ thời kỳ phong kiến cho đến thời hiện đại. Học phần cung cấp các kiến thức về mô hình	4	0	Tự luận

		chính sách văn hóa tiêu biểu trên thế giới. Để người học có cái nhìn tổng quan về hệ thống chinh sách văn hóa thế giới phần nội dung chính sẽ tìm hiểu chính sách văn hóa của một số quốc gia tiêu biểu trải dài từ phương Tây đến phương Đông. Học phần còn tìm hiểu xu hướng phát triển của chính sách văn hóa thế giới dưới tác động của hoàn cảnh lịch sử ngày nay từ đó có những bài học kinh nghiệm cho quá trình xây dựng, hoàn thiện và thực hiện chính sách văn hóa ở Việt Nam.			
450.	**Chính sách văn hóa trên thế giới**	Học phần Chính sách văn hóa thế giới là một học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành Quản lý văn hóa, nội dung học phần cung cấp cho người học những kiến thức về hệ thống chính sách văn hóa trên thế giới, từ lịch sử hình thành chính sách văn hóa trên thế giới qua các giai đoạn lịch sử từ thời kỳ phong kiến cho đến thời hiện đại. Học phần cung cấp các kiến thức về mô hình chính sách văn hóa tiêu biểu trên thế giới. Để người học có cái nhìn tổng quan về hệ thống chinh sách văn hóa thế giới phần nội dung chính sẽ tìm hiểu chính sách văn hóa của một số quốc gia tiêu biểu trải dài từ phương Tây đến phương Đông. Học phần còn tìm hiểu xu hướng phát triển của chính sách văn hóa thế giới dưới tác động của hoàn cảnh lịch sử ngày nay từ đó có những bài học kinh nghiệm cho quá trình xây dựng, hoàn thiện và thực hiện chính sách văn hóa ở Việt Nam.	4	0	Tự luận
451.	**Quản lý hoạt**	Học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản	4	0	Tự luận

	động mỹ thuật	về quản lý mỹ thuật như các văn bản pháp quy trong lĩnh vực mỹ thuật, các hoạt động mỹ thuật hiện hành như gallery thương mại, gallery phi thương mại, dịch vụ mỹ thuật, bảo tàng mỹ thuật... các kỹ năng xây dựng kế hoạch, thực hành được quy trình của một dự án mỹ thuật ở mức độ đơn giản.			
452.	**Pháp luật văn hóa**	Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về hệ thống văn bản quy pháp pháp luật trong công tác quản lý văn hóa. Qua học phần, người học có thể vận dụng kiến thức về pháp luật để giải quyết mọi vấn đề nảy sinh trong quản lí Nhà nước về văn hóa.	4	0	Tự luận
453.	**Quản lý hoạt động thông tin, truyền thông**	Học phần "Quản lý hoạt động Thông tin, Truyền thông" cung cấp cho sinh viên các khái niệm, lịch sử hình thành, sự phát triển, mối quan hệ và vai trò Thông tin và Truyền thông cũng như các vấn đề đặt ra trong việc quản lý Thông tin – truyền thông trong giai đoạn hiện nay. Học phần đi sâu vào nghiên cứu quản lý nhà nước trong lĩnh vực Thông tin – Truyền thông. Bao gồm quản lý nhà nước về Internet, viễn thông, công nghệ thông tin, báo chí, xuất bản,….thanh tra và xử lý vi phạm trong lĩnh vực Thông tin truyền thông.	2	0	Tự luận
454.	**Kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính**	Học phần cung cấp cho người học kiến thức khái quát về hệ thống văn bản quản lý hành chính nhà nước và các quy định về thể thức trình bày, quy trình soạn thảo và ban hành văn bản hành chính thông thường trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, tổ chức và doanh nghiệp hiện			Thực hành

		nay. Học phần trang bị cho người học kỹ năng soạn thảo và trình bày các loại văn bản hành chính thông thường trong hoạt động của các cơ quan hành chính và doanh nghiệp hiện nay như: các quyết định (cá biệt), các loại báo cáo, công văn, kế hoạch công tác, thông báo, tờ trình, biên bản... theo đúng quy định của nhà nước về công tác soạn thảo và ban hành văn bản hành chính nhà nước.	1	1	
455.	**Gây quỹ và tìm tài trợ trong các tổ chức văn hóa - nghệ thuật**	Học phần trang bị cho người học các kiến thức tổng quan, cơ sở lý luận về gây quỹ và tìm tài trợ trong các tổ chức văn hoá nghệ thuật như: khái niệm, tầm quan trọng, các nguồn tài trợ, các bước trong quy trình gây quỹ và tìm tài trợ và một số hình thức gây quỹ và tìm tài trợ phổ biến hiện nay. Sau khi kết thúc học phần sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng để có thể làm việc trong các tổ chức văn hoá nghệ thuật. Có khả năng lập kế hoạch, xây dựng phương án và tổ chức thực hiện hoạt động. Gây quỹ và tìm tài trợ một cách chuyên nghiệp và hiệu quả nhất.	2	0	Tự luận
456.	**Lập kế hoạch tổ chức sự kiện**	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự kiện và các phương pháp để xây dựng các loại kế hoạch cho các sự kiện khác nhau bao gồm: khái quát về hoạt động tổ chức sự kiện, cá loại hình sự kiện, những yếu tố ảnh hưởng đến sự kiện, ý nghĩa và tác động của sự kiện, phương pháp xác định chủ đề, xây dựng chương trình, cách thức để nắm vững và thực hành lập các bản kế hoạch khác nhau phục vụ cho sự kiện như : tổng thể, các bản kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí cho sự kiện,	1	2	Thực hành

		phương án của các tiểu ban tham gia sự kiện.. Người học có thể vận dụng học phần này để thực hành tại các cơ quan quản lí văn hóa Nhà nước cũng như trực tiếp tham gia công việc tổ chức và kinh doanh sự kiện tại những tổ chức và doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau.			
457.	**Quản trị tài chính sự kiện**	Học phần Quản trị tài chính sự kiện thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo bậc đại học ngành Quản lý văn hóa. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về sự kiện và các hoạt động tổ chức sự kiện, tài chính trong các hoạt động tổ chức sự kiên qua đó học phần giúp người học có thể tự nghiên cứu và ứng dụng hoạt động quản trị tài chính vào lĩnh vực quản lý văn hóa, định hướng và phát triển nghề nghiệp chuyên môn.	1	2	Thực hành
458.	**PR và truyền thông sự kiện**	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về PR như: Lịch sử hình thành, vai trò và các nguyên tắc hoạt động, phân biệt công chúng và công luận,hoạt động PR trong các tổ chức, lập kế hoạch PR, đánh giá PR, thông cáo báo chí và giải quyết khủng hoảng...cách thức quảng bá, phổ biến, thông tin sự kiện một cách chuyên nghiệp, rộng rãi đến với công chúng thông qua báo chí và các phương tiện truyền thông đại chúng... Người học có thể vận dụng học phần này để thực hành tại các cơ quan quản lí văn hóa Nhà nước, cơ quan báo chí ngôn luận cũng như trực tiếp tham gia công việc tổ chức và kinh doanh sự kiện tại những tổ chức và doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau.	1	2	Thực hành

459.	**Thực hành tổ chức sự kiện**	Môn học thực hành tổ chức sự kiện cung cấp cho sinh viên những kỹ năng và phương pháp tổ chức sự kiện như: hình thành chủ đề sự kiện, xây dựng các loại kế hoạch chi sự kiện, dự toán ngân sách sự kiện. Giúp sinh viên hiểu và áp dụng quy trình trong việc tổ chức một sự kiện vào thực tiễn công việc và cuộc sống. Từ đó hình thành tư duy, sáng tạo trong việc thiết kế ý tưởng và kịch bản sự kiện. Ngoài ra học phần còn giúp sinh viên biết cách thống kê, xác định và thực hành các công tác chuẩn bị cho tổ chức sự kiện, điều hành diễn biến của sự kiện, kết thúc sự kiện. Sinh viên sau khi ra trường có thể vận dụng những kiến thức và kỹ năng đã học để thực hành tổ chức và đạo diễn các sự kiện tại cơ sở hoặc tại các cơ quan, đơn vị công tác.	0	4	Thực hành
460.	**Teambuilding**	Học phần cung cấp cho người học hệ thống tổng quan kiến thức về teambuilding. Học phần cũng cung cấp cho người học các kỹ năng cơ bản trong việc tổ chức tổ chức các hoạt động teambuilding trong nhà và ngoài trời và cách giải quyết các tình huống khi tổ chức teambuiding.	0	2	Thực hành
461.	**Sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa**	Học phần trang bị cho người học những hệ thống lý thuyết về phương pháp sưu tầm, tư liệu hoá di sản văn hoá trong việc nghiên cứu di sản văn hoá. Học phần giúp sinh viên hình thành kỹ năng thực hành sưu tầm, tư liệu hoá di sản văn hoá trong việc tìm hiểu một di sản văn hoá cụ thể nhằm quản lý di sản văn hoá.	2	2	Thực hành
462.	**Kiểm kê, xếp**	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về các đối tượng	2	2	Thực hành

	hạng di sản văn hóa	kiểm kê, nội dung kiểm kê, phương pháp kiểm kê, quy trình tổ chức kiểm kê di sản văn hóa, từ đó biết cách lập hồ sơ kiểm kê di sản văn hóa, đồng thời lựa chọn được di sản văn hóa tiêu biểu để lập hồ sơ xếp hạng các cấp (đối với di sản văn hóa vật thể) và lập hồ sơ khoa học để đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.			
463.	**Trưng bày, giới thiệu di sản văn hóa**	Nội dung học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động trưng bày, giới thiệu di sản văn hóa: vị trí, nhiệm vụ, nguyên tắc… đồng thời cung cấp các kỹ năng xây dựng nội hoạt động trưng bày, giới thiệu di sản văn hóa. Học phần giúp sinh viên hiểu và thực hiện đúng quy trình trưng bày, giới thiệu di sản văn hóa.	2	2	Thực hành
464.	**Phát huy giá trị di sản văn hóa**	Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về vấn đề phát huy giá trị di sản văn hóa; những quan điểm về quản lý, khai thác, phát huy giá trị di sản văn hóa ở nước ta và trên thế giới hiện nay. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên những cách thức, công cụ phát huy giá trị di sản văn hóa về mặt khoa học, về mặt kỹ thuật, phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển bền vững.	2	2	Thực hành
465.	**Truyền thông di sản văn hóa**	Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về các giá trị di sản văn hóa, vai trò của truyền thông với công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa dân tộc. Học phần hình thành tư duy, sáng tạo cho người học trong việc tận dụng sự phát triển của báo chí đa phương tiện vào quản lý văn hóa trong công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa dân tộc trong tình hình hiện nay…	1	1	Thực hành

466.	**Ứng dụng công nghệ trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa**	Học phần cùng cấp cho người học hệ thống lý thuyết về phương pháp xđiền dã dân tộc học nói chung và trong việc nghiên cứu di sản văn hoá. Học phần giúp sinh viên hình thành kỹ năng thực hành điền dã dân tộc học trong việc tìm hiểu một di sản văn hoá cụ thể nhằm xây dựng hồ sơ công nhận di sản các cấp.	1	1	Tự luận
467.	**Nguồn lực bảo tồn di sản văn hóa**	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các vấn đề lý thuyết về nguồn lực bảo tồn di sản văn hóa, vai trò, bản chất của nguồn lực trong công tác bảo tồn di sản văn hóa. Trên cơ sở nhận diện các nguồn lực bảo tồn di sản văn hóa, học phần đi sâu tìm hiểu một số nguồn lực chính, cơ bản được xem là các là yếu tố quan trọng, không thể thiếu, mang tính quyết định đến hoạt động bảo tồn di sản văn hóa.	2	0	
468.	**Phương pháp điền dã dân tộc học**	Học phần cùng cấp cho người học hệ thống lý thuyết về phương pháp xđiền dã dân tộc học nói chung và trong việc nghiên cứu di sản văn hoá. Học phần giúp sinh viên hình thành kỹ năng thực hành điền dã dân tộc học trong việc tìm hiểu một di sản văn hoá cụ thể nhằm xây dựng hồ sơ công nhận di sản các cấp.	1	1	Báo cáo
469.	**Thực tế chuyên ngành**	- Tổ chức cho người học thâm nhập thực tế nhằm nâng cao chuyên môn nghề nghiệp thuốc lĩnh vực quản lý văn hóa - Qua đợt thực tập, người học được thu thập, tích lũy thêm tư liệu, kinh nghiệm, kỹ năng trong lĩnh vực quản lý	0	3	Báo cáo

		văn hóa. - Củng cố hệ thống kiến thức chuyên ngành, kỹ năng nghề nghiệp đãđược học trong chương trình đào tạo.			
470.	**Thực tập cuối khóa**	Học phần giúp người học tìm hiểu, nắm vững đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách của nhà nước, bước đầu làm quen với quy trình hoạt động của bộ máy quản lý hành chính và chuyên môn tại các cơ quan, doanh nghiệp, thiết chế văn hóa. Bước đầu hình thành kỹ năng nghề nghiệp cho người học, đáp ứng nhu cầu xã hội.	0	5	Báo cáo
471.	**Báo cáo tốt nghiệp**	Báo cáo tốt nghiệp giúp sinh viên hình thành ý tưởng về vấn đề nghiên cứu, biết cách tổng hợp và vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong lĩnh vực quản lý văn hóa. Đây là kết quả của quá trình sinh viên vận dụng những kiến thức chuyên ngành để giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra, góp phần rèn luyện và nâng cao khả năng nghiên cứu khoa học của sinh viên.	0	5	Báo cáo
Bộ môn Công tác xã hội					
472.	**Xã hội học đại cương**	Môn học nghiên cứu quy luật, tính quy luật của sự hình thành, vận động biến đổi mối quan hệ, tương tác qua lại giữa con người và xã hội. Từ sự trình bày, phân tích các khái niệm cơ bản như cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội, nhóm xã hội, thiết chế xã hội…, cung cấp tri thức, hiểu biết về quy trình tiến hành một cuộc điều tra xã hội học,			Tự luận

		về các phương pháp thu thập thông tin, môn học đi sâu vào nghiên cứu một số lĩnh vực chuyên biệt như: Xã hội học tội phạm, xã hội học về dư luận xã hội, xã hội học đô thị, xã hội học nông thôn và xã hội học gia đình. Trên cơ sở những thành tựu khoa học về tri thức và công nghệ đã đạt được, xã hội học trang bị cho người học những tri thức khoa học về các lĩnh vực xã hội và kĩ năng vận dụng chúng vào việc nghiên cứu, giải quyết những vấn đề mà thực tiễn cuộc sống đặt ra.	3	0	
473.	**Tâm lí học xã hội**	Môn học nghiên cứu các hiện tượng tâm lý của nhóm, tập thể trong mối quan hệ tác động qua lại của các cá nhân trong nhóm tạo ra tâm lý chung của nhóm. Nghiên cứu quy luật, cơ chế của sự hình thành, vận động và phát triển các hiện tượng tâm lý xã hội. Phân tích và làm rõ các kiến thức cơ bản về nhóm và người lãnh đạo nhóm; Bản chất, vai trò, cơ chế hình thành các hiện tượng tâm lý xã hội. Các hiện tượng tâm lý của nhóm lớn xã hội như: Nhóm giai cấp, dân tộc, nghề nghiệp....Nghiên cứu các hiện tượng tâm lý trong tập thể như: Bầu không khí tâm lý xã hội, tâm trạng xã hội, truyền thống, dư luận xã hội; định kiến xã hội, xung đột xã hội. Bên cạnh đó, vấn đề giao tiếp xã hội, hành vi xã hội cũng được quan tâm nghiên cứu. Ngoài ra, vấn đề nhân cách và sự suy thoái nhân cách tỏng xã hội cũng được phân tích làm rõ để chỉ ra nguyên nhân và cách khắc phục tình trạng suy thoái nhân cách hiện nay.	3	0	Tự luận

474.	**Gia đình học và công tác xã hội trong gia đình**	Học phần giới thiệu bản chất của hôn nhân và gia đình, những đặc điểm trong hôn nhân và gia đình Việt Nam; các giai đoạn phát triển của gia đình, các vấn đề thường gặp trong các gia đình Việt Nam hiện nay; các thuyết tiếp cận, tiến trình trợ giúp gia đình và các kỹ năng, kỹ thuật, phương pháp của nhân viên công tác xã hội khi làm việc với gia đình.	2	0	Tự luận
475.	**Hành vi con người và môi trường xã hội**	Học phần hành vi con người và môi trường xã hội giới thiệu cho sinh viên: Nội dung của thuyết hành vi cổ điển, thuyết hành vi mới; Ứng dụng của thuyết hành vi trong cuộc sống và hoạt động; Các khái niệm cơ bản về hành vi con người; Các loại hành vi; Các yếu tố tác động đến hành vi con người, mối quan hệ tác động qua lại giữa hành vi con người và môi trường xã hội: Tác động của hành vi con người đến môi trường xã hội, tác động của môi trường xã hội đến hành vi con người ở các giai đoạn lứa tuổi; Các biện pháp tác động đến hành vi con người; những hành vi hợp chuẩn và không hợp chuẩn của cá nhân, nguyên nhân và các biện pháp khắc phục các hành vi sai lệch; Khái niệm tệ nạn xã hội, nguồn gốc, nguyên nhân, phân loại các tệ nạn xã hội hiện nay và biện pháp phòng ngừa, khắc phục các tệ nạn xã hội đó.	3	0	Tự luận
476.	**Giới và phát triển**	Giới và Phát triển là môn học có tính liên ngành trong ngành khoa học xã hội và nhân văn. Môn học này giới			Tự luận

		thiệu những khái niệm căn bản như: giới, giới tính, nhu cầu giới, sự phân công lao động theo giới, vai trò "kép"của phụ nữ, bình đẳng giới, bất bình đẳng giới, định kiến giới, xã hội hóa về giới, phụ nữ trong phát triển, giới và phát triển, sự tham gia, và tăng quyền lực cho phụ nữ. Môn học cung cấp kiến thức về lý thuyết Nữ Quyền và lịch sử của phụ nữ Việt Nam và cũng giới thiệu các văn kiện pháp lý quan trọng giúp cho sinh viên hiểu những trọng tâm của các phong trào phụ nữ trên thế giới cũng như những cam kết của các 2 chính phủ gồm: Các mục tiêu thiên niên kỷ; 12 lãnh vực quan tâm của hội nghị thế giới về phụ nữ ở Bắc Kinh; Công ước quốc tế về sự xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ; Luật Bình Đẳng Giới; và Luật phòng, chống bạo lực trong gia đình	2	0	
477.	**Nhập môn xử lý dữ liệu định lượng**	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng để có thể thiết kế và thực hiện một đề tài nghiên cứu thu thập thông tin cần thiết để thực hiện một can thiệp trong một vấn đề cụ thể. Các kiến thức, kỹ năng cơ bản bao gồm xác định vấn đề nghiên cứu, câu hỏi, mục đích nghiên cứu, xây dựng khung lý thuyết, làm rõ các phương pháp/kỹ thuật thu thập, xử lý và triết xuất thông tin số liệu cần thiết phục vụ cho mục đích đã xác định của đề tài.	2	0	Tự luận
478.		Học phần này gồm những nội dung cơ bản: Khái niệm			Tự luận

	Phương pháp nghiên cứu trong công tác xã hội	và các dạng nghiên cứu trong công tác xã hội. Các bước tiến hành cuộc nghiên cứu trong công tác xã hội. Một số phương pháp riêng mang tính đặc thù của công tác xã hội. Xác định đề tài và mục tiêu nghiên cứu trong công tác xã hội. Xây dựng giả thuyết trong nghiên cứu công tác xã hội. Định nghĩa khái niệm và thao tác hóa các khái niệm. Xây dựng bảng hỏi trong nghiên cứu công tác xã hội. Phương pháp thu thập thông tin trong nghiên cứu công tác xã hội. Xử lý thông tin, phân tích và viết báo cáo kết quả	4	0	
479.	**Công tác xã hội cá nhân**	Học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về công tác xã hội với cá nhân. Một số lĩnh vực nghiên cứu và kỹ năng thực hành công tác xã hội với cá nhân cũng được giới thiệu nhằm gợi mở các hướng tiếp cận, khả năng tư duy, phát huy năng lực người học trong nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp.	4	0	Tự luận
480.	**Công tác xã hội nhóm**	Môn học trình bày phương pháp thứ hai trong thực hành công tác xã hội với nhóm thân chủ có cùng vấn đề khó khăn tương đối giống nhau hoặc có liên quan với nhau. Phương pháp này dựa trên sự tương tác của các thành viên trong một nhóm, mối tương tác này ảnh hưởng đến sự thay đổi hành vi theo hướng tích cực được nhân viên xã hội dự kiến trong một kế hoạch hành động. Vai trò của nhân viên xã hội là xây dựng nhóm, giúp điều hòa các			Tự luận

		vai trò, sự tham gia tích cực của các nhóm viên trong các hoạt động của nhóm, đánh giá sự biến chuyển hành vi của từng cá nhân trong nhóm cũng như quá trình phát triển của nhóm. Mục tiêu của thực hành công tác xã hội với nhóm đạt được hay không tùy thuộc vào khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tế, am hiểu năng động nhóm, có kỹ năng điều hòa sự tham gia của các nhóm viên, biết lúc nào là can thiệp đúng lúc để giải quyết vấn đề và thực hiện đúng vai trò của mình.	4	0	
481.	**Phát triển cộng đồng**	Học phần này gồm những nội dung cơ bản. Những vấn đề chung về phát triển cộng đồng. Hệ thống các khái niệm, mục tiêu, các mô hình và tiến trình phát triển cộng đồng. Các hoạt động cơ bản trong phát triển cộng đồng. Các công cụ PRA trong phát triển cộng đồng. Cách thức xây dựng một dự án phát triển cộng đồng.	4	0	Tự luận
482.	**Xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội**	Học phần cung cấp cho người học những hiểu biết về các phương tiện truyền thông đại chúng, ảnh hưởng của truyền thông đại chúng đến đời sống xã hội. Cung cấp kiến thức nền tảng về bản chất, quy luật, hành vi, vai trò của Dư luận xã hội; phân biệt tin đồn và dư luận xã hội, ảnh hưởng của Dư luận xã hội đối với đời sống xã hội; Mối quan hệ giữa truyền thông đại chúng và dư luận xã hội. Đồng thời cung cấp các thao tác điều tra của Dư luận xã hội.	3	0	Tự luận

483.	**Tham vấn trong công tác xã hội**	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận và thực tiễn cơ bản nhất về công tác tham vấn như: Mục đích, ý nghĩa, các nguyên tắc đạo đức trong tham vấn; mối quan hệ giữa nhà tham vấn và thân chủ trong tham vấn; các kỹ năng tham vấn cơ bản và các bước của một tiến trình tham vấn; Tham vấn cá nhân; Tham vấn gia đình; Tham vấn nhóm.	3	0	Tự luận
484.	**Đạo đức nghề nghiệp trong công tác xã hội**	Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về đạo đức và đạo đức nghề nghiệp của công tác xã hội. Từ đó xác định rõ đạo đức nghề nghiệp cũng chính là cơ sở khoa học, là nền tảng giá trị của ngành nghề mang tính nhân văn này. Môn học cũng làm rõ sự hình thành các quy chuẩn đạo đức của nghề không tách rời các bối cảnh kinh tế, xã hội và các đặc trưng văn hoá vùng miền. Bằng phương pháp so sánh, phân tích, tổng hợp môn học cũng làm rõ trách nhiệm của nhân viên công tác xã hội đối với nghề nghiệp, cũng đồng thời định hướng hành động cho mỗi cá nhân, nhóm, cộng đồng trong mục đích vì sự công bằng, bình đẳng và tiến bộ xã hội.	3	0	Tự luận
485.	**Công tác xã hội trong lĩnh vực bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình**	Học phần góp phần trang bị những kiến thức lí luận về phòng chống bạo lực gia đình. Giúp sinh viên nhận biết được động cơ của bạo lực gia đình, nguyên nhân gốc rễ của bạo lực gia đình. Đồng thời giới thiệu cho sinh viên các văn bản luật của Việt Nam và của quốc tế liên quan đến những vấn đề bạo lực gia đình. Tiến trình CTXH trong			Tự luận

		phòng, chống bạo lực gia đình. Bên cạnh đó học phần còn giúp người học nắm rõ vai trò của công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình và một số phương pháp can thiệp đặc thù trong lĩnh vực này. Học phần còn cung cấp cho sinh viên biết rõ các mô hình và dịch vụ can thiệp, hỗ trợ của công tác xã hội trong phòng, chống bạo lực gia đình.	4	0	
486.	**Xây dựng và quản lý dự án công tác xã hội**	Môn học trình bày những khái niệm, đặc điểm của dự án phát triển hoặc dự án xã hội; các loại dự án trong ngành công tác xã hội ở các lĩnh vực đô thị, nông thôn, lĩnh vực môi trường, giáo dục, y tế, sức khỏe, HIV/AIDS. Thông qua môn học, sinh viên nắm được phương pháp xây dựng dự án theo Khung hợp lý (Logical Framework Approach) và các nội dung quản lý dự án, việc giám sát trong khi thực hiện dự án và lượng giá dự án một cách khoa học, hiệu quả.	4	0	Tự luận
487.	**Chính sách xã hội**	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về sự hình thành chính sách xã hội; một số lý thuyết, mô hình và hệ thống các chính sách xã hội trên thế giới; Quá trình nhận thức và thực thi chính sách xã hội ở Việt Nam. Giới thiệu đến người học một số chính sách xã hội cơ bản ở Việt Nam hiện nay. Giúp cho người học nhận thức đầy đủ về các vấn đề xã hội đang diễn ra trong cuộc sống và vai trò của chính sách xã hội đối với việc giải quyết các vấn đề đó. Đồng thời nâng cao khả năng phân tích và vận	4	0	Tự luận

		dụng chính sách xã hội vào thực hành Công tác xã hội.			
488.	**An sinh xã hội**	Học phần bao gồm các nội dung về lý luận an sinh xã hội, những mô hình thực tiễn về an sinh xã hội trên thế giới; An sinh xã hội Việt Nam từ quá trình hình thành và phát triển qua các thời kỳ, chính sách của Nhà nước, công tác tổ chức, quản lý và thực hiện an sinh xã hội; Mối quan hệ giữa an sinh xã hội và các lĩnh vực khác,.. Học phần còn giúp người học hình thành các biện pháp giúp đỡ những đối tượng gặp khó khăn trong cuộc sống nhằm xây dựng một xã hội giàu mạnh và tiến bộ. Nội dung học phần an sinh xã hội giới thiệu một số vấn đề chung, quan hệ pháp luật và quản lý nhà nước về các vấn đề an sinh xã hội, các quy định của chính sách về an sinh xã hội như: bảo hiểm xã hội, các đối tượng xã hội và phòng chống tệ nạn xã hội hiện hành....	3	0	Tự luận
489.	**Công tác xã hội với trẻ em**	Học phần giới thiệu cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản trong công tác xã hội với trẻ em như: các kiến thức chung về trẻ em, chính sách của Đảng, nhà nước có liên quan đến trẻ em; các nguyên tắc, kỹ năng và quy trình làm công tác xã hội với trẻ em,… nhằm gợi mở các hướng tiếp cận, khả năng tư duy, từ đó hướng đến giải quyết các vấn đề xã hội có liên quan đến đời sống của trẻ em.	2	0	Tự luận
490.	**Công tác xã hội với người nghèo**	Học phần cung cấp những vấn đề lý luận, thực tiễn và cấp bách về công tác xã hội đối với người nghèo ở nước ta. Nội dung của học phần gồm các khía cạnh cơ bản: vai trò			Tự luận

		của công tác xã hội đối với người nghèo; nguyên nhân, thực trạng nghèo đói có ảnh hưởng đến công tác xã hội, nguồn nhân lực về công tác xã hội ở những vùng nghèo, những nội dung cơ bản của công tác xã hội đối với người nghèo	3	0	
491.	**Công tác xã hội với nhóm dân tộc thiểu số**	Học phần cung cấp những vấn đề lý luận, thực tiễn và cấp bách về công tác xã hội đối với các dân tộc thiểu số ở nước ta. Nội dung của học phần gồm các khía cạnh cơ bản: Khái quát về dân tộc và dân tộc thiểu số; Một số chính sách của nhà nước đối với nhóm dân tộc thiểu số; Một số vấn đề khó khăn cơ bản của nhóm dân tộc thiểu số; Công tác xã hội với vấn đề nghèo đói ở nhóm dân tộc thiểu số; Công tác xã hội trong hỗ trợ giải quyết vấn đề văn hóa, lối sống đối với nhóm dân tộc thiểu số; Công tác xã hội với vấn đề chăm sóc sức khỏe và vệ sinh môi trường đối với dân tộc thiểu số; Công tác xã hội với vấn đề giáo dục của nhóm dân tộc thiểu số	2	0	Tự luận
492.	**Công tác xã hội trong bệnh viện**	Học phần giới thiệu một số nội dung cơ bản của Công tác xã hội trong bệnh viện như: Công tác xã hội với những người bị bệnh truyền nhiễm (HIV, bệnh phụ nữ), công tác xã hội với trẻ em và người già trong bệnh viện, công tác xã hội với những người bị bệnh thông thường (bỏng, chấn thương), công tác xã hội với những người bị bệnh hiểm nghèo (ung thư, tim mạch). Đối với mỗi trường hợp bệnh, học phần không những giới thiệu kiến thức cơ bản liên	2	0	Tự luận

		quan đến điều kiện bệnh mà còn chỉ ra những khó khăn thường gặp của bệnh nhân trong từng trường hợp bệnh. Trên cơ sở đó, học viên có thể ứng dụng kiến thức, kỹ năng và thái độ đãđược học vào việc giúp đỡ những bệnh nhân này.			
493.	**Công tác xã hội với nhóm ma túy, mại dâm và HIV**	Học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về ma tuý, mại dâm. Một số lĩnh vực nghiên cứu và kỹ năng thực hành công tác xã hội với nhóm ma tuý, mại dâm cũng được giới thiệu nhằm gợi mở các hướng tiếp cận, khả năng tư duy, phát huy năng lực người học trong nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp. Nội dung học phần gắn liền với nội dung giáo dục phòng chống ma tuý, mại dâm, HIV/AIDS ; bồi dưỡng, nâng cao trách nhiệm của con người với con người góp phần giảm bớt những khó khăn cho đối tượng ma tuý, mại dâm.	3	0	Tự luận
494.	**Công tác xã hội trong trường học**	Học phần giới thiệu cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản trong hoạt động công tác xã hội ở trường học: các kiến thức chung về quản lý hành vi - cảm xúc học sinh, xâm hại và xung đột trong các mối quan hệ giáo viên-giáo viên, giáo viên và cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh, hay giữa giáo viên và phụ huynh học sinh. Đồng thời cung cấp những mô hình, biện pháp, phương pháp, kỹ năng phòng chống, can thiệp và giải quyết những vấn đề đó.	2	0	Tự luận
495.		Sinh viên áp dụng phương pháp CTXH cho một trường hợp cụ thể (cá			Tự luận

	Thực hành công tác xã hội cá nhân	nhân hay gia đình) được cơ sở giao, thông qua các bước: - Nhận diện vấn đề - Thu thập thông tin - Đánh giá chẩn đoán - Xây dựng kế hoạch can thiệp - Thực hiện kế hoạch can thiệp - Lượng giá. Sinh viên sử dụng các kỹ năng đã học như vấn đàm, vãng gia, ghi chép tiến trình, làm hồ sơ xã hội,… để áp dụng phương pháp nói trên.	0	4	
496.	**Thực hành công tác xã hội nhóm**	Môn học trình bày phương pháp thứ hai trong thực hành công tác xã hội (CTXH) với nhóm thân chủ có cùng vấn đề khó khăn tương đối giống nhau hoặc có liên quan với nhau. Phương pháp này dựa trên sự tương tác của các thành viên trong một nhóm, mốitương tác này ảnh hưởngđến sự thay đổi hành vi theo hướng tích cựcđược nhân viênxã hội (NVXH) dự kiến trong một kế hoạch hành động. Vai trò của NVXH là xâydựng nhóm, giúp điều hòa các vai trò, sự tham gia tích cực của các nhóm viên trongcác hoạtđộng của nhóm,đánh giá sự biến chuyển hành vi của từng cá nhân trongnhóm cũng như quá trình phát triển của nhóm. Mục tiêu của thực hành công tác xã hội với nhóm đạt được hay không tùy thuộc vào khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tế,am hiểu năng động nhóm, có kỹ năng điều hòa sự tham gia của các nhóm viên, biết lúcnào là can thiệp đúng lúc để giải quyết	0	4	Tự luận

		vấn đề và thực hiện đúng vai trò.			
497.	**Thực hành phát triển cộng đồng**	Quá trình thực hành được chia làm ba giai đoạn với những nhiệm vụ cụ thể mà sinh viên phải thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên bộ môn. Phần đầu sinh viên được hướng dẫn các kỹ năng, kiến thức và công cụ phục vụ cho thực hành trực tiếp tại cơ sở, phần thứ hai sinh viên trực tiếp thực hành các kiến thức, kỹ năng của phát triển cộng đồng vào giải quyết một vấn đề cụ thể tại cộng đồng, phần thứ ba sinh viên phải hoàn thiện báo cáo thực hành.	0	4	Thực hành
498.	**Thực tập cuối khóa**	Học phần thực tập tốt nghiệp gồm hai phần: Phần làm việc trên lớp và tại cơ sở xã hội. Nội dung trên lớp bao gồm: Giáo viên thông qua những nội quy, quy định, kế hoạch thực tập, các cơ sở xã hội và giải đáp những thắc mắc của học viên. Phần làm việc tại các cơ sở xã hội, sinh viên vận dụng kiến thức kỹ năng CTXH đãđược học vào việc tìm hiểu đánh giá vấn đề của thân chủ và xây dựng kế hoạch can thiệp	0	5	Thực hành
499.	**Báo cáo tốt nghiệp**	Học phần thực tập tốt nghiệp gồm hai phần: Phần làm việc trên lớp và tại cơ sở xã hội. Nội dung trên lớp bao gồm: Giáo viên thông qua những nội quy, quy định, kế hoạch thực tập, các cơ sở xã hội và giải đáp những thắc mắc của học viên. Phần làm việc tại các cơ sở xã hội, sinh viên vận dụng kiến thức kỹ năng CTXH đãđược học vào việc tìm hiểu đánh giá vấn đề của thân chủ và xây dựng kế hoạch can thiệp.	0	5	Báo cáo
500.		Môn học cung cấp kiến thức lý thuyết về truyền thông			Lý thuyết

	Lý thuyết truyền thông	(khái niệm, mục tiêu, các phương tiện truyền thông, mô hình của truyền thông); vai trò và chức năng của truyền thông. Từ đó, chúng ta có thể xây dựng lên được nội dung truyền thông.	3	0	
501.	**Ngôn ngữ truyền thông**	Môn học cung cấp những kiến thức tổng quan về thông điệp trong truyền thông (khái niệm, đặc điểm, vai trò và các phương thức truyền tải thông điệp truyền thông); đưa ra các nguyên tắc của thông điệp truyền thông, đồng thời môn học cũng nêu lên phương pháp xây dựng các thông điệp truyền thông.	3	0	Lý thuyết
502.	**Các loại hình truyền thông**	Môn học cung cấp những kiến thức lý luận cơ bản về truyền thông và qui trình truyền thông; về các phương tiện, hình thức hoạt động và lịch sử phát triển của các phương tiện truyền thông đại chúng. Môn học cũng giới thiệu về báo chí như một hoạt động truyền thông đại chúng với chức năng, vai trò, vị trí của nó trong xã hội, những đặc thù của báo chí trong mối quan hệ với các hình thái ý thức xã hội khác; các nguyên tắc hoạt động báo chí, đặc trưng lao động của nhà báo và các vấn đề quan trọng như tính hiệu quả của báo chí, tự do báo chí, xu hướng phát triển báo chí….	3	0	Lý thuyết
503.		Học phần phác thảo tổng quát về ngành Quan hệ công chúng. Phần Lý luận chung sẽ cung cấp kiến thức cơ sở			Lý thuyết

	Quan hệ công chúng	lý luận của Quan hệ công chúng và so sánh Quan hệ công chúng với Quảng cáo, Marketing, Dân vận, Tuyên truyền. Phần lược sử Quan hệ công chúng điểm qua lịch sử hình thành và phát triển của nghề Quan hệ công chúng trên thế giới và tại Việt Nam. Phần khái quát Quan hệ công chúng chuyên nghiệp sẽ giúp người học hiểu được vai trò, vị trí của Quan hệ công chúng trong tổ chức và xã hội, những chức năng, nhiệm vụ của Quan hệ công chúng , những hoạt động cơ bản của Quan hệ công chúng , những chức danh và vị trí công việc của người làm Quan hệ công chúng và những yêu cầu về phẩm chất, năng lực đối với người làm Quan hệ công chúng chuyên nghiệp.	3	0	
504.	**Công chúng truyền thông**	Trang bị cho sv những hiểu biết về công chúng báo chí, hoạt động tiếp nhận sản phẩm, tác phẩm báo chí của công chúng, công việc nghiên cứu công chúng và tác động của công việc này với báo chí hiện đại; rèn luyện các kỹ năng nghiên cứu công chúng; sử dụng các kết quả nghiên cứu công chúng để lập kế hoạch truyền thông, sử dụng các phương tiện truyền thông đại chúng cho hoạt động truyền thông phù hợp với các nhóm công chúng cụ thể.	3	0	Lý thuyết

505.	**Xã hội học truyền thông**	Truyền thông là một hoạt động cơ bản của mỗi xã hội. Truyền thông đại chúng là một quá trình xã hội trong đó thông tin được truyền đạt rộng rãi đến mọi người trong xã hội thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng như báo chí, phát thanh, truyền hình. Đặc điểm lớn nhất của đời sống truyền thông đại chúng là nó nhanh chóng dẫn đến hệ quả hình thành một định chế xã hội mới trong xã hội. Định chế này đóng vai trò quan trọng trong việc phổ biến thông tin và kiến thức cho người dân mà còn tác động một cách mạnh mẽ đến các định chế khác trong xã hội. Vì thế nghiên cứu về truyền thông trong xã hội học là nhu cầu cần thiết nhất định.	3	0	Lý thuyết
506.	**Tâm lý học truyền thông**	Học phần được thực hiện sau khi sinh viên đã hoàn thành các học phần về kiến thức cơ sở ngành, ngành và kiến thức bổ trợ. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản, khái quát về tâm lý học và kiến thức cơ bản về tâm lý báo chí truyền thông. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện và vận dụng tâm lý học sáng tạo các sản phẩm, chiến dịch truyền thông trong nhiều lĩnh vực cụ thể. Phân tính, tổng hợp và nhận diện được tâm lý tiếp nhận của nhóm công chúng báo chí, truyền thông.	3	0	Lý thuyết
507.	**Pháp luật và đạo đức truyền thông**	Học phần Pháp luật và đạo đức truyền thông là học phần cơ sở ngành Công nghệ truyền thông cung cấp cho người học những tri thức cơ bản, hệ thống và cập nhật về luật pháp truyền thông: các khái niệm, quá trình hình thành và phát triển luật báo chí, luật quảng cáo, luật an ninh mạng, luật xuất bản. Các vấn đề về đạo đức truyền	3	0	Lý thuyết

		thông: Khái niệm về đạo đức, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức nghề nghiệp nhà báo; Quy định về đạo đức nghề báo của Việt Nam và thế giới trong sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế. Các quy tắc ứng xử của của những cá nhân tổ chức làm truyền thông.			
508.	**Bố cục và màu sắc**	Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức để nghiên cứu lý thuyết về màu sắc, các quy tắc về bố cục trong trang trí, thể hiện được các bài trang trí cơ bản (hình vuông, trang trí đường diềm, trang trí vải hoa,…); từ đó ứng dụng những hiểu biết vào các bài trang trí mang tính ứng dụng. Những kiến thức này giúp sinh viên từng bước có ý thức hơn về thẩm mỹ và sáng tạo trong nghệ thuật.	0	2	Thực hành
509.	**Kỹ thuật quảng cáo**	Môn học cung cấp những kiến thức tổng quan về quảng cáo (định nghĩa, vai trò, chức năng, lịch sử của quảng cáo, vấn đề văn hóa và đạo đức trong quảng cáo); tổ chức hoạt động của phòng quảng cáo và công ty quảng cáo; đặc điểm của quảng cáo ngoài trời và trên các phương tiện giao thông công cộng, các loại hình quảng cáo khác; kế hoạch sử dụng các phương tiện truyền thông cho quảng cáo; quảng cáo ở VN.	1	1	Thực hành
510.		Môn học sẽ nhấn mạnh vào tư duy phản biện liên quan đến lập kế hoạch phương tiện truyền thông cho quảng cáo, quan hệ công chúng và các chiến dịch truyền thông khác. Để đạt được mục tiêu này, môn học sẽ sử dụng một sự phối hợp giữa các bài giảng, tài liệu đọc thêm, thảo luận, bài tập và mô hình máy tính. Sự tham gia trong lớp học sẽ là			Thực hành

	Thiết kế ấn phẩm truyền thông	chìa khóa để thành công của môn học. Đối với các sinh viên mong muốn sẽ làm việc liên quan trực tiếp đến quảng cáo hoặc lập kế hoạch truyền thông, môn học này sẽ cung cấp như một sự giới thiệu cho tiến trình đánh giá phản biện các lựa chọn phương tiện truyền thông, mua hoặc đưa chiến lược truyền thông vào thực hiện, lập kế hoạch đánh giá hiệu quả truyền thông và đánh giá hiệu quả của phương tiện truyền thông lên khán giả. Đối với các sinh viên khác môn học sẽ cung cấp một nền tảng kiến thức nhằm hiểu rõ vai trò của phương tiện truyền thông trong bối cảnh truyền thông chiến lược rộng lớn hơn. Môn học sẽ mô tả việc quản lý khách hàng, lập kế hoạch tiếp cận khách hàng, sáng tạo, database marketing, khuyến mãi và quan hệ công chúng liên quan đến lập kế hoạch phương tiện truyền thông.	1	2	
511.	**Đồ họa truyền thông**	Học phần Đồ họa truyền thông cung cấp cho sinh viên kiến thức về kỹ thuật xử lý phần mềm đồ họa vi tính Photoshop, Ilustrator… đây là phương tiện bổ trợ tạo hình cho thiết kế đồ họa chuyên nghiệp. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng xác định mục tiêu, lựa chọn phương pháp, giải pháp tối ưu trong ứng dụng Photoshop, Ilustrator trong thiết kế in ấn, thiết kế đồ họa đa phương tiện và các đồ họa trực tuyến…thông qua các bài tập ở lớp và thực hành. Hướng dẫn sinh viên tham khảo, ý thức tìm hiểu nâng cao khả năng sử dụng phần mềm thiết kế Đồ họa để tạo ra các sản phẩm Công nghệ truyền thông.	2	2	Thực hành

512.	**Sản xuất audio và video truyền thông**	Môn học cung cấp những kiến thức tổng quan về quảng cáo, phân tích, đánh giá các khía cạnh ảnh hưởng đến sự thành công của chương trình quảng cáo, đồng thời đưa ra cách xây dựng nên một video quảng cáo hoàn chỉnh (phát triển ý tưởng, phác thảo nội dung, xây dựng kịch bản, thu thập dữ liệu và xử lý dữ liệu) để truyền tải những nội dung thông điệp cao	2	2	Thực hành
513.	**Truyền thông doanh nghiệp và tiếp thị**	Truyền thông marketing là một thành phần quan trọng trong marketing mix, đang phát triển rất nhanh cùng với sự bùng nổ của các phương tiện truyền thông, Internet trong quá trình toàn cầu hóa. Môn học nhằm giúp sinh viên hiểu quy trình phát triển chương trình truyền thông marketing cho một sản phẩm hoặc một dịch vụ, kết hợp giữa 5 yếu tố: quảng cáo, khuyến mại, bán hàng trực tiếp, quan hệ công chúng (PR) và marketing trực tiếp. Các nội dung chủ yếu của môn học bao gồm: Phân tích hành vi người tiêu dùng; thiết lập mục tiêu; xây dựng chiến lược, kế hoạch truyền thông marketing; tổ chức các hoạt động truyền thông marketing; đo lường, đánh giá việc thực hiện và hiệu quả chương trình truyền thông marketing.	3	0	Lý thuyết
514.	**Kỹ năng viết truyền thông**	Trong thực hành QHCC, kỹ năng viết là một trong những công việc cơ bản. Học phần tập trung vào việc giúp sinh viên hiểu được bản chất và các kỹ năng viết cho QHCC bằng cách giới thiệu cho họ những kỹ năng viết thiết thực và đa dạng. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được thường xuyên tìm hiểu và phân tích các tin, bài trên báo, tạp chí để nhận biết văn phong viết báo chí cũng như cảm nhận			Lý thuyết

		tác động xã hội của báo chí truyền thông. Trong quá trình học môn Viết cho QHCC, sinh viên được học bắt đầu từ lý thuyết đến thực hành các thể loại bài viết cho QHCC như thông cáo báo chí, các bài viết chuyên đề, thông tin họp báo, tờ rơi, kỹ năng phỏng vấn và trả lời báo chí.	3	0	
515.	**Xây dựng và quản lý chiến dịch truyền thông**	Môn học cung cấp các khái niệm cơ bản về pháp luật; quản lý nhà nước đối với hoạt động báo chí – xuất bản (những nguyên tắc cơ bản, bộ máy nhà nước và hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước đối với hoạt động báo chí – xuất bản); pháp luật về báo chí (cơ quan báo chí - các loại hình, nhiệm vụ và quyền hạn; nhà báo, cộng tác viên – nhiệm vụ và quyền hạn); pháp luật về xuất bản (hệ thống pháp luật điều chỉnh về xuất bản, quyền và nghĩa vụ của công dân đối với hoạt động xuất bản, quản lý nhà nước đối với hoạt động xuất bản). Môn học cũng đề cập đến quyền tác giả (quy chế bảo hộ quyền tác giả, chuyển giao sở hữu tác phẩm…) và trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực báo chí – xuất bản.	3	0	Lý thuyết
516.	**Truyền thông Internet**	Truyền thông Internet là môn học cung cấp những kiến thức hiện đại nhất về hệ thống các phương tiện truyền thông trên mạng Internet, có liên quan đến hoạt động báo chí. Môn học này không chỉ cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về mạng Internet, website, weblog, webcast – podcast, portal, các phoợng thức truyền thông trực tuyến… mà còn mang đến cho sinh viên khả năng tiếp cận, vận dụng và khai thác thông tin			Lý thuyết

		trên mạng Internet. Sinh viên cũng có khả năng thiết kế công cụ cho mình và thực hiện các thao tác truyền thông cơ bản trên mạng Internet. Bên cạnh đó, sinh viên có năng lực và phoịơng thức toị duy về các mô thức truyền thông mới, có khả năng tiến hành nghiên cứu những phương thức truyền thông hiện đại.	2	0	
517.	**Thực hành triển khai dự án truyền thông**	Môn học sẽ Nghiên cứu lý thuyết và thực hành việc thiết kế và quản lý chương trình, dự án, chiến dịch truyền thông, trên cơ sở đó nâng cao năng lực quản lý báo chí truyền thông trong các cơ quan, tổ chức, đặc biệt là ở các cơ quan báo chí.	1	2	Thực hành
518.	**Quản trị nội dung Website**	Học phần bắt đầu với khái niệm về ứng dụng web, kiến trúc ứng dụng web, mô hình client - server, vai trò của web server và web client, HTTP và URL giúp học viên nắm được tổng quan về hệ thống web. Học phần đi sâu vào vai trò thông dịch của trình duyệt, sử dụng HTML, CSS và JavaScript, DOM để tạo nội dung web. Sau phần giới thiệu các công nghệ web động đang được sử dụng rộng rãi, học phần tiếp tục đi sâu vào mô hình ba tầng, mẫu thiết kế MVC, ngôn ngữ lập trình tạo web động, thao tác với cơ sở dữ liệu, xử lý hợp thức, phiên, cookie, xác thực và an ninh. Cuối cùng, học phần giới thiệu dịch vụ web, viết lại và định tuyến URL, xử lý nâng cao với AJAX, jQuery, sử dụng khung phát triển web, xu hướng phát triển web.	1	2	Thực hành
519.	**An toàn và**	Cung cấp những khái niệm tổng quát về vấn đề an toàn			Lý thuyết

	bảo mật thông tin	và bảo mật cho hệ thống thông tin, tính bảo mật của một cơ sở dữ liệu. Giới thiệu tới người học các lỗ hổng và điểm yếu trong bảo mật, các phương pháp mã hóa, biện pháp bảo vệ an toàn thông tin và các phần mềm được sử dụng trong bảo mật cho hệ thống máy tính và mạng. Giới thiệu khái quát về các vấn đề chính sách, pháp luật, đạo đức an toàn thông tin và đánh giá rủi ro, thực thi quản lý an toàn thông tin.	3	0	
520.	**Kỹ thuật nhiếp ảnh**	Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về các kỹ năng cần thiết trong việc sử dụng máy ảnh: tốc độ chụp, tiêu cự ống kính, ánh sáng, thời điểm, màu sắc… Hướng dẫn cho sinh viên biết cách chụp ảnh theo một bố cục hợp lý và màu sắc hài hòa nhất.Tạo cho sinh viên lòng yêu thích: yêu thích nhiếp ảnh, yêu thích nghệ thuật, yêu thích thiên nhiên, yêu thích môi trường, yêu phong cảnh đất nước con người.	1	2	Thực hành
521.	**Kỹ thuật quay phim**	Môn học đi vào các vấn đề liên quan đến kỹ thuật truyền hình như nguyên lý hoạt động (truyền hình analog, truyền hình kỹ thuật số) phương thức truyền tải và phát tín hiệu (viba, cáp quang, vệ tinh); cấu tạo và cách sử dụng các thiết bị quay phim; kỹ thuật ghi hình (các cỡ cảnh, động tác máy, góc máy, cách lấy một shot hình chuẩn); kỹ thuật thu âm; kỹ thuật dựng phim phi tuyến; kỹ thuật truyền hình trực tiếp. Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về quay phim đúng kỹ thuật các cỡ cảnh theo đài truyền hình Việt Nam và Quốc tế, quay phim theo chương trình thời sự của đài truyền hình Việt	1	2	Thực hành

		Nam			
522.	**Xây dựng và phát triển thương hiệu**	Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý thuyết và thực tiễn về xây dựng, phát triển và quản lý thương hiệu. Môn học sẽ nghiên cứu lý thuyết đương đại về thương hiệu, giá trị thương hiệu và quản lý chiến lược thương hiệu. Đồng thời, môn học chú trọng vào nội dung "bằng cách nào" và "tại sao", cung cấp những hoạch định, xây dựng, đo lường và quản lý giá trị thương hiệu. Một trong những nội dung môn học sẽ là bài tập về lập kế hoạch cụ thể cho một nhãn hiệu của sản phẩm mới hoặc hiện có.	2	0	Lý thuyết
523.	**Xử lý khủng hoảng truyền thông**	Học phần cung cấp cho người học những hiểu biết về cơ bản quản lý, xử lý khủng hoảng đối với một tổ chức. Trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch để đề phòng khủng hoảng và truyền thông trong khủng hoảng.	2	0	Lý thuyết
524.		Qua môn học này sinh viên nắm được các khái niệm cơ			Thực hành

	Truyền thông đa phương tiện	bản về dữ liệu đa phương tiện, xử lý và truyền thông đa phương tiện, các ứng dụng và phân loại các hệ thống đa phương tiện; Các phương pháp biểu diễn, các đặc tính cơ bản và các yêu cầu của dữ liệu đa phương tiện (âm thanh, hình ảnh, video kỹ thuật số); Nguyên lý, kỹ thuật và các chuẩn nén dữ liệu: âm thanh, hình ảnh và Video kỹ thuật số; Các khái niệm, các yêu cầu, và các kỹ thuật được sử dụng để đảm bảo chất lượng dịch vụ từ đầu này đến đầu kia của truyền thông đa phương tiện; Các yêu cầu và cơ chế đồng bộ hoá trong truyền thông đa phương.	1	2	
525.	**Truyền thông đại chúng và dư luận xã hội**	Học phần cung cấp cho người học những hiểu biết về các phương tiện truyền thông đại chúng, ảnh hưởng của truyền thông đại chúng đến đời sống xã hội. Cung cấp kiến thức nền tảng về bản chất, quy luật, hành vi, vai trò của Dư luận xã hội; phân biệt tin đồn và dư luận xã hội, ảnh hưởng của Dư luận xã hội đối với đời sống xã hội; Mối quan hệ giữa truyền thông đại chúng và dư luận xã hội. Đồng thời cung cấp các thao tác điều tra của Dư luận xã hội.	2	0	Lý thuyết
526.	**Văn hóa doanh nghiệp**	Học phần cung cấp cho người học những hiểu biết về về văn hoá tổ chức, các yếu tố cấu thành của văn hoá DN. Mặt khác nắm được thực trạng văn hoá doanh nghiệp ở VN để từ đó có biện pháp thiết thực nhằm xây dựng văn hoá doanh nghiệp ở nước ta. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong bộ phận	2	0	Lý thuyết

		giáo dục chuyên nghiệp.			
527.	**Truyền thông nội bộ và quốc tế**	Học phần nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về cơ cấu tổ chức, mô hình tổ chức bộ máy quản trị của các doanh nghiệp, công ty, các tổ chức, cơ quan nhà nước; tìm hiểu các hoạt động quản trị truyền thông nội bộ của các tổ chức này. Kết thúc học phần, sinh viên phải có hiểu biết về cơ cấu tổ chức và hoạt động bên trong của các cơ quan, tổ chức, nắm được hoạt động quan hệ công chúng nội bộ, có kỹ năng tác nghiệp trong lĩnh vực quan hệ công chúng nội bộ nhằm xây dựng và duy trì quan hệ tốt đẹp trong tổ chức, góp phần hoàn thành mục tiêu của tổ chức. Học phần cung cấp cho người học những hiểu biết về truyền thông quốc tế: khái niệm, chức năng, vai trò, lịch sử và xu hướng phát triển. Cung cấp kiến thức nền tảng về trật tự truyền thông quốc tế mới, mối quan hệ giữa toàn cầu hóa và truyền thông quốc tế. Sức mạnh của thông tin và truyền thông trong kỷ nguyên mới.	3	0	Lý thuyết
528.	**Quản lý truyền thông hình ảnh**	Học phần Quản lý truyền thông hình ảnh nghiên cứu những vấn đề cơ bản như: Các khái niệm cơ bản về hình ảnh, truyền thông hình ảnh và quản lý hình ảnh truyền thông; sơ lược sự hình thành và phát triển của hình ảnh, truyền thông hình ảnh và vấn đề quản lý hình ảnh truyền thông; đặc điểm và vai trò của truyền thông hình ảnh và quản lý hình ảnh truyền thông; cơ sở pháp lý của vấn đề truyền thông hình ảnh và quản lý hình ảnh truyền thông; các nguyên tắc truyền thông hình ảnh và quản lý	1	2	Thực hành

		hình ảnh truyền thông Vận dụng những kiến thức trên và hoạt động truyền thông hình ảnh và quản lý hình ảnh truyền thông trong thực tiễn...			
529.	**Thực tập chuyên ngành**	Học phần chuyên ngành sinh viên được tham quan, tìm hiểu thực trạng tổ chức hoạt động của các Trung tâm Thông tin, các đài phát thanh truyền thanh, truyền hình, cơ quan báo chí...hàng đầu trong nước và ngoài nước (nếu có điều kiện); Sinh viên nắm được các cách thức tổ chức hoạt động, quy trình nghiệp vụ kỹ thuật và công nghệ thông tin ứng dụng trong các hoạt động tại các điểm mà sinh viên đến; Sinh viên tiếp cận công với các quy trình sản xuất âm thanh, video truyền thông và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của đơn vị.			Báo cáo
530.	**Thực tập tốt nghiệp**	Học phần thực tập chuyên ngành giúp sinh viên tìm hiểu, thực hành tổ chức hoạt động của các Trung tâm Thông tin, các đài phát thanh truyền thanh, truyền hình, cơ quan báo chí, các trung tâm công nghệ thông tin hàng đầu trong nước và ngoài nước (nếu có điều kiện); Sinh viên được thực hành tổ chức các quy trình hoạt động nghiệp vụ truyền thông và công nghệ thông tin ứng dụng trong các hoạt động tại các điểm mà sinh viên đến; Sinh viên trực tiếp làm các công tác thực hiện theo các quy trình để tạo ra các sản phẩm truyền thông, hoặc công tác marketing truyền thông. Sinh viên được thực hành ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của đơn vị.			Báo cáo
531.	**Báo cáo tốt nghiệp**				Báo cáo

532.	**Tin học**	Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản nhất về tin học, máy tính điện tử, phần cứng, phần mềm nói riêng và công nghệ thông tin nói chung. Thông qua thực hành, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng: Sử dụng hệ điều hành Windows, soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail. Ngoài ra trong chương trình học cũng lồng ghép các kỹ năng viết báo cáo khoa học, kỹ năng soạn các bản trình bày trên các máy chiếu đa phương tiện.	1	2	Thực hành + Trắc nghiệm
533.	**Toán học trong hoạt động thông tin**	Toán trong hoạt động thông tin là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành gồm các lĩnh vực kiến thức cơ bản về: ngôn ngữ toán học và phương pháp biểu diễn thông tin; các quy luật suy luận logic của toán học và ứng dụng của logic trong các hệ thống tìm tin tự động hóa; hệ đếm nhị phân, đại số Boole và các mạch tổ hợp - cơ sở toán học và logic của máy tính điện tử. Trên cơ sở đó tập trung vào nội dung và phương pháp thường dùng, các nguyên tắc trong việc mô tả, mã hóa thông tin sử dụng trong hoạt động thông tin – thư viện.	3	0	Tự luận
534.	**Cơ sở công**	Học phần cơ sở công nghệ thông tin nghiên cứu về cấu tạo của máy vi tính, từng thiết bị trong máy vi tính hoạt động như thế nào, cách sửa chữa lặp đặt các thiết bị đó ra sao. Ngoài ra, học phần có ý nghĩa về khoa học và			Thực hành

	nghệ thông tin	thực tiễn. Sinh viên có thể sửa chữa lắp ráp máy vi tính theo nguyên tắc cơ bản. Làm cho sinh viên tiếp cận các môn học khác một cách dễ dàng hơn. Vì sinh viên nắm bắt cơ bản của máy vi tính nên việc tiếp cận các môn học khác dễ dàng hơn.	1	2	
535.	**Cơ sở dữ liệu**	Học phần giới thiêu những kiến thức cơ bản về CSDL quan hệ (khái niệm, định nghĩa về CSDL; các mô hình CSDL; các truy vấn, bảo mật và toàn vẹn dữ liệu,...). Các phương pháp phân tích và đánh giá, xây dựng CSDL. Thiết kế CSDL bằng ngôn ngữ dữ liệu quan hệ SQL. Tìm hiểu và thực hành các kỹ thuật cơ bản khi xây dựng CSDL (tổ chức, xử lý, truy vấn dữ liệu và khai thác DL). Tạo cơ sở tiền đề cho việc tiếp cận, nâng cao và phát triển năng lực của người học về thiết kế và quản trị CSDL trên các phần mềm QTCSDL khác.	3	0	Tự luận
536.	**Lập trình căn bản**	Học phần Lập trình căn bản cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lập trình thông qua ngôn ngữ lập trình C, như: các khái niệm cơ bản trong lập trình như kiểu dữ liệu, hàm, biến, mảng...Sinh viên biết vận dụng các khái niệm này vào trong các hàm và chương trình. Sinh viên nắm rõ các lệnh nhập xuất trên các đối tượng và các lệnh điều khiển. Đồng thời giúp sinh viên sử dụng các lệnh này ứng dụng vào các bài toán thực tế từ cơ bản đến phức tạp. Cuối cùng sinh viên nắm rõ được các cách khai báo hàm, cách sử dụng các hàm, con trỏ, chương trình, tổ chức các hàm và chương trình làm cơ sở cho việc ứng dụng viết các hàm, chương trình	1	1	Thực hành

		cho các bài toán khai báo hàm từ đơn giản đến phức tạp. Mặt khác, việc nắm vững ngôn ngữ C là cơ sở để sinh viên có điều kiện tìm hiểu và nghiên cứu rộng hơn đối với các ngôn ngữ lập trình khác như C++, ASP.Net, C#, Java, Visual C++,… đặc biệt là phát triển các ứng dụng CNTT.			
537.	**Cấu trúc dữ liệu và giải thuật**	Học phần Cấu trúc dữ liệu và giải thuật là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức cơ sở của chuyên ngành Công nghệ thông tin ứng dụng, ngành Thông tin – Thư viện. Học phần trang bị cho sinh viên một khối lượng kiến thức tương đối hoàn chỉnh về phân tích và thiết kế các giải thuật lập trình cho máy tính. Cung cấp kiến thức nền tảng về các giải thuật trên máy tính, bao gồm giải thuật đệ quy, các giải thuật tìm kiếm, sắp xếp. Cung cấp kiến thức về các cấu trúc dữ liệu và giải thuật tương ứng thông dụng trên máy tính, bao gồm danh sách, hàng đợi, ngăn xếp, cây nhị phân tìm kiếm, cây AVL. Kết thúc học phần sinh viên cài đặt các thuật giải áp dụng vào các bài toán trong thực tế.	3	0	Tự luận
538.	**Các phương pháp tối ưu hóa**	Các phương pháp tối ưu hóa là môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành Công nghệ thông tin ứng dụng thuộc ngành Thông tin – Thư viện gồm các lĩnh vực kiến thức cơ bản về: Lý thuyết thuật toán; Lý thuyết đồ thị bao gồm khái niệm về đồ thị, phân loại đồ thị, Đồ thị Euler, đồ thị Hamilton, Cây và một số ứng dụng của cây, các bài toán tối ưu trên đồ thị cũng như các ứng dụng của lý thuyết đồ			Tự luận

		thị trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Từ những kiến thức cơ bản trên vận dụng để giải quyết các bài toán tối ưu trên thực tế như: bài toán tô màu đồ thị, bài toán xếp lịch thi, bài toán đếm, bài toán tìm đường đi ngắn nhất, tìm cây khung nhỏ nhất, bài toán du lịch…	3	0	
539.	**Hệ điều hành**	Hệ điều hành là một chương trình quản lý phần cứng máy tính. Nó cung cấp nền tảng cho các chương trình ứng dụng, thi hành và đóng vai trò trung gian giao tiếp giữa người dùng và phần cứng máy tính, cung cấp các khái niệm cơ bản về hệ thống máy tính, tài nguyên của hệ thống máy tính, các khái niệm về hệ điều hành và dịch vụ của hệ điều hành. Đây là môn học cần thiết trong lĩnh vực Công nghệ thông tin cung cấp cái nhìn tổng quát làm nền tảng để xây dựng các ứng dụng trên hệ thống máy tính và rất cần thiết với việc phát triển hệ thống	1	1	Thực hành
540.	**Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin**	Học phần Phân tích thiết kế các hệ thống thông tin cung cấp cho sinh viên các nội dung chính như: Tìm hiểu và Khảo sát một hệ thống thực. Mô hình hóa hệ thống bằng các công cụ mô phỏng. Thiết kế và xây dựng chương trình Kiểm thử và bảo trì hệ thống. Học phần tập trung vào 2 kỹ năng cơ bản: Phân tích thiết kế hệ thống hướng chức năng và hướng đối tượng.	1	2	Thực hành
541.	**Mạng máy tính**	Học phần cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản			Thực hành

	1 (Lý thuyết mạng, LAN, WAN)	về hệ thống mạng máy tính. Thực hành các vấn đề liên quan đến hệ thống mạng LAN, WAN. Chuẩn đoán và xử lý các sự cố về hệ thống mạng.	1	2	
542.	**Lập trình Web**	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về mô hình hệ thống Web, nguyên tác hoạt động hệ thống web; về thiết kế website cũng như các kiến thức cơ bản liên quan đến ngôn ngữ siêu văn bản HTML và chương trình soạn thảo thiết kế web; Quản trị một webserver trên hệ thống máy chủ webserver,… Từ đó, giúp cho sinh viên có những nhận thức về tầm quan trọng của việc thiết kế chức năng và giao diện của một trang web; hiêu quả của việc tạo ra một website có chức năng phù hợp; nhận thức và đánh giá sâu về vấn đề an ninh bảo mật thông tin trên web, vai trò quan trọng của người quản trị website.	1	2	Thực hành
543.	**Trí tuệ nhân tạo**	Môn học cung cấp các kiến thức nền tảng trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo bao gồm các phương pháp giải quyết vấn để sử dụng phương pháp tìm kiếm, các chiến lược tìm kiếm có kinh nghiệm, tìm kiếm thỏa mãn ràng buộc, tìm kiếm có đối thủ trong trò chơi, các phương pháp biểu diễn tri thức và các giải thuật tìm kiếm trong không gian trạng thái. Môn học cũng giới thiệu với người học ngôn ngữ lập trình logic và giải thuật để chứng minh một mệnh đề là đúng.	3	0	Tự luận
544.	**Công nghệ phần mềm**	Học phần Công nghệ phần mềm là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức ngành của chuyên ngành			Tự luận

		Công nghệ thông tin ứng dụng, ngành Thông tin – Thư viện. Học phần được bố trí giảng dạy sau các học phần lập trình căn bản, cấu trúc dữ liệu giải thuật, cơ sở dữ liệu, phân tích và thiết kế hệ thống thông tin,... Học phần cung cấp cho sinh viên các quá trình phát triển, các yêu cầu và đặc tả phần mềm, thiết kế phần mềm, kiểm tra chất lượng phần mềm, công cụ và môi trường phát triển phần mềm.	3	0	
545.	**Mạng máy tính 2 (Cấu hình thiết bị, Swicth)**	Nội dung chính của học phần này là khảo sát thành phần cấu trúc và hoạt động của router, đồng thời hướng dẫn người học cấu hình cơ bản cho router, kiểm tra truy cập và xử lý các sự cố cho router.	1	2	Thực hành
546.	**Mạng máy tính 3 (Quản trị Server)**	Nội dung chính của học phần này là Quản trị mạng là một công việc rất phức tạp, có liên quan đến hàng loạt vấn đề như: Quản lý lỗi, Quản lý cấu hình, Quản lý an ninh mạng, Quản lý hiệu quả, Quản lý tài khoản; Để làm được điều này một cách có hiệu quả phải theo dõi một cách toàn diện tình trạng hoạt động của mạng bằng cách sử dụng các nghi thức quản trị mạng.	1	2	Thực hành
547.	**Phát triển Website với phần mềm nguồn mở**	Học phần phát triển web mã nguồn mở cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng liên quan đến các vấn đề: Tìm hiểu và Khảo sát một hệ thống thực; Mô hình hóa hệ thống bằng các công cụ mô phỏng; Thiết kế và xây dựng chương trình; Kiểm thử và bảo trì hệ thống. Học phần tập trung vào 2 kỹ năng cơ bản: Phân tích thiết kế hệ thống hướng chức năng và hướng đối tượng	1	2	Thực hành

548.	**Kiến trúc máy tính**	Học phần kiến trúc máy tính nghiên cứu tổng quan chung về cấu trúc và chứng năng của máy tính; Lịch sử phát triển của máy tính; Hoạt động của hệ thống máy tính dựa trên các thành phần cấu trúc là bus, bộ xử lý, bộ nhớ, hệ thống vào-ra, tập lệnh. Các hệ thống số và biểu diễn dữ liệu trong máy tính; Kiến trúc tập lệnh trong máy tính; Hệ thống bộ nhớ RAM, ROM, bộ nhớ phân cấp...Các nguyên tắc tổ chức vào ra, chuyển giao dữ liệu và các chế độ chuyển giao; ổ đĩa và RAID.	3	0	Tự luận
549.	**Ứng dụng công nghệ thông tin trong doanh nghiệp**	Học phần Ứng dụng Công nghệ thông tin trong doanh nghiệp là học phần chuyên ngành cho sinh viên ngành Thông tin – Thư viện chuyên ngành Công nghệ thông tin ứng dụng gồm 6 lĩnh vực kiến thức về: Những vấn đề cơ bản về thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin trong doanh nghiệp; Giới thiệu tổng quan về Microsoft Excel 2010; Cơ sở dữ liệu trong excel như sắp xếp dữ liệu, lọc dữ liệu, các hàm trên cơ sở dữ liệu; Tổng hợp, phân tích và thống kê số liệu; Các hàm tài chính và Một số bài toán ứng dụng trong kinh doanh như: Bài toán dự báo kinh tế, Bài toán tìm mục tiêu, Bài toán qui hoạch tuyến tính, Bài toán phân tích tình huống, Bài toán phân tích độ nhạy, Bài toán tìm giao điểm của đường cung và đường cầu, Bài toán điểm hòa vốn.	1	2	Thực hành
550.	**Hệ quản trị cơ sở dữ liệu**	Học phần “Hệ quản trị cơ sở dữ liệu" là học phần chuyên ngành dành cho sinh viên ngành Thông tin –	1	2	Thực hành

		Thư viện (chuyên ngành Công nghệ thông tin ứng dụng) gồm 6 lĩnh vực kiến thức về: Tổng quan Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Access 2010 như Khái niệm cơ sở dữ liệu, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu, môi trường làm việc và các thành phần cơ bản của MS Access 2010; Xây dựng bảng bao gồm tạo bảng, trường và các thuộc tính, nhập liệu, mối quan hệ giữa các bảng; Truy vấn dữ liệu bao gồm Select Query, Crosstab Query; Xây dựng Form như khái niệm về Form, tạo Form, Kỹ thuật Main/Sub Form; Báo biểu (Report) và Macro – Tập lệnh.			
551.	**Ứng dụng công nghệ thông tin trong thư viện**	Học phần cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về ứng dụng tin học trong hoạt động thư viện, các phần mềm về thư viện như Greenstone, …các vai trò của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động thư viện, các lợi ích khi sử dụng các phần mềm cho hoạt động thư viện, ứng dụng một số phần mềm trong công tác hoạt động thư viện. Sau khi học xong sinh viên có thể cài đặt thêm ứng dụng phần mềm và sử dụng phần mềm Proshow Producer. Xây dựng video giới thiệu học liệu bằng phần mềm Proshow Producer.	1	2	Thực hành
552.	**Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác văn thư - lưu trữ**	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khả năng ứng dụng CNTT vào công tác Văn thư – Lưu trữ, trong đó trọng tâm đi sâu vào phần quản lý văn bản đi, đến trong công tác văn thư và quản lý tra tìm tài liệu lưu trữ trong công tác lưu trữ. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác lưu trữ văn thư đi và đến một cách khoa học và có hiệu quả.	1	2	Thực hành

553.	**Quản trị dự án tin học**	Học phần Quản trị dự án tin học là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức ngành của chuyên ngành Công nghệ thông tin ứng dụng, ngành Thông tin – Thư viện. Học phần Quản trị dự án tin học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Các khái niệm về Hệ thống, dự án và dự án CNTT; Phương pháp lập kế hoạch cho một dự án; Phương pháp kiểm soát và điều hành dự án tin học.	2	0	Tự luận
Bộ môn Thông tin – Thư viện					
554.	**Tra cứu tin**	Môn học Tra cứu tin cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tra cứu thông tin, bộ máy tra cứu thông tin, những kiến thức sâu về các dạng tra cứu thông tin, về hệ thống thông tin nói chung cũng như các kỹ năng tra cứu thông tin theo phương pháp truyền thống và hiện đại. Sinh viên sẽ được cung cấp các kiến thức để có khả năng đánh giá và thẩm định các nguồn tin cũng như các nguồn tra cứu truyền thống và hiện đại. Từ đó phổ biến thông tin đến người dùng tin. Ngoài các kiến thức và kỹ năng trên, sinh viên còn được trang bị kiến thức về Internet nói chung, các thư mục chủ đề và máy tìm tin cũng như các phương pháp tim tin một cách có hiệu quả với các cơ sở dữ liệu trên Internet.	1	2	Thực hành
555.		Môn học Thông tin học đại cương trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản và đại cương về thông tin và thông tin			Tự luận

	Thông tin học đại cương	học. Bao gồm: Khái niệm; Các hình thức chuyển tải và kỹ thuật lưu giữ thông tin; Các loại hình thông tin. Những vấn đề chung của thông tin học: Khái niệm, lịch sử hình thành & phát triển, nhiệm vụ & đối tượng nghiên cứu, những khái niệm, phạm trù và phương pháp nghiên cứu của thông tin học và mối quan hệ của thông tin học với các ngành khoa học khác. Vai trò của thông tin trong phát triển kinh tế, xã hội. Các vấn đề của thông tin trong đời sống kinh tế - xã hội phát triển. Hoạt động quản trị thông tin trong xã hội bao gồm vai trò, các phương thức quản trị thông tin và các hoạt động quản trị thông tin trong các cơ quan thông tin.	3	0	
556.	**Thư viện học đại cương**	Học phần cung cấp cho người học kiến thức về cơ sở lý luận thư viện học: đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, lịch sử thư viện học; mối quan hệ giữa thư viện học với các khoa học khác; các vấn đề lý luận về thư viện: khái niệm, các bộ phận cấu thành thư viện, lịch sử thư viện, các chức năng, nhiệm vụ và vai trò của thư viện; các nguyên lý tổ chức sự nghiệp thư viện Việt Nam; các hệ thống thư viện chủ yếu ở Việt Nam; đặc điểm, tính chất, xu thế phát triển của nghề thư viện	2	0	Tự luận
557.	**Thư viện trường học**	Học phần thư viện trường học là học phần cơ sở ngành Thông tin- Thư viện chuyên ngành Thông tin – thư viện cung cấp cho người học hệ thống các khái niệm khái niệm, chức năng, vai trò, mối quan hệ thư viện trường học và các quan điểm, nguyên tắc xây dựng phát triển thư viện	2	0	Tự luận

		trường học; Các tiêu chuẩn trong hoạt động thư viện trường học về cơ sở vật chất, về hoạt động nghiệp vụ, bảo quản, kiểm kê thanh lý tài liệu trong thư viện trường học; Kiến thức về công tác tổ chức phục vụ trường học và công tác tổ chức quản lý thư viện trường học.			
558.	**Xây dựng và phát triển nguồn lực thông tin**	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở lý luận cơ bản về xây dựng và phát triển nguồn tin trong hoạt động thông tin thư viện, những hình thức phát triển nguồn tin. Sinh viên giải quyết những công việc thực tiễn như: Bổ sung, trao đổi, thanh lọc và chia sẻ nguồn lực thông tin; đồng thời áp dụng công nghệ thông tin trong công tác phát triển nguồn tin truyền thống và hiện đại	3	0	Tự luận
559.	**Người dùng tin**	Học phần "Người dùng tin" cung cấp kiến thức cơ bản về người dùng tin, bạn đọc, công tác phục vụ người dùng tin…; vai trò, nhiệm vụ, các nguyên tắc của công tác phục vụ người dùng tin trong thư viện và trung tâm thông tin; các phương pháp nghiên cứu, khảo sát nhu cầu của người dùng tin trong xã hội. Tổ chức các dịch vụ thông tin thích hợp cho các nhóm người dùng tin. Tổ chức các hoạt động đào tạo người dùng tin giúp người dùng tin sử dụng nguồn lực thông tin một cách có hiệu quả nhất.	3	0	Tự luận
560.	**Sản phẩm và dịch vụ Thông tin – Thư viện**	Học phần Sản phẩm và dịch vụ thông tin - thư viện là học phần ngành Thông tin- Thư viện chuyên ngành Thư viện-Thiết bị trường học cung cấp cho người học hệ thống các khái niệm, lịch sử hình thành phát triển, mối quan hệ và vai trò của sản phẩm và dịch vụ trong hoạt động thông	3	0	Thực hành

		tin, thư viện. Các yếu tố bên ngoài và bên trong tác động tới sự phát triển của các sản phẩm và dịch vụ thông tin- thư viện cũng như xu thế phát triển của chúng. Kiến thức xây dựng và đánh giá các sản phẩm thông tin -thư viện truyền thống và hiện đại; Kiến thức tổ chức và đánh giá các dịch vụ thông tin - thư viện truyền thống và hiện đại. Cung cấp kiến thức khái niệm, các yếu tố và nội dung marketing sản phẩm thông tin- thư viện.			
561.	**Tổ chức & quản lí hoạt động thông tin – thư viện**	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở lý luận cơ bản về tổ chức và quản lý; các hình thức tổ chức và quản lý hoạt động thông tin thư viện ở nước ta. Sinh viên nắm vững giải quyết những công việc như: Lập kế hoạch, thống kê, xây dựng định mức lao động khoa học, quản lý ngân sách, tổ chức lao động khoa học... Đồng thời sinh viên nắm được phương hướng tổ chức và quản lý hoạt động thông tin thư viện tại hoạt động thông tin - thư viện truyền thống và hiện đại.	3	0	Tự luận
562.	**Những vấn đề cơ bản về công tác thiết bị dạy học ở cơ sở giáo dục phổ thông**	Học phần "Những vấn đề cơ bản về công tác thiết bị dạy học ở cơ sở giáo dục phổ thông" nhằm bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng về công tác thiết bị dạy học ở cơ sở giáo dục phổ thông. Học phần này hướng đến 2 nội dung chính sau: - Vị trí, vai trò của công tác thiết bị dạy học, phân loại, đặc điểm, hình thức sử dụng các loại hình thiết bị dạy học ở cơ sở giáo dục phổ thông - Nghiệp vụ quản lý và nhiệm vụ của viên chức làm công	3	0	Tự luận

		tác thiết bị dạy học ở cơ sở giáo dục phổ thông.			
563.	**Thiết bị dạy học dùng chung ở cơ sở giáo dục**	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức tổng quan chung về hệ thống thiết bị dùng chung ở trường phổ thông; Khái quát về cấu tạo, tính năng, tác dụng, cách sử dụng, bảo dưỡng và bảo quản các thiết bị dùng chung trong nhà trường phổ thông. Sinh viên tự thực hành về sử dụng, bảo dưỡng và bảo quản các thiết bị dùng chung trong nhà trường; kĩ thuật kết nối các thiết bị.	3	0	Tự luận
564.	**Thiết bị dạy học dùng chung ở cở sở giáo dục**	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức tổng quan chung về hệ thống thiết bị dùng chung ở trường phổ thông; Khái quát về cấu tạo, tính năng, tác dụng, cách sử dụng, bảo dưỡng và bảo quản các thiết bị dùng chung trong nhà trường phổ thông. Sinh viên tự thực hành về sử dụng, bảo dưỡng và bảo quản các thiết bị dùng chung trong nhà trường; kĩ thuật kết nối các thiết bị.	3	0	Thực hành
565.	**Thiết bị dạy học Khoa học tự nhiên 1 (Vật lý công nghệ)**	Học phần Thiết bị dạy học Khoa học tự nhiên 1(Vật lý – Công nghệ) là học phần chuyên ngành thuộc chương trình đào tạo ngành Thông tin – Thư viện, Chuyên ngành Thư viện – Thiết bị trường học, gồm các lĩnh vực kiến thức: Tìm hiểu chương trình vật lý – Công nghệ; các loại hình Thiết bị sử dụng dạy học môn Vật lý – Công nghệ; Chức năng, nguyên tắc và quy trình thực hiện các thí nghiệm vật lý – Công nghệ; Nguyên tắc hoạt động, cấu tạo và tính năng của một số dụng cụ đo cơ bản sử dụng trong dạy học	2	2	Thực hành

		môn vật lý – Công nghệ; Nguyên tắc tổ chức quản lý, bảo quản và bảo dưỡng thiết bị dạy học vật lý – Công nghệ; Cách Lắp đặt, sử dụng thiết bị trong dạy- học môn vật lí – Công nghệ ở trường THCS, THPT;			
566.	**Thiết bị dạy học Khoa học tự nhiên 2 (Vật lý công nghệ)**	Học phần Thiết bị dạy học khoa học tự nhiên 2 (hóa, sinh) là học phần chuyên ngành thuộc chương trình đào tạo ngành thư viện – thiết bị trường học/ chuyên ngành Thư viện - Thiết bị trường học, gồm các lĩnh vực kiến thức: Tổng quan về thiết bị dạy học môn Thiết bị dạy học khoa học tự nhiên 2 (hóa, sinh), hướng dẫn sử dụng, bảo quản thiết bị dạy học môn Thiết bị dạy học khoa học tự nhiên 2 (hóa, sinh) và kĩ thuật làm việc trong phòng thí nghiệm, tổ chức quản lý thiết bị dạy học môn Thiết bị dạy học khoa học tự nhiên 2 (hóa, sinh) và thực hành pha chế dung dịch, chuẩn bị dụng cụ, hóa chất, sử dụng thiết bị dạy học theo một số bài thí nghiệm trong chương trình hóa học và sinh học phổ thông	2	2	Thực hành
567.	**Thiết bị dạy học Khoa học xã hội 1 (Văn, Sử, GDCD)**	Học phần Thiết bị dạy học các môn KHXH 1 là học phần chuyên ngành thuộc chương trình đào tạo Chuyên ngành Thư viện – Thiết bị trường học thuộc ngành Thông tin – thư viện. Học phần cung cấp cho SV những kiến thứ cơ bản về thiết bị dạy học các môn KHXH ở trường phổ thông (Bao gồm các môn Văn, Sử, Giáo dục công dân). Hệ thống thiết bị dạy học các môn KHXH 1 ở trường phổ thông theo danh mục tối thiểu do Bộ GD&ĐT ban hành. Cách sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ được một số thiết bị dạy học các môn KHXH 1. Từ đó, người	1	2	Thực hành

		học có thể vận dụng, thực hiện được công tác thiết bị dạy học các môn KHXH 1 ở trường phổ thông.			
568.	**Thiết bị dạy học Khoa học xã hội 2 (Văn, Sử, GDCD)**	Học phần Thiết bị dạy học Khoa học xã hội 2 (Địa lí) là học phần chuyên ngành thuộc chương trình đào tạo Chuyên ngành Thư viện – Thiết bị trường học thuộc ngành Thông tin – Thư viện. Học phần cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về thiết bị dạy học môn Địa lí ở trường phổ thông; Hệ thống thiết bị dạy học môn Địa lí ở trường phổ thông theo danh mục tối thiểu do Bộ GD&ĐT ban hành; Cách sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ được một số thiết bị dạy học môn Địa lí. Từ đó, người học có thể vận dụng, thực hiện được công tác thiết bị dạy học tại trường phổ thông	1	2	Thực hành
569.	**Thiết bị dạy học môn nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật)**	Học phần cung cấp cho SV những kiến thứ cơ bản về thiết bị dạy học môn Nghệ thuật ở trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông, hệ thống thiết bị dạy học môn nghệ thuật ở theo danh mục tối thiểu do Bộ GD&ĐT ban hành. Từ đó định hướng cách quản lý thiết bị dạy học hợp lý. Sau khi học xong sinh viên có thể bảo quản, sử dụng và bảo dưỡng các thiết bị dạy học các môn đặc thù ở trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông	2	2	Thực hành
570.	**Tự động hóa hoạt động thông**	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về tự động hóa và hiện đại hóa trong các khâu, các hoạt động nghiệp vụ của hoạt động thông tin – thư viện hiện đại, bao gồm: Nội dung và nguyên tắc của tự động hóa; ứng dụng công nghệ thông tin tại hoạt động thông tin – thư viện; hệ thống các phần mềm chuyên dụng, phân tích	1	1	Thực hành

	tin thư viện	các dự án mẫu về đầu tư công nghệ thông tin; các chuẩn công nghệ và chuẩn nghiệp vụ đang được áp dụng trong ngành Thông tin – thư viện; tìm hiểu các quy trình được tự động hóa trong hoạt động Thông tin – thư viện; các trang thiết bị đang được sử dụng hiện nay.			
571.	**Thống kê học**	Học phần cung cấp cho học sinh kiến thức cơ bản về thống kê học (các khái niệm, đối tượng nghiên cứu, chỉ tiêu thống kê, các loại thang đo,…). Qua đó, giúp cho học sinh tư duy, biết thu thập, tích lũy, xử lý và phân tích các dữ liệu số từ các hiện tượng, sự việc, tình hình xảy ra trong thực tế nhằm tìm hiểu bản chất và quy luật của các hiện tượng này. Đồng thời môn học này còn giúp sinh viên nắm được quá trình nghiên cứu thống kê; Cách thức trình bày các số liệu thống kê; Tóm tắt dữ liệu bằng các đại lượng thống kê (Số trung bình cộng, số trung vị, mốt, Phương sai và độ lệch chuẩn); Ước lượng thống kê và kiểm định giả thiết thống kê.	3	0	Tự luận
572.	**Lý luận và phương pháp công tác văn thư**	Học phần Lý luận và phương pháp công tác văn thư là học phần cơ sở ngành Thông tin – thư viện cung cấp cho người học hệ thống những kiến thức cơ bản về kỹ năng, nghiệp vụ công tác văn thư: các khái niệm, nội dung, đặc điểm, yêu cầu, vị trí, ý nghĩa của công tác văn thư và các kiến thức về nội dung nghiệp vụ văn thư bao gồm soạn thảo và ban hành văn bản, quản lý văn bản đến, quản lý văn bản đi, quản lý và sử dụng con dấu, lập hồ sơ và lưu hồ sơ, tài liệu vào cơ quan lưu trữ	2	0	Tự luận

573.	**Công tác văn thư lưu trữ**	Học phần cung cấp cho người học kiến thức về công tác văn thư lưu trữ; Kỹ năng thực hiện các quy trình nghiệp vụ văn thư và lưu trữ như: Quản lý văn bản đến, văn bản đi; lập hồ sơ và nộp lưu hồ sơ vào lưu trữ cơ quan; thu thập và bổ sung tài liệu lưu trữ; xử lý tài liệu lưu trữ; tổ chức lưu trữ, sử dụng tài liệu lưu trữ	3	0	Tự luận
574.	**Xử lý thông tin 1 (biên mục, phân loại tài liệu)**	Học phần Xử lý thông tin 1 là học phần ngành Thông tin- Thư viện chuyên ngành Thông tin – thư viện cung cấp cho người học hệ thống các khái niệm, chức năng, yêu cầu, quy trình và lịch sử hình thành phát triển xử lý thông tin. Cung cấp lý luận chung về khái niệm, tiêu chuẩn, quy tắc, khổ mẫu và phương pháp xử lý hình thức tài liệu/ biên mục tài liệu. Cung cấp kiến thức về khái niệm, vài trò, các bảng phân loại và phương pháp phân loại tài liệu. Cung cấp kỹ năng xử lý hình thức tài liệu/ biên mục tài liệu theo tiêu chuẩn ISBD, AACR2, RDA, MARC21 và kỹ năng phân loại tài liệu theo khung phân loại DDC, 19 lớp.	1	2	Tự luận
575.	**Xử lý thông tin 2 (Xử lý nội dung tài liệu)**	Học phần Xử lý thông tin 2 là học phần ngành Thông tin – Thư viện chuyên ngành Thư viện – Thiết bị trường học cung cấp cho người học hệ thống các khái niệm, vai trò, cấu trúc, phương pháp định chủ đề; khái niệm, vai trò, cấu trúc, phương pháp định từ khóa tài liệu; cung cấp kiến thức khái niệm, vai trò, cấu trúc, phương pháp biên soạn bài chú giải, biên soạn tóm tắt tài liệu; Cung cấp khái niệm, mục đích, đặc trưng và biên soạn bài tổng luận tài	1	2	Thực hành

		liệu. Cung cấp kỹ năng định chủ đề, định từ khóa tài liệu và biên soạn bài tóm tắt và chú giải tài liệu			
576.	**Thiết bị dạy học ở trường Tiểu học**	Học phần sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về thiết bị dạy học ở trường tiểu học. Từ đó định hướng công tác thiết bị dạy học tại trường tiểu học một cách hiệu quả và khoa học góp phần nâng cao chất lượng dạy học tại trường tiểu học.	3	0	Thực hành
577.	**Thiết bị dạy học thể dục thể thao**	Học phần Thiết bị dạy học Thể dục thể thao là học phần ngành Thông tin- Thư viện chuyên ngành Thư viện- Thiết bị trường học, gồm các lĩnh vực kiến thức: Tổng quan về thiết bị dạy học Thể dục thể thao, hướng dẫn sử dụng và bảo quản thiết bị dạy học Thể dục thể thao và thực hành chuẩn bị, sử dụng thiết bị dạy học thể dục thể thao trong chương trình giảng dạy môn thể dục ở trường phổ thông.	1	1	Tự luận
578.	**Thư viện số**	Học phần cung cấp những nội dung cơ bản về các khái niệm thư viện số; cơ sở hạ tầng thư viện số; sưu tập số; nguồn nhân lực và người dùng tin của thư viện số. Ngoài ra, môn học còn tập trung vào các kỹ năng thiết kế mô hình thư viện số, xây dựng dự án thư viện số, số hóa tài liệu và quản trị tài liệu số trên phần mềm DSpace. Trên cơ sở kiến thức và kỹ năng thư viện số nền tảng, sinh viên có thể tiếp tục tự nghiên cứu, tự học để phát triển tốt nghiệp vụ thư viện số.	1	1	Thực hành
579.	**Thông tin phục vụ lãnh đạo và quản lý**	Môn học cung cấp kiến thức về lý luận thông tin và quản lý; các cấp độ, loại hình thông tin lãnh đạo và quản lý. Nắm được vai trò, đặc điểm của thông tin trong công tác			Tự luận

		lãnh đạo và quản lý; các nguyên tắc, cơ sở khoa học và các bước thực hiện trong quá trình xây dựng hệ thống thông tin phục vụ lãnh đạo và quản lý. Từ đó rèn luyện cho sinh viên kỹ năng xử lý, phân tích, tổng hợp và xây dựng hệ thống thông tin phục vụ cho công tác lãnh đạo và quản lý	2	0	
580.	**Tổ chức cơ quan nhà nước**	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hệ thống các cơ quan nhà nước, địa vị pháp lý của các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương, từ đó có các nhận thức liên quan đến quá trình hoàn thiện các cơ quan nhà nước theo hướng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa	2	0	Thực hành
581.	**Nhập môn công tác văn thư**	Học phần Nhập môn công tác văn thư là học phần chuyên ngành Văn thư - Lưu trữ thuộc ngành Thông tin – thư viện cung cấp cho người học hệ thống những kiến thức cơ bản chung nhất về công tác văn thư: các khái niệm, đặc điểm, yêu cầu, vị trí, ý nghĩa của công tác văn thư. Các kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển của công tác văn thư và tìm hiểu công tác văn thư hiện nay ở Việt Nam.	3	0	Tự luận
582.	**Lưu trữ học**	Môn học Lưu trữ học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lưu trữ học. các quy trình nghiệp vụ cụ thể của công tác lưu trữ như: thu thập và bổ sung tài liệu lưu trữ ; xử lý tài liệu lưu trữ; tổ chức lưu trữ, sử dụng tài liệu			Tự luận

		lưu trữ. Môn học giúp cho hoạt động nghiên cứu, tổ chức, cải cách hành chính của các cơ quan đạt hiệu quả cao	3	0	
583.	**Nghiệp vụ văn thư 1 (soạn thảo, ban hành và quản lý văn bản)**	Học phần cung cấp cho người học kiến thức khái quát về hệ thống văn bản quản lý hành chính nhà nước và các quy định về thể thức trình bày, quy trình soạn thảo, ban hành và quản lý văn bản hành chính trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, tổ chức và doanh nghiệp hiện nay. Học phần trang bị cho người học kỹ năng soạn thảo các loại văn bản hành chính thông thường như: các quyết định (cá biệt), các loại báo cáo, công văn, kế hoạch công tác, thông báo, tờ trình, biên bản... cũng như trình tự ban hành và quản lý các văn bản trên theo đúng quy định của nhà nước.	3	1	Tự luận
584.	**Nghiệp vụ văn thư 2 (lưu trữ hiện hành)**	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về khái niệm, hồ sơ, danh mục hồ sơ, lập hồ sơ; vị trí của việc lập hồ sơ; tác dụng của việc lập hồ sơ; yêu cầu của hồ sơ được lập; lập hồ sơ trong môi trường mạng. Bên cạnh đó học phần đưa ra các phương pháp lập hồ sơ như: lập danh mục hồ sơ; lập hồ sơ công việc; lập hồ sơ điện tử; lập hồ sơ nguyên tắc; tổ chức lập hồ sơ nhân sự; lập hồ sơ trong cơ quan. Học phần cung cung cấp các kiến thức về trách nhiệm nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ cơ quan và phương pháp về nộp hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ cơ quan như: xác định thời hạn nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ cơ quan; thành phần hồ sơ, tài liệu nộp lưu vào lưu trữ cơ quan; tổ chức việc nộp lưu vào lưu trữ cơ quan.	2	2	Tự luận

585.	**Nghiệp vụ lưu trữ 1 (thu thập, xử lý tài liệu)**	Học phần cung cấp các kiến thức khái quát về một số khâu trong nghiệp vụ lưu trữ như xác định giá trị tài liệu; Thu nhập, bổ sung tài liệu lưu trữ; chỉnh lý tài liệu lưu trữ; các công cụ tra tìm tài liệu chủ yếu trong các lưu trữ. Bên cạnh đó học phần cung cấp các phương pháp về nghiệp vụ lưu trữ như: Tổ chức công tác xác định giá trị tài liệu; Thu thập, bổ sung tài liệu lưu trữ vào lưu trữ hiện hành và lưu trữ lịch sử; Chỉnh lý tài liệu lưu trữ.	2	2	Tiểu luận
586.	**Nghiệp vụ lưu trữ 2 (bảo quản tài liệu, khai thức sử dụng văn bản)**	Học phần cung cấp các kiến thức về khái niệm, ý nghĩa, nội dung, nguyên tắc, yêu cầu của một số khâu trong nghiệp vụ lưu trữ như thống kê tài liệu lưu trữ; bảo quản tài liệu lưu trữ; tổ chức và khai thác tài liệu lưu trữ. Các phương pháp thống kê tài liệu lưu trữ: Thống kê tài liệu lưu trữ hành chính; Thống kê tài liệu lưu trữ chuyên môn; Báo cáo thống kê tổng hợp; Bảo quản và sử dụng sổ sách thống kê. Phương pháp quản lý và tu bổ tài liệu trong kho lưu trữ: Sắp xếp tài liệu trong kho lưu trữ; tu bổ tài liệu lưu trữ. Các hình thức tổ chức và quản lý khai thác sử dụng tài liệu lưu trữ.	2	2	Thực hành
587.	**Lưu trữ tài liệu đa phương tiện**	Học phần Lưu trữ tài liệu đa phương tiện là học phần chuyên ngành văn thư- lưu trữ cung cấp cho người học hệ thống các khái niệm, loại hình, đặc điểm, nguyên tắc, phương pháp và tiêu chuẩn lưu trữ tài liệu đa phương tiện; Cung cấp phương pháp thu thập, bổ sung, phân loại và tổ chức lưu trữ tài liệu đa phương tiện; Cung cấp kiến thức tổ chức bảo quản, lưu trữ và khai thác sử dụng tài liệu đa phương tiện	3	0	Thực hành

588.	**Sử dụng và quản lý trang thiết bị văn phòng**	Học phần Sử dụng và quản lý trang thiết bị văn phòng là học phần chuyên ngành Văn thư – Lưu trữ cung cấp cho người học hệ thống khái niệm chung về các loại trang thiết bị văn phòng; chức năng, công dụng và cách sử dụng các loại thiết bị trong văn phòng; cung cấp kỹ năng sử dụng và bảo quản một số thiết bị công nghệ trong công tác hành chính văn phòng; kỹ năng khắc phục sự cố đơn giản thường gặp và cách thức bảo dưỡng, bảo trì thiết bị văn phòng: Máy in, máy photocopy, máy chiếu, hệ thống trang âm, máy scaner, máy vi tính và hệ thống mạng.	1	2	Thực hành
589.	**Quản lí nhà nước trong công tác văn thư - lưu trữ**	Học phần sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước trong công tác văn thư – lưu trữ. Từ đó hình thành quan điểm, bản lĩnh, trình độ, nghiệp vụ khi thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về văn thư – lưu trữ	3	0	Tự luận
590.	**Công tác văn thư - lưu trữ trong các doanh nghiệp**	Học phần Công tác văn thư - lưu trữ trong các doanh nghiệp là học phần chuyên ngành Thông tin – thư viện cung cấp cho người học hệ thống những kiến thức cơ bản về doanh nghiệp, loại hình doanh nghiệp, công tác văn thư trong các doanh nghiệp: khái niệm, nội dung, vị trí, ý nghĩa của công tác văn thư trong các doanh nghiệp, quản lý nhà nước về công tác văn thư, nội dung nghiệp vụ văn thư trong các doanh nghiệp. Công tác lưu trữ trong các doanh nghiệp: Khái niệm, đặc điểm công tác lưu trữ trong các doanh nghiệp Hoạt động nghiệp vụ của công tác lưu trữ trong cácdoanh nghiệp.	4	0	Thực hành

591.	**Công tác văn thư- lưu trữ trong các cơ quan Nhà nước**	Học phần Công tác văn thư - lưu trữ trong các cơ quan nhà nước là học phần chuyên ngành Thông tin – thư viện cung cấp cho người học hệ thống những kiến thức cơ bản về cơ quan nhà nước, công tác văn thư trong cơ quan nhà nước: khái niệm, nội dung, đặc điểm công tác văn thư trong cơ quan nhà nước, quản lý nhà nước về công tác văn thư, nội dung nghiệp vụ văn thư trong cơ quan nhà nước. Công tác lưu trữ trong cơ quan nhà nước: Khái niệm, đặc điểm công tác lưu trữ trong cơ quan nhà nước đặc biệt là trong cơ quan Đảng. Hoạt động nghiệp vụ của công tác lưu trữ trong cơ quan nhà nước	4	0	Tự luận
592.	**Tiêu chuẩn hóa trong công tác văn thư – lưu trữ**	Học phần tiêu chuẩn hóa trong công tác văn thư lưu trữ là học phần ngành Thông tin- Thư viện chuyên ngành văn thư lưu trữ cung cấp cho người học hệ thống các khái niệm, mục đích, đối tượng của tiêu chuẩn hóa và vai trò, nguyên tắc của tiêu chuẩn hóa trong công tác văn thư lưu trữ; Cung cấp các hệ thống văn bản pháp quy và các tiêu chuẩn trong công tác văn thư; Cung cấp các hệ thống văn bản pháp quy và các tiêu chuẩn trong công tác lưu trữ.	3	0	Tự luận
593.	**Nghiệp vụ thư kí văn phòng**	Học phần Nghiệp vụ thư ký văn phòng là học phần bắt buộc ngành Thông tin - Thư viện (chuyên ngành Văn thư lưu trữ) cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản về nghề nghiệp của người thư ký văn phòng như nghiệp vụ với công văn, giấy tờ; tiếp khách - đãi khách; thu thập, xử lý và cung cấp thông tin, tổ chức liên lạc cho lãnh đạo; nghiệp vụ chuẩn bị và tổ chức hội nghị; nghiệp vụ chuẩn bị, tổ chức chuyến đi	3	0	Tự luận

		công tác cho lãnh đạo; nghiệp vụ giao tiếp hành chính…nhằm giúp các em nắm vững nghiệp vụ, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp của người thư ký văn phòng nói riêng và cán bộ văn phòng nói chung.			
594.	**Nghiệp vụ quản trị văn phòng**	Học phần "Nghiệp vụ quản trị văn phòng" cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát về quản trị hành chính văn phòng. Đồng thời qua môn học sinh viên còn được trang bị những kỹ năng cơ bản trong hoạt động nghiệp vụ văn phòng. Những kiến thức về quản trị hoạt động hành chính trong các văn phòng là nền tảng hình thành kỹ năng phân tích, xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát cho việc điều hành và xử lý các công việc hành chính văn phòng nhằm phục vụ mục tiêu phát triển cơ quan, doanh nghiệp.	3	0	Tự luận
595.	**Lễ tân văn phòng**	Học phần Lễ tân Văn phòng là học phần chuyên ngành thuộc khôi kiến bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Thông tin thư viện (chuyên ngành Văn thư - lưu trữ). Học phần cung cấp những nội dung cơ bản về các khái niệm, nhiệm vụ, nguyên tắc cơ bản của công tác lễ tân văn phòng; Nghi thức lễ tân văn phòng trong công tác đón tiếp khách tại cơ quan doanh nghiệp, giao tiếp qua điện thoại tại nơi làm việc, thứ tự ngôi thứ trong các sự kiện và tiệc chiêu đãi ngoại giao; Ngoài ra, Học phần còn tập trung vào các kỹ năng, gồm : Kỹ năng xây dựng hình ảnh chuyên nghiệp, Kỹ năng đón tiếp khách, Kỹ năng sử dụng điện thoại tại nơi làm việc, Kỹ năng giải quyết phàn nàn cho khách và Kỹ naawngt phục vụ hội nghị,	1	1	Tự luận

		tiệc chiêu đãi ngoại giao.			
596.	**Tổ chức và bảo quản tài liệu**	Học phần "Tổ chức và Bảo quản tài liệu" cung cấp cho sinh viên: Các kiến thức cơ bản về khái niệm tổ chức vốn tài liệu, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tổ chức vốn tài liệu trong các cơ quan thông tin – thư viện; Cơ sở và cách phân chia các loại kho tài liệu trên phạm vi toàn quốc và trong một thư viện ; Các yêu cầu và phương pháp sắp xếp tài liệu trong một thư viện; Nhiệm vụ, quy trình và các phương pháp kiểm kê vốn tài liệu (cả phương pháp kiểm kê truyền thống và phương pháp kiểm kê hiện đại); Các kiến thức cơ bản về khái niệm, ý nghĩa và nhiệm vụ của công tác bảo tồn, bảo quản vốn tài liệu trong các cơ quan thông tin – thư viện; Các nhóm nguyên nhân gây huỷ hoại tài liệu; Nội dung công tác bảo quản vốn tài liệu trong các cơ quan thông tin – thư viện.	1	2	Tự luận
597.	**Thực tế chuyên ngành**	Học phần chuyên ngành sinh viên được tham quan, tìm hiểu thực trạng tổ chức hoạt động của các Trung tâm Thông tin, các hệ thống thư viện, các cơ quan văn thư lưu trữ, các trung tâm công nghệ thông tin hàng đầu trong nước và ngoài nước (nếu có điều kiện); Sinh viên nắm được các cách thức tổ chức hoạt động, quy trình nghiệp vụ thư viện, thiết bị trường học, văn thư lưu trữ và công nghệ thông tin ứng dụng trong các hoạt động tại các điểm mà sinh viên đến; Sinh viên tiếp cận công tác bổ sung, thu thập, xử lý, bảo quản, lưu trữ, khai thác sử dụng trong hoạt động nghiệp vụ thư viện, thiết bị trường	0	3	Thực hành

		học, văn thư lưu trữ và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của đơn vị.			
598.	**Thực tập cuối khóa**	Học phần thực tập chuyên ngành giúp sinh viên tìm hiểu, thực hành tổ chức hoạt động của các trung tâm Thông tin, các hệ thống thư viện, các cơ quan văn thư lưu trữ, các trung tâm công nghệ thông tin hàng đầu trong nước và ngoài nước (nếu có điều kiện); Sinh viên được thực hành tổ chức các quy trình hoạt động nghiệp vụ thư viện, thiết bị trường học, văn thư lưu trữ và công nghệ thông tin ứng dụng trong các hoạt động tại các điểm mà sinh viên đến; Sinh viên trực tiếp làm các công tác bổ sung, thu thập, xử lý, bảo quản, lưu trữ, khai thác sử dụng trong hoạt động nghiệp vụ thư viện, thiết bị trường học hoặc quản lý văn bản đến, đi, lập hồ sơ, lưu trữ, bảo quản hồ sơ trong hoạt động nghiệp vụ văn thư lưu trữ/ Sinh viên được thực hành ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của đơn vị.	0	5	Báo cáo
599.	**Báo cáo tốt nghiệp**	Báo cáo tốt nghiệp giúp sinh viên hình thành ý tưởng về vấn đề nghiên cứu, biết cách tổng hợp và vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề về hoạt động thư viện – thiết bị trường học, văn thư lưu trữ, công nghệ thông tin ứng dụng trong thực tiễn giáo dục hiện nay. Đây là kết quả của quá trình sinh viên vận dụng những kiến thức chuyên ngành để giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra, góp phần rèn luyện và nâng cao khả năng nghiên cứu khoa học của sinh viên.	0	7	Báo cáo

Giáo dục tiểu học					
600.	**Tâm lý học đại cương**	Học phần Tâm lý học đại cương giúp sinh viên hiểu và giải thích được bản chất của tâm lý người, vai trò của hoạt động và giao tiếp đối với sự hình thành và phát triển tâm lý, hoạt động nhận thức, tình cảm và các quy luật của đời sống tình cảm của con người, sự hình thành và phát triển nhân cách.Vận dụng kiến thức về tâm lý học đại cương vào trong học tập và thực tiễn cuộc sống .Khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm; khả năng tự học và tự nghiên cứu tự chịu trách nhiệm về việc lĩnh hội kiến thức tâm lý học , giải quyết các tình huống thực tế liên quan đến nội dung học tập môn học.Năng lực nghiên cứu về tâm lý học đại cương . Năng lực phản biện, đánh giá hiệu quả của bản thân, xây dựng kế hoạch rèn luyện và phát triển nhân cách một cách chủ động, tích cực.	2	0	Vấn đáp
601.	**Giáo dục học đại cương**	Học phần Giáo dục học đại cương giúp sinh viên nắm được những vấn đề chung của giáo dục học và vấn đề đổi mới giáo dục trên thế giới và ở nước ta hiện nay.Vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống dạy học, giáo dục khác nhau; biết giải quyết các tình huống sư phạm nảy sinh trong công tác giáo dục. Hình thành ý thức, tự trau dồi những phẩm chất đạo đức cần thiết của ngư¬ời giáo viên; hình thành, phát triển tình cảm, đạo đức, lý tưởng và kỹ năng nghề nghiệp cơ bản của người giáo viên; Phê phán những quan điểm sai lầm, tiêu cực trong công tác giáo dục;	2	0	Vấn đáp

		Xây dựng và tổ chức hoạt động giáo dục phù hợp đối với người học.Kỹ năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm; khả năng tự học và tự nghiên cứu tự chịu trách nhiệm về việc lĩnh hội kiến thức giáo dục học đại cương vào công tác giáo dục học sinh.Năng lực nghiên cứu về giáo dục học đại cương . Năng lực phản biện, đánh giá hiệu quả của bản thân trong việc tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục học sinh.			
602.	**Tâm lý học tiểu học**	Học phần Tâm lý học tiểu học giúp dinh viên hiểu và giải thích được đặc điểm phát triển tâm lý học sinh tiểu học, các hoạt động cơ bản của học sinh Tiểu học. Những nội dung cơ bản về tâm lý học dạy học, nhân cách của người giáo viên Tiểu học.Vận dụng kiến thức về tâm lý học tiểu học vào việc phân tích, giải thích các đặc điểm và quá trình phát triển tâm lý của học sinh tiểu học; Biết tổ chức các hoạt động phù hợp với tâm lý học sinh tiểu học.Khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm; khả năng tự học và tự nghiên cứu tự chịu trách nhiệm về việc lĩnh hội kiến thức tâm lý học tiểu học, giải quyết các tình huống thực tế liên quan đến nội dung học tập môn học.Năng lực nghiên cứu về tâm lý học tiểu học . Năng lực phản biện, đánh giá hiệu quả của bản thân, xây dựng kế hoạch rèn luyện và phát triển nhân cách người giáo viên tiểu học một cách chủ động, tích cực.	3	0	Vấn đáp
603.	**Giáo dục học tiểu học**	Học phần Giáo dục học tiểu học giúp sinh viên nắm được những vấn đề chung của giáo dục học tiểu học và các vấn đề	3	0	Vấn đáp

		lý luận về hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục ở trường tiểu học. Phân tích và vận dụng được những kiến thức cơ bản của giáo dục tiểu học: đặc điểm về nhà trường, người GV và học sinh tiểu học, những vấn đề cơ bản của phát triển giáo dục tiểu học hiện nay trên thế giới và ở Việt Nam; các vấn đề về tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục ở tiểu học vào thực tiễn ở trường tiểu học. Kỹ năng làm việc độc lập hoặc năng lực tổ chức, hợp tác, lãnh đạo hoạt động nhóm để giải quyết các vấn đề về lý luận và thực tiễn của giáo dục tiểu học; Năng lực giao tiếp với các đối tượng giáo dục để giải quyết các vấn đề trong công tác giáo dục tiểu học; Thiết kế được kế hoạch dạy học và giáo dục nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh nhằm thích ứng dần với công việc nghề nghiệp tương lai.Năng lực phân tích, đánh giá, trình bày, đề xuất, bảo vệ các ý tưởng về các vấn đề lý luận và thực tiễn giáo dục tiểu học; Năng lực tìm hiểu học sinh và xây dựng môi trường giáo dục tích cực; Năng lực phản biện, đánh giá hiệu quả của bản thân trong việc tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục học sinh tiểu học.			
604.	**Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học**	Học phần Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học giúp sinh viên hiểu và giải thích được khái niệm,đặc điểm, mục tiêu và nội dung; các hình thức và phương pháp hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học. Quy trình tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học. Vận dụng thiết kế và tổ chức được các hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học. Xây dựng được cách thức đánh giá kết quả	1	2	Thực hành

		hoạt động trải nghiệm phù hợp với từng hoạt động của học sinhKhả năng làm việc hợp tác nhóm hiệu quả, biểu đạt được các kỹ năng thuyết trình, tổ chức, biểu diễn... Liên hệ được các kiến thức khoa học với thực tiễn cuộc sống. Năng lực tự học, tự rèn luyện, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho bản thân, hoàn thành tốt các hoạt động giáo dục ở trường tiểu học nói chung.			
605.	**Sinh lý học tiểu học**	Học phần Sinh lý học tiểu học giúp sinh viên đạt được kiến thức về cấu tạo, chức năng, cơ chế sinh lý các cơ quan và hệ cơ quan trong cơ thể trẻ ở lứa tuổi Tiểu học.Vận dụng các kiến thức sinh lý học trẻ em lứa tuổi Tiểu học vào việc phân tích, giải thích cơ chế sinh lý các cơ quan và hệ cơ quan trong cơ thể trẻ và tìm hiểu các đặc điểm tâm lý trẻ em; có kỹ năng chăm sóc và giáo dục trẻ em một cách khoa học phù hợp với lứa tuổi. Khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm; khả năng tổ chức, hướng dẫn và tương tác trong hoạt động nhóm của tổ chuyên môn; khả năng tự học, tự nghiên cứu, tự chịu trách nhiệm vè việc lĩnh hội kiến thức sinh lý trẻ em lứa tuổi Tiểu học để tổ chức tốt các hoạt động giáo dục ở trường Tiểu học. Năng lực phản biện, nghiên cứu, quan sát, tìm hiểu sự phát triển sinh lý trẻ em lứa tuổi Tiểu học để điều chỉnh chế độ chăm sóc giáo dục đạt hiệu quả cao nhất. Năng lực đánh giá được hiệu quả công việc của bản thân trong việc tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.	2	0	Tự luận

606.	**Cơ sở tự nhiên và xã hội**	Học phần Cơ sở tự nhiên và xã hội giúp sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về sinh học, vật lí, hoá học, lịch sử, địa lý và xã hội có liên quan đến chương trình dạy học các môn học về Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học. Vận dụng được kiến thức đã học vào quá trình dạy học các môn TN-XH ở tiểu học, trình bày kiến thức cơ bản TN&XH. Kỹ năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm; khả năng tự học và tự nghiên cứu tự lựa chọn các kiến thức và hình thức tổ chức dạy học có hiệu quả môn TN&XH. Năng lực nghiên cứu về TN&XH, cập nhật kiến thức mới, vận dụng linh hoạt và đánh giá hiệu quả của bản thân trong dạy học các môn TN &XH	2	0	Tự luận
607.	**Giao tiếp sư phạm tiểu học**	Học phần Giao tiếp sư phạm tiểu học giúp sinh viên đạt được kiến thức về khái niệm, đặc trưng, phân loại, chức năng, vai trò, nguyên tắc, phong cách giao tiếp sư phạm, phương tiện và quy trình giao tiếp sư phạm; các kỹ năng giao tiếp sư phạm; giao tiếp giữa giáo viên với học sinh tiểu học trên cơ sở đó hình thành kỹ năng xử lý tình huống sư phạm tiểu học có hiệu. Vận dụng kiến thức giao tiếp sư phạm vào việc phân tích, giải thích những đặc trưng, nguyên tắc, phong cách, kỹ năng giao tiếp sư phạm tiểu học. Hình thành kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và kỹ năng tự học và tự nghiên cứu, tự chịu trách nhiệm với hiệu quả trong tổ chức hoạt động giao tiếp với học sinh. Hình thành năng lực tổ chức, nghiên cứu, quan sát, đánh giá hiệu quả công việc bản thân, đồng nghiệp trong hoạt động giao tiếp.	1	1	Vấn đáp

		Điều chỉnh các hoạt động giao tiếp cho phù hợp với tình huống và đối tượng giao tiếp.			
608.	**Giáo dục đặc biệt**	Học phần Giáo dục đặc biệt giúp sinh viên đạt được kiến thức về Giáo dục đặc biệt và trẻ có nhu cầu Giáo dục đặc biệt; Đánh giá trong giáo dục đặc biệt; Xây dựng chương trình cá nhân, giáo dục chuyển tiếp cho trẻ khuyết tật và cách thức, phương pháp giáo dục trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt.Vận dụng kiến thức Giáo dục đặc biệt vào việc phân tích, giải thích những đặc điểm của trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt. Hình thành kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và kỹ năng tự học và tự nghiên cứu, tự chịu trách nhiệm với hiệu quả trong lập kế hoạch giáo dục cá nhan và tổ chức hoạt động giáo dục đặc biệt với học sinh có nhu cầu đặc biệt tiểu học. Hình thành năng lực tổ chức, nghiên cứu, quan sát, đánh giá hiệu quả công việc bản thân, đồng nghiệp trong hoạt động giáo dục trẻ đặc biệt lứa tuổi tiểu học. Điều chỉnh các hoạt động giáo dục cho phù hợp với tình huống và đối tượng giáo dục.	2	0	Vấn đáp
609.	**Giáo dục Âm nhạc ở tiểu học**	Học phần Giáo dục Âm nhạc ở tiểu học giúp sinh viên hiểu về vai trò của giáo dục âm nhạc đối với học sinh Tiểu học từ đó nắm bắt được nhiệm vụ của việc GDAN đối với HS TH Biết thực hành 1 số kỹ năng cơ bản của bộ môn âm nhạc; Kỹ năng tổ chức hoạt động Giáo dục âm nhạc trong giờ chính khóa và ngoại khóa cho HS. Kĩ năng làm việc cá nhân và nhóm trong quá trình tổ chức hoạt động GDAN. Giải quyết	0	2	Thực hành

		các vấn đề nảy sinh, tự định hướng, thích nghi trong nghề nghiệp			
610.	**Giáo dục Mỹ thuật ở tiểu học**	Học phần Giáo dục Mỹ thuật ở tiểu học giúp sinh viên nắm được kiến thức: Hiểu được một số loại hình mỹ thuật và một số phương pháp đặc trưng giảng dạy mỹ thuật. Soạn các bước triển khai một bài học cụ thể trong chương trình mỹ thuật ở tiểu học.Triển khai các dạng bài học trong chương trình mỹ thuật ở tiểu học.Thực hiện tốt các kĩ năng giao tiếp sư phạm, có kĩ năng truyền đạt nội dung chuyên môn về mĩ thuật với đồng nghiệp; có kĩ năng phối hợp làm việc nhóm trong các hoạt động giáo dục thẩm mĩ ở tiểu học. Có đạo đức nghề nhiệp, có thị hiếu thẩm mĩ đúng đắn, biết cảm thụ cái đẹp; có thái độ yêu thích, nghiêm túc, tích cực học tập và sáng tạo; có năng lực độc lập, tự chủ trong quá trình học và làm bài tập; có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kĩ năng nghề nghiệp.Kỹ năng: Sử dụng các kiến thức cơ bản của mĩ thuật vào các hoạt động giảng dạy, hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ; Thực hiện việc tổ chức, quản lí, điều hành các hoạt động giáo dục thẩm mĩ và đánh giá học sinh tiểu học. Thực hiện tốt các kĩ năng giao tiếp sư phạm để để truyền đạt nội dung kiến thức đối với học sinh, chuyên môn với đồng nghiệp trong quá trình giáo dục nghệ thuật ở tiểu học. Thái độ: Trân trọng quy luật của môn học áp dụng trong sáng tạo nghệ thuật.	0	2	Thực hành
611.	**Cơ sở toán học**	Học phần Cơ sở toán học của dạy học Toán ở tiểu học học 1	3	0	Tự luận

	của dạy học Toán ở tiểu học học 1	giúp sinh viên trình bày các khái niệm cơ bản về lý thuyết tập hợp, quan hệ, ánh xạ, các quy luật suy luận logic và lý thuyết xác suất, thống kê toán học.Giải quyết thành thạo các bài toán: chứng minh các đẳng thức tập hợp, bài toán suy luận và logic cơ bản, bài toán xác định số đặc trưng và vẽ biểu đồ của các số liệu thống kê.Khả năng giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình học tập. Năng lực tự học, tự nghiên cứu và tự kiểm tra đánh giá.			
612.	**Cơ sở toán học của dạy học Toán ở tiểu học 2**	Học phần Cơ sở toán học của dạy học Toán ở tiểu học 2 giúp sinh viên biết trình bày các khái niệm cơ bản về lý cấu trúc đại số, quy luật hình thành số tự nhiên cùng các phép toán và khái niệm, các quan hệ hình học và xác định các hình hình học.Giải quyết thành thạo các bài toán: chứng minh các bài toán về cấu trúc đại số, các tính chất của số tự nhiên và các mối quan hệ hình học. Khả năng giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình học tập. Năng lực tự học, tự nghiên cứu và tự kiểm tra đánh giá.	3	0	Tự luận
613.	**Dạy học phát triển năng lực Toán ở tiểu học**	Học phần Dạy học phát triển năng lực Toán ở tiểu học giúp sinh viên trình bày những vấn đề lí luận cơ bản về dạy và học phát triển năng lực, một số kỹ thuật và phương pháp tổ chức dạy học, đánh giá nhằm phát triển năng lực học Toán đối với học sinh tiểu học. Vận dụng một số kỹ thuật và phương pháp tổ chức dạy học nhằm phát triển năng lực học Toán đối với học sinh tiểu học vào hoạt động lập kế hoạch bài dạy. Khả năng tư duy sáng tạo; ý thức tự chủ trong hoạt	2	0	Tự luận

		động học tập và nghiên cứu. Tạo dựng sự kết nối giữa các ý tưởng toán học, giữa Toán học với thực tiễn, giữa Toán học với các môn học khác.Năng lực nghiên cứu, quan sát, đánh giá điều chỉnh kế hoạch dạy học phù hợp với đặc điểm phát triển năng lực học sinh và định hướng đổi mới phương pháp giáo dục hiện nay;			
614.	**Tiếng Việt 1**	Học phần Tiếng Việt 1 giúp sinh viên hiểu được một cách hệ thống những kiến thức cơ bản về đại cương tiếng Việt; Nắm được bản chất, chức năng và nguồn gốc vũng như sự phát triển của ngôn ngữ đến ngày nay.Phân loại và nghĩa của ngôn ngữ. Vận dụng kiến thức hình thành kỹ năng nhận diện và phân tích đặc điểm của các âm, các thanh và các kết hợp âm thanh trong tiếng Việt; Kỹ năng làm việc làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm và kỹ năng tự học và tự nghiên cứu tự chịu trách nhiệm với công việc được giao; khả năng phân loại và nhân diện ngữ nghĩa học.Năng lực: Nhận diện và phân tích đặc điểm của các âm, các thanh và các kết hợp âm thanh trong tiếng Việt; Năng lực nghiên cứu, phân loại ngôn ngữ tiếng Việt; Năng lực phân tích, nhận diện nghĩa của từ trong tiếng Việt.	1	1	Tự luận
615.	**Tiếng Việt 2**	Học phần Tiếng Việt 2 giúp sinh viên hiểu được một cách hệ thống những kiến thức cơ bản về ngữ âm tiếng Việt Ngữ âm và Ngữ âm học, các đơn vị ngữ âm, âm tiết tiếng Việt, hệ thống âm vị tiếng Việt hiện đại, một số vấn đề liên quan đến Ngữ âm học trong nhà trường); Nắm được các kiến thức cốt	2	1	Tự luận

		lõi của từ vựng- ngữ nghĩa tiếng việt (Từ và từ vựng, Từ vựng – Ngữ nghĩa học), đơn vị từ vựng, hệ thống từ vựng tiếng Việt. Vận dụng kiến thức hình thành kỹ năng sử dụng đúng từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt. Kỹ năng làm việc làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm và kỹ năng tự học và tự nghiên cứu tự chịu trách nhiệm với công việc được giao; khả năng sử dụng đúng ngữ âm, từ vựng Tiếng Việt.Năng lực: Năng lực nhận diện, phân định các các đơn vị ngữ âm, âm tiết tiếng Việt. Năng lực nghiên cứu, phân tích cấu tạo hệ thống âm vị tiếng Việt hiện đại. Năng lực phân tích, nhận diện các đơn vị từ vựng, hệ thống từ vựng tiếng Việt. Có kho từ vựng phong phú.			
616.	**Tiếng Việt 3**	Học phần Tiếng Việt 3 giúp sinh viên hiểu được một cách hệ thống những kiến thức cơ bản về ngữ âm tiếng Việt Ngữ âm và Ngữ âm học, các đơn vị ngữ âm, âm tiết tiếng Việt, hệ thống âm vị tiếng Việt hiện đại, một số vấn đề liên quan đến Ngữ âm học trong nhà trường); Nắm được các kiến thức cốt lõi của từ vựng- ngữ nghĩa tiếng việt (Từ và từ vựng, Từ vựng – Ngữ nghĩa học), đơn vị từ vựng, hệ thống từ vựng tiếng Việt; Vận dụng kiến thức hình thành kỹ năng sử dụng đúng từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt; Kỹ năng làm việc làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm và kỹ năng tự học và tự nghiên cứu tự chịu trách nhiệm với công việc được giao; khả năng sử dụng đúng ngữ âm, từ vựng Tiếng Việt.Năng lực: Năng lực nhận diện, phân định các các đơn vị ngữ âm, âm tiết tiếng Việt; Năng lực nghiên cứu, phân tích cấu tạo hệ	2	1	Tự luận

		thống âm vị tiếng Việt hiện đại; Năng lực phân tích, nhận diện các đơn vị từ vựng, hệ thống từ vựng tiếng Việt.Có kho từ vựng phong phú.			
617.	**Văn học 1**	Học phần Văn học 1 giúp sinh viên nắm vững kiến thức cơ bản về một số vấn đề lý luận văn học; hệ thống hóa được những kiến thức cơ bản nhất về văn học dân gian Việt Nam; đặc điểm và thành tựu của văn học viết Việt Nam qua các thời kỳ phát triển; Vận dụng một số kiến thức lý luận để phân tích tác phẩm văn học và phân tích các đặc trưng cơ bản của thể loại truyện cổ, thơ ca dân gian, đặc điểm, thành tựu cơ bản của văn học viết Việt Nam.Cảm nhận được cái hay, cái đẹp của tác phẩm văn học trong chương trình tiểu tiếng Việt tiểu học. Năng lực tư duy về kiến thức lý luận để phân tích tác phẩm văn học dân gian và văn học viết Việt Nam trong chương trình tiểu học. Năng lực cảm thụ cái hay, cái đẹp của ngôn từ nghệ thuật và tác phẩm văn chương.Năng lực tổ chức được cho học sinh đọc, cách kể, phân tích các tác phẩm văn học dân gian và văn học viết Việt Nam trong chương trình tiểu học..	3	0	Tự luận
618.	**Văn học 2**	Học phần Văn học 2 giúp sinh viên nắm vững kiến thức cơ bản về văn học thiếu nhi Việt Nam và văn học nước ngoài trong chương trình Tiếng Việt tiểu học. Hiểu được những nét đặc sắc của mảng văn học thiếu nhi được tuyển chọn trong sách giáo khoa Tiếng Việt tiểu học. Năng lực cảm thụ cái	2	0	Tự luận

		hay, cái đẹp của các tác phẩm văn học và vận dụng vào phân một số tác phẩm văn học thiếu nhi trong chương trình Tiếng Việt tiểu học. Năng lực chủ động và sáng tạo trong việc sử dụng các kiến thức và kĩ năng phân tích tác phẩm văn học vào hoạt động dạy học Tiếng Việt ở tiểu học. Năng lực cảm thụ cái hay, cái đẹp của ngôn từ nghệ thuật và tác phẩm văn chương. Năng lực tổ chức được cho học sinh đọc, cách kể, phân tích các tác phẩm văn học thiếu nhi Việt Nam và nước ngoài trong chương trình tiểu học..			
619.	**Dạy học phát triển năng lực Tiếng việt ở tiểu học**	Học phần Dạy học phát triển năng lực tiếng Việt tiểu học cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về các vấn đề chung về dạy học phát triển năng lực. Rèn luyện cho SV phương pháp dạy học ngữ văn theo yêu cầu phát triển năng lực ở tiểu học; phương pháp dạy học kiến thức tiếng Việt; Dạy đọc hiểu văn bản văn học; Dạy nói và nghe; Kiểm tra, đánh giá năng lực môn tiếng Việt ở tiểu học. Từ đó hướng tới hình thành và phát triển các năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học.	2	0	Tự luận
620.	**Phương pháp dạy học tự nhiên và xã hội ở tiểu học**	Học phần Phương pháp dạy học tự nhiên và xã hội ở tiểu học giúp sinh viên hiểu được các kiến thức cơ bản về chương trình, sách giáo khoa, sách giáo viên; hệ thống phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức và phương pháp kiểm tra đánh giá trong dạy học.Vận dụng được kiến thức đã học vào quá trình dạy học các môn: Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lý ở tiểu học. Khả năng làm	1	2	Thực hành

		việc nhóm, làm việc độc lập; có ý thức trách nhiệm và tự chủ với công việc được giao; khả năng lập kế hoạch, điều phối quá trình dạy học. Năng lực tự nghiên cứu, quan sát, đánh giá thực trạng và hiệu quả tổ chức dạy học, đánh giá năng lực, phẩm chất học sinh tiểu học.			
621.	**Đạo đức và phương pháp dạy học đạo đức ở tiểu học**	Học phần Đạo đức và phương pháp dạy học đạo đức ở tiểu học giúp sinh viên có được kiến thức cơ bản về đạo đức và các vấn đề cơ bản của Đạo đức học. Mục tiêu, nội dung chương trình, phương pháp, phương tiện dạy học, hình thức tổ chức dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Đạo đức ở tiểu học. Vận dụng các kiến thức cơ bản về đạo đức, đạo đức học, mục tiêu, nội dung chương trình, phương pháp, phương tiện dạy học, hình thức tổ chức dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Đạo đức ở tiểu học vào việc thiết kế, tổ chức hoạt động giáo dục và dạy học môn Đạo đức ở tiểu học. Kỹ năng sử dụng CNTT để thực hiện nhiệm vụ học tập; Kỹ năng giao tiếp, hợp tác, tự chủ và tư duy phê phán và giải quyết các vấn đề nảy sinh.	1	2	Thực hành
622.	**Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1**	Học phần Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1 giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về cơ sở lí luận, phương pháp dạy học, hình thức tổ chức và thiết bị dạy học Toán ở tiểu học; Vận dụng những kiến thức cơ bản đặc điểm dạy - học toán học, phương pháp, hình thức tổ chức và thiết bị dạy học vào việc thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học toán cụ thể ở	1	2	Thực hành

		tiểu học. Khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm theo yêu cầu của hoạt động dạy học Toán ở tiểu học và theo nhu cầu đổi mới giáo dục tiểu học hiện nay. Năng lực nghiên cứu, quan sát, đánh giá điều chỉnh kế hoạch dạy học phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ và định hướng đổi mới phương pháp giáo dục mầm non hiện nay;			
623.	**Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2**	Học phần Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2 giúp sinh viên có thể xác định mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học các mạch kiến thức về Toán theo chương trình sách giáo khoa Toán tiểu học; Hình thành và phát triển kỹ năng phân tích chương trình, thiết kế kế hoạch dạy học môn toán ở tiểu học. Khả năng thiết kê kế hoạch dạy học, thiết kế bài tập tương ứng và thực hiện các bước trong quá trình dạy học theo đúng yêu cầu về nội dung và phương pháp dạy học toán ở tiểu học. Năng lực nghiên cứu, quan sát, đánh giá điều chỉnh kế hoạch dạy học phù hợp với đặc điểm phát triển của học sinh và định hướng đổi mới phương pháp giáo dục hiện nay;	1	2	Thực hành
624.	**Công nghệ và phương pháp dạy học Công nghệ ở tiểu học**	Học phần Công nghệ và phương pháp dạy học Công nghệ ở tiểu học giúp sinh viên xác định rõ các yêu cầu về kiến thức, kĩ năng và giáo dục đối với từng lớp và với cả bậc học.Biết được đối tượng và nhiệm vụ của PPDH công nghệ ở tiểu học. Hiểu mối liên hệ giữa PPDH công nghệ ở tiểu học với các môn học khác. Nắm được phương pháp nghiên cứu của công nghệ và PPDH công nghệ.	1	2	Thực hành

625.	**Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm tiểu học**	Học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm tiểu học giúp sinh viên hiểu được cơ sở khoa học của việc rèn luyện nghiệp vụ sư phạm trong đào tạo giáo viên tiểu học, xác định được nội dung các kỹ năng nghề nghiệp và quy trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm. Sinh viên có kỹ năng trình bày bảng; Kỹ năng thuyết trình; Kỹ năng sử dụng thiết bị dạy học; Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.Có kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình và giải quyết các vấn đề nảy sinh.	0	4	Thực hành
626.	**Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1**	Học phần Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1 giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về đối tượng, nhiệm vụ của phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học; Đặc điểm của học sinh tiểu học trong quá trình chiếm lĩnh Tiếng Việt ở trường tiểu học; Mục tiêu, nội dung, nguyên tắc, phương pháp dạy học tiếng Việt ở trường tiểu học.Có năng lực tư duy linh hoạt, sáng tạo; phát hiện, phân tích và giải quyết vấn đề hiệu quả; làm việc nhóm, thuyết trình, lập kế hoạch và sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Năng lực nghiên cứu, quan sát, tìm hiểu và đánh giá mức độ phát triển Tiếng Việt của học sinh tiểu học; Năng lực làm việc độc lập, sáng tạo; ý thức tự học, tự nghiên cứu, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ.	0	2	Thực hành
627.	**Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2**	Học phần Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2 giúp sv có năng lực tổ chức quá trình chiếm lĩnh tiếng mẹ đẻ ở trường Tiểu học. Cụ thể: cung cấp cho sv hiểu biết về vị trí, nhiệm vụ, các cơ sở KH và các nguyên tắc dạy học tập đọc,	0	3	Thực hành

		Luyện từ và câu, Tập làm văn, kể chuyện; giúp cho sv nắm được Chương trình, nội dung, phương pháp tổ chức dạy học các phân môn này và trang bị cho sv kỹ năng tổ chức quá trình dạy học các nội dung này 1 cách khoa học và có hiệu quả.			
628.	**Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở tiểu học**	Học phần Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở tiểu học giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học, đặc biệt là đối với dạy học Tiểu học; Khả năng áp dụng kiến thức để thực hiện thiết kế bài giảng, khai thác ứng dụng phục vụ giảng dạy, kiểm tra đánh giá và phát triển tư duy trong học tập của học sinh Tiểu học. Khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm; khả năng tự học và tự nghiên cứu tự chịu trách nhiệm về việc ứng dụng CNTT vào công tác dạy học tiểu học. Năng lực nghiên cứu về CNTT ứng dụng trong GDTH. Năng lực phản biện, đánh giá hiệu quả của bản thân trong việc tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.	0	2	Thực hành
629.	**Tổ chức hoạt động âm nhạc ngoại khóa**	Học phần Tổ chức hoạt động âm nhạc ngoại khóa giúp sinh viên hiểu về các vấn đề cơ bản trong tổ chức hoạt động âm nhạc ngoại khóa. Áp dụng các kiến thức để tổ chức và biểu diễn các chương trình văn nghệ ở tiểu học.Hình thành kỹ năng biểu diễn và cách xây dựng. Năng lực đánh giá được hiệu quả công việc của bản thân và điều chỉnh kế hoạch rèn luyện phù hợp.	0	2	Thực hành

630.	**Mĩ thuật ứng dụng**	Học phần Mĩ thuật ứng dụng giúp sinh viên tiếp thu được một số vấn đề lý luận cơ bản của nghệ thuật tạo hình về trang trí ứng dụng, những kiến thức chung về môn về nghệ thuật điêu khắc, kiến thức cơ bản về nghệ thuật xếp dán, bố cục, về màu sắc và chất liệu. Sinh viên có năng lực vận dụng lý thuyết về bố cục để tạo được những bức tranh rõ về nội dung về hình thức thể hiện phù hợp với giáo dục mầm non. Nắm được các hình thức bố cục tạo hình để vận dụng vào các bài tập. Biết áp dụng các hình thức tạo hình phù hợp với cách tạo hình của trẻ em. Nắm được tương quan về mầu sắc biết sử dụng tốt các hoà sắc và cách sử dụng màu để thể hiện rõ và phù hợp với nội dung tranh xếp dán. Phân tích được hai thể loại chính trong điêu khắc: Tượng tròn, phù điêu và nắm được các kỹ thuật cơ bản về nặn tạo hình. Biết cách sử dụng các kỹ thuật khác nhau để tạo hiệu quả phong phú trong chất liệu giấy màu, biết vận dụng các chất liệu khác trong quá trình làm bài tập.	0	2	Thực hành
631.	**Nghiên cứu trí tuệ học sinh tiểu học**	Học phần Nghiên cứu trí tuệ học sinh tiểu học giúp sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản: Sự phát triển trí tuệ của học sinh tiểu học, đặc điểm nhận thức của học sinh tiểu học, trí thông minh và phương pháp dạy học kích thích não phải của trẻ, phát triển trí tuệ học sinh tiểu học theo mô hình đa trí thông minh, trắc nghiệm IQ.Vận dụng kiến thức về nghiên cứu trí tuệ học sinh tiểu học vào việc giảng dạy nhằm phát triển trí tuệ cho học sinh tiểu học .Khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm; khả năng tự học và tự nghiên cứu	2	0	Tự luận

		tự chịu trách nhiệm về việc lĩnh hội kiến thức nghiên cứu trí tuệ học sinh tiểu học , giải quyết các tình huống thực tế liên quan đến nội dung học tập môn học.Năng lực nghiên cứu về trí tuệ học sinh tiểu học . Năng lực phản biện, đánh giá hiệu quả của bản thân, xây dựng kế hoạch rèn luyện và phát triển nhân cách một cách chủ động, tích cực.			
632.	**Đánh giá trong giáo dục tiểu học**	Đánh giá trong giáo dục tiểu học là một học phần gồm 2 tín chỉ, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo giáo viên. Nội dung của học phần cung cấp cho người học hệ thống những tri thức cơ bản về: Những vấn đề chung về đánh giá kết quả giáo dục; Nội dung đánh giá kết quả giáo dục ở tiểu học; Quy trình đánh giá chất lượng giáo dục tiểu học; Phương pháp đánh giá kết quả giáo dục tiểu học; Hình thức đánh giá kết quả giáo dục tiểu học. Từ đó hình thành, phát triển kỹ năng đánh giá học sinh tiểu học của người giáo viên.	2	0	Tự luận
633.	**Dạy luyện viết ở tiểu học**	Học phần Dạy luyện viết ở tiểu học giúp sinh viên ap dụng được kiến thức ngành vào việc lựa, ứng dụng trong việc xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức và cách đánh giá các hoạt động dạy học ở trường tiểu học. Kĩ năng lập kế hoạch, tổ chức và triển khai hoạt động giáo dục phù hợp. Hình thành được năng lực sư phạm cần thiết để tổ chức và đánh giá các hoạt động giáo dục. Thực hiện nhiệm vụ thể hiện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, tự chịu trách nhiệm đối với	0	2	Thực hành

		công việc được giao.			
634.	**Giáo dục STEM ở tiểu học**	Học phần Giáo dục STEM ở tiểu học giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về Giáo dục STEM cấp tiểu học: Khái niệm, mục tiêu, vai trò, quy trình, hình thức tổ chức hoạt động STEM ở cấp tiểu học; Xây dựng và tổ chức dạy học chủ đề STEM cấp tiểu học, định hướng lựa chọn chủ đề STEM tiểu học.Kĩ năng lập kế hoạch, tổ chức và triển khai hoạt động giáo dục STEM cấp tiểu học. Hình thành được năng lực sư phạm cần thiết để tổ chức và đánh giá các hoạt động giáo dục STEM. Thực hiện nhiệm vụ thể hiện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, tự chịu trách nhiệm đối với công việc được giao.	1	1	Tự luận
635.	**Kiến tập sư phạm**	Học phần Kiến tập sư phạm giúp sinh viên có thêm những hiểu biết, kiến thức về hoạt động giáo dục ở các lĩnh vực phát triển trẻ lứa tuổi mầm non và vận dụng được kiến thức đó vào thực tiễn tổ chức hoạt động giáo dục cho dục học sinh Tiểu học. Năng lực: Có khả năng lập kế hoạch giáo dục trẻ, tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục cho trẻ theo chương trình giáo dục Tiểu học mới. Rút kinh nghiệm về thực tiễn tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ ở trường Tiểu học ở 5 lĩnh vực phát triển.	0	3	Báo cáo
636.	**Thực tập sư phạm**	Học phần Thực tập sư phạm giúp sinh viên hoàn thiện những kỹ năng về công tác chủ nhiệm lớp, công tác giáo dục, nâng cao tình cảm, đạo đức nghề nghiệp. Giúp sinh viên có thêm những hiểu biết, kiến thức về hoạt động giáo	0	5	Báo cáo

		dục ở các lĩnh vực phát triển trẻ lứa tuổi Tiểu học và vận dụng được kiến thức đó vào thực tiễn tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ Tiểu học các độ tuổi. Sinh viên có năng lực cần đạt: Có khả năng soạn bài, lên lớp; tổ chức bài giảng; đánh giá kết quả học tập của học sinh Tiểu học. Có khả năng lập kế hoạch giáo dục trẻ, kỹ năng tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục cho trẻ theo chương trình giáo dục Tiểu học mới.			
637.	**Báo cáo tốt nghiệp**	Học phần Báo cáo tốt nghiệp giúp sinh viên nắm rõ các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục Tiểu học. Biết cách vận dụng các kiến thức về giáo dục mầm non để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn giáo dục. Sinh viên cần đạt năng lực: Có khả năng nghiên cứu khoa học độc lập, có thể triển khai đề tài nghiên cứu theo đúng yêu cầu (về hình thức, nội dung, chống đạo văn…).Có khả năng sưu tầm, phân tích, tổng hợp tài liệu… phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học Tiểu học.	0	5	Báo cáo
Sư phạm tin học					
638.	**Toán cao cấp**	Toán cao cấp nhằm cung cấp cho bạn đọc một cái nhìn tổng quan và chi tiết về các khái niệm và phương pháp trong Toán cao cấp. Qua việc tìm hiểu và áp dụng các khái niệm này, bạn sẽ phát triển khả năng tư duy logic, phân tích vấn đề một cách hệ thống, và giải quyết các bài toán phức tạp.	3	0	Tự luận

639.	**Toán rời rạc**	Toán rời rạc là cơ sở lý thuyết để biểu diễn và nghiên cứu các đối tượng rời rạc trong Khoa học và Kỹ thuật Máy tính, đặc biệt là về các vấn đề có tính trừu tượng, đó cũng là loại đối tượng đặc thù mà máy tính số có khả năng lưu trữ và xử lý một cách tốt nhất. Toán rời rạc là cơ sở toán học để mô hình hóa, hình thức hóa các hệ thống thông tin dựa trên máy tính một cách đúng đắn và hiệu quả. Những nội dung này rất quan trọng nhằm giúp sinh viên hiểu sâu về các khía cạnh trừu tượng trong cấu tạo và hoạt động của các hệ thống tính toán.	3	0	Tự luận
640.	**Đồ họa cơ bản**	Học phần cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về đồ họa cơ bản, các phương pháp, đặc trưng, nguyên tắc và xu hướng đồ họa cơ bản; quy trình đồ họa cơ bản từ việc lên ý tưởng, triển khai đến các kỹ thuật áp dụng cho việc đồ họa cơ bản.	1	2	Thực hành
641.	**Cơ sở đồ họa vi tính**	Học phần Đồ họa truyền thông cung cấp cho sinh viên kiến thức về kỹ thuật xử lý phần mềm đồ họa vi tính Photoshop, Illustrator… đây là phương tiện bổ trợ tạo hình cho thiết kế đồ họa chuyên nghiệp. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng xác định mục tiêu, lựa chọn phương pháp, giải pháp tối ưu trong ứng dụng Photoshop, Illustrator trong thiết kế in ấn, thiết kế đồ họa đa phương tiện và các đồ họa trực tuyến…thông qua các bài tập ở lớp và thực hành. Hướng dẫn sinh viên tham khảo, ý thức tìm hiểu nâng cao khả năng sử dụng phần mềm thiết kế Đồ họa.	1	2	Thực hành

642.	**Nguyên lý kiến trúc máy tính**	Học phần Nguyên lý kiến trúc máy tính là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức cơ sở. Học phần trang bị cho sinh viên một khối lượng kiến thức tương đối hoàn chỉnh về Kiến trúc máy tính. Học phần cung cấp các kiến thức, nguyên lý cơ sở về: Cấu tạo nguyên lý hoạt động của máy tính, Thiết kế bộ nhớ, thiết kế hệ lệnh, Bộ xử lý trung tâm CPU, Hệ thống vào ra, Một số kiến trúc máy tính hiện đại.	3	0	Tự luận
643.	**Ngôn ngữ hình thức và otomat**	Học phần Ngôn ngữ hình thức và Otomat là học phần bắt buộc đối với học viên thuộc nhóm Công nghệ thông tin. Học phần hướng tới trang bị cho học viên các khái niệm và định hướng của Otomat và ngôn ngữ hình thức. Chương 1 nhắc lại một số khái niệm toán rời rạc, tập hợp, ngôn biểu diễn thuật toán. Chương 2 giới thiệu về ngôn ngữ hình thức và văn phạm, biểu diễn phân loại ngôn ngữ. Chương 3 trình bày về otomata hữu hạn và các dạng thức otomata. Chương 4 giới thiệu về lớp ngôn ngữ chính quy, mối quan hệ giữa ngôn ngữ chính quy và otomat hữu hạn, các ứng dụng trong giải quyết các vấn đề toán học. Chương 5 giới thiệu về văn phạm phi ngữ cảnh. Các dạng chuyển đổi trong văn phạm phi ngữ cảnh. Chương 6. Otomata đẩy xuống và mối liên hệ với văn phạm phi ngữ cảnh. Chương 7. Máy Turing và các lớp ngôn ngữ. Ngoài ra, môn học trang bị khả năng tư duy, suy luận và định	2	0	Tự luận

		hướng nghiên cứu chương trình dịch, lý thuyết tính toán.			
644.	**Xác suất và thống kê**	Thống kê học là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành gồm các lĩnh vực kiến thức cơ bản về: thống kê học (các khái niệm, đối tượng nghiên cứu, chỉ tiêu thống kê, các loại thang đo,…) Qua đó, giúp cho học sinh tư duy, biết thu thập, tích lũy, xử lý và phân tích các dữ liệu số từ các hiện tượng, sự việc, tình hình xảy ra trong thực tế nhằm tìm hiểu bản chất và quy luật của các hiện tượng này. Đồng thời môn học này còn giúp sinh viên nắm được quá trình nghiên cứu thống kê; Cách thức trình bày các số liệu thống kê; Tóm tắt dữ liệu bằng các đại lượng thống kê (Số trung bình cộng, số trung vị, mốt, Phương sai và độ lệch chuẩn) ; Ước lượng thống kê và kiểm định giả thiết thống kê.	1	2	Tự luận
645.	**Tiếng Anh chuyên ngành công nghệ thông tin**	Học phần Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản về các thuật ngữ chuyên môn cơ bản, các cấu trúc câu thường gặp trong chuyên ngành công nghệ thông tin. Giúp người học hiểu được các văn bản về công nghệ thông tin. Biết vận dụng kiến thức chuyên ngành tiếng Anh để đọc và nghiên cứu các tài liệu tham khảo về CNTT, có khả năng đọc, dịch, viết, các tài liệu có liên quan đến chuyên ngành tương tác với các xu hướng CNTT mới trong ngôn ngữ tiếng Anh.	4	0	Thực hành
646.	**Phương pháp dạy học môn tin học**	Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức đại cương về phương pháp dạy học môn Tin học như: Đại cương về	1	3	Thực hành

		phương pháp dạy học bộ môn, Nhiệm vụ của môn phương pháp dạy học, Nội dung môn tin học trong nhà trường phổ thông, Chương trình môn tin học trong nhà trường phổ thông, một số phương pháp dạy học môn Tin học bao gồm các phương pháp dạy học truyền thống, các hoạt động dạy học và một số phương pháp dạy học tích cực, Một số kĩ thuật dạy học bộ môn Tin và tích hợp công nghệ trong dạy học			
647.	**Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm môn tin học**	Học phần này rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm, hình thành kỹ năng, thao tác nghề nghiệp, phương pháp tự học, vận dụng kiến thức tâm lý học, giáo dục học giải quyết các tình huống dạy học, giáo dục. Vận dụng cơ sở lý luận dạy học và lý luận giáo dục, các phương pháp dạy học tích cực để thiết kế bài giảng và rèn luyện kỹ năng dạy học, kỹ năng giáo dục,… Tìm hiểu về công tác giảng dạy phổ thông, công tác dạy và học, quản lý trường học. Giới thiệu các thiết bị công nghệ dùng chung trong trường học và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt đông dạy học.	0	4	Thực hành
648.	**Lập trình Python**	Học phần Lập trình Python giới thiệu về ngôn ngữ lập trình Python, trình soạn thảo, môi trường thông dịch và thực thi chương trình. Các kiến thức cơ bản về lập trình như biến, các cấu trúc và dữ liệu cơ bản, nhập xuất, bắt ngoại lệ, lập trình hướng đối tượng, tương tác với cơ sở dữ liệu. Ngoài lý thuyết, học phần còn giới thiệu các ví dụ minh họa ứng dụng Python trong lĩnh vực học máy, thiết kế game.	1	2	Thực hành
649.	**Lập trình Scratch**	Học phần Lập trình Scratch giới thiệu về ngôn ngữ lập trình Scratch bao gồm các chuyển động, đồ họa, âm thanh, hội	1	2	Thực hành

		thoại, cảm biến, biến nhớ, xâu ký tự,…Môn học sử dụng phương pháp kéo thả với các câu lệnh tạo nên các chuyển động hoạt hình ứng dụng trong kỹ năng thiết kế các chương trình, các trò chơi, phim hoạt hình,..			
650.	**Đồ họa ứng dụng**	Học phần Đồ họa ứng dụng là học phần kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Sư phạm tin học. Học phần trang bị các kiến thức có tính ứng dụng cao về đồ họa như thiết kế bìa sách, tạp chí, minh họa, ,.. Giúp sinh viên hiểu thêm một dạng ngôn ngữ đồ hoạ 2 chiều, phát huy sự hiểu biết tính độc lập sáng tạo. Sinh viên phải nghiên cứu nhiều các nền văn hóa các dân tộc Việt Nam, thế giới, tham khảo các mẫu bìa sách, bìa tạp chí, tem thư bưu chính.. trên thư viện trường, thư viện tỉnh , các đại lý sách khác,..	1	1	Báo cáo
651.	**Kiến tập sư phạm**	Kiến tập sư phạm là một học phần thuộc chương trình đào tạo, có giá trị giống như các học phần khác. Điều đáng chú ý là học phần này mang tính chất thực hành sư phạm được thực hiện tại trường phổ thông với sự chứng kiến, giám sát, đánh giá của tập thể giáo viên và học sinh trường phổ thông. Chính vì thế, trong khi thực hiện, mỗi giáo sinh sẽ nhận thức được sâu sắc hơn mối quan hệ biện chứng giữa lí luận và thực tiễn trong chương trình đào tạo. Thông qua việc thực hiện các hoạt động trong nội dung thực tập sư phạm, giáo sinh sẽ từng bước có được những kỹ năng nghề nghiệp cần thiết góp phần phát triển năng lực sư phạm của người giáo viên. Vì vậy, càng			Báo cáo

		tích cực tham gia vào các hoạt động thực tập sư phạm bao nhiêu thì giáo sinh càng nhanh chóng hình thành và phát triển tâm lí, ý thức, nhân cách người giáo viên bấy nhiêu.			
652.	**Thực tập sư phạm**	Thực tập sư phạm là một học phần được thực hiện ở kỳ học số VIII của khoá học, là một bộ phận quan trọng trong chức năng đào tạo nghề dạy học cho giáo sinh, là một mắt xích không thể thiếu trong quy trình đào tạo ĐHSP. Có thể nói, kết quả của hoạt động thực tập sư phạm sẽ góp phần tạo nên nền móng vững chắc cho giáo sinh thực sự bước vào nghề, có nhiều cống hiến tốt hơn cho xã hội. Thông qua hoạt động thực tiễn trong đợt thực tập sư phạm, giáo sinh sẽ thực sự hiểu rõ lí luận về quy trình công nghệ dạy học, giáo dục của người thầy giáo một cách sâu sắc, tự nhiên, cụ thể và sinh động. Đó cũng là con đường tốt nhất, một phương thức hay nhất để giáo sinh biến lí luận dạy học, lí luận giáo dục thành năng lực thực tiễn của bản thân.			Báo cáo
653.	**Báo cáo tốt nghiệp**	Giúp sinh viên vận dụng kiến thức nghề nghiệp đã học vào nghiên cứu vấn đề chuyên sâu trong công tác giảng dạy ở trường phổ thông. Năng lực đạt được: Sinh viên vận dụng kiến thức tự phân tích đánh giá các vấn đề về công tác giảng dạy môn tin học ở khối phổ thông. Kết thúc nghiên cứu sinh viên viết báo cáo khóa luận tốt nghiệp và được giảng viên hướng dẫn đánh giá.			

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1.	**Phát triển công nghiệp văn hóa**	2023	- Từ tháng 3/2023 đến tháng 8/2023: Triển khai biên soạn giáo trình - Tháng 9/2023: Tổ chức Hội đồng nghiệm thu giáo trình - Xin cấp giấy phép xuất bản (dự kiến): tháng 10/2023 - Xuất bản sách giáo trình (dự kiến): tháng 12/2023
2	**Chính sách an sinh xã hội**	2023	- Từ tháng 3/2023 đến tháng 8/2023: Triển khai biên soạn giáo trình - Tháng 9/2023: Tổ chức Hội đồng nghiệm thu giáo trình - Xin cấp giấy phép xuất bản (dự kiến): tháng 10/2023 - Xuất bản sách giáo trình (dự kiến): tháng 12/2023
3	**Tiếng Anh Du lịch**	2023	- Từ tháng 3/2023 đến tháng 8/2023: Triển khai biên soạn giáo trình - Tháng 9/2023: Tổ chức Hội đồng nghiệm thu giáo trình - Xin cấp giấy phép xuất bản (dự kiến): tháng 10/2023 - Xuất bản sách giáo trình (dự kiến): tháng 12/2023
4	**Mỹ thuật truyền thống Việt Nam, từ một hướng tiếp cận đương đại (Tập I. Bắc Bộ và Thanh -Nghệ -Tĩnh)**	2024	- Từ tháng 1/2024 đến tháng 6/2024: Triển khai biên soạn giáo trình - Tháng 7/2024: Tổ chức Hội đồng nghiệm thu giáo trình - Xin cấp giấy phép xuất bản (dự kiến): tháng 8/2024 - Xuất bản sách giáo trình (dự kiến): tháng 10/2024
5	**Xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa**	2024	- Từ tháng 1/2024 đến tháng 6/2024: Triển khai biên soạn giáo trình

			- Tháng 7/2024: Tổ chức Hội đồng nghiệm thu giáo trình - Xin cấp giấy phép xuất bản (dự kiến): tháng 8/2024 - Xuất bản sách giáo trình (dự kiến): tháng 10/2024
6	**Quản lý di sản văn hóa**	2024	- Từ tháng 1/2024 đến tháng 6/2024: Triển khai biên soạn giáo trình - Tháng 7/2024: Tổ chức Hội đồng nghiệm thu giáo trình - Xin cấp giấy phép xuất bản (dự kiến): tháng 8/2024 - Xuất bản sách giáo trình (dự kiến): tháng 10/2024

E. Công khai thông tin về đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Thạc sĩ	**Quản lý hoạt động biểu diễn nghệ thuật không chuyên trên địa bàn thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa**	Hà Trọng Nghĩa	PGS.TS Nguyễn Thị Lan Hương	- Từ việc đánh giá những mặt tích cực cũng như hạn chế trong công tác quản lý hoạt động biểu diễn nghệ thuật không chuyên trên địa bàn thành phố Thanh Hóa, luận văn đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác này trong giai đoạn hiện nay. - Thứ nhất: Kịp thời chỉ đạo, quán triệt thực hiện các chủ trương, chính sách. Đảng và nhà nước rất coi trọng công tác văn hóa, thể thao, gia đình, nhất là hoạt động văn nghệ quần chúng. Thứ hai: Xây dựng hệ thống văn bản từ quy hoạch đến chỉ đạo, từ thành phố đến cơ sở. Thứ ba: Thường xuyên gắn bó, phối hợp với Hội Văn

					học Nghệ thuật tỉnh trong tổ chức các hoạt động có sự tham gia của các diễn viên không chuyên hàng năm. Thứ tư: Hoạt động BDNT không chuyên đã phát triển mạnh cả về số lượng, phát hiện được các tài năng, năng khiếu nghệ thuật;phong trào nghệ thuật quần chúng các xã phường được nâng cao rõ rệt.... Kết quả của luận văn sẽ đưa ra một số giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý trong lĩnh vực biểu diễn nghệ thuật không chuyên trên địa bàn thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
2		**Xây dựng Văn hóa công sở ở Trung tâm Y tế huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa**	Nguyễn Thị Thu	TS. Nguyễn Văn Dũng	Với đối tượng và phạm vi nghiên cứu là văn hóa công sở tại Trung tâm Y tế huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, luận văn đã đạt được một số kết quả như sau: Từ phân tích các khái niệm: văn hóa, xây dựng văn hóa công sở trong TTYT, tiếp cận góc độ xây dựng văn hóa qua những văn bản pháp lý của Đảng và nhà nước quy định tại mỗi thời kỳ, đề tài đưa ra các nội dung xây dựng văn hóa công sở gồm văn hóa giao tiếp ứng xử, trang phục, bài trí công sở và vai trò của văn hóa công sở trong TTYT có tác động tích cực đến đời sống xã hội và cá nhân mỗi CBNV trong trung tâm. Tiếp tục cơ sở thực tiễn về văn hóa công sở, đề tài giới thiệu khái quát về Trung tâm Y tế huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Có thể nói cơ sở lý luận chung của chương 1 là nền tảng về lý thuyết, là cơ sở pháp lý để tiến hành việc thực hiện các nghiên cứu sâu hơn

					tại một địa điểm cụ thể. Từ cơ sở lý thuyết, tác giả đã phân tích, tổng hợp thực trạng văn hóa công sở tại Trung tâm Y tế huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Việc đánh giá thực trạng được phân tích thông qua các nội dung về công tác chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng công sở tại TTYT, các hoạt động xây dựng văn hóa công sở thông qua nội quy, quy chế làm việc của Trung tâm Y tế huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, các hoạt động giao tiếp ứng xử trong môi trường y tế, quy định về trang phục công sở, cách thức bài trí trụ sở làm việc và các biện phát tuyên truyền giáo dục xây dựng văn hóa công sở mà trung tâm đã áp dụng những năm gần đây. Đồng thời, bằng trách nhiệm và nghĩa vụ của người lãnh đạo, Ban giám đốc Trung tâm, trưởng các phòng, ban, đã liên tiếp tổ chức các buổi thanh kiểm tra các hoạt động xây dựng văn hóa của các đơn vị, cá nhân trong trung tâm, xử lý công khai các hành vi vi phạm, khen thưởng minh bạch các hành động tốt về xây dựng văn hóa trung tâm. Qua những vấn đề phân tích, tác giả cũng đã đưa ra những nhìn nhận, đánh giá về vấn đề thực hiện VHCS tại TTYT huyện Nông Cống, tác giả cũng đã rút ra những ưu điểm, nhược điểm trong quá trình xây dựng môi trường VHCS tại Trung tâm Y tế huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Trên cơ sở thực trạng văn hóa công sở đã phân tích, nội dung cuối tác giả tập trung phân tích các nhân tố ảnh

					hưởng tới quá trình xây dựng văn hóa công sở và quan điểm, mục tiêu xây dựng văn hóa công sở tại Trung tâm Y tế huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Đồng thời, tác giả đã đề xuất được 5 giải pháp nhằm tiếp tục hoàn thiện và xây dựng TTYT huyện Nông Cống thời gian tới: (1) Về ban hành các cơ chế, chính sách, văn bản; (2) Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến nhằm nâng cao nhận thức cho CBNVYT, NLĐ về VHCS; (3) Đổi mới phương pháp tổ chức, quản lý, điều hành hoạt động; (4) Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao thái độ phục vụ khám chữa bệnh của CBNV và (5) Tăng cường công tác thanh tra, khen thưởng, xử phạt. Văn hóa công sở trong TTYT là yếu tố quan trọng trong quá trình phát triển của một đơn vị đào tạo nguồn Nhân lực. Để xây dựng và phát triển VHCS tại TTYT theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp mà vẫn giữ được nét riêng truyền thống tôn sư trọng đạo, vì vậy, bản thân mỗi thành viên trong TTYT cần có trách nhiệm với bản thân và tập thể bằng những biểu hiện giản đơn thường ngày như thái độ giao tiếp ứng xử trong trung tâm, trang phục chỉn chu hay trách nhiệm với công việc… Trong cuộc sống hiện đại, VHCS đóng vai trò đặc biệt quan trọng, nó là yếu tố quan trọng để công sở hoạt động có hiệu quả. Vì vậy xây dựng VHCS trong các cơ sở y tế nói chung và xây dựng VHCS tại Trung tâm Y tế huyện

					Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa nói riêng không chỉ mang lại ý nghĩa thiết thực trong việc xây dựng tác phong, phong cách ứng xử văn hóa chuẩn mực của CBNV ngành y tế khi gặp gỡ, giải quyết công việc với người bệnh và người nhà bệnh nhân, mà còn mang lại sự hài lòng cho người học góp phần tạo dựng nên thương hiệu của TTYT và tạo nên một văn hóa riêng, đặc thù của công sở ngành y.
3		**Quản lý hoạt động Câu lạc bộ tại Nhà văn hóa thiếu nhi thành phố Thanh Hóa**	Phạm Đăng Thiên	PGS.TS. Lê Văn Tạo	Bên cạnh vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, sự điều hành của Nhà nước, sự phối kết hợp của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, Ban giám đốc NVHTN, Ban chủ nhiệm CLB và sự quan tâm, phối hợp kết hợp giữa các ban ngành đoàn thể các cấp và cộng đồng dân cư. Công tác quản lý hoạt động Câu lạc bộ tại Nhà văn hóa thiếu nhi thành phố Thanh Hóa đã đạt được nhiều kết quả đáng kể, được các cơ quan chức năng đánh giá cao và ngày càng tạo được sự tín nhiệm từ phía phụ huynh. Việc quản lý tốt hoạt động CLB NVHTN thành phố góp phần phát triển những hoạt động tích cực, hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực ngoài giờ học trong nhà trường phổ thông và là cách quản lý thời gian rảnh rỗi của thiếu nhi một cách hiệu quả nhất. Thông qua các hoạt động này, NVHTN thành phố đã góp phần tạo nguồn tài năng văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao cho thành phố. Bên cạnh những mặt tích cực đạt được trong quản lý hoạt động CLB tại NVHTN, tác giả luận văn cũng chỉ ra những

					hạn chế trong công tác tổ chức, quản lý và điều hành mô hình CLB tại đây, đồng thời chỉ ra những nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế. Từ việc khảo sát, đánh giá đúng thực trạng, chỉ ra những nguyên nhân chính là cơ sở quan trọng để tác giả đề xuất 05 nhóm giải pháp gồm: Huy động nguồn lực; Đổi mới về phương thức hoạt động của CLB; Đa dạng hóa các loại hình CLB; Phát triển công chúng tham gia CLB và Xây dựng thương hiệu cho các CLB tại NVHTN thành phố Thanh Hóa. Đây là những nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động của các CLB tại NVHTN thành phố, phát huy được thế mạnh của các CLB, thu hút đông đảo công chúng tham gia sinh hoạt để các CLB tại NVHTN thành phố Thanh Hóa thực sự là điểm đến hấp dẫn, là sân chơi bổ ích đối với các hội viên tham gia.
4		**Quản lý Nhà nước về thiết chế văn hóa trên địa bàn thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh**	Đỗ Văn Đạt	TS Ngô Hải Ninh	Khái quát cơ sở lý luận về thiết chế văn hóa và tổng quan về địa bàn thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, bao gồm: khái niệm, nội dung, vai trò của quản lý Nhà nước đối với thiết chế văn hóa. Trình bày những kết quả mà thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh đã đạt được trong công tác quản lý Nhà nước về thiết chế văn hóa. Tìm ra hạn chế, khó khăn và bất cập tại các công trình văn hóa. Qua đó, chỉ rõ nguyên nhân và định hướng khắc phục những tồn tại đối với hệ thống thiết chế văn hóa trên địa bàn.

					Đề xuất những giải pháp thiết thực nhằm nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước đối với hệ thống thiết chế văn hóa tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
5		**Quản lý di tích lịch sử khu văn hoá tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá**	Trịnh Thị Dung	PGS.TS Nguyễn Thị Thục	Luận văn đã hệ thống hóa tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận và pháp lý công tác quản lý di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh; đánh giá thực trạng, ưu điểm và hạn chế của công tác quản lý di tích lịch sử Khu Văn hóa tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh trên địa bàn thành phố Thanh Hóa; đề xuất các giải pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ và khai thác hữu hiệu di tích lịch sử Khu Văn hóa tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Thành Phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa . Di tích lịch sử Khu Văn hóa tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh là nơi lưu giữ nhiều hình ảnh, tư liệu, hiện vật quý giá về Bác và những thành tựu mà Đảng bộ và nhân dân xứ Thanh đã làm được theo lời di huấn của Người. Từ khi chính thức đi vào hoạt động nơi đây trở thành địa chỉ được nhân dân xứ Thanh và nhân dân mọi miền Tổ quốc đến báo công, dâng hương trong những sự kiện chính trị trọng đại của đất nước, quê hương. Hiện nay, Di tích lịch sử Khu văn hóa tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh đang gánh trọng trách trước xã hội trên cả hai vai: Bảo vệ giá trị lịch sử - văn hóa gắn với Bác Hồ kính yêu và phát huy giá trị trong giai đoạn hiện nay gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo

					đức, phong cách Hồ Chí Minh. Đặc biệt, từ khi Bộ Chính trị đẩy mạnh trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân việc "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh" theo tinh thần Chỉ thị 06-CT/TW (ngày 7/11/2006), Chỉ thị 03-CT/TW (ngày 14/5/2011) và Chỉ thị 05-CT/TW (ngày 15/5/2016) của Bộ Chính trị, thì nơi đây đã và đang trở thành một "trường học thực tiễn", một "địa chỉ đỏ" để giáo dục truyền thống lịch sử cách mạng, đạo đức, lối sống, phong cách theo tấm gương của Bác. Ngoài các phần Mở đầu, Kết luận, Phụ lục và Tài liệu tham khảo, nội dung luận văn bao gồm 3 chương như sau: Chương 1. Cơ sở lý luận về quản lý di tích lịch sử và tổng quan về Di tích lịch sử Khu Văn hóa tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa. Chương 2. Thực trạng công tác quản lý Di tích lịch sử Khu Văn hóa tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại thành phố Thanh Hóa, Thanh Hóa. Chương 3. Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý Di tích lịch sử Khu Văn hóa tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
6		**Quản lý hoạt động quảng cáo ngoài trời trên địa**	Dương Diễm Phương	TS. Trần Việt Anh	Hoạt động quảng cáo ngoài trời trên địa bàn Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu. Luận văn đã phản ánh được những kết quả trong công tác Quản lý hoạt động

		bàn Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu			quảng cáo ngoài trời trên địa bàn Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, góp phần xây dựng nền văn hóa TP Bạc Liêu trở thành nền tảng tinh thần, mục tiêu, động lực thúc đẩy, phát triển kinh tế- Xã hội toàn thành phố, theo đúng tinh thần chủ trương và sự chỉ đạo của các cấp…. (từ năm 2020 đến nay) ở các nội dung sau: -Quan điểm của Đảng và Nhà nước về xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển Văn hóa nói chung. -Những nội dung cơ bản của Quản lý hoạt động quảng cáo ngoài trời trên địa bàn Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu. -Thực trạng Quản lý hoạt động quảng cáo ngoài trời trên địa bàn Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu. Bên cạnh đó, tác giả đã chỉ ra được những hạn chế trong công tác Quản lý hoạt động quảng cáo ngoài trời trên địa bàn Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu. Đưa ra được nguyên nhân của những hạn chế đó. Trên cơ sở đánh giá được thực trạng để đề xuất phương hướng và một số giải pháp mang tính khả thi nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý. Bao gồm một số giải pháp cụ thể: + Xây dựng quy hoạch hoạt động quảng cáo ngoài trời + Quản lý các tác động từ hoạt động quảng cáo ngoài trời + Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật

					về quảng cáo ngoài trời. + Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực quản lý hoạt động quảng cáo ngoài trời + Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động quảng cáo ngoài trời.
7		**Quản lý hoạt động Trung tâm Văn hóa – Thể thao huyện Vĩnh Lợi tỉnh Bạc Liêu.**	Danh Thùy Dương	PGS.TS Nguyễn Thị Thục	Trong thời kỳ phát triển kinh tế - xã hội như hiện nay, đời sống và ý thức của người dân được nâng cao đáng kể. Trong bối cảnh đó, sinh hoạt văn hóa đã trở thành một nhu cầu thiết yếu không thể thiếu trong đời sống văn hóa tinh thần của người dân. Với sự gia tăng của thu nhập và mức sống, người dân ngày càng có nhu cầu cao hơn về việc tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao và giải trí. Các hoạt động văn hóa, thể thao và giải trí không chỉ giúp tăng cường đời sống văn hóa tinh thần của người dân, mà còn góp phần vào việc phát triển cộng đồng địa phương, thúc đẩy sự đoàn kết và giao lưu giữa các tầng lớp trong xã hội. Với ý nghĩa đó tác giả Luận văn đi sâu tìm hiểu thực trạng, đanh giá kết quả đạt được trong quản lý hoạt động của Trung tâm Văn hóa – thể thao huyện Vĩnh Lợi, từ đó rút ra những mặt đã làm được cũng như những hạn chế để làm cơ sở đề xuất những phương hướng và giải pháp để nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động của Trung tâm Văn hóa – thể thao huyện Vĩnh Lợi trong thời gian tới. Qua nghiên cứu cơ sở lý luận Chương 1 và thực trạng chương 2 cũng như phương hướng và giải pháp để nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động của Trung tâm Văn hóa –Thể thao huyện

					Vĩnh Lợi, tác giả đề xuất một số nhóm giải pháp để nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động của Trung tâm Văn hóa – Thể thao huyện Vĩnh Lợi trong thời gian tới như sau: - Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách. - Nhóm giải pháp về nâng cao chất lượng cán bộ - Đổi mới phương thức chỉ đạo, hướng dẫn các hoạt động của hoạt động Trung tâm Văn hóa - Thể thao. - Đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ thực hiện công tác về các hoạt động Trung tâm Văn hóa - Thể thao. - Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và thi đua khen thưởng. - Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các hoạt động Trung tâm Văn hóa - Thể thao
8		**Quản lý thiết chế văn hóa trong xây dựng NTM nâng cao trên địa bàn huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa**	Lê Vũ Hùng	PGS.TS Nguyễn Thị Thục	- Luận văn đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận chung về quản lý thiết chế văn hóa, xây dựng nông thôn mới nâng cao. Khái quát về hệ thống thiết chế văn hóa, sơ lược quá trình xây dựng Nông thôn mới nâng cao trên địa bàn huyện. - Phân tích thực trạng công tác quản lý thiết chế văn hóa trên địa bàn huyện Thiệu Hóa trên các nội dung: triển khai các chủ trương, chính sách về thiết chế văn hóa trong xây dựng Nông thôn mới nâng cao; quy hoạch hệ thống thiết chế văn hóa; quản lý nguồn nhân lực; tổ chức hoạt động nghiệp vụ tại các thiết chế văn hóa; quản lý, sử dụng nguồn kinh phí. Từ đó, tác giả đánh giá chung về công tác

					quản lý văn hóa: thuận lợi, khó khăn, hạn chế và kết quả đạt được, tìm ra nguyên nhân. Từ việc đánh giá chung về thực trạng, tìm ra nguyên nhân hạn chế, luận văn đưa ra các nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý thiết chế văn hóa trong xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa: về chủ thể quản lý; nguồn nhân lực; hoạt động thiết chế văn hóa; về quỹ đất và trang thiết bị; huy động vốn.
9		**Quản lý lễ hội Đền Nưa – Am Tiên, xã Tân Ninh, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa gắn với phát triển du lịch**	Lê Thị Hương	TS. Nguyễn Thị Trúc Quỳnh	Qua quá trình thực hiện đề tài "Quản lý lễ hội Đền Nưa – Am Tiên, xã Tân Ninh, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa gắn với phát triển du lịch" đã đạt được những mục tiêu nghiên cứu cụ thể như sau: Một là, luận văn đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về quản lý lễ hội và tổng quan về lễ hội đền Nưa – Am Tiên. Thông qua đó, luận văn đã định hướng khung lý thuyết nghiên cứu và giới thiệu đôi những đặc trưng về lễ hội. Hai là, luận văn đã phân tích thực trạng công tác quản lý lễ hội đền Nưa – Am Tiên. Qua phân tích thực trạng cho thấy công tác quản lý lễ hội đã có nhiều chuyển biến tích cực tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần khắc phục như: Năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý văn hóa; Công tác tuyên truyền gắn với phát triển du lịch còn hạn chế; Cơ sở vật chất phục vụ lễ hội vẫn còn bất cập, công tác thanh tra kiểm tra đã được thực hiện nhưng chưa có

					tính răn đe... Ba là, trên cơ sở những hạn chế tồn tại ở chỉ ra luận văn đã đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý lễ hội Đền Nưa – Am Tiên gắn với phát triển du lịch bao gồm: (i) Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ quản lý lễ hội; (ii) Tăng cường công tác tuyên truyền nhân dân trong việc phát huy giá trị của lễ hội; (iii) Thu hút nguồn lực để đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ lễ hội; (iv) Tăng cường công tác thanh tra kiểm tra trong quản lý lễ hội; (v) Tăng cường quản lý lễ hội gắn với phát triển du lịch.
10		**Quản lý di tích cấp quốc gia trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu**	Đỗ Phương Thái	TS Lê Thị Thảo	- Góp phần làm rõ một số vấn đề lý luận về công tác quản lý nhà nước đối với di tích cấp quốc gia trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. - Mô tả và đánh giá thực trạng công tác quản lý di tích cấp quốc gia trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu trong giai đoạn hiện nay. - Cung cấp một số kiến giải và giải pháp mang tính ứng dụng trong quá trình quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích, phục vụ nhiệm vụ xây dựng đời sống văn hóa ở tỉnh Bạc Liêu.
11		**Quản lý di tích lịch sử văn hoá trên địa bàn**	Đỗ Ngọc Anh	TS Hà Đình Hùng	- Luận văn đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận chung về quản lý các di tích lịch sử văn hoá. Khái quát về hệ thống các di tích lịch sử, sơ lược quá trình hình thành

		huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá gắn với phát triển du lịch			và phát triển các di tích trên địa bàn huyện. - Phân tích thực trạng công tác quản lý các di tích lịch sử văn hoá trên địa bàn huyện Thiệu Hóa trên các nội dung: triển khai các chủ trương, chính sách về thi hút nguồn lực về công tác phát triển du lịch trên địa bàn; quy hoạch các khu du lịch; quản lý nguồn nhân lực; tổ chức hoạt động nghiệp vụ tại các điểm di tích lịch sử văn hoá; quản lý, sử dụng nguồn kinh phí. Từ đó, tác giả đánh giá chung về công tác quản lý văn hóa: thuận lợi, khó khăn, hạn chế và kết quả đạt được, tìm ra nguyên nhân. Từ việc đánh giá chung về thực trạng, tìm ra nguyên nhân hạn chế, luận văn đưa ra các nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý các di tích lịch sử văn hoá gắn với phát triển dủ lịch trong giai đoạn hiện nay trên địa bàn huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa: về chủ thể quản lý; nguồn nhân lực; hoạt động du lịch; về công tác trung tu tôn tạo các di tích văn hoá; huy động vốn.
12		**Quản lý hoạt động của Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.**	Đỗ Ngọc Hoàn	TS Hà Đình Hùng	Để có thể đánh giá một cách toàn diện về hoạt động Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch (Trung tâm) huyện Cẩm Thủy cần có những nghiên cứu khách quan, tìm hiểu cụ thể phương thức quản lý hoạt động của Trung tâm, so sánh với một số Trung tâm khác trong và ngoài tỉnh để thấy được những ưu điểm và hạn chế trước thực trạng hiện nay, đồng thời đưa ra những giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Cẩm Thủy.

					Chính vì vậy tác giả Luận văn đã tập trung phân tích, đi sâu vào đề tài "Quản lý hoạt động của Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa" để nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động của Trung tâm Văn hóa ,Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Cẩm Thủy trong thời gian tới. Qua nghiên cứu cơ sở lý luận Chương 1 và thực trạng chương 2 cũng như phương hướng và giải pháp để nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động của Trung tâm Văn hóa ,Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Cẩm Thủy, tác giả đề xuất một số nhóm giải pháp để nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động của Trung tâm Văn hóa ,Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Cẩm Thủy trong thời gian tới như sau: - Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách về quản lý văn hóa. - Giải pháp về đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, bùng nổ công nghệ thông tin và truyền thông. - Giải pháp về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý văn hóa. - Nhóm giải pháp về đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn các hoạt động của hoạt động Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch. - Giải pháp tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và thi đua khen thưởng. - Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, xã hội hóa

					cho các hoạt động Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch.
13		**Xây dựng đời sống văn hóa ở thị trấn Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy, Tỉnh Thanh Hóa**	Nguyễn Tiến Thành	TS.Tạ Thị Thủy	Đề tài đã nghiên cứu 3 nội dung chính: (1). Nghiên cứu cơ sở lý thuyết về đời sống văn hóa, xây dựng đời sống văn hóa và vai trò, tác động của việc xây dựng đời sống văn hóa đối với sự phát triển KTXH của địa phương. (2). Làm rõ thực trạng công tác xây dựng ĐSVH trên địa bàn thị trấn Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. (3). Đề xuất phương hướng, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả việc xây dựng ĐSVH ở thị trấn Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa trong thời gian tới, từ đó góp phần vào sự phát triển chung của địa phương
14		**Quản lý hoạt động của Trung tâm Văn hóa ,Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa**	Lê Thị Thiết	TS Hà Đình Hùng	Để có thể đánh giá một cách toàn diện về hoạt động Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch (Trung tâm) huyện Lang Chánh cần có những nghiên cứu khách quan, tìm hiểu cụ thể phương thức quản lý hoạt động của Trung tâm, so sánh với một số Trung tâm khác trong và ngoài tỉnh để thấy được những ưu điểm và hạn chế trước thực trạng hiện nay, đồng thời đưa ra những giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Lang Chánh. Chính vì vậy tác giả Luận văn đã tập trung phân tích, đi sâu vào đề tài "Quản lý hoạt động của Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa" để nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động của Trung tâm Văn hóa

					,Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Lang Chánh trong thời gian tới. Qua nghiên cứu cơ sở lý luận Chương 1 và thực trạng chương 2 cũng như phương hướng và giải pháp để nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động của Trung tâm Văn hóa ,Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Lang Chánh, tác giả đề xuất một số nhóm giải pháp để nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động của Trung tâm Văn hóa ,Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện Lang Chánh trong thời gian tới như sau: - Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách về quản lý văn hóa. - Giải pháp về đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, bùng nổ công nghệ thông tin và truyền thông. - Giải pháp về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra văn hóa, gắn với trách nhiệm cá nhân và tổ chức khi để xảy ra sai phạm. - Giải pháp về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý văn hóa. - Nhóm giải pháp về đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn các hoạt động của hoạt động Trung tâm Văn hóa ,Thông tin, Thể thao và Du lịch. - Giải pháp tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và thi đua khen thưởng. - Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, xã hội hóa

					cho các hoạt động Trung tâm Văn hóa ,Thông tin, Thể thao và Du lịch .
15		**Quản lý nhà nước về văn hóa trên địa bàn phường Trường Sơn, TP Sầm Sơn trong giai đoạn hiện nay**	Hà Minh Anh	TS Hà Đình Hùng	Luận văn đã hệ thống hóa tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận và pháp lý công tác quản lý di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh; đánh giá thực trạng, ưu điểm và hạn chế của công tác quản lý nhà nước về văn hóa trên địa bàn phường Trường Sơn, TP Sầm Sơn; đề xuất các giải pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về văn hóa trên địa bàn phường Trường Sơn, TP Sầm Sơn. Phường Trường Sơn là cửa ngõ chính của thành phố Sầm Sơn, nằm tại khu vực duyên hải Bắc Trung Bộ của Việt Nam. Phía Đông và Nam của phường giáp Biển Đông, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế biển và du lịch. Phía Tây giáp phường Quảng Châu và phường Quảng Vinh, phía Bắc giáp phường Bắc Sơn, tất cả đều là các đơn vị hành chính của thành phố Sầm Sơn. Phường Trường Sơn - một phần không thể tách rời trong hình ảnh tươi đẹp và đa dạng về văn hóa của Thành phố Sầm Sơn. Với nền tảng lịch sử và văn hóa vô cùng đa dạng, phường đã tạo nên một không gian đặc biệt, đậm chất văn hóa và lịch sử đặc trưng của miền biển Việt Nam. Phương diện văn hóa của Phường Trường Sơn được thể hiện qua những di tích lịch sử quan trọng và đẹp mắt. Ba di tích đã được Nhà nước xếp hạng Quốc gia, bao gồm đền

					Độc Cước, đền Cô Tiên, và đền Tô Hiến Thành, cùng với di tích đền Hoàng Minh Tự đã được xếp hạng cấp tỉnh, tạo nên một không gian truyền thống và linh thiêng. Những ngôi đền này mang trong mình câu chuyện lịch sử và tâm linh sâu sắc, góp phần thể hiện tinh thần và lòng kính trọng của người dân địa phương đối với tổ tiên và văn hóa truyền thống. Ngoài các phần Mở đầu, Kết luận, Phụ lục và Tài liệu tham khảo, nội dung luận văn bao gồm 3 chương như sau: Chương 1. Cơ sở lý luận quản lý nhà nước về văn hoá và tổng quan về phường Trường Sơn, thành phố Sầm Sơn Chương 2. Thực trạng quản lý nhà nước về văn hoá trên địa bàn phường Trường Sơn, thành phố Sầm Sơn Chương 3. Phương hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về văn hoá trên địa bàn phường Trường Sơn, thành phố Sầm Sơn.
16		**Quản lý di tích bia và lăng mộ Lê Thì Hiến ở xã Thọ Phú, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá**	Hoàng Thị Dung	TS. Nguyễn Thị Trúc Quỳnh	Triệu Sơn là vùng đất có bề dày Lịch sử - Văn hóa, là vùng đất địa linh nhân kiệt. Người dân nơi đây có truyền thống yêu nước, huyện Triệu Sơn có nhiều tên làng, tên người, địa danh đã đi vào lịch sử văn hóa của quê hương đất nước, có nhiều di tich Lịch sử - Văn hóa. Cho đến nay, nhiều làng quê của huyện Triệu Sơn vẫn giữ được và phát huy những giá trị lễ hội truyền thống như Lễ hội Đền Nưa, Am Tiên - Thị trấn Nưa, Lễ hội đền Bà Triệu xã Vân Sơn,

					Lễ hội Chùa Lễ Động xã Thái Hòa, hội Chợ Chuộng xã Dân Lý…. Di tích bia và lăng mộ Lê Thì Hiến là một di tích lịch sử– văn hóa chứa đựng nhiều giá trị lịch sử - văn hóa to lớn. Đến với di tích chúng ta không chỉ tưởng nhớ công lao của một danh tướng với nhiều chiến công hiển hách trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước, mà còn là nơi lòng yêu nước được nhân rộng, tinh thần cộng đồng được nâng lên, mọi thành phần xã hội được gắn kết. Di tích không chỉ cung cấp những hiện vật lịch sử, những bài học kinh nghiệm mà qua đó còn giáo dục lòng yêu nước. Đó là lý do để chính quyền xã Thọ Phú cần bảo tồn và phát huy giá trị của di tích lịch sử - văn hóa bia và lăng mộ Lê Thì Hiến trong thời gian tới. Trãi qua thăng trầm của thời gian, hiện nay di tích gần như bị phá hủy hoàn toàn. Rất cần sự quan tâm của các cấp các ngành, các tấm lòng hảo tâm công đức để trùng tu, tôn tạo di tích ngày được khang trang hơn. Con người sống không thể không có niềm tin, nhưng niềm tin đó phải được xây dựng trên cơ sở nhận thức đúng đắn, được xử lý bằng tư duy khoa học, có tác động tích cực đến sự phát triển của cá nhân, để qua đó cả xã hội hướng đến điều thiện, điều lành. Bởi dù thế nào thì phúc lộc, sự bình an sẽ chỉ đến khi mỗi người luôn sống có đạo đức, cố gắng trau dồi, rèn luyện, lao động với tinh thần trách nhiệm, nỗ

					lực vun đắp cuộc sống gia đình, có trách nhiệm với con cái, với cộng đồng… để khi đến với di tích, đến với đền thờ tâm tình con người trở nên thanh thản hơn và yên vui hơn, chứ không còn phải tranh đua xô bồ như ngoài xã hội. Đó là giá trị to lớn mà chúng ta cần xây dựng và phát huy khi đến với di tích. Tuy nhiên, công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị của bia và lăng Lê Thì Hiến vẫn còn một số hạn chế như: : Sự quan tâm của các cấp ủy đảng, chính quyền, cộng đồng địa phương đối với di tích chưa được thường xuyên, chưa tương xứng với giá trị, công năng của di tích, trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý còn hạn chế, sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng còn hạn chế; việc đầu tư, tu bổ, tôn tạo di tích văn hóa chưa nhiều, chưa bài bản; việc bảo vệ, tôn tạo di tích bia và mộ Lê Thì Hiến, công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cộng đồng chưa đạt kết quả, công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm chưa chuẩn mực, còn nhiều hạn chế, thiếu quy hoạch tổng thể ... Tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm giúp các cơ quan quản lý của tỉnh Thanh Hóa và UBND huyện Triệu Sơn thực hiện tốt hơn nhiệm vụ quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn trong đó có di tích bia và lăng mộ Lê Thì Hiến. Kết quả của luận văn là sự kế thừa một số tài liệu có trước và những tìm hiểu, nghiên

					cứu đánh giá ban đầu của tác giả. Chắc chắn luận văn còn nhiều thiếu xót, xin được nghiên cứu, bổ sung để hoàn thiện. Hy vọng luận văn sẽ là một tài liệu có ích cho việc áp dụng trong quản lý di tích bia và lăng mộ Lê Thì Hiến cũng như sẽ cung cấp thêm những thông tin cho những ai quan tâm tới lĩnh vực này. Ngoài các phần Mở đầu, Kết luận, Phụ lục và Tài liệu tham khảo, nội dung luận văn bao gồm 3 chương như sau: Chương 1: Những vấn đề lý luận chung về quản lý di tích lịch sử và tổng quan về di tích bia và lăng mộ Lê Thì Hiến ở xã Thọ Phú, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa Chương 2: Thực trạng hoạt động quản lý di tích bia và lăng mộ Lê Thì Hiến ở xã Thọ Phú, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá Chương 3: Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý di tích bia và lăng mộ Lê Thì Hiến ở xã Thọ Phú, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá.
17		**Quản lý nhà nước về công tác gia đình trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu**	Nguyễn Tố Quyên	PGS.TS Nguyễn Thị Lan Hương	Luận văn góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác gia đình tại tỉnh Bạc Liêu. Luận văn cung cấp cái nhìn tổng quan QLNN về công tác gia đình trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, cùng những tư liệu thu thập được trong quá trình nghiên cứu sẽ góp phần làm phong phú nguồn tài liệu tham khảo và nội dung nghiên cứu liên quan đến QLNN về công tác gia đình.

					Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động quản lý, luận văn đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả QLNN công tác gia đình trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, cung cấp các cơ sở, cứ liệu khoa học giúp các cấp lãnh đạo của UBND tỉnh; Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch tỉnh Bạc Liêu có chủ trương, định hướng phù hợp đối với công tác QLNN về gia đình, qua đó thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu nhằm Nâng cao chất lượng, hiệu quả QLNN về công tác gia đình trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu. Nhìn chung, các gia đình ở Bạc Liêu thường theo xu hướng cơ cấu gia đình hạt nhân, chỉ có số gia đình ngay trung tâm thành phố Bạc Liêu do thiếu đất làm nhà họ mới sống gia đình "Tam đại đồng đường" hoặc "Tứ đại đồng đường", đặc biệt là gia đình người Hoa. Trong cơ chế thị trường ai cũng phải năng động vươn lên, nên các bậc cha mẹ luôn muốn con ra ở riêng khi lập gia đình để thuận lợi hơn cho việc tạo lập cuộc sống mới. Điều đó cho thấy gia đình ở Bạc Liêu đang đi vào mô hình hiện đại, nhỏ gọn, độc lập, tự chủ, phù hợp với xu hướng phát triển của xã hội. Ở đó, đôi vợ chồng toàn quyền quyết định cuộc sống, phát huy tính năng động của gia đình trẻ. Song, xu hướng gìn giữ truyền thống vẫn được tiếp tục tôn trọng, đó là nhu cầu đùm bọc, thương yêu lẫn nhau giữa các thế hệ, sự hỗ trợ cho nhau về tinh thần và vật chất.

					Qui mô gia đình ở Bạc Liêu còn lớn, theo truyền thống ở Bạc Liêu thường có nhiều thế hệ, theo các nhà nghiên cứu thì số người trung bình trong mỗi gia đình thường trên 10 người nhưng hiện nay số gia đình từ 4 đến 5 người là phổ biến và chiếm trên 52,75%. (Một số gia đình người Khmer thì nhiều hơn). Như vậy, số người trung bình trong các gia đình ở Bạc Liêu hiện nay chỉ bằng một nửa so với trước đây. Vì vậy, hiện nay gắn liền với yêu cầu giảm tỷ lệ sinh và nâng cao chất lượng cuộc sống, các gia đình đã quan tâm đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng con cái một cách toàn diện hơn; thực hiện sinh đẻ có kế hoạch đủ số con tạo điều kiện cho các thành viên trong gia đình được đầy đủ cả về vật chất lẫn tinh thần. Như vậy, gia đình Bạc liêu mang đặc trưng tổng quát của mô hình thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH. So với khu vực miền Tây Nam Bộ thì gia đình Bạc Liêu vừa có nét chung vừa có nét đặc thù. Hiện nay, phong trào xây dựng gia đình văn hóa lan tỏa rộng khắp trong toàn tỉnh. Với đặc điểm của gia đình Bạc Liêu hiện nay đòi hỏi mỗi người phụ nữ nơi đây cần phát huy thế mạnh cá nhân xây dựng gia đình mình đạt chuẩn "Gia đình văn hoá" góp phần vào việc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội tỉnh nhà, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu CNH, HĐH đất nước. Chương 2 đã phân tích và làm rõ được thực trạng QLNN về CTGĐ tỉnh Bạc Liêu trên các nội dung cụ thể: (i) Lập

					kế hoạch, xây dựng các thể chế và ban hành các văn bản chỉ đạo về gia đình; triển khai và thực hành các văn bản của Trung ương và tỉnh Bạc Liêu; (ii) Công tác chỉ đạo thực hiện các hoạt động về gia đình, các hình thức PBGDPL về gia đình được triển khai theo kế hoạch như: Tổ chức các hội nghị, hội thảo tập huấn; thực hiện các hoạt động thông tin, truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng; phát triển kinh tế hộ gia đình; được quan tâm phát triển hỗ trơ các mô hình trong phát triển kinh tế; bình đẳng giới đã có niều thay đổi song vẫn còn hiện tượng bất bình đẳng xảy ra trong gia đình do nhiều nguyên nhân tác động khách quan; phòng chống BLGĐ có xu hướng giảm xong vẫn còn hiện tượng BLGĐ bị xử lý hình sự. (iii) Công tác tổ chức kiểm tra, giám sát và đánh giá các hoạt động gia đình, được thực hiện theo quy định, kế hoạch kiểm tra được thực hiện theo kế hoạch. Chương 2 cũng đã phân tích được các ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân làm căn cứ đề xuất các giải pháp có tính khả thi ở chương 3.
18		**Chính sách đối với nghệ nhân thực hành di sản văn hóa trên địa bàn thành phố Móng Cái, tỉnh**	Đoàn Thị Huyền Tang	TS Ngô Hải Ninh	(1) Luận văn đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về nghệ nhân như khái niệm nghệ nhân, khái niệm di sản văn hóa, phân tích mối quan hệ giữa nghệ nhân và di sản văn hóa từ đó xác định vị trí, vai trò của người nghệ nhân ở lĩnh vực di sản văn hóa nói riêng và xã hội hiện nay nói chung. (2) Luận văn đã khái quát cơ sở lý luận về hoạt động

		Quảng Ninh.			quản lý Nhà nước trong công tác đối với nghệ nhân như ai quản lý, quản lý bằng hình thức gì, nội dung quản lý là gì. Đồng thời luận văn tìm hiểu và đánh giá thực tiễn công tác quản lý Nhà nước ở lĩnh vực di sản văn hóa (trong đó có nghệ nhân) của địa phương cụ thể là Thành phố Móng Cái (Quảng Ninh), đưa ra đánh giá kết quả thực tiễn về các mặt ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân. (3) Luận văn khảo sát thực tiễn về hoạt động của các nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể của Thành phố Móng Cái, tìm hiểu hoàn cảnh đời sống vật chất và tinh thần của các nghệ nhân, tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của các nghệ nhân đối với công tác quản lý Nhà nước, đưa ra đánh giá, chỉ ra những hạn chế và nguyên nhân trong hoạt động của các nghệ nhân thực hành di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn thành phố Móng Cái. (4) Luận văn đánh giá điều kiện thuận lợi và khó khăn của Thành phố Móng Cái trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý trong lĩnh vực di sản văn hóa nói riêng và hoạt động của các nghệ nhân nói chung như điều kiện tự nhiên, lịch sử, kinh tế, xã hội, tiềm năng… (5) Từ đánh giá thực tiễn về điều kiện thuận lợi cũng như khó khăn của Thành phố Móng Cái, kết hợp căn cứ vào phương hướng, chủ trương của Đảng - Nhà nước, luận văn đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách đối

					với nghệ nhân, giúp nâng cao đời sống cũng như hiệu quả hoạt động của các nghệ nhân trong lĩnh vực di sản.
19		**Quản lý nhà nước đối với các thiết chế văn hóa trên địa bàn phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hoá**	Lê Trà Giang	TS. Lê Văn Phong	Luận văn đạt được những kết quả như sau: Một là, luận văn đã hệ thống các kết quả nghiên cứu; cơ sở lý luận về quản lý nhà nước đối với thiết chế văn hóa gắn với đơn vị địa phương. Làm tiền đề để có thể xác định thực trạng hoạt động của các thiết chế văn hóa trên địa bàn phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa và nhiệm vụ nghiên cứu của quản lý nhà nước. Hai là, luận văn đã đánh giá thực trạng công tác quản lý hoạt động các thiết chế văn hóa cơ sở trên địa bàn phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa. Công tác quản lý thiết chế văn hóa cấp quốc gia tại phường Lam Sơn đã đạt được những kết quả toàn diện, điển hình trong công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng ngày càng lớn, công tác điều phối, quản lý, thực hiện và tổ chức các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao. theo thứ tự bánh táo. Coi trọng công tác chuyên môn, tăng cường đào tạo cán bộ, thực hiện công tác kiểm tra thường xuyên, liên tục, kịp thời chỉ ra những thiếu sót, sai phạm, quan tâm khen thưởng đoàn viên tốt, đảm bảo nhân rộng các điển hình. Tuy nhiên, công tác quản lý và tổ chức hoạt động của các thiết chế văn hóa trên địa bàn cũng bộc lộ một số hạn chế, như chất lượng đội ngũ, xã hội hóa nguồn lực, chưa

					thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia quản lý, tổ chức. Thích thú với hoạt động của hệ thống Cung Văn hóa... Những hạn chế, khó khăn nêu trên đòi hỏi sự vào cuộc kịp thời, nghiêm túc của cả hệ thống chính trị từ thành phố đến quận, huyện. Thông qua việc nghiên cứu thực trạng quản lý nhà nước đối với các thiết chế văn hóa ở phường Lam Sơn, TP. Thanh Hóa, tác giả sẽ đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước liên quan đến hoạt động văn hóa. Trở nên tốt hơn trong vài giờ tới. Ba là, trên cơ sở những hạn chế, luận văn đã đề xuất được các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với các thiết chế văn hóa trên địa bàn phường Lam Sơn. Đồng thời đã đưa ra một số kiến nghị, đề xuất đối với Nhà nước và đối với Sở VH, TT & DL Thanh Hóa.
20		**Quản lý di tích địa điểm khởi nghĩa Bà Triệu thị trấn Nưa, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa**	Nguyễn Thị Thắm	TS. Phạm Văn Tuấn	Trong những năm qua, nhất là từ khi Luật Di sản văn hóa được ban hành (có hiệu lực năm 2001 đến nay), công tác quản lý di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa có nhiều chuyển biến tích cực. Các di tích trọng điểm đã được quản lý, đầu tư trùng tu, tôn tạo, phát huy tác dụng nhằm đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của cộng đồng không chỉ trong địa phương mà còn trên cả nước. Tuy nhiên, công tác quản lý di tích vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế như: Việc chống xuống cấp, xử lý lấn chiếm đất đai, khoanh vùng bảo vệ di tích, có di tích bị

					mất cắp cổ vật, di vật; việc tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về quản lý di tích đến cộng đồng còn chưa thực hiện đầy đủ, chưa có kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện đồng bộ giữa các Bộ, ngành từ Trung ương đến địa phương… Trước thực trạng và sự cấp thiết của vấn đề nghiên cứu, trên cơ sở khoa học, thực tiễn, tiếp thu những công trình khoa học đi trước, là một người được học tập - nghiên cứu về văn hóa nên nhận thấy vai trò, tầm quan trọng của công tác quản lý nhà nước về di sản văn hóa của địa phương trong giai đoạn hiện nay là một việc làm cần thiết. Trên cơ sở những lý do trên, tôi quyết định chọn đề tài "Quản lý di tích địa điểm khởi nghĩa Bà Triệu thị trấn Nưa, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa" làm Luận văn thạc sỹ, chuyên ngành Quản lý văn hoá, tại Trường Đại học Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Thanh Hóa. Luận văn của tác giả được chia làm 3 chương: Chương 1: Cơ sở lý luận về quản lý di tích lịch sử văn hóa và tổng quan Di tích lịch sử địa điểm khởi nghĩa Bà Triệu. Trong chương này, tác giả hệ thống lại một số khái niệm về quản lý di tích, nội dung trong công tác quản lý di tích; nêu khái quát về di tích địa điểm khởi nghĩa Bà Triệu; Những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của di tích địa

					điểm khởi nghĩa Bà Triệu. Từ đó làm cơ sở để nghiên cứu các phần tiếp theo Chương 2: Thực trạng công tác quản lý tại Di tích lịch sử địa điểm khởi nghĩa Bà Triệu. Trong chương này, tác giả trình bày thực trạng công tác quản lý tại di tích lịch sử địa điểm khởi nghĩa Bà Triệu, thị trấn Nưa, huyện Triệu Sơn. Đồng thời đưa ra những nguyên nhân dẫn tới các tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý di tích để từ đó đề ra những giải pháp hiệu quả. Chương 3: Phương hướng và các giải pháp quản lý di tích lịch sử địa điểm khởi nghĩa Bà Triệu. Dựa trên cơ sở lý luận, thực trạng hoạt động quản lý di tích luận văn đã đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý di tích lịch sử địa điểm khởi nghĩa Bà Triệu; Nhóm giải pháp về chính sách; Nhóm giải pháp tăng cường tổ chức và triển khai thực hiện công tác quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị của di tích; Nhóm giải pháp tăng cường công tác Quản lý của Nhà nước đối với hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị tại di tích.
21		**Xây dựng nếp sống văn hóa cho đoàn viên, thanh niên phường Tân Sơn, thành phố**	Trần Huyền Trang	PGS.TS.Đoàn Văn Trường	Nếp sống, cùng với tư tưởng và đạo đức, được xem là những lĩnh vực then chốt của văn hóa. Xây dựng nếp sống lành mạnh, nếp sống văn minh là một trong những nội dung quan trọng của sự nghiệp xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Nếp sống văn hoá mà hạt nhân là các khuôn mẫu ứng xử và thể chế xã hội mang tính

		Thanh Hóa.			đặc trưng văn hóa điển hình đóng vai trò định hình và định tính cho nhân cách con người. Xây dựng một nếp sống Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, kế thừa những giá trị truyền thống, tiếp thu những tinh hoa trong lối sống tốt đẹp của các dân tộc trên thế giới vừa là mục tiêu, vừa là điều kiện để phát triển đất nước. Văn kiện Hội Nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khoá X khẳng định: "Tiếp tục xây dựng thế hệ thanh niên Việt Nam giàu lòng yêu nước, tự cường dân tộc; có đạo đức cách mạng, ý thức chấp hành pháp luật, sống có văn hoá, vì cộng đồng; có năng lực, bản lĩnh trong hội nhập quốc tế; kiên định lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; có sức khoẻ, tri thức, kỹ năng và tác phong công nghiệp trong lao động tập thể, trở thành những công dân tốt của đất nước". Phường Tân Sơn là một trong những địa bàn kinh tế phát triển trọng điểm của thành phố Thanh Hóa, có vai trò hết sức quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của thành phố. Để tiếp tục phát huy và đẩy mạnh hơn nữa lợi thế phát triển của đơn vị, trong thời gian tới vấn đề thiết yếu là phải phát huy được nguồn lực con người - nguồn lực của mọi nguồn lực. Trong đó, ĐVTN là lực lượng xung kích, một bộ phận đặc biệt quan trọng. Xây dựng nếp sống văn hoá trong ĐVTN giai đoạn hiện nay là góp phần xây dựng một nếp sống đô thị văn minh, lịch sự,

					đồng thời góp phần bồi dưỡng nguồn nhân lực trẻ cho yêu cầu xây dựng và phát triển một đơn vị dẫn đầu của thành phố về mọi mặt. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ và sự quản lý của chính quyền phường Tân Sơn, thông qua các tổ chức của Đoàn và Hội, ĐVTN phường Tân Sơn đã thể hiện được vai trò xung kích của tuổi trẻ, đi đầu trong mọi phong trào văn hóa, xã hội với những chương trình hành động cách mạng thiết thực; vừa góp phần xây dựng quê hương giàu đẹp vừa tự rèn luyện, nâng cao phẩm chất đạo đức và bản lĩnh chính trị, kế thừa và phát huy truyền thống của các thế hệ cha anh, từng bước đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhiều lĩnh vực hoạt động, từ xây dựng tư tưởng chính trị, lao động, học tập, đến hoạt động xã hội, hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, giáo dục truyền thống... của ĐVTN phường Tân Sơn đã thu được những thành tựu đáng kể.
22		**Xây dựng ĐSVH ở xã Thiệu Vân, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá trong quá trình đô thị hóa**	Nguyễn Văn Thiện	TS. Đặng Thị Thúy Hằng	Luận văn làm rõ một số khái niệm liên quan trực tiếp đến luận văn này, đồng thời làm rõ nội dung cơ bản và các tiêu chí đánh giá về xây dựng di sản văn hóa. Đồng thời, nêu bật vai trò, ý nghĩa của việc xây dựng đời sống văn hóa cơ sở ở xã Thiệu Vân, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa trong quá trình đô thị hóa. Nội dung nghiên cứu cũng làm rõ thực trạng phát triển của xã Thiệu Vân và vai trò của việc xây dựng di sản văn hóa trong đời sống

					tinh thần của người dân. Có thể thấy, việc xây dựng đa dạng văn hóa đã giúp xã Thiệu Vân phát triển toàn diện, đời sống kinh tế vật chất của nhân dân ngày càng giàu có, sự đa dạng về văn hóa tinh thần của nhân dân không ngừng tăng lên. Luận văn đánh giá tổng thể thực trạng xây dựng văn hóa du lịch xã Thiệu Vân trong thời gian qua trên nhiều phương diện, đặc biệt là việc triển khai hoạt động "Toàn dân đoàn kết, chung sức xây dựng văn hóa du lịch. Dưới sự lãnh đạo và hướng dẫn của các cấp xã Thiệu Vân, nó rất coi trọng sự phát triển của đa dạng sinh học cộng đồng và đa dạng văn hóa. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu mà xã Thiệu Vân đã đạt được trong quá trình xây dựng sự đa dạng về văn hóa, luận văn cũng chỉ ra những hạn chế, bất cập còn tồn tại. Đánh giá về địa bàn nghiên cứu và xây dựng ĐDSH xã Thiệu Vân, tác giả nhận thấy xây dựng ĐSVH là một quá trình lâu dài, mỗi bước đi đều cần tính toán kỹ lưỡng và nền tảng tinh thần tốt. Và cơ sở vật chất của mọi công dân. Bài viết này đưa ra một số nhóm giải pháp nhằm tăng cường xây dựng các di sản văn hóa trong thời gian tới. Tác giả hy vọng rằng thông qua các giải pháp được đề xuất, cán bộ các cấp ở xã Thiệu Vân và quần chúng sẽ dần nâng cao hiểu biết về xây dựng di sản văn hóa và cải thiện quản lý tổ chức, chẳng hạn như cải thiện hệ thống chính

					sách và các văn bản hướng dẫn liên quan. phù hợp với từng thời kỳ phát triển của xã trong tương lai.
23		**Quản lý hoạt động các Câu lạc bộ Đờn ca tài tử trên địa bàn Tỉnh Bạc Liêu**	Đỗ Thị Bích Ngân	TS Vi Minh Huy	Với mục tiêu bảo tồn và phát huy Nghệ thuật Đờn ca tài tử là di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại và là một trong những tài sản quý giá của kho tàng văn hóa văn nghệ của dân tộc. Tạo ra một lực lượng nghệ nhân trẻ, nòng cốt để kế cận lớp nghệ nhân cha ông trong việc bảo tồn và phát huy loại hình nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ tại Bạc Liêu. Tác giả Luận văn đi sâu tìm hiểu thực trạng, đánh giá các kết quả đạt được trong hoạt động tổ chức của các Câu lạc bộ Đờn ca tài tử trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, từ đó, rút ra các mặt đạt được, cũng như hạn chế để làm cơ sở đề xuất các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý hoạt động đối với các Câu lạc bộ Đờn ca tài tử trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu trong thời gian tới. Qua nghiên cứu cơ sở lý luận chương 1, và thực trạng chương 2, cũng như phương hướng và mục tiêu phát triển hoạt động các Câu lạc bộ đờn ca tài tử trên địa bàn tỉnh Bạc liêu, tác giả đề xuất một số nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động đối với các câu lạc bộ Đờn ca tài tử thời gian tới như: - Nhóm giải pháp đối với chủ thể quản lý; - Nhóm giải pháp đổi mới đa dạng hoá nội dung đối với các câu lạc bộ Đờn ca tài tử; - Đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ thực

					hiện công tác về các hoạt động các Câu lạc bộ Đờn ca tài tử; - Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các hoạt động Các CLB Đờn ca tài tử; - Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và thi đua khen thưởng.
24		**Quản lý hoạt động của Thư viện Tỉnh Bạc Liêu**	Trần Phạm Hiếu Hòa	TS Hoàng Bá Tường	Luận văn: Quản lý hoạt động của Thư viện tỉnh Bạc Liêu đã đánh giá được những ưu điểm và hạn chế của công tác quản lý hoạt động Thư viện tỉnh Bạc Liêu. Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng, luận văn đã đề xuất một số giải pháp cụ thể để nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động của Thư viện tỉnh Bạc Liêu. Từ đó giúp các nhà quản lý có những bước đi thích hợp, phát huy tối đa tiềm năng và thế mạnh của Thư viện tỉnh Bạc Liêu trong thời kỳ hiện nay. Những nội dung nghiên cứu trong luận văn cũng là cơ sở để tác giả có thể nghiên cứu về những vấn đề liên quan và mở rộng hơn trong thời gian tới như hoạt động quản lý mạng lưới Thư viện công cộng trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu. Qua nghiên cứu cơ sở lý luận chương 1, và thực trạng chương 2, cũng như phương hướng và mục tiêu phát triển hoạt động của Thư viện tỉnh Bạc liêu, tác giả đề xuất một số nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động Thư viện trong thời gian tới như: 1.Kiện toàn bộ máy quản lý và hoàn thiện văn bản quản lý - Kiện toàn bộ máy quản lý và nâng cao năng lực đội ngũ cán

					bộ lãnh đạo, quản lý: - Tiếp tục hoàn thiện và ban hành các văn bản quản lý Thư viện 2. Về tổ chức thực hiện các hoạt động Thư viện - Nâng cao hiệu quả công tác xây dựng kế hoạch hoạt động Thư viện - Phát triển đa dạng hóa nguồn tài nguyên thông tin, xây dựng các bộ sưu tập số, các sản phẩm thông tin mới. - Nâng cao hiệu quả quá trình tự động hóa trong xử lý tài liệu - Tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá về Thư viện, kết nối người sử dụng với các dịch vụ và sản phẩm của Thư viện - Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng và tạo lập môi trường hiệnđại trong công tác phục vụ - Tăng cường công tác chỉ đạo, đào tạo, tập huấn cho các Thư viện cơ sở - Tăng cường và nâng cao hơn hiệu quả ứng dụng CNTT trong hoạt động Thư viện 3. Về nâng cao chất lượng các nguồn lực Thư viện - Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực - Tăng cường nguồn lực tài chính, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho hoạt động hiện đại hóa Thư viện 4. Vê nâng cao chất lượng chuyên môn trong hoạt động Thư viện 5.Về nâng cao công tác giám sát, kiểm tra các hoạt động của Thư viện

25		**Quản lý làng nghề truyền thống ở huyện Bá thước, tỉnh Thanh hoá gắn với phát triển du lịch**	Trương Văn Minh	TS. Vũ Văn Tuyến	Tác giả Luận văn đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận chung nghiên cứu cơ sở lý thuyết về quản lý LNTT gắn với du lịch, phân tích thực trạng hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị LNTT gắn với phát triển du lịch ở Bá Thước, trên cơ sở đó đưa ra các giải pháp bảo vệ và phát huy giá trị LNTT gắn với du lịch huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa giai đoạn tới. Luận văn là tài liệu tham khảo có giá trị cho ngành văn hóa và du lịch tỉnh Thanh Hóa trong việc tìm ra các giải pháp dung hòa hai yếu tố này, giúp cho du lịch tỉnh Thanh Hóa phát triển bền vững mà vẫn gìn giữ được giá trị văn hóa tộc người đảm bảo hài hòa giữa tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc. Đồng thời, luận văn cũng là cơ sở để các nhà quản lý, các nhà đầu tư, doanh nghiệp du lịch đang muốn thực hiện quá trình khai thác giá trị làng nghề vào phát triển du lịch. Nội dung luận văn gồm 3 chương: Chương 1. Cơ sở lý luận về quản lý làng nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch và khái quát làng nghề truyền thống trên địa bàn huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Chương 2. Thực trạng công tác quản lý làng nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch trên địa bàn huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Chương 3. Giải pháp bảo vệ và phát huy giá trị làng

					nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch trên địa bàn huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
26		**Thực thi chính sách văn hóa trong quản lý di sản văn hóa thế giới Thành Nhà Hồ**	Trịnh Thị Lan	TS. Nguyễn Bá Linh	Tác giả Luận văn đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận chung về chính sách văn hoá, về việc xây dựng, ban hành và thực thi các chính sách văn hoá trong quản lý di sản văn hoá ở trường hợp cụ thể là Di sản thế giới Thành Nhà Hồ. Luận văn đã nghiên cứu một cách toàn diện, khái quát việc xây dựng, ban hành và thực hiện các chính sách văn hóa trong quản lý di sản văn hóa thế giới Thành Nhà Hồ trong thời điểm hiện tại; phân tích rõ thực trạng việc xây dựng, ban hành và thực hiện các cơ chế, chính sách văn hóa đó, đồng thời đánh giá những mặt tích cực, hạn chế trong thực hiện chính sách văn hóa trong quản lý khu di sản này, chỉ ra những khó khăn, bất cập và nguyên nhân. Từ đó hình thành những luận điểm khoa học để đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng thực thi chính sách văn hóa trong quản lý di sản văn hóa thế giới Thành Nhà Hồ. Việc này được cụ thể hoá ở các nội dung sau: - Cơ sở lý luận và tổng quan về chính sách văn hóa trong quản lý di sản văn hóa thế giới Thành Nhà Hồ - Thực trạng việc thực thi chính sách văn hóa trong quản lý di sản văn hóa thế giới Thành Nhà Hồ Bên cạnh đó, tác giả đã chỉ ra được những hạn chế trong việc thực thi chính sách văn hóa trong quản lý di sản văn hóa thế giới Thành Nhà Hồ, chỉ ra được nguyên nhân của

					những hạn chế đó. Trên cơ sở đánh giá được thực trạng để đề xuất phương hướng và giải pháp nâng cao chất lượng thực thi chính sách văn hóa trong quản lý di sản văn hóa thế giới Thành Nhà Hồ, bao gồm một số giải pháp cụ thể: - Đẩy nhanh tiến độ thực hiện và hoàn thành các nội dung đã được phê duyệt trong kế hoạch quản lý khu di sản - Hoàn thiện các văn bản pháp lý phục vụ công tác quản lý phù hợp với thực tiễn thực hiện nhiệm vụ tại khu di sản - Đẩy nhanh tiến độ thực hiện và hoàn thành các nội dung trong cam kết chiến lược của UBND tỉnh Thanh Hóa với UNESCO đảm bảo chất lượng và thời gian theo quy định - Hoàn thành chương trình khai quật, khảo cổ học chiến lược tại di sản giai đoạn 1 và đề xuất chính sách, nhiệm vụ khai quật tổng thể, toàn diện giai đoạn 2 - Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các nộ dung, dự án trong đề án khai thác và phát huy giá trị Du lịch tại di sản - Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc xây dựng, ban hành và thực hiện chính sách văn hóa tại di sản
27		**Quản lý phong trào thể dục thể thao quần chúng trên địa bàn thị xã Nghi Sơn,**	Nguyễn Thị Hương	TS. Đồng Hương Lan	TDTT quần chúng là loại hình TDTT có một ý nghĩa hết sức quan trọng trong cộng đồng cả về mặt giá trị vật chất và tinh thần. Bởi vậy, phong trào TDTT quần chúng luôn được Đảng và Nhà nước, các cấp chính quyền quan tâm, chỉ đạo hướng dẫn với những chính sách cơ chế đặc thù

		Thanh Hoá			trong công tác quản lý phong trào này soa cho phù hợp với đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ, vai trò của từng địa phương là việc làm hết sức ý nghĩa và cần thiết. Quá trình nghiên cứu đã làm rõ những nội dung như sau: + Về cơ sở lý luận về quản lý phong trào thể dục ,thể thao quần chúng , luận văn của chúng tôi đã đề cập và làm rõ những khái niệm liên quan đến đề tài như TDTT, TDTT quần chúng, vai trò, đặc điểm của phong trào TDTT quần chúng và nội dung quản lý nhà nước về TDTT quần chúng. Những vấn đề lý thuyết này là cơ sở khoa học quan trọng giúp cho tác giả đưa ra những đánh giá, phân tích nghiên cứu thực tiễn hoạt động quản lý nhà nước về công tác TDTT quần chúng trên địa bàn Thị xã Nghi Sơn một cách hiệu quả và khoa học, đồng thời khẳng định vai trò quan trọng của phong trào TDTT quần chúng trong việc góp phần nâng cao đời sống tinh thần, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ các giá trị văn hóa, nâng cao sức khỏe ngày càng cao của nhân dân; đóng góp cho sự phát triển kinh tế xã hội của Thị xã Nghi Sơn. + Về thực trạng quản lý phong trào thể dục thể thao quần chúng trên địa bàn thị xã Nghi Sơn. Thực trạng công tác quản lý phong trào TDTT quần chúng trên địa bàn Thị xã Nghi Sơn đã đạt được những kết quả đáng kể: sự quyết tâm của UBND Thị xã Nghi Sơn cùng với nhân dân khắc phục những khó khăn. Vì vậy, đời

					sống văn hóa tinh thần cho nhân dân được nâng cao, chú trọng; đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, luyện tập TDTT, hưởng thụ, vui chơi giải trí; giải quyết dứt điểm những bức xúc của nhân dân trong công tác quản lý phong trào TDTT quần chúng ở Thị xã Nghi Sơn, góp phần đưa Thị xã trở thành điểm sáng của tỉnh trong phong trào TDTT. Hoạt động TDTT quần chúng trên địa bàn Nghi Sơn diễn ra tương đối ổn định, không có sai phạm lớn xảy ra. Tuy nhiên tình trạng quản lý chưa chặt chẽ, sự kết hợp với các tổ chức ban ngành liên quan còn thiếu đồng bộ, chồng chéo. Sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị của UBND, chính quyền còn chưa đồng đều nên hiệu quả quản lý còn thấp. Đồng thời vẫn tồn tại những hạn chế như: việc thực hiện và triển khai, áp dụng những văn bản pháp luật, vấn đề cán bộ, công tác chỉ đạo, phối hợp thực hiện các chức năng trong quản lý các hoạt động TDTT quần chúng của các cơ quan chức năng, sự thanh tra, kiểm tra còn mang tính sơ sài, chưa có hoạt động triển khai mang tính khách quan, hoạt động quản lý phong trào TDTT quần chúng còn nhiều bất cập chưa phát huy hết vai trò, chức năng QLNN tại các TTVH-TT đối với đời sống của nhân dân trên địa bàn Thị xã. + Về một số giải pháp tăng cường quản lý phong trào thể dục,thể thao quần chúng trên địa bàn thị xã Nghi Sơn. Quá trình nghiên cứu đã đưa ra phương hướng, mục tiêu,

					nhiệm vụ của việc phát triển phong trào TDTT quần chúng trong thời gian tới trên địa bàn Thị xã Nghi Sơn. Đồng thời, để khắc phục những hạn chế, hiện thực hóa phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ trong việc phát triển TDTT quần chúng trên địa bàn Thị xã Nghi Sơn, quá trình nghiên cứu đã đưa ra các giải pháp phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương như: *Nâng cao nhận thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân về vai trò của phong trào thể dục thể thao quần chúng*; *Tăng cường triển khai thực hiện các kế hoạch, chính sách về quản lý phong trào TDTT quần chúng; Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức quản lý nhà nước về quản lý phong trào thể dục thể thao quần chúng; Tăng cường công tác xã hội hóa trong công tác quản lý phong trào thể dục thể thao quần chúng; Đẩy mạnh hoạt động thanh tra, kiểm tra và xử lí vi phạm trong quản lý phong trào thể dục thể thao quần chúng.* Kèm theo là các đề xuất và kiến nghị trong quá trình triển khai các giải pháp, góp phần nâng cao chất lượng quản lý hoạt động TDTT quần chúng trên địa bàn Thị xã Nghi Sơn trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo.
28		**Quản lý di tích lich sử văn hóa trên địa bàn xã Thọ Diên, huyện**	Lê Đình Rực	TS. Vũ Văn Tuyến	-Tập hợp và phân tích các công trình nghiên cứu có liên quan về công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa gắn với phát triển du lịch trên địa bàn huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Tập hợp một cách đầy

		Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa gắn với phát triển du lịch.			đủ có hệ thống toàn bộ tư liệu hiện có về hệ thống di tích lịch văn hóa trên địa bàn xã Thọ Diên. - Nghiên cứu cơ sở lý luận và pháp lý về công tác quản lý di tích- văn hóa và giới thiệu tổng quan về hệ thống di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn xã Thọ Diên gắn với phát triển du lịch. - Đánh giá thực trạng công tác quản lý hệ thống di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn xã Thọ Diên gắn với phát triển du lịch (đánh giá và nêu rõ ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân) - Đề xuất giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác quản lý hệ thống di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn xã Thọ Diên gắn với phát triển du lịch nhằm phục vụ phát triển kinh tế xã hội.
29		**Quản lý hoạt động thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu tam phủ tại cụm di tích Hàn Sơn, tỉnh Thanh Hóa**	Hoàng Quốc Việt	TS. Lê Thị Thảo	Căn cứ vào kết quả nghiên cứu tài liệu, số liệu thu thập được từ bảng khảo sát, kết quả phỏng vấn sâu, luận văn rút ra một số kết luận sau đây: 1.Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ là một loại hình tín ngưỡng dân gian đã hình thành từ lâu đời, đây là loại hình tín ngưỡng bắt nguồn từ tục thờ thần tự nhiên, theo tiến trình lịch sử dưới sự tác động của các yếu tố địa lý, văn hóa, kinh tế - xã hội và các tôn giáo, tín ngưỡng khác tục thờ thần tự nhiên dần phát triển thành thờ Nữ thần, thờ Mẫu thần và cao nhất là thờ Tam phủ - Tứ phủ. 2.Các nhóm đôi tượng khác nhau cho ta những kết quả

					khác nhau về mức độ niềm tin đối với tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ. Trong luận văn chia thành hai nhóm đối tượng chính là chủ thể thực hành tín ngưỡng chuyên nghiệp và chủ thế tham gia thực hành nghi lễ, lễ hội không thường xuyên, phụ thuộc vào nhu cầu. Khảo sát niềm tin của các đối tượng trên ba phương diện chính là nhận thức về đối tượng thờ cúng là các vị thần trong đó quan trọng nhất là Mẫu Tâm Phủ; tần suất, mục đích đi lễ Mẫu; cách chuẩn bị đồ lễ và nội dung cầu khấn. Những người thực hành tín ngưỡng chuyên nghiệp có một niềm tin bất diệt vào Mẫu và có sự hiểu biết tương đối về tín ngưỡng. Tri thức của họ chủ yếu được thu nạp qua quá trình thực hành nghi lễ, học hỏi những bậc tiền bối đi trước... Qua các nghi lễ thực hành tôn giáo, con người bày tỏ niềm tin và tình cảm của minh đối với lực lượng siêu nhiên, nhằm thỏa mãn nhu cầu, khát vọng của họ trong cuộc sống trần tục. Về mặt xã hội những chuẩn mực đạo đức được quy định trong giáo lý, giáo luật cũng có tác dụng điều chỉnh hành vi ứng xử của các tín đồ trong cuộc sống, giúp họ hướng tới cái tâm, cái thiện. 3.Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ tại Cụm di tích danh thắng Hàn Sơn đang có xu hướng vận động, phát triển theo cơ chế của xã hội hiện đại vừa lưu giữ được những giá trị truyền thống đặc trưng vừa bổ sung thêm những yếu tố mới để đáp ứng được tâm tư, nguyện vong của đông đảo

					con nhang đệ tử và nhân dân cả nước. Vì vậy công tác quản lý thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ tại cụm di tích mang ý nghĩa quan trọng giúp cho các hoạt động tin ngưỡng thờ Mẫu tam phủ tại huyện Hà Trung được thực hiện đúng và phát huy được giá trị nhân văn của di sản. Quần thể di tích lịch sử Cụm di tích danh thắng Hàn Sơn cùng các hoạt động nghi lễ đặc biệt là lễ hội Cụm di tích danh thắng Hàn Sơn diễn ra vào tháng 6 (âm lịch) hàng năm, ngày 12 tháng 6 là ngày chính hội. Ngoài dịp chính hội, đền Hàn và đền Ba Bông quanh năm đón nhiều du khách gần xa về thưởng ngoạn cảnh đẹp và cầu mong cuộc sống no ấm, bình an. Bên cạnh những tác động tích cực, trong bối cảnh kinh tế thị trường, nhân dân huyện Hà Trung phải đối mặt với không ít những hạn chế mà hoạt động của Cụm di tích danh thắng Hàn Sơn đem lại. Hoạt động này tác động đến mọi mặt đời sống của nhân dân. Đứng trước những bất cập mà hoạt động của tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ đang vấp phải, luận văn đã đưa ra một số giải pháp mang tính đồng bộ và cần thiết, trong đó chính quyền cùng các cơ quan, ban, ngành có liên quan cần kiểm tra thường xuyên nắm bắt tình hình, kịp thời xử lý các hiện tượng tiêu cực; đồng thời nâng cao công tác giáo dục, tuyên truyền cho người dân tri thức về các vấn đề liên quan đến thờ Mẫu, thúc đẩy xây dựng một môi

					trường thờ cúng lành mạnh, bài trừ mê tín dị đoan, lưu giữ được nét truyền thống văn hóa Việt Nam. Cá nhân các ông đồng, bà đồng, đồng đền, thủ nhang và nhân dân phải có trách nhiệm chủ động, tích cực tìm hiểu, thực hành, bảo tồn di sản sao cho đúng, loại trừ các yếu tố mê tín dị đoan.
30		**Quản lý các thiết chế văn hóa cơ sở trên địa bàn thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu**	Châu Quốc Thanh	PGS.TS Lê Văn Tạo	Luận văn đã khái quát hóa những vấn đề lý luận chung Quản lý về các thiết chế văn hóa cơ sở trên địa bàn thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Đồng thời đã phản ánh được những kết quả trong Công tác quản lý về các thiết chế văn hóa cơ sở trên địa bàn thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu góp phần xây dựng thành phố Bạc Liêu có hệ thống các thiết chế văn hóa cơ sở đạt yêu cầu thúc đẩy văn hóa, kinh tế, xã hội của thành phố Bạc Liêu phát triển mạnh mẽ. Luận văn có kết cấu 3 chương: Chương 1: Cơ sở lý luận về thiết chế văn hóa trên địa bàn thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu Chương 2: Thực trạng hoạt động quản lý các thiết chế văn hóa cơ sở trên địa bàn thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Chương 3: Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý các thiết chế văn hóa sơ sở trên địa bàn thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu trong giai đoạn hiện nay.
31		**Quản lý lễ hội Ok Om Bok của người Khmer ở**	Thạch Minh Hoàng	PGS.TS Lê Thanh Hà	Tác giả đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận về Quản lý lễ hội Ok Om Bok của người Khmer ở Tây Nam Bộ nói chung và người Khmer trên địa bàn thành phố Bạc Liêu,

		thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu			tỉnh Bạc Liêu nói riêng. Thông qua việc giới thiệu ý nghĩa và miêu tả diễn trình của Lễ hội luận văn góp phần tư liệu hóa với mục đích bảo tồn các giá trị truyền thống của lễ hội Ok Om Bok đang có xu hướng biến đổi với hi vọng có thể đóng góp thêm tư liệu trong việc nghiên cứu văn hóa phong tục của người Khmer ở Thành phố Bạc Liêu.
32		**Quản lý cụm di tích Phủ Vạn, chùa Hòa Long, Bãi cò ở xã Tiến Nông, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.**	Lê Thị Nguyệt	TS. Nguyễn Đức Thắng	Trong xu thế phát triển và hội nhập hiện nay, đời sống vật chất và đời sống tinh thần của nhân dân ngày một nâng cao, nhu cầu thưởng thức và tìm hiểu cội nguồn dân tộc cũng ngày càng cao. Vì vậy, việc quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị DSVH dân tộc là vô cùng quan trọng, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Trên cơ sở các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý DSVH của Trung ương và của tỉnh, cấp ủy, chính quyền huyện Triệu Sơn và các sở, ban, ngành đã thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ, tôn tạo, và phát huy giá trị của DSVH trên địa bàn. Bao gồm có cụm di tích chùa Hòa Long, phủ Vạn và Bãi cò. Tuy nhiên, công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị Cụm di tích chùa Hòa Long, phủ Vạn và Bãi cò vẫn còn một số hạn chế như: sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền và nhân dân địa phương đối với cụm di tích chưa được thường xuyên, chưa tương xứng với giá trị, vai trò của di tích; trình độ, năng lực của cán bộ quản lý còn hạn

					chế, sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng còn hạn chế; việc đầu tư, tôn tạo di tích văn hóa chưa nhiều, chưa bài bản. Công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức trách nhiệm của xã hội trong việc bảo tồn, tôn tạo đối với cụm di tích chưa đạt được hiệu quả cao; công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm, còn nhiều hạn chế, thiếu quy hoạch tổng thể… Xuất phát từ thực trạng quản lý cụm di tích chùa Hòa Long, phủ Vạn và Bãi cò, Theo quan điểm của Đảng, Nhà nước, tỉnh Thanh Hóa và phương hướng phát triển văn hóa, cũng như chỉ đạo cụ thể công tác quản lý, bảo vệ và phát huy cụm di tích chùa Hòa Long, phủ Vạn và Bãi cò, tác giả mạnh dạn đề xuất một số nhóm giải pháp về: cơ chế, chính sách; phát huy, tổ chức quản lý các hoạt động và giải pháp nâng cao giá trị các di sản liên quan đến phát triển du lịch, cụ thể như nâng cao năng lực quản lý và trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ quản lý, tăng cường việc giáo dục, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho cộng đồng về di tích lịch sử - văn hoá, quy hoạch bảo vệ, bảo quản, tu bổ, phục hồi cụm di tích, đẩy mạnh công tác xã hội hoá, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra tại các điểm di tích, khai thác giá trị của di tích gắn với phát triển du lịch Với hy vọng các giải pháp này góp phần phát triển du lịch trong tương lai, bảo vệ hiệu quả hơn và nâng cao giá

					trị của các di sản cụ thể. Tác giả mong rằng một số giải pháp mà tác giả đề xuất có thể giúp các cơ quan quản lý của tỉnh Thanh Hóa, huyện Triệu Sơn, UBND xã Tiến Nông làm tốt hơn nữa nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị của DSVH trên địa bàn trong đó có Cụm di tích chùa Hòa Long, phủ Vạn và Bãi cò.
33		**Xây dựng văn hóa công sở cho cán bộ Trường Cao đẳng Kinh tế- kỹ thuật Bạc Liêu**	Vương Trường Khánh	TS. Nguyễn Văn Dũng	Luận văn đã khái quát hóa những vấn đề lý luận chung về Xây dựng văn hóa công sở cho cán bộ trường Cao đẳng Kinh tế- Kỹ thuật Bạc Liêu. Luận văn đã phản ánh được những kết quả trong công tác xây dựng văn hóa công sở cho cán bộ ở nhà trường, góp phần tích cực vào công cuộc đổi mới nâng cao chất lượng của nhà trường. Diện mạo nhà trường và hoạt động đào tạo chuyên môn đã có những thay đổi căn bản và đạt được những kết quả rất quan trọng. Bao gồm một số giải pháp cụ thể: + Nâng cao nhận thức về văn hóa công sở, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục về văn hóa công sở. + Đổi mới phương pháp tổ chức, quản lý, điều hành hoạt động + Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện văn hóa công sở + Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao thái độ phục vụ người học của viên chức, người lao động trong nhà trường.

					+ Nâng cao chất lượng môi trường làm việc của viên chức, người lao động nhà trường + Hoàn thiện quy định về văn hóa công sở của nhà trường. + Phát huy vai trò của các tổ chức nhà trường trong việc xây dựng và thực hiện văn hóa công sở. + Cải thiện môi trường và điều kiện làm việc thuận lợi cho CBGV.
34		**Xây dựng môi trường văn hóa ở xã Quảng Trạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa**	Ngô Thị Thu Hà	TS. Hoàng Bá Tường	Nhìn lại tổng thể quá trình hình thành và phát triển xã Quảng Trạch huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, văn hóa đóng một vai trò hết sức quan trọng. Nói đến văn hóa là nói đến giá trị, giá trị văn hóa chính là điều kiện quan trọng để xã Quảng Trạch tạo lập dấu ấn văn hóa nói chung và MTVH nói riêng, nơi mà các giá trị văn hóa biểu hiện một cách cụ thể, sinh động và mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc. Dù cho đã rất nỗ lực, song hành giữa nâng cao nhận thức tuyên truyền vận động, phối hợp liên ngành, áp dụng vai trò của giáo dục, đào tạo, tuyên truyền thẩm mỹ thì xã Quảng Trạch vẫn chưa thực sự trở thành điểm sáng về xây dựng MTVH tại mảnh đất địa linh nhân kiệt xứ Thanh. Có rất nhiều nguyên do trong QLNN về MTVH nhưng những thay đổi quá lớn của xã hội hiện đại vô hình chung đã ảnh hưởng đến MTVH
35		**Xây dựng đời sống văn hóa cơ**	Lương Văn Duyên	TS. Nguyễn Thành Nam	Huyện Lang Chánh, nằm ở vùng miền núi phía Tây tỉnh Thanh Hóa, đặc biệt hấp dẫn bởi cấu trúc địa hình tự nhiên

		sở ở huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa			với những ngọn núi, con sông mênh mông. Từ cấu trúc tự nhiên này đã tạo nên một bản sắc độc đáo cho địa phương này. Ngoài cấu trúc tự nhiên, Lang Chánh còn thể hiện bản sắc qua tổ chức xã hội, phong tục tập quán, và thói quen canh tác của người dân. Tất cả những yếu tố này đều ảnh hưởng mạnh mẽ đến đời sống văn hóa và tinh thần tại địa phương. Lang Chánh thực sự là một ví dụ tiêu biểu về sự kết hợp hài hòa giữa tự nhiên và văn hóa dân tộc. Với những tiềm năng và lợi thế của mình đã giúp cho khu vực ngày càng phát triển về kinh tế, đạt được nhiều thành tựu về văn hóa, đặc biệt là phong trào xây dựng ĐSVH cơ sở.. Nhận thức rõ vai trò quan trọng của hoạt động xây dựng Đời sống Văn hóa cơ sở (ĐSVHCS) đối với sự phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội tại địa phương, huyện Lang Chánh đã không ngừng chấp hành sự lãnh đạo và chỉ đạo từ Huyện ủy, Hội đồng nhân dân huyện (HĐND), Ủy ban Nhân dân huyện (UBND) cùng với sự hỗ trợ và định hướng từ các cấp ủy và chính quyền trên cả nước. Kết quả của những năm qua đã thể hiện sự coi trọng và cam kết của huyện đối với công tác xây dựng ĐSVHCS, đồng thời ghi nhận những thành tựu đáng kể. Để thực hiện được các phương hướng, mục tiêu nhằm nâng cao hiệu quả công tác xây dựng ĐSVH trên địa bàn huyện trong giai đoạn tiếp theo cần phát huy sức mạnh

					tổng hợp trong phát triển kinh tế, xã hội, củng cố quốc phòng an ninh trên địa bàn huyện. Nhằm thúc đẩy sự chuyển biến đáng kể trong việc đưa văn hóa thông tin đến tận cơ sở, cũng như để phát triển cả về quy mô và chất lượng, luận văn đã đề xuất một loạt giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả của việc xây dựng Đời sống Văn hóa cơ sở (ĐSVHCS) tại huyện Lang Chánh trong thời gian tới. Ngoài các phần Mở đầu, Kết luận, Phụ lục và Tài liệu tham khảo, nội dung luận văn bao gồm 3 chương như sau: Chương 1: Lý luận chung về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở và tổng quan về đời sống văn hóa cơ sở huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa Chương 2: Thực trạng xây dựng đời sống văn hóa cơ sở trên địa bàn huyện Lang Chánh Chương 3: Phương hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả xây dựng đời sống văn hóa cơ sở huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa.
36		**Quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch của tỉnh Thanh Hóa**	Nguyễn Thi Anh	PGS.TS Lê Thanh Hà	QLNN về hoạt động du lịch là xu thế thiết yếu của nền kinh tế hiện đại được Đảng và Nhà nước quan tâm thực hiện do nó đảm bảo cho hệ thống sinh thái tài nguyên được tồn tại lâu dài đồng thời có hiệu quả về mặt kinh tế và đảm bảo sự công bằng xã hội. Những năm gần đây, tỉnh Thanh Hoá có nhiều thành tựu phát triển KTXH trong đó có phát triển du lịch. Công tác

					QLNN về du lịch đã góp phần không nhỏ vào sự thành công của KTXH tỉnh nhà, từng bước đưa tỉnh Thanh Hóa sánh ngang với các tỉnh thành trong cả nước về tốc độ tăng trưởng kinh tế. Nhận thức sâu sắc QLNN về hoạt động du lịch đóng vai trò quan trọng trong KTXH của tỉnh, mong muốn đóng góp sức mình cho hoạt động phát triển KTX
37		**Quản lý nhà nước về hoạt động đối ngoại của tỉnh Thanh Hóa**	Mai Văn Thoại	PGS.TS Lê Thanh Hà	Trong công cuộc xây dựng đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế, hoạt động ngoại giao luôn giữ vai trò quan trọng trong phát triển KTXH nâng cao vị thế của quốc gia trên chính trường quốc tế. Nhận thức được ý nghĩa đó, Các tỉnh thành tại Việt Nam nói chung và tỉnh Thanh Hóa nói riêng đã có những chiến lược phát triển đối ngoại gắn với chiến lược phát triển KTXH địa phương. UBND tỉnh Thanh Hóa là chủ thể quản lý đối ngoại trên địa bàn đã quan tâm đầu tư cho hoạt động đối ngoại, thực hiện các hoạt động như xây dựng các chính sách đối ngoại phù hợp với địa phương, thực hiện các khâu đào tạo bồi dưỡng toàn diện đội ngũ cán bộ công chức làm công tác đối ngoại đáp ứng yêu cầu công tác chuyên môn. Ngoài ra, Sở Ngoại vụ tỉnh Thanh Hóa với vai trò là đơn vị tham mưu cho UBND tỉnh các hoạt động đối ngoại đã thực hiện đúng nhiệm vụ trong việc giới thiệu, tham mưu cho tỉnh các đối tác về kinh tế, GD giúp tỉnh Thanh Hóa có thêm các cơ hội đầu tư và phát triển ở nhiều mặt. Cụ thể, giai đoạn 2018-2022 vừa qua, mặc dù bối cảnh KTXH có nhiều

					biến động nhưng tỉnh Thanh Hóa vẫn là một trong những địa phương thu hút được nhiều vốn đầu tư nước ngoài FDI vào địa phương, là địa chỉ tin cậy để các DN nước ngoài định vị đầu tư. UBND tỉnh cùng Sở Ngoại vụ và các DN đã cùng nhau tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường cho các sản phẩm tiềm năng của tỉnh, đưa sản phẩm tỉnh Thanh Hóa đi khắp thế giới, mang lại nguồn ngoại tệ lớn cho tỉnh Nhà. Trong công tác GD&ĐT với phương châm tập chung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho địa phương, tỉnh Thanh Hóa đã có các hoạt động giao lưu giáo dục, cử cán bộ, học sinh đi học tập tại nước ngoài để quay về phục vụ địa phương. Đồng thời hỗ trợ nước bạn đào tạo nguồn nhân lực tạo được những tiếng vang lớn cho tỉnh Thanh Hóa. Quá trình thực hiện QLNN về đối ngoại, tỉnh Thanh Hóa đã quan tâm đầu tư CSVC, nguồn lực tài chính để các hoạt động diễn ra thuận lợi, đồng thời thường xuyên tiến hành kiểm tra giám sát các hoạt động đối ngoại trên địa bàn giúp công tác đối ngoại đi vào nề nếp theo đúng chiến lược phát triển KTXH mà tỉnh đã đề ra. Quá trình nghiên cứu, luận văn còn sử dụng pháp pháp khảo sát để đánh giá thực trạng QLNN về đối ngoại tỉnh Thanh Hóa, quá trình cho thấy các đánh giá đều ở mức khá, đánh giá cao năng lực QLNN về đối ngoại của tỉnh Thanh Hóa tuy nhiên vẫn còn tồn tại

					những hạn chế trong công tác quản lý như vấn đề về chất lượng nguồn nhân lực, vấn đề hệ thống văn bản chỉ đạo đối ngoại hay các hoạt động kiểm tra đánh giá công tác đối ngoại chưa phù hợp.... Từ những hạn chế trên, luận văn đề xuất 5 giải pháp đồng bộ, nâng cao ý thức trách nhiệm của đội ngũ làm công tác tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo hướng dẫn đối ngoại, chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức để họ thực hiện tốt hơn nhiệm vụ được giao, cũng như tăng cường công tác xúc tiến đầu tư thương mại, thanh tra, kiểm tra và khen thưởng các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong thực hiện hoạt động đối ngoại. Những giải pháp trên đều hướng tới việc đạt được mục tiêu là nâng cao hiệu quả QLNN hoạt động đối ngoại của tỉnh Thanh Hóa trong bối cảnh hiện nay.
38		**Quản lý nhà nước về văn hóa của huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa**	Hoàng Văn Long	TS. Vũ Văn Tuyến	Quản lý nhà nước về văn hóa đã được Đảng và Nhà nước quan tâm chỉ đạo và tạo nhiều chuyển biến tại các địa phương trên cả nước. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa của huyện Hà Trung đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận trong việc ban hành các văn bản pháp lý, Chính quyền địa phương căn cứ vào các quy định của Nhà nước để triển khai các hoạt động quản lý văn hóa, trong đó xây dựng nguồn lực cho hoạt động văn hóa bằng công tác đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực, tạo điều kiện cho các cán bộ quản lý văn hóa cơ sở được nâng cao trình độ hướng tới

					hiệu quả công việc. Công tác tuyên truyền cổ động và việc tổ chức triển khai các hoạt động văn hóa đã được thực hiện sôi nổi và đạt được nhiều thành tích các đơn vị tại địa phương liên tiếp nhận được những kết quả tốt trong quản lý di tích và lễ hội, triển khai hiệu quả các phong trào xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, số lượng gia đình, thôn, khu vực đạt danh hiệu "văn hóa" ngày càng nhiều, các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao triển khai rộng rãi, nhận thức về nếp sống văn minh trong cưới hỏi, tang lễ cũng dần hình thành theo hướng tích cực. Công tác thanh tra kiểm tra đã được chú trọng, Phòng VHTT huyện Hà Trung đã phối kết hợp với Sở VHTT&DL tỉnh và các đơn vị liên quan triển khai thường xuyên kế hoạch kiểm tra văn hóa, kịp thời xử lý các vi phạm văn hóa để tạo tính ổn định tại địa phương. Bên cạnh những kết quả đạt được thì quản lý nhà nước về văn hóa của huyện Hà Trung cũng còn một số tồn tại, hạn chế cần phải khắc phục như công tác cán bộ còn thiếu về số lượng và hạn chế về chất lượng, tiến độ thực hiện các quy hoạch còn chậm, việc phát triển các sản phẩm du lịch còn khiêm tốn. Trên cơ sở đó, tác giả đã đề xuất 5 giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa của huyện Hà Trung bao gồm: Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò của văn hóa và quản lý nhà nước về văn hóa; Quy hoạch, huy động các

					nguồn lực cho công tác quản lý văn hóa; Nâng cao hiệu quả quản lý các di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch; Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực quản lý nhà nước về văn hóa; Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trong hoạt động văn hóa. Đồng thời, tác giả cũng kiến nghị với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa và kiến nghị với UBND tỉnh Thanh Hóa.
39		**Quản lý nhà nước về du lịch của huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình**	Nguyễn Văn Sỹ	TS. Vũ Văn Tuyến	Luận văn đã hệ thống hóa và phân tích các vấn đề lý luận liên quan đến du lịch và quản lý nhà nước về du lịch. Hoạt động quản lý nhà nước về du lịch có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của lĩnh vực du lịch, định hướng các hoạt động phát triển theo hướng tích cực. Các nội dung của quản lý nhà nước về du lịch được xác định như: Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển du lịch; Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật; Tổ chức bộ máy QLNN về du lịch; Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực ngành du lịch; Quản lý các hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch; Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong hoạt động du lịch. Luận văn đã phân tích kinh nghiệm từ một số quốc gia và một số địa phương trong cả nước để từ đó rút ra bài học kinh nghiệm quý báu cho hoạt động quản lý nhà nước về du lịch tại huyện lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Luận văn đã phân tích, đánh giá thực trạng quản lý

					nhà nước về du lịch của huyện Lường Sơn, tỉnh Hòa Bình qua một số nội dung chính: Đánh giá tiềm năng du lịch của huyện Lương Sơn để thấy được đây là một địa phương có nguồn tài nguyên du lịch dồi dào là điều kiện thuận lợi để triển khai các kế hoạch phát triển du lịch; Đánh giá thực trạng hoạt động du lịch tại huyện Lương Sơn qua các số liệu về số lượng khách du lịch, doanh thu du lịch, lao động trong ngành du lịch, sản phẩm du lịch...Đánh giá thực trạng công tác quản lý nhà nước về du lịch, thấy được những mặt tích cực, hạn chế, tồn tại và nguyên nhân của những hạn chế đó ở huyện Lương Sơn. Luận văn đã nghiên cứu về đưa ra dự báo về phát triển du lịch tại huyện Lương Sơn cũng như những quan điểm và phương hướng đối với hoạt động quản lý nhà nước về du lịch của huyện Lương Sơn. Trên cơ sở đánh giá thực trạng, Luận văn đã đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện quản lý nhà nước về du lịch của huyện Lương Sơn.
40		**Văn hóa công vụ của công chức cấp xã ở huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa**	Lê Thị Thúy	PGS.TS Nguyễn Thị Thục	Đề tài đã hệ thống hoá các lý luận, các khái niệm liên quan đến vấn đề nghiên cứu và xác định được nội dung cơ bản về văn hoá công vụ của công chức cấp xã. Đặc điểm về điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hoá xã hội và truyền thống lịch sử của Đông Sơn là yếu tố quan trọng tác động đến văn hoá công vụ của đội ngũ công chức cấp xã thực thi công vụ trên địa bàn huyện Đông Sơn. Việc

					đánh giá thực trạng văn hoá công vụ của công chức cấp xã trên địa bàn huyện Đông Sơn đã phần nào cho chúng ta thấy cái nhìn tổng quát về văn hoá công vụ của các cơ quan Chính quyền trên địa bàn huyện Đông Sơn hiện nay. Từ đó đánh giá những mặt tích cực, chỉ ra những tồn tại hạn chế và đề ra các nhóm giải pháp, các đề xuất, kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng văn hoá công vụ của đội ngũ công chức cấp xã trong giai đoạn hiện nay.
41		**Quản lý nhà nước về xây dựng Nông thôn mới của huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa**	Lưu Tuấn Nghĩa	PGS.TS Nguyễn Thị Thục	Cẩm Thủy là một huyện trung du miền núi nằm phía Tây bắc tỉnh Thanh Hóa, trải qua nhiều thế kỷ khai phá và tôn tạo, huyện Cẩm Thủy đã tạo dựng cho mình những nét đa dạng về văn hóa và có nhiều tiềm năng để phát triển. Thời gian qua, chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện đã được các cấp ủy chính quyền, địa phương từ huyện đến cơ sở triển khai thực hiện, huy động cả hệ thống chính trị tham gia vào các phong trào toàn dân chung sức xây dựng nông thôn mới, góp phần làm cho bộ mặt nông thôn huyện Cẩm Thủy có sự chuyển biến tích cực, một số xã trên địa bàn huyện đã đạt chuẩn nông thôn mới. Tuy nhiên quá trình triển khai xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện vẫn còn nhiều khó khăn cả về nguồn lực lẫn cơ chế chính sách, nhận thức của đội ngũ cán bộ tại một số đơn vị cơ sở chưa thực sự đầy đủ và tích cực tham gia vào quá trình quản lý xây dựng nông thôn mới, ảnh hưởng không nhỏ đến việc nâng cao đời

					sống vật chất và tinh thần cho dân cư nông thôn trên địa bàn huyện. Xuất phát từ thực tiễn trên, cùng với mục tiêu phấn đấu của huyện đến năm 2025 trở thành huyện chuẩn nông thôn mới của tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy cần có những nghiên cứu lý luận, khảo sát và đánh giá thực tiễn tìm ra các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Cẩm Thủy. Với tư cách là một cán bộ quản lý làm việc trong đơn vị sự nghiệp nhà nước huyện Cẩm Thủy, mong muốn đóng góp sức mình cho quê hương, tôi chọn đề tài nghiên cứu: *Quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới của huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa* làm đề tài luận văn thạc sĩ.
42		**Quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay**	Cầm Vương	TS. Hà Đình Hùng	Luận văn của tôi đã tập trung nghiên cứu, phân tích thực trạng hoạt động quản lý nhà nước về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, tập trung vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Dân tộc tỉnh (cơ quan tham mưu trực tiếp cho UBND tỉnh quản lý nhà nước về công tác dân tộc của tỉnh) cũng như đánh giá kết quả đạt được, những hạn chế, vướng mắc trong thực hiện công tác dân tộc của tỉnh thời gian qua, đồng thời đề xuất các giải pháp thực hiện quản lý nhà nước về công tác dân tộc trong thời gian tới cũng như một số kiến nghị tới Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ và Ủy ban Dân tộc; để trên cơ sở đó góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về công tác

					dân tộc của tỉnh Thanh Hóa.
43		**Quản lý nhà nước về tôn giáo trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**	Phạm Văn Sơn	TS. Hà Đình Hùng	Trong thời gian gần đây, việc thực hiện chính sách tôn giáo trên địa bàn thành phố Thanh Hóa đã được các cấp uỷ đảng và chính quyền quan tâm và đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ. Những kết quả đó đến từ sự chuyển biến về nhận thức đối với tôn giáo của các cấp uỷ đảng, chính quyền, mặt trận và đoàn thể, cũng như việc vận dụng quan điểm, chủ chương và đường lối đổi mới về tôn giáo của Đảng, phù hợp với tình hình của địa phương. Tuy nhiên, việc thực hiện chính sách tôn giáo trên địa bàn thành phố cũng còn một số hạn chế, chưa đáp ứng kịp yêu cầu, nhiệm vụ của công tác tôn giáo trong tình hình mới, trên thực tế vẫn còn nhiều những hạn chế cụ thể như: việc triển khai Luật và Nghị định liên quan vào thực tế cuộc sống ở chính quyền cơ sở còn nhiều hạn chế; Việc xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chủ trương, chính sách tôn giáo, công tác QLNN đối với các hoạt động tôn giáo nhìn chung đã đạt được những kết quả quan trọng nhưng đôi khi hiệu quả đạt được chưa cao, có lúc chưa kịp thời và đồng bộ, có lúc còn chung chung chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn trong công tác QLNN đối với các hoạt động tôn giáo trên địa bàn; Trong công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác tôn giáo đôi lúc chưa thường xuyên, chưa sát đối tượng; Trong

					công tác phân công, phối hợp thực hiện chính sách tôn giáo có lúc phối hợp cứng nhắc, thiếu linh hoạt, còn mang tính hình thức, khi xảy ra vụ việc còn đẩy trách nhiệm cho nhau; Để chính sách tôn giáo sách được duy trì, các cơ quan QLNN về tôn giáo đã quan tâm, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tôn giáo hoạt động nhưng phải trên tinh thần thượng tôn pháp luật; Công tác đôn đốc, theo dõi, kiểm tra thực hiện chính sách tôn giáo có lúc chưa chủ động. Để khắc phục những hạn chế trên, thành phố Thanh Hóa cần tập trung thực hiện một số giải pháp cấp bách và quan trọng như sau: (1) Hoàn thiện hệ thống pháp luật về tôn giáo để đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng và tôn giáo của cộng đồng; (2) Nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý nhà nước về các hoạt động tôn giáo; (3) Tăng cường vận động và tuyên truyền tại các khu vực có đạo trọng điểm; (4) Cải thiện máy móc và cán bộ làm công tác tôn giáo ở mọi cấp; và (5) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực tôn giáo. Kết quả nghiên cứu trong Luận văn có thể giúp cho công tác nghiên cứu và lãnh đạo, chỉ đạo thực tiễn việc thực hiện chính sách tôn giáo tại thành phố Thanh Hóa trong tương lai. Tác giả hy vọng rằng các đóng góp của mình sẽ mang lại lợi ích cho cộng đồng và giúp cải thiện công tác tôn giáo trên địa bàn của Tỉnh.

44		**Quản lý nhà nước về du lịch của huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa**	Nguyễn Quang Linh	TS. Nguyễn Thị Trúc Quỳnh	1. Luận văn góp phần làm rõ thêm cơ sở lý luận về quản lý nhà nước về du lịch, xây dựng khung lý thuyết QLNN về du lịch. Trên cơ sở đó, tìm hiểu, phân tích số liệu làm rõ thực trạng QLNN về du lịch trên địa bàn huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa trong những năm vừa qua. 2. Phản ánh đúng thực trạng QLNN về du lịch, đánh giá những kết quả đạt được, chỉ ra những hạn chế và tìm hiểu các nguyên nhân dẫn tới các hạn chế trong công tác QLNN về du lịch trên địa bàn huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa. 3. Nhằm góp phần nâng cao hiệu quả QLNN về du lịch của huyện Lang Chánh, góp phần thúc đẩy phát triển du lịch của địa phương như đúng tinh thần, nội dung của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Lang Chánh lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2020-2025. Tác giả đã đề xuất tám giải pháp cụ thể đó là: Tăng cường công tác chỉ đạo, lãnh đạo của bộ máy quản lý nhà nước về du lịch trong việc xây dựng, tổ chức và thực hiện các quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch; Tiếp tục phát triển và đào tạo nguồn nhân lực có chuyên môn nghiệp vụ tham gia các hoạt động du lịch; Đa dạng hóa và mở rộng quy mô các hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch của địa phương; Khuyến khích và kêu gọi doanh nghiệp, người dân tham gia đầu tư cơ sở hạ tầng, cải tạo và bảo vệ cảnh quan môi trường tạo điều kiện phát

					triển du lịch; Gắn phát triển du lịch với xây dựng bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của đồng bào các dân tộc tại địa phương; Tiếp tục rà soát, cấp giấy phép kinh doanh du lịch; Tiếp tục duy trì, phát triển các sản phẩm du lịch, mở rộng sự liên kết giữa các tour, tuyến du lịch trong huyện và các vùng lân cận và Tăng cường hơn nữa hiệu quả công tác thanh tra kiểm tra hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch.
45		**Quản lý nhà nước về lao động tại Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa**	Nguyễn Hữu Quang	PGS.TS Đoàn Văn Trường	Quản lý nhà nước về lao động có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và khu vực. Đó là giải pháp quan trọng để nâng cao chất lượng nguồn lao động, kết nối cung cầu, giải quyết việc làm cho người lao động, tạo ra của cải cho xã hội, tạo thu nhập cho bản thân, cải thiện đời sống. Không ngừng nâng cao năng lực, trình độ cũng là điều kiện để nhân viên hưởng thành tích về văn hóa và văn minh nhân loại. Luận văn đề cập đến những vấn đề lý luận liên quan đến quản lý Nhà nước về lao động; phân tích nguồn lao động, điều kiện kinh tế - xã hội và sử dụng nguồn lao động. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về lao động tại KKT Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa như sau: - Nghiên cứu hệ thống lý luận nhằm làm rõ nội dung về lao động, quản lý và quản lý nhà nước; khu kinh tế, khu công nghiệp; vai trò của nguồn lao động; thẩm quyền và

					nội dung quản lý nhà nước về lao động. - Mô tả vị trí địa lý, đặc điểm và lợi thế của Khu kinh tế Nghi Sơn, phân tích thực trạng nguồn nhân lực, quản lý nhà nước về lao động, giải quyết việc làm và đánh giá kết quả dự án. Các chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2020 - 2022 KKT Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Qua so sánh làm rõ những ưu điểm, hạn chế, hạn chế và nguyên nhân của công tác quản lý lao động của địa phương và cả nước. - Phù hợp với chính sách phát triển kinh tế - xã hội, lao động của Đảng và Nhà nước trong thời gian tới. Và trên cơ sở phân tích nội dung của chương 2, đề xuất bước tiếp theo nhằm hoàn thiện giải pháp quản lý nguồn lao động quốc gia tại KKT Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Nhà nước điều tiết lao động là vấn đề lý luận và thực tiễn. Nội dung của luận văn được ghép nối, chỉ ra những vấn đề liên quan đến khoa học cần phải thực hiện để phục vụ cho công tác nghiên cứu, chỉ ra phương hướng, nhiệm vụ cụ thể để khắc phục những tồn tại, hạn chế, những quy định và nội dung đề xuất những nội dung cần triển khai trong việc công tác quản lý nhà nước về lao động tại KKT Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa ngày càng hiệu quả.
46		**Thực hiện chính sách an sinh xã**	Lê Thị Oanh	PGS.TS Đoàn Văn	Nghiên cứu đã khái quát một cách cụ thể các vấn đề về khái niệm ASXH, khái niệm chính sách ASXH, khái niệm

		hội đối với phụ nữ huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa		Trường	chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ để từ đó vận dụng và thực hiện chính sách ASXH vào thực tiễn một cách cụ thể và đồng bộ hơn. Luận văn đã chỉ ra thực trạng thực hiện chính sách ASXH đối với phụ nữ tại huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đồng thời đi sâu nghiên cứu tìm ra các phương hướng và giải pháp thực hiện chính sách ASXH đối với phụ nữ phù hợp với điều kiện thực tế của huyện và xu thế phát triển chung của xã hội nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quá trình thực hiện chính sách ASXH đối với phụ nữ trên địa bàn huyện. Nghiên cứu thực hiện chính sách ASXH đối với phụ nữ trên địa bàn huyện Đông Sơn, luận văn đã đi từ việc nghiên cứu lý luận đến việc đánh giá thực trạng quá trình tổ chức thực hiện chính sách, từ đó nghiên cứu, đề xuất những giải pháp nhằm thực hiện chính sách ASXH đối với phụ nữ trên địa bàn huyện có hiệu quả hơn trong thời gian tới. Những hạn chế, yếu kém trong luận văn cũng là điều trăn trở cần phải có sự vào cuộc đồng bộ, quyết liệt của lãnh đạo Huyện ủy, chính quyền từ huyện đến cơ sở, sự vào cuộc của toàn bộ hệ thống chính trị - xã hội trong thời gian tới. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống ASXH đối với phụ nữ là một quá trình lâu dài và phải dựa trên trình độ phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy, việc xây dựng hoàn thiện chính sách ASXH đói với phụ nữ là vấn đề hết sức

					cần thiết, cấp bách, tạo động lực cho phụ nữ tham gia vào công cuộc xây dựng, phát triển của huyện bền vững, góp phần vào quá trình công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước.
47		**Đào tạo, bồi dưỡng công chức của UBND huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa**	Tống Thị Duyên	TS. Hoàng Đình Hiển	Trên cơ sở phân tích, đánh giá về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng công chức của Ủy ban nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo, bồi dưỡng công chức của Ủy ban nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa giai đoạn tới. Luận văn còn là tài liệu tham khảo cho các huyện có đặc điểm kinh tế xã hội tương đồng. Từ kinh nghiệm các địa phương trên địa bàn cả nước và các huyện của tỉnh Thanh Hóa, bài học rút ra cho huyện Hà Trung trong đào tạo, bồi dưỡng công chức cấp huyện giai đoạn 2025 - 2030 như sau: *Một là*, cần xác định nhu cầu đào tạo của công chức cấp huyện, đào tạo một cách toàn diện cả chuyên môn nghiệp vụ lẫn đào tạo trình độ lý luận chính trị hay ngoại ngữ, tin học. Nhu cầu đào tạo phải được xây dựng trên nền tảng nhu cầu của các cán bộ công chức. *Hai là*, xây dựng kế hoạch đào tạo với nội dung, chương trình phù hợp, lựa chọn cơ sở đào tạo uy tín. Thảo luận rõ về nội dung, mục tiêu cần đạt được trước khi ký liên kết đào tạo.

					Ba là, tổ chức thực hiện đào tạo bồi dưỡng đúng kế hoạch và đảm bảo chương trình, kết hợp đào tạo lý thuyết với thực tiễn, học tập kinh nghiệm của các địa phương tương đồng và lân cận. *Bốn là*, thực hiện nghiêm túc đánh giá sau đào tạo bồi dưỡng từ đó rút kinh nghiệm để công tác đào tạo ngày càng đạt hiệu quả cao.
48		**Nâng cao chất lượng công chức cấp xã của huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa**	Lê Phú Mạnh	TS. Hoàng Đình Hiển	Luận văn góp phần làm rõ các lý luận có liên quan đến chất lượng công chức cấp xã, phân tích và đánh giá thực trạng để chỉ ra những bất cập, hạn chế về chất lượng công chức cấp xã của huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá. Đồng thời chỉ ra những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng công chức cấp xã. Qua đó trình bày quan điểm và đưa ra giải pháp bảo đảm chất lượng công chức cấp xã của huyện Hoằng Hoá trong tình hình mới hiện nay. Luận văn góp phần bổ sung thêm những lý luận về chất lượng công chức cấp xã, đồng thời là tài liệu tham khảo cho các cơ quan nhà nước trong công tác cải cách hành chính.
49		**Quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa của huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa**	Mai Đức Hùng	TS. Mai Anh Vũ	Qua nghiên cứu phân tích, đánh giá thực trạng quản lý nhà nước, phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa của huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa bao gồm phân tích đánh giá về mặt phát triển số lượng cũng như phát triển về mặt chất lượng của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn nghiên cứu; đánh giá những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong quá trình phát triển doanh

					nghiệp nhỏ và vừa, từ đó đề xuất một số giải pháp tăng cường quản lý nhà nước, phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn nghiên cứu trong thời gian tới. Qua việc nghiên cứu về các kinh nghiệm ở các huyện có hoàn cảnh, điều kiện tương tự như huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, tác giả luận văn nhận thấy có thể rút ra những kinh nghiệm trong việc vận dụng các điều kiện để huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa phát triển loại hình DNNVV. Kinh nghiệm 1: Xây dựng môi trường thuận lợi cho các DNNVV phát triển. - Xây dựng hệ thống luật pháp kinh doanh cởi mở và phù hợp với thông lệ quốc tế; tạo điều kiện cho các DNNVV tham gia vào quá trình quốc tế hóa DNNVV trong tiến trình hội nhập quốc tế. - Xây dựng thiết chế, cơ chế và biện pháp hỗ trợ cho DNNVV thống nhất và có hiệu quả từ Trung ương đến địa phương. - Xây dựng chiến lược phát triển DNNVV phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Kinh nghiệm 2: Xác định nhóm ngành tập trung ưu tiên phát triển trong quá trình hội nhập để thu hút và khuyến khích các DNNVV tham gia phát triển trong các ngành nghề đó: Kinh nghiệm phát triển DNNVV của Hậu Lộc cho thấy cần xác định rõ các nhóm ngành ưu tiên phát triển trong

					quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt là chú trọng đến các ngành công nghiệp có định hướng xuất khẩu. Kinh nghiệm 3: Đẩy mạnh các biện pháp hỗ trợ các DNNVV - Hỗ trợ nâng cao năng lực nội tại của các DNNVV Các chính sách phát triển DNNVV ở 2 huyện trên không chỉ tập trung vào việc tạo ra các điều kiện thuận lợi cho DNNVV mà còn tập trung vào việc tăng cường năng lực đổi mới trong chính bản thân DNNVV. ***- Phân tích, đánh giá thực trạng quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.*** Những năm qua, mặc dù các DNNVV của huyện đã góp phần to lớn vào tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân và giải quyết các vấn đề bức xúc của xã hội, nhưng trong quá trình hoạt động DNNVV vẫn còn nhiều hạn chế, khó khăn, vướng mắc cần khắc phục. Một là, về quy mô và số lượng lao động Hai là, về vấn đề vốn Ba là, về công nghệ Bốn là, về trình độ quản lý Năm là, hạn chế trong việc chấp hành chính sách Nhìn chung Hà Trung là một huyện có số lượng các doanh nghiệp nhỏ và vừa lớn trong tỉnh do vậy sự phát

					triển của các doanh nghiệp của huyện cũng là một điều tốt đẹp cho sự phát triển kinh tế toàn tỉnh. Bên cạnh sự phát triển đó vẫn còn tồn tại một số vấn đề trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa khiến sự phát triển chưa được đồng bộ.
50		**Quản lý thu ngân sách nhà nước của thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa**	Hoàng Nam Hải	TS. Lương Tất Thắng	Trong bối cảnh phát triển KTXH, Quản lý thu NSNN đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo nguồn tài chính đáng tin cậy và bền vững để điều hành đất nước. Trên cơ sở nghiên cứu luận văn: Quản lý thu NSNN của Thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, tác giả thu được một số kết quả như sau: Thứ nhất, luận văn đã hệ thống hóa các vẫn đề lý thuyết vquan quan đến vấn đề quản lý thu NSNN bao gồm các khái niệm, các nội dung thu NSNN cấp địa phương, các chỉ tiêu đánh giá chất lượng quản lý thu NSNN, các nhân tố ảnh hưởng tới quản lý thu NSNN. Hệ thống lý thuyết trên chính là cơ sở để luận văn đi sâu nghiên cứu hoạt động quản lý thu NSNN trên địa bàn thành phố Sầm Sơn. Thứ hai, Qua quá trình nghiên cứu và tìm hiểu về điều kiện tự nhiên, điều kiện KTXH của TP Sầm Sơn và thực trạng thu chi NSNN của TP trong giai đoạn 2020-2022 vừa qua, luận văn đã phân tích quá trình quản lý thu NSNN trên địa bàn TP Sầm sơn trên các phương diện lập dự toán thu NSNN, tổ chức thực hiện dự toán thu, tổ chức quyết toán thu và kiểm tra giám sát hoạt động thu NSNN trên địa bàn. Trong đó ghi nhận những kết quả đạt được từ quá

					trình lập dự toán thu, những nỗ lực của cán bộ phòng TCKH TP Sầm Sơn và các đơn vị thu NSNN cấp cơ sở. Quy trình lập dự toán thu được thực hiện khoa học, đúng nguyên tắc quản lý. Quá trình tổ chức chấp hành dự toán thu đảm bảo phù hợp với quy trình lập dự toán, cơ quan thu NSNN trên địa bàn phối hợp chặt chẽ quản lý nguồn thu, khai thác có hiệu quả các nguồn thu NS, kiểm soát nợ đọng và đôn đốc các đối tượng nộp thuế phí thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước. Công tác quyết toán thu được phòng TCKH phối hợp với KBNN, Chi cục thuế TP, các đơn vị thu NS cấp cơ sở thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình, rà soát khoa học các hoạt động thu NS trên địa bàn đảm bảo quyết toán thu đúng kế hoạch, thường xuyên nhắc nhở các đơn vị thu NS thu hồi các khoản hoàn trả cấp ngân sách, khoản nợ đọng, nợ xấu giúp TP thu hồi một lượng NS đảm bảo cho hoạt động chi những năm qua. Quá trình thu NSNN luôn có sự kiểm tra giám sát của các đơn vị quản lý, phòng TCKH TP phối hợp cùng Hội đồng quản lý thu NSNN , KBNN và UBND các cấp thường xuyên kiểm tra giám sát hoạt động thu NSNN, nhắc nhở và xử phạt những hành vi vi phạm, đảm bảo tính công bằng minh bạch cho hoạt động thu NSNN tại địa phương. Tuy nhiên, quá trình thu NSNN của Tp Sầm Sơn những năm qua không tránh khỏi một số những hạn chế, dự toán thu NS chưa bám sát thực tiễn KTXH địa phương, công tác chấp

					hành thu còn nhiều nợ đọng, quá trình kiểm soát thu chưa đạt hiệu quả như mong đợi… Thứ ba, từ những hạn chế rút ra và dịnh hướng quản lý thu NSNN của Tp Sầm Sơn ở giai đoạn tới, luận văn đề xuất một số giải pháp hoàn thiện công tác quản lý NSNN của TP Sầm Sơn. Các giải pháp đề xuất đều gắn với thực tiễn phát triển KTXH trên địa bàn TP và dựa trên những hạn chế mà TP Sầm Sơn đang gặp phải. Cùng với sự nỗ lực giúp đỡ của Các cấp chính quyền, nếu các giải pháp được thực hiện một cách đồng bộ hy vọng sẽ mang lại hiệu quả cao cho hoạt động quản lý NS tại TP Sầm Sơn ở giai đoạn tới đây.
51		**Hoạt động đăng ký thành lập doanh nghiệp của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thanh Hóa**	Vũ Văn Ngân	TS. Trịnh Văn Súy	Trong bối cảnh phát triển KTXH, Quản lý thu NSNN đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo nguồn tài chính đáng tin cậy và bền vững để điều hành đất nước. Trên cơ sở nghiên cứu luận văn: Quản lý thu NSNN của Thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, tác giả thu được một số kết quả như sau: Thứ nhất, luận văn đã hệ thống hóa các vẫn đề lý thuyết vquan quan đến vấn đề quản lý thu NSNN bao gồm các khái niệm, các nội dung thu NSNN cấp địa phương, các chỉ tiêu đánh giá chất lượng quản lý thu NSNN, các nhân tố ảnh hưởng tới quản lý thu NSNN. Hệ thống lý thuyết trên chính là cơ sở để luận văn đi sâu nghiên cứu hoạt động quản lý thu NSNN trên địa bàn thành phố Sầm Sơn.

					Thứ hai, Qua quá trình nghiên cứu và tìm hiểu về điều kiện tự nhiên, điều kiện KTXH của TP Sầm Sơn và thực trạng thu chi NSNN của TP trong giai đoạn 2020-2022 vừa qua, luận văn đã phân tích quá trình quản lý thu NSNN trên địa bàn TP Sầm sơn trên các phương diện lập dự toán thu NSNN, tổ chức thực hiện dự toán thu, tổ chức quyết toán thu và kiểm tra giám sát hoạt động thu NSNN trên địa bàn. Trong đó ghi nhận những kết quả đạt được từ quá trình lập dự toán thu, những nỗ lực của cán bộ phòng TCKH TP Sầm Sơn và các đơn vị thu NSNN cấp cơ sở. Quy trình lập dự toán thu được thực hiện khoa học, đúng nguyên tắc quản lý. Quá trình tổ chức chấp hành dự toán thu đảm bảo phù hợp với quy trình lập dự toán, cơ quan thu NSNN trên địa bàn phối hợp chặt chẽ quản lý nguồn thu, khai thác có hiệu quả các nguồn thu NS, kiểm soát nợ đọng và đôn đốc các đối tượng nộp thuế phí thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước. Công tác quyết toán thu được phòng TCKH phối hợp với KBNN, Chi cục thuế TP, các đơn vị thu NS cấp cơ sở thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình, rà soát khoa học các hoạt động thu NS trên địa bàn đảm bảo quyết toán thu đúng kế hoạch, thường xuyên nhắc nhở các đơn vị thu NS thu hồi các khoản hoàn trả cấp ngân sách, khoản nợ đọng, nợ xấu giúp TP thu hồi một lượng NS đảm bảo cho hoạt động chi những năm qua. Quá trình thu NSNN luôn có sự kiểm tra giám sát của các đơn vị

					quản lý, phòng TCKH TP phối hợp cùng Hội đồng quản lý thu NSNN , KBNN và UBND các cấp thường xuyên kiểm tra giám sát hoạt động thu NSNN, nhắc nhở và xử phạt những hành vi vi phạm, đảm bảo tính công bằng minh bạch cho hoạt động thu NSNN tại địa phương. Tuy nhiên, quá trình thu NSNN của Tp Sầm Sơn những năm qua không tránh khỏi một số những hạn chế, dự toán thu NS chưa bám sát thực tiễn KTXH địa phương, công tác chấp hành thu còn nhiều nợ đọng, quá trình kiểm soát thu chưa đạt hiệu quả như mong đợi… Thứ ba, từ những hạn chế rút ra và định hướng quản lý thu NSNN của Tp Sầm Sơn ở giai đoạn tới, luận văn đề xuất một số giải pháp hoàn thiện công tác quản lý NSNN của TP Sầm Sơn. Các giải pháp đề xuất đều gắn với thực tiễn phát triển KTXH trên địa bàn TP và dựa trên những hạn chế mà TP Sầm Sơn đang gặp phải. Cùng với sự nỗ lực giúp đỡ của Các cấp chính quyền, nếu các giải pháp được thực hiện một cách đồng bộ hy vọng sẽ mang lại hiệu quả cao cho hoạt động quản lý NS tại TP Sầm Sơn ở giai đoạn tới đây.
52		**Quản lý nhà nước về thuế đối với hộ kinh doanh trên địa bàn thị xã Nghi sơn, tỉnh**	Lê Thị Hoa	PGS.TS Đặng Thị Phương Hoa	Doanh nghiệp là xương sống là động lực của nền kinh tế; có vai trò rất quan trọng trong quá trình phát triển của một đất nước cũng như một địa phương. Trước hết doanh nghiệp tạo cơ hội việc làm, thu nhập nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động, góp phần giảm sự đói

		Thanh Hóa			nghèo và sự bất bình đẳng trong xã hội. Đồng thời doanh nghiệp là nguồn cung cấp nhiều sản phẩm và dịch vụ…, tạo sự cạnh tranh, khuyến khích sự đổi mới, kích thích nền kinh tế phát triển năng động, trong quá trình đó, doanh nghiệp tạo ra lợi nhuận và là nguồn thu ngân sách lớn của mỗi quốc gia và mỗi địa phương. Nhận thức rõ tầm quan trọng của doanh nghiệp đối với sự phát triển của đất nước và của tỉnh, trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo phát triển, cấp ủy, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở cũng như lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư Thanh Hóa đã luôn chú trọng, tạo điều kiện tốt nhất cho doanh nghiệp phát triển; luôn quan tâm tới tất cả các khâu trong hoạt động của doanh nghiệp, trong đó có khâu đăng ký thành lập doanh nghiệp, khâu quan trọng đầu tiên khai sinh và đưa doanh nghiệp và sân chơi chung theo luật. Muốn góp một phần công sức của mình vào sự phát triển doanh nghiệp của tỉnh, là một công chức đang công tác tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa, tôi chọn đề tài *"Hoạt động đăng ký thành lập doanh nghiệp của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thanh Hóa"* làm đề tài luận văn tốt nghiệp cao học chuyên ngành Quản lý công. Mục đích nghiên cứu của luận văn là trên cơ sở đánh giá thực trạng hoạt động đăng ký thành lập doanh nghiệp của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thanh Hóa, chỉ ra kết quả, hạn chế trong hoạt động đăng ký thành lập doanh nghiệp, đề xuất

					những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng thành lập doanh nghiệp của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thanh Hóa trong giai đoạn tới. Đối tượng nghiên cứu của luận văn là hoạt động đăng ký thành lập doanh nghiệp của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thanh Hóa; Phạm vi thời gian: Tập trung nghiên cứu trong thời gian 2016-2022, và đề xuất các giải pháp cho giai đoạn 2023-2025 định hướng 2030. Luận văn đã nêu được một số vấn đề lý luận về hoạt động đăng ký thành lập doanh nghiệp; Chỉ ra những kết quả đạt được trong hoạt động đăng ký thành lập doanh nghiệp của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thanh Hóa, đó là, lượng doanh nghiệp tăng nhanh cả về số lượng và chất lượng, cộng đồng doanh nghiệp Thanh Hóa ngày càng lớn mạnh, đã thực sự tạo nên một phong trào khởi nghiệp mới trong toàn tỉnh. Bên cạnh những kết quả đã đạt được, hoạt động đăng ký thành lập doanh nghiệp và chất lượng phát triển doanh nghiệp vẫn còn những tồn tại, hạn chế, đó là: Tuy doanh nghiệp đăng ký thành lập nhiều, song tỷ lệ doanh nghiệp hoạt động so với doanh nghiệp đăng ký thành lập; Tỷ lệ doanh nghiệp hoạt động so với dân số của tỉnh còn thấp; doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ, nhỏ và vừa chiếm tỉ lệ cao; Địa bàn hoạt động của doanh nghiệp không đồng đều, tập trung chủ yếu ở vùng đồng bằng và thành phố.

53		**Chất lượng dịch vụ hành chính công tại UBND huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa**	Lê Văn Trang	TS. Nguyễn Thị Mai Thoa	Chất lượng dịch vụ hành chính công tại UBND huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Cung cấp dịch vụ công nói chung và dịch vụ Hành chính công nói riêng là hoạt động quan trọng nhằm thực hiện chức năng phục vụ của nhà nước, đáp ứng nhu cầu thiết thực của người dân, tổ chức và xã hội Nhận thức được vai trò và vị trí của việc nâng cao Chất lượng dịch vụ hành chính công, luận văn đã hệ thống được các cơ sở khoa học về dịch vụ Hành chính công , khái niệm và các tiêu chí đánh giá Chất lượng dịch vụ hành chính công; các nhân tố khách quan và chủ quan ảnh hưởng đến nâng cao Chất lượng dịch vụ hành chính công. Để đánh giá đúng và chính xác Chất lượng dịch vụ hành chính công của huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, tác giả đã thu thập các dữ liệu thứ cấp nhằm khái quát về bộ máy hành chính của địa phương và thực hiện khảo sát bằng 1 mẫu phiếu với kích cỡ mẫu là 200 cho 02 đối tượng là người dân và Doanh ngiệp (tổ chức). Kết quả đã đánh giá được Chất lượng dịch vụ hành chính côngcủa huyện Nông Cống và sự hài lòng của người dân và Doanh nghiệp (tổ chức) đối với Chất lượng dịch vụ hành chính công. Trên cơ sở phân tích các kết quả, tác giả đã đưa ra được những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong việc nâng cao Chất lượng dịch vụ hành chính côngcủa huyện Nông cống, tỉnh Thanh Hoá.

54		**Năng lực thực thi công vụ của công chức cấp xã thành phố Thanh Hóa**	Nguyễn Trung Kiên	TS. Lê Anh Tuấn	Công chức cấp xã Tp Thanh Hóa đóng vai trò quan trọng trong việc thực thi công vụ và đáp ứng nhu cầu phát triển KTXH của địa phương. Vì vậy nâng cao năng lực thực thi công vụ là cần thiết trong bối cảnh hiện nay. Thông qua nghiên cứu đề tài: "Năng lực thực thi công vụ của công chức cấp xã TP Thanh Hóa" có thể rút ra một số kết luận sau: Thứ nhất, luận văn đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về công chức cấp xã. Trinhg bày các nội dung và tiêu chí đánh giá năng lực thực thi công vụ của công chức xã và đưa ra ra những nhân tố ảnh hưởng tới năng lực thực thi công vụ của công chức xã làm căn cứ để nghiên cứu năng lực thực thi công vụ của công chức xã TP Thanh Hóa. Thứ hai, trong quá trình nghiên cứu trên địa bàn TP Thanh Hóa, có thể thấy đội ngũ cán bộ công chức xã TP Thanh Hóa là lực lượng cán bộ có năng lực chuyên môn tốt, có kỹ năng, trình độ làm việc đáp ứng nhu cầu của xã hội. Để phân tích đánh giá năng lực thực thi công vụ của công chức xã, luận văn đã tiến hành khảo sát 160 người dân đã từng tiếp xúc và làm việc với các bộ xã tại Tp Thanh Hóa, kết quả đánh giá thu về rất khả quan, cho thấy nhiều hoạt động thực thi công vụ của công chức xã TP Thanh Hóa được người dân ghi nhận, thể hiện sự chuyện nghiệp, tâm huyết, nhiệt tình trong công việc. Tuy nhiên,

					vẫn còn nhiều hạn chế trong quá trình tìm hiểu về năng lực thực thi công vụ của công chức cấp xã TP Thanh Hóa do nhiều nhân tố khách quan tác động như vị trí việc làm chưa phù hợp, chính sách tiền lương chưa thỏa đáng, môi trường làm việc gò bó chưa phát huy được năng lực của công chức xã, hay hoạt động kiểm tra giám sát thực thi công vụ chưa chặt chẽ... Thứ ba, từ những hạn chế được tìm ra trong nghiên cứu thực trạng thực thi công vụ của công chức cấp xã TP Thanh Hóa, cùng với định hướng và mục tiêu mà TP Thanh hóa đề ra trong giai đoạn tới.
55		**Chất lượng viên chức của Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa**	Võ Hồng Đức	TS. Đặng Thị Minh	Chất lượng viên chức đóng vai trò quan trọng trong quá trình tồn tại và phát triển của cơ sở GD&ĐT, chất lượng viên chức tạo nên tính minh bạch và độ tin cậy của các cơ sở đào tạo, giúp duy trì và nâng cao chất lượng GD. Qua quá trình nghiên cứu đề tài: "***Chất lượng viên chức của trường Cao đẳng y tế Thanh Hóa***" tác giả rút ra những kết luận sau: -Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa đã có những nỗ lực đáng kể trong việc cải thiện chất lượng viên chức của mình. Các chính sách và biện pháp được triển khai nhằm nâng cao phẩm chất đạo đức, sức khỏe và trình độ kỹ năng chuyên môn, ngoại ngữ, tin học cho các cán bộ, giảng viên và nhân viên là viên chức trong trường. Quá trình nghiên cứu từ giai đoạn 2018-2022 và thông qua hoạt động khảo

					sát một số vấn đề về chất lượng viên chức đã cho thấy, trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa luôn quan tâm đến chất lượng viên chức, nhận thức rõ ràng chất lượng viên chức chính là giá trị nòng cốt để xây dựng nên thương hiệu và uy tín nhà trường vì vậy trường đã có các kế hoạch về đào tạo bồi dưỡng nâng cao chất lượng viên chức, khuyến khích đội ngũ viên chức nhà trường đổi mới trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học, kịp thời động viên, khen thưởng những viên chức hoàn thành tối nhiệm vụ, mang lại những thành tựu cho cá nhân và nhà trường. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số hạn chế trong việc nâng cao chất lượng viên chức. Trong đó, có thể kể đến việc chưa có kế hoạch cụ thể trong xây dựng chất lượng viên chức, thiếu sự đầu tư vào nghiên cứu khoa học và đào tạo, cùng với việc thiếu sự hỗ trợ và khuyến khích cho các cán bộ, giảng viên và nhân viên trong nhà trường... Vì vậy, để tiếp tục nâng cao chất lượng viên chức Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa, cần có sự đầu tư đầy đủ và liên tục trong đào tạo, hỗ trợ và khuyến khích nhân viên, cũng như đánh giá công bằng và minh bạch về chất lượng công việc của các cán bộ, giảng viên và nhân viên trong trường. Luận văn đã đề xuất 5 giải pháp cụ thể và đồng bộ. Tác giả hy vọng rằng, nếu trường cao đẳng Y tế Thanh Hóa áp dụng linh hoạt các giải pháp và có sự quan tâm từ

					lực lượng lãnh đạo nhà trường thì chất lượng viên chức sẽ tiếp tục được hoàn thiện, đáp ứng xu hướng đổi mới giáo dục trong bối cảnh hiện nay.
56		**Chất lượng viên chức của bệnh viện Đa khoa huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa**	Trần Thị Ninh	TS. Đặng Thị Minh	Trước xu thế hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng như hiện nay, ngành y tế nói chung và bệnh viện đa khoa huyện Hà Trung nói riêng đang liên tục thay đổi, hoàn thiện về tổ chức, nhâng sự và chất lượng dịch vụ để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân về chăm sóc sức khỏe. Để thực hiện được điều đó, bệnh viện đa khoa huyện Hà Trung tỉnh Thanh Hóa đã nỗ lực hết mình nhằm tìm ra nhiều giải pháp để khắc phục những khó khăn để hoàn thành mục tiêu phát triển của bệnh viện trong thời gian tới. Nâng cao chất lượng viên chức y tế là việc nâng cao cả về thể lực, trí lực và tâm lực cho đội ngũ viên chức y tế Quá trình thực hiện luận văn: "Chất lượng viên chức của bệnh viện đa khoa huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa", tác giả đã đạt được các mục tiêu nghiên cứu cụ thể như sau: Thứ nhất, luận văn đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về chất lượng viên chức tại các bệnh viện tuyến huyện từ đó khái quát các tiêu chí để đánh giá chất lượng viên chức làm khung lý luận cho toàn bộ luận văn. Thứ hai, luận văn đã phân tích thực trạng chất lượng viên chức của bệnh viện đa khoa huyện Hà Trung trong giai đoạn 2020 – 2022 dựa vào các tiêu chí đã chỉ ra ở chương 1 đồng thời phân tích thực trạng các yếu tố ảnh

					hưởng đến chất lượng viên chức của bệnh viện. Thứ ba, luận văn đã đề xuất bốn giải pháp và kiến nghị đối với cơ quan chức năng góp phần nâng cao chất lượng viên chức của bệnh viện đa khoa huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa trong thời gian tới. Tác giả hi vọng rằng với những nội dung trên, tác giả sẽ đóng góp một phần kiến thức của mình để nâng cao chất lượng viên chức tại bệnh viện đa khoa huyện Hà Trung trong thời gian tới.
57		**Chất lượng công chức cấp xã của huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa**	Nguyễn Văn Hùng	TS. Nguyễn Thị Vân Hà	Cấp xã đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Mọi hoạt động của đội ngũ CC cấp xã ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của người dân và uy tín của Đảng, Nhà nước phụ thuộc lớn vào phẩm chất, năng lực, trình độ của đội ngũ CC cấp xã. Nhận thức được vai trò và vị trí quan trọng của CC cấp xã, luận văn đã hệ thống các cơ sở khoa học về CC cấp xã, khái niệm và các tiêu chí đánh giá chất lượng CC cấp xã, các nhân tố khách quan và chủ quan ảnh hưởng đến việc nâng cao chất lượng CC cấp xã. Để đánh giá đúng và chính xác chất lượng CC cấp xã của huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, tác giả đã thu thập các dữ liệu thứ cấp và thực hiện khảo sát bằng 3 mẫu phiếu với kích cỡ mẫu là 175 cho 03 đối tượng là CBLĐ-QL, CCCM và người dân trên 6 xã và 1 thị trấn.

					Kết quả đã đánh giá được các kỹ năng của cán bộ công chức và chất lượng các thủ tục hành chính công. Trên cơ sở phân tích các kết quả, tác giả đã đưa ra được những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong việc nâng cao chất lượng CC cấp xã của huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá. Trên cơ sở tìm hiểu các mục tiêu, quan điểm trong việc nâng cao chất lượng CC cấp xã của huyện Nông Cống, tác giả đã đề xuất 04 nhóm giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng CC cấp xã của huyện Nông Cống để phù hợp với điều kiện phát triển KT-XH của huyện và của đất nước trong bối cảnh hội nhập.
58		**Chất lượng công chức tại Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Thanh Hóa**	Vũ Thị Lý	TS. Nguyễn Thị Vân Hà	Chất lượng công chức đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển của cơ quan, đơn vị cũng như việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị đó. Qua quá trình nghiên cứu đề tài: "***Chất lượng công chức tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa***" tác giả rút ra những kết luận sau: Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa đã có nhiều nỗ lực để nâng cao chất lượng công chức. Các chính sách và biện pháp được triển khai nhằm nâng cao phẩm chất đạo đức, năng lực và trình độ kỹ năng chuyên môn, ngoại ngữ, tin học choc toàn thể đội ngũ công chức trong toàn Sở. Quá trình nghiên cứu từ giai đoạn 2020-2022 và thông qua hoạt động khảo sát một số vấn đề về chất lượng công chức cho

					thấy, Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa luôn quan tâm đến chất lượng công chức, đã có các kế hoạch về đào tạo bồi dưỡng nâng cao chất lượng công chức, khuyến khích, kịp thời động viên, khen thưởng những công chức hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số hạn chế trong việc nâng cao chất lượng công chức. Trong đó, chưa có chính sách, chưa có kế hoạch cụ thể trong việc xây dựng chất lượng công chức, thiếu sự hỗ trợ và khuyến khích cho đội ngũ công chức . Vì vậy, để tiếp tục nâng cao chất lượng công chức Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa, cần có sự đầu tư đầy đủ và liên tục trong đào tạo, hỗ trợ và khuyến khích công chức, cũng như đánh giá công bằng và minh bạch về chất lượng công việc của đội ngũ công chức. Luận văn đã đề xuất 6 giải pháp cụ thể và đồng bộ. Tác giả hy vọng rằng, nếu Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa áp dụng linh hoạt các giải pháp và có sự quan tâm từ lực lượng lãnh đạo của Sở thì chất lượng công chức sẽ tiếp tục được hoàn thiện, đáp ứng ngày càng cao của nền hành chính hiện nay.
59		**Thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một**	Lê Đoan Anh	TS. Nguyễn Thị Ngọc Lan	Luận văn hệ thống hóa và làm sáng tỏ cơ sở khoa học về việc thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa tại UBND xã, từ đó làm căn cứ để phân tích thực trạng tại địa bàn nghiên

		cửa tại UBND xã Đông Văn, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa			cứu. Luận văn cung cấp thông tin có giá trị cho các nhà quản lý trong nghiên cứu, xây dựng hoạch định chính sách về các quyết định pháp lý thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa tại UBND cấp xã. Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa trên địa bàn nghiên cứu, luận văn đã rút ra được những mặt đạt được, cũng như hạn chế và nguyên nhân làm căn cứ để đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa của UBND xã Đông Văn, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa trong thời gian tới. Luận văn là tài liệu tham khảo có giá trị cho giáo viên, học sinh của trường Đại Học Văn hóa, thể thao và Du lịch khi nghiên cứu giảng dạy và học tập ngành quản lý công.
60		**Chất lượng thủ tục hành chính tại UBND xã Thiệu Vân, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa**	Kim Ngọc Lưỡng	TS. Nguyễn Thị Ngọc Lan	Nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công luôn luôn là một vấn đề được sự quan tâm của UBND thành phố Thanh Hóa nói chung, UBND xã Thiệu Vân nói riêng. Với những nỗ lực và quyết sách triệt để, tỉnh Thanh Hóa đã xây dựng và đưa vào vận hành hiệu quả Trung tâm Hành chính công tỉnh, trung tâm Hành Chính công cấp huyện, thị xã, thành phố, phường, xã mà Trung tâm Hành chính công xã Thiệu Vân là một trong số đó. Trên cơ sở nghiên cứu lý thuyết và các nghiên cứu trước, tác giả đã thực hiện một cuộc điều tra khảo sát ý kiến người dân về các yếu tố phản ánh chất lượng dịch vụ hành

					chính công tại Trung tâm. Kết quả nghiên cứu cho thấy người dân hài lòng về các yếu tố như Cơ sở vật chất, yếu tố quy trình thủ tục và yếu tố tính chuyên nghiệp của đội ngũ CBCC tại Trung tâm. Tuy nhiên, chất lượng dịch vụ hành chính công tại trung tâm còn tồn tại một số vấn đề cần quan tâm liên quan đến thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ công chức và mức độ ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết các dịch vụ hành chính công. Từ các kết quả nghiên cứu đó, tác giả đã đề xuất một số biện pháp và kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công tại Trung tâm hành chính công xã Thiệu Vân. Đề tài được thực hiện trong một thời gian ngắn, tác giả đưa ra các phân tích và đánh giá dựa trên ý kiến khảo sát người dân, nhưng do điều kiện về nguồn lực hạn chế nên quy mô mẫu chưa thực sự lớn, do đó, đề tài không tránh khỏi một số thiếu sót mà tác giả mong các thầy cô và các bạn tiếp tục góp ý để tác giả có thể hoàn thiện đề tài và tiếp thu trong các nghiên cứu sau của mình.
61		**Năng lực thực thi công vụ của công chức cấp xã trên địa bàn huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa**	Phùng Thế Tài	TS. Thịnh Văn Khoa	Việc nâng cao năng lực thực thi công vụ của đội ngũ công chức cấp xã là một vấn đề rất khó khăn, phức tạp và lâu dài. Nó phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố như: chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị từ trung ương tới địa phương và đặc biệt là sự chủ động, nỗ lực phấn đấu vươn lên của mỗi một công chức cấp xã.

					Qua nghiên cứu đề tài "Năng lực thực thi công vụ của đội ngũ công chức cấp xã trên địa bàn huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa" luận văn đã đạt được các nhiệm vụ sau: Một là, đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về công chức cấp xã và năng lực thực thi công vụ của công chức cấp xã. Hai là, phân tích và đánh giá thực trạng nâng cao năng lực thực thi công vụ của đội ngũ công chức cấp xã trên địa bàn huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa, tác giả đã rút ra những kết quả đạt được, những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân của những hạn chế đó; làm rõ các nguyên nhân và đề xuất được hệ thống các giải pháp để nâng caonâng cao năng lực thực thi công vụ của đội ngũ công chức cấp xã trên địa bàn huyện Cẩm Thủy. Ba là, trên cơ sở các hạn chế, yếu kém, tác giả đã đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao năng lực thực thi công vụ của đội ngũ công chức cấp xã trên địa bàn huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.
62		**Tổ chức thực thi chính sách an sinh xã hội trên địa bàn huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa**	Phạm Bá Thắm	TS. Nguyễn Thị Duyên	Căn cứ và cơ sở lý thuyết trình bày về tổ chức thực thi chính sách ASXH, nghiên cứu đã phân tích được thực trạng tổ chức chính sách ASXH huyện Nga Sơn giai đoạn 2020-2022, cụ thể trên các nội dung sau: (1) Chính sách đảm bảo việc làm, tạo thu nhập và giảm nghèo; tỷ lệ hộ nghèo giảm; có nhiều chính sách như chính sách tín dụng hỗ trợ người nghèo, chính sách tạo việc làm như đào tạo nghề, xuất khẩu lao động…(2) Chính sách bảo hiểm xã

					hội; Thực hiện tốt công tác cấp phát sổ BHXH, thẻ BHYT đảm bảo 100% đối tượng tham gia được cấp sổ BHXH, thẻ BHYT; (3) sách ưu đãi và trợ giúp xã hội trong đó chính sách có công cách mạng được quan tâm thực hiện, thể hiện trong tổ chức thăm hỏi, động viên và có các chính sách hỗ trợ về tài chính, giáo dục…khác , (4) Chính sách dịch vụ xã hội cơ bản; sự cải thiện về dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người dân; dịch vụ giáo dục ngày càng được nâng cao gắn việc tăng cường tổ chức dạy tin học, ngoại ngữ với rèn luyện kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Quá trình triển khai chính sách còn 1 số bất cập hạn chế như: Các chính sách xây dựng kế hoạch để tổ chức thực hiện còn chưa có sự tham gia của người dân trong quá trình triển khai, chủ yếu là thực hiện từ trên xuống, chưa có nhiều sự tham gia của các đối tượng được hưởng thụ chính sách. Phổ biến tuyên truyền chính sách án sinh xã hội; việc tiếp cận và sử dụng thông tin của người dân vẫn chưa đạt được kết quả như mong muốn…
63		**Quản lý nhà nước về bảo vệ rừng của tỉnh Thanh Hóa**	Dương Hoàng Hải	TS. Bùi Thị Huyền	QLNN đối với công tác BVR là một hoạt động quan trọng, góp phần vào sự phát triển tài nguyên rừng, từ đó ảnh hưởng đến môi trường môi sinh và quá trình phát triển kinh tế của đất nước. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được đó thì hoạt động QLNN về công tác BVR của tỉnh Thanh Hóa giai đoạn này cũng còn một số tồn tại, hạn chế. Những hạn chế, tồn tại trên đây do nhiều nguyên

					nhân, nhưng có một nguyên nhân hết sức cơ bản, chi phối toàn bộ, đó là hoạt động QLNN trong lĩnh vực bảo vệ rừng của địa phương còn nhiều tồn tại, yếu kém. Để giải quyết những vấn đề bức xúc đặt ra, luận văn đã nghiên cứu và đề xuất một số giải pháp cơ bản, nhằm hoàn thiện QLNN về bảo vệ rừng ở tỉnh Thanh Hóa; nội dung các giải pháp tập trung một số vấn đề trọng tâm sau:Hoàn thiện hệ thống thể chế chính sách pháp luật; Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, nâng cao nhận thức về quản lý bảo vệ rừng; Tăng cường đào tạo, tập huấn cho lực lượng Kiểm lâm; Tăng cường công tác quản lý rừng; Thực hiện các chính sách về bảo vệ rừng và hoàn thiện công tác thanh tra, kiểm tra bảo vệ rừng.
64		**Quản lý dự án đầu tư tại Ban quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa**	Lê Minh Ngọc	PGS.TS Lê Quang Hiếu	Trong bối cảnh phát triển KTXH hiện nay, các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống, thúc đẩy kinh tế phát triển. Tuy nhiên việc quản lý các dự án này vô cùng phức tạp, đòi hỏi chuyên môn và kỹ năng của các nhà quản lý, Tại Ban QLDA ĐTCTGT Thanh Hóa, việc quản lý các dự án được thực hiện theo mô hình quản lý dự án chuyên nghiệp, đảm bảo đầy đủ các giai đoạn từ lập kế hoạch, triển khai, giám sát và đánh giá kết quả. Các dự án được quản lý theo hình thức gói thầu, đảm bảo tính minh bạch, công khai và cạnh tranh. Để đảm bảo quản lý dự án hiệu quả, Ban QLDA

					ĐTCTGT Thanh Hóa đã xây dựng một hệ thống quản lý dự án chuyên nghiệp, áp dụng các quy định, thông tư hướng dẫn QLDA của Nhà nước để đảm bảo tính đồng nhất trong quá trình quản lý và giám sát. Quá trình quản lý được thực hiện từ giai đoạn lập kế hoạch đến giai đoạn tổ chức thực hiện trong dự án gồm quản lý khảo sát thiết kế xây dựng, quản lý công tác lựa chọn nhà thầu, quản lý tiến độ, chất lượng, chi phí, khối lượng thi công và các hoạt động đảm bảo an toàn lao động và môi trường lao động từ phía nhà thầu. Đến giai đoạn quản lý nghiệm thu cũng được nghiêm túc quản lý theo quy định, Đảm bảo dự án đạt chất lượng tổng thể từng hạng mục mới được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng. Quá trình kiểm tra giám sát xử lý vi phạm được thực hiện thường xuyên trong giai đoạn thực hiện dự án, Ban QLDA phối hợp với nhà đầu tư, các đơn vị liên quan giám sát chặt chẽ đầu ra đầu vào của dự án phát hiện sớm những sai phạm để nhắc nhở nhà thầu nghiêm túc chỉnh sửa thực hiện. Tuy nhiên trong quá trình quản lý, Ban QLDA ĐTCTGT Thanh Hóa không tránh khỏi những hạn chế về nguồn lực quản lý và năng lực quản lý, công tác kiểm tra giám sát công trình đôi lúc còn lỏng lẻo bỏ lọt những sai phạm nhỏ ảnh hưởng tới chất lượng dự án. Từ những hạn chế rút ra qua quá trình phân tích, luận văn đã đề xuất 5 giải pháp mang tình đồng bộ và khả thi gắn với thực tiễn Ban QLDA

					ĐTCTGT Thanh Hóa hiện nay, Hy vọng với những giải pháp đề xuất, Ban QLDA sẽ áp dụng thực hiện và thu được nhiều kết quả tốt hơn cho giai đoạn tiếp theo.
65		**Quản lý ngân sách xã, từ thực tiễn xã Đông Phú, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa**	Lê Quang Hân	PGS.TS Lê Hoằng Bá Huyền	Quản lý NSX Đông Phú đóng vai trò quan trọng để các hoạt động KTXH trên địa bàn phát triển bền vững.Trong những năm qua, Chính quyền xã Đông Phú luôn quan tâm tới công tác quản lý thu chi. Qua nghiên cứu đề tài: "***Quản lý ngân sách xã, từ thực tiễn xã Đông Phú, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa***" Luận văn thu được những kết quả sau: -Chương 1 của luận văn đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về quản lý NSX, trình bày các khái niệm, nội dung quản lý NSX và một số kinh nghiệm quản lý NSX tại các địa phương làm bài học kinh nghiệm trong công tác quản lý NS cho xã Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. -Chương 2, căn cứ vào lý luận đã trình bày, luận văn nghiên cứu sâu vào thực trạng quản lý NSX trên địa bàn xã Đông Phú và cho thấy: + Quy trình lập dự toán NSX cơ bản chặt chẽ, đảm bảo tính khoa học, theo đúng trình tự. + Công tác chấp hành dự toán nhiều lĩnh vực đạt định mức và đúng so với dự toán đầu năm. Đặc biệt các khoản thu thụ hưởng 100% và thu chia tỷ lệ các năm đều vượt dự toán, quá trình chi NSX cũng đảm bảo tính tiết kiệm, đúng mục tiêu.

					+ Công tác quyết toán phản ánh đúng, đủ số theo nguyên tắc chi không vượt qua thu. Quá trình quyết toán thu chi có sự giám sát chặt chẽ từ nhiều phía và đảm bảo theo đúng yêu cầu, biểu mẫu do Bộ tài chính ban hành. + Công tác thanh tra được thực hiện đầy đủ trong tất cả các khâu, giảm thiểu được những sai sót, vi phạm trong thu chi ngân sách. Ban TCX Đông Phú phối hợp với các ban ngành chức năng (Phòng TCKH huyện, KBNN huyện, HĐND xã) thường xuyên tổ chức các đợt thanh kiểm tra đảm bảo theo đúng quy định. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý NSX Đông Phú vẫn còn một số tồn tại, Việc lập dự toán chưa đạt chất lượng cao, chưa dự báo được các khoản thu sát với thực tế tăng trưởng kinh tế, cơ cấu thu chi còn bất hợp lý. Công tác chấp hành dự toán NSX chưa khớp so với dự toán, vẫn còn tình trạng một số nội dung chi chưa được hạch toán rõ ràng, chính xác, công tác quyết toán NSX chưa được quan tâm đúng mực và còn lỏng lẻo, hình thức trong hoạt động thanh, kiểm tra. - Chương 3 của luận văn, trên cơ sở phân tích những tồn tại, hạn chế và những nguyên nhân dẫn đến những tồn tại hạn chế trong hoạt động quản lý NSX Đông Phú thời gian qua, kết hợp với quan điểm, mục tiêu hoàn thiện công tác quản lý NSX Đông Phú thời gian tới, tác giả đã đề xuất một số giải pháp hoàn thiện hơn công tác quản lý NSX

					Đông Phú. Các nhóm giải pháp được chi thành nhóm giải pháp trực tiếp và nhóm giải pháp bổ trợ có sự hỗ trợ và kết nối lẫn nhau trong quá trình thực hiện quản lý NSX Đông Phú. Với những giải pháp tác giả đề xuất trong luận văn hy vọng sẽ là những gợi ý quan trọng giúp xã Đông Phú và nâng cao hiệu quả của hoạt động quản lý NSX trong giai đoạn tới đây.
66		**Quản lý nhà nước đối với hoạt động kiểm tra chất lượng thuốc tại Trung tâm Kiểm nghiệm Thanh Hóa**	Trần Hồng Nhung	TS. Lê Thanh Tuấn	Cơ cấu tổ chức của Trung tâm kiểm nghiệm Thanh Hóa hợp lý, đầy đủ đảm bảo các chức năng chuyên môn nghiệp vụ. Kinh phí hoạt động được cấp hàng năm của Trung tâm từ năm 2020-2022 có xu hướng tăng (từ 1,920 tỷ năm 2020; 2,295 tỷ năm 2021 và 2,590 tỷ vào năm 2022). Số mẫu Trung tâm kiểm tra đạt chất lượng cao nhất trong năm 2022 (chiếm tỷ lệ 99,2%), thấp nhất trong năm 2021 (chiếm tỷ lệ 93,3%); số mẫu không đạt chất lượng cao nhất trong năm 2021 (chiếm tỷ lệ 6,6%), thấp nhất trong năm 2022 (chiếm tỷ lệ 0,4%); số mẫu thuốc giả cao nhất trong năm 2022 (chiếm tỷ lệ 0,4%), thấp nhất trong năm 2020 (chiếm tỷ lệ 0,09%). Số lần kiểm tra mẫu và số lần các đơn vị gửi mẫu/năm cao nhất ở thành phố và thấp nhất là ở vùng núi cao (tương ứng 60 lần so với 01 lần và 30 lần so với 01 lần). Hiện nay, trên thị trường các loại thuốc, rất phong phú và đa dạng về hoạt chất điều trị bệnh cũng như dạng bào chế, nhiều dạng bào chế hiện đại được đưa vào sản xuất,

					lưu thông tạo điều kiện cho bệnh nhân tiếp cận với thuốc song cũng gây không ít khó khăn cho công tác quản lý chất lượng thuốc. Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) ước tính rằng 10% thương mại dược phẩm toàn cầu là có liên quan đến thuốc giả. Số liệu từ nghiên cứu của WHO tại một số quốc gia cho thấy rằng gần 48,7% trường hợp thuốc giả đã được báo cáo là tại các nước đang phát triển thuộc khu vực Tây Thái Bình Dương, theo sau đó là các nước đang phát triển tại châu Phi, với tỷ lệ 18,7%. Thực hiện mục tiêu của chính sách thuốc quốc gia: đảm bảo thuốc có chất lượng đến tay người tiêu dùng, hệ thống kiểm nghiệm Nhà nước đã tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng thuốc trên địa bàn cả nước. Trung tâm Kiểm nghiệm Thanh Hóa với chức năng kiểm tra, giám sát chất lượng thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng trên thị trường, đã được công nhận phù hợp thực hành tốt phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn GLP-WHO và ISO/IEC 17025:2017 là đơn vị có nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước, trong quá trình thực hiện chức năng, đơn vị luôn bám sát các quy định của pháp luật. Tuy nhiên, địa bàn tỉnh Thanh Hóa rộng, số cơ sở kinh doanh, sử dụng thuốc rất nhiều, nhiều cơ sở ở vùng sâu, vùng xa việc kiểm tra chất lượng thuốc gặp nhiều khó khăn, thị trường thuốc phát triển đa dạng, các công nghệ bào chế mới và sản phẩm mới liên tục ra đời theo thu cầu xã hội, trong khi

					năng lực kỹ thuật về kiểm nghiệm thuốc phục vụ quản lý nhà nước thường lạc hậu hơn so với công nghệ của các nhà sản xuất. Việc quản lý, kiểm tra còn nhiều hạn chế và đôi khi còn chồng chéo. Bên cạnh đó hoạt động kinh doanh thuốc bùng nổ với nhiều hình thức kinh doanh mới như online, đa cấp gây khó khăn trong công tác lấy mẫu, kiểm tra, giám sát chất lượng thuốc.Với mục đích cung cấp bằng chứng về thực trạng chất lượng thuốc tại Thanh Hóa, chỉ ra những hạn chế, đề xuất các giải pháp giúp nâng cao năng lực công tác quản lý kiểm tra giám sát chất lượng thuốc từ đó góp phần đảm bảo chất lượng thuốc đến tay người bệnh, chúng tôi đã tiến hành NC đề tài: ***"Quản lý nhà nước đối với hoạt động kiểm tra chất lượng thuốc tại Trung tâm Kiểm nghiệm Thanh Hóa".***

G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp

TT	Tên đơn vị đặt hàng đào tạo	Số lượng	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo
1	Khách sạn Vinpearl	05	Cử nhân	Quản trị khách sạn
2	Khách sạn Thiên Ý	02	Cử nhân	Quản trị khách sạn
3	Khách sạn Long Anh	03	Cử nhân	Quản trị khách sạn
4	Khách sạn Sao Mai	02	Cử nhân	Quản trị khách sạn
5	Khách sạn Phú Hưng 3	05	Cử nhân	Quản trị khách sạn
6	FLC Sầm Sơn	05	Cử nhân	Quản trị khách sạn

7	Nhà Hàng Hải sản KanDo	10	Cử nhân	Quản trị khách sạn
8	Nhà Hàng White Place	05	Cử nhân	Quản trị khách sạn
9	Nhà Hàng King Place	05	Cử nhân	Quản trị khách sạn
10	Nhà hàng KH FOOD GARDEN	10	Cử nhân	Quản trị khách sạn
11	Công ty TNHH Du lịch & dịch vụ Khám Phá Xứ Thanh	03	Cử nhân	Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành
12	Công ty cổ phần Du lịch Xanh	02	Cử nhân	Du lịch
13	Công ty TNHH thương mại du lịch Eagle	02	Cử nhân	

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1	Hội thảo Quốc gia "Xứ Thanh - Đa dạng, văn hóa và phát triển bền vững"	11/2023 (Dự kiến)	Hội trường nhà Biểu diễn, trường Đại học Văn hóa, Thể thao &Du lịch Thanh Hóa - số 561, Quang Trung, phường Đông Vệ , TP Thanh Hóa.	200
2	Hội thảo Cấp trường "Hệ thống giải pháp để phát triển thể dục thể thao quần chúng ở các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030"	1/2023	Hội trường nhà Biểu diễn, trường Đại học Văn hóa, Thể thao &Du lịch Thanh Hóa - số 561, Quang Trung, phường Đông Vệ , Thành phố Thanh Hóa.	150

I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
1	**Đánh giá mức độ tổn thương do tác động của biến đổi khí hậu trong phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa**	ThS. Lưu Thị Ngọc Diệp ThS. Vũ Thị Hạnh	Sở khoa học & Công nghệ Thanh Hóa	12/2021 - 5/2024	1.330.274.000	- Báo cáo cơ sở dữ liệu tài nguyên du lịch gắn với biểu hiện mức độ tổn thương đến phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa từ năm 2010 đến năm 2020. - Báo cáo đánh giá mức độ phơi nhiễm, mức độ tổn thương và năng lực thích ứng du lịch tỉnh Thanh Hóa do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu từ năm 2010 đến năm 2020. - Báo cáo hệ thống giải pháp(công trình, phi công trình) nhằm giảm thiểu mức độ tổn thương do tác động của Biến đổi khí hậu đến phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2023, định hướng đến năm 2045. - Bản đồ số hóa bao gồm: bản đồ các yếu tố nhạy cảm, bản đồ các yếu tố khả năng thích ứng, bản đồ mức độ tổn thương. - Báo cáo phương án sử dụng kết quả

						đề tài. - Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài. - Bài báo công bố kết quả nghiên cứu.
2	**Nghiên cứu xây dựng bộ phần mềm công cụ hỗ trợ triển khai công tác dạy và học trực tuyến tại các trường Đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**	ThS. Trịnh Văn Anh ThS. Nguyễn Thị Nhung	Sở khoa học & Công nghệ Thanh Hóa	12/2021 - 12/2023	1.373.859.000	- Báo cáo thực trạng triển khai các mô hình dạy và học trực tuyến tại các trường Đại học và Cao đẳng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa trong giai đoạn 2016- 2021. - Bộ công cụ phần mềm. - Tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm. - Báo cáo kết quả triển khai phần mềm tại một trường đại học và một trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. - Báo cáo phương án sử dụng kết quả đề tài. - Bài báo công bố kết quả nghiên cứu .
	Nghiên cứu giải pháp bố trí nghệ thuật không gian công cộng trên địa bàn Thành phố Thanh Hoá	TS. Trần Việt Anh TS. Nguyễn Thị Trúc Quỳnh	Sở khoa học & Công nghệ Thanh Hóa	1/2023-1/2025	1.268.790.000	-Báo cáo Thực trạng bố trí nghệ thuật hội họa, điêu khắc trong không gian công cộng trên địa bàn thành phố Thanh Hóa hiện nay - Báo cáo kinh nghiệm bố trí nghệ thuật hội họa, điêu khắc trong không gian công cộng - Báo cáo nghiên cứu lựa chọn các không gian công cộng để đề xuất bố trí

3						nghệ thuật hội họa, điêu khắc trên địa bàn thành phố Thanh Hóa -Mô hình mẫu dạng 3D trên phần mềm về bố trí nghệ thuật hội họa, điêu khắc trong không gian công cộng cho 06 không gian công cộng tiêu biểu trên địa bàn thành phố Thanh Hóa: Làng cổ Đông Sơn, Quảng trường Hàm Rồng, Công viên đê hữu Sông Mã, Công viên Hồ Đồng Chiệc, Công viên Hội An, Quảng trường Lam Sơn -Báo cáo kết quả Thiết kế mô hình mẫu dạng 3D trên phần mềm về bố trí nghệ thuật hội họa, điêu khắc trong không gian công cộng cho 06 không gian công cộng tiêu biểu trên địa bàn thành phố - Báo cáo giải pháp tổ chức thực hiện bố trí nghệ thuật hội họa, điêu khắc trong không gian công cộng trên địa bàn Thành phố Thanh Hóa - Báo cáo phương án sử dụng và nhân rộng kết quả nghiên cứu - Báo cáo kiến nghị với Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa - Báo cáo tổng hợp - Bài báo báo khoa học
	Xây dựng mô	TS.Nguyễn	Sở khoa	6/2023-	1.181.550.000	- Báo cáo Thực trạng hoạt động tư

4	**hình tư vấn tâm lý học đường cho các trường THCS trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá**	Thị Hồng ThS. Hoàng Thị Thanh Bình	học & Công nghệ Thanh Hóa	6/2025		vấn tâm lý học đường cho học sinh trung học cơ sở ở tỉnh Thanh Hóa. - Báo cáo Kết quả triển khai mô hình tư vấn tâm lý học đường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. - Sổ tay tư vấn tâm lý học đường cho các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. - Báo cáo hệ thống giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động tư vấn tâm lý học đường cho các trường THCS trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá - Báo cáo phương án sử dụng kết quả đề tài - Báo cáo kiến nghị với UBND tỉnh - Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài - Bài báo khoa học công bố kết quả nghiên cứu của đề tài
5	**Nghiên cứu phát triển loại hình du lịch MICE gắn với phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hoá**	TS Vũ Văn Tuyến ThS. Ngô Phương Thúy	Sở khoa học & Công nghệ Thanh Hóa	1/2023-1/2025	1.140.660.000	- Báo cáo cơ sở lý luận về phát triển loại hình du lịch Mice. - Báo cáo Kinh nghiệm trong phát triển loại hình du lịch Mice và bài học cho tỉnh Thanh Hóa. - Báo cáo Thực trạng phát triển loại hình du lịch Mice trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

	đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045					

Thanh Hóa, ngày 23 tháng 10 năm 2023

KT.HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thục